

11.7

Vận Hành Của Nghiệp

Vận Hành của Nghiệp

Tập I



THIÊN SƯ PA-AUK TAWYA SAYADAW

TK Pháp Thông dịch

Kính Dâng

-HT Hộ Tông

-HT Hộ Nhẫn

Cùng các bậc Tôn Túc Trưởng Lão PGNT

MỤC LỤC

Mục Lục

Chương I

Kinh Dây Trói Buộc....1

- Vô Thi, này các Tỳ kheo...1
- Sẽ Đến Một Thời.....6
- Ví Như, Này các Tỳ kheo...10
- Kẻ Vô Văn Phạm Phu....11
- Ai Không Thấy Các Bạc Thánh...14
- Ai Không Thiện Xảo và Tu Tập...16
- Tu Tập Chế Ngự....16
- Tu Tập Đoạn Trừ...17
- Ai Không Thấy Bạc Chân Nhân...19
- Xem Năm Uẩn Là Tự Ngã....20
- Những Ảnh Dụ Về Thân Kiến...21
- Hai Mươi Loại Thân Kiến...23
- Đoạn Kiến....24
- Thường Kiến...26
- Người Ấy Chỉ Chạy vòng Quanh Năm Uẩn...28
- Mong muốn Tái Sanh...30
- Bạc Đa Văn Thánh Đệ Tử...31
- Hai Loại Thánh Đệ Tử...32
- Tám Bạc Thánh Nhân...32
- Bạc Đa Văn Thánh Hữu Học Đệ Tử...33
- Không Xem Năm Uẩn Là Tự Ngã...36
- Không Chạy Vòng Quanh Năm Uẩn...37
- Ghi Chú Cuối Chương I.....39—56
 (Những Tham Khảo Kinh Điển)

Chương II

II- Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai

- Con Chó Gắn Cây Cột...57
- Người Ấy Đi Gắn Với Năm Thủ Uẩn...59
- Trong Một Thời Gian Dài Tâm Này Đã Bị Ô Nhiễm...60

- Bức Tranh Áo Tửng...61
- Cõi Súc Sanh...62
- Sự Đa Dạng Của Tánh Khí...64
- Triệu Phú Keo Kiệt...68
- Hai Anh Em...69

Ghi Chú Cuối Chương II

(Những Tham Khảo Kinh Điển)

[58]—[61]

Chương III.

III. Vận Hành Của Nghiệp...75

- Nghiệp Quả Trí Của Đức Phật ...75
- Tiếng Rống Sư Tử...76
- Điểm Mấu Chốt Của Giáo Lý Đức Phật ...77
- Những Vận Hành Của Tâm...79
- Định Nghĩa Về Nghiệp...81
- Tư Bất Thiện Và Tư Thiện...82
- Những Quả Có Thể Xảy Ra và Không Xảy Ra...82
- Tri Thị Xứ Phi Xứ Lực của Đức Phật ...85
- Các Pháp Quả...86 (có bảng Sắc Do Nghiệp Sanh)
- **Tâm Quả (Bảng Tâm Quả)**...89
- Bất Thiện Nghiệp Và Thiện Nghiệp...89
- Tâm Bất Thiện...90
- Vô Trợ Và Hữu Trợ...92
- Tâm Căn Tham...92
- **Bảng 2a:** Danh Pháp Của Tâm Căn Tham...93
- Tâm Căn Sân...94
- **Bảng 2b:** Danh Pháp Của Tâm Căn Sân...95
- Tâm Căn Si 96
- **Bảng 2c:** Danh Pháp Của Tâm Căn Si...97
- **Bảng 5a:** Chết Và Tái Sanh...101
- Những Ghi Chú cho Bảng 5a...102
- Tiến Trình Tâm Đầu Tiên Của Một Kiếp Sống...104
- **Bảng 1a:** Tâm Quả Bất Thiện...105

- Vô Minh, Tham Ái và Các Căn...107
- Tâm Thiện...110
- Các Tâm Căn Vô Tham Và Vô Sân....112
- Ly Trí Và Hợp Trí...112
- Năm Loại Trí...113
- Vô Trợ/Hữu Trợ....116
- Hạ Liệt & Cao Thượng...117
- Hạ Liệt & Cao Thượng; Các Căn và Quả...121
- **Bảng 1f** ‘Thiện Nghiệp Hạ Liệt và Cao thượng Các Căn và Quả’.....122
- **Bảng 1b**: Tâm Quả Thiện Vô Nhân...124
- **Bảng 1c**: Tâm Quả Hữu Nhân Dục Giới...126
- Phước Nghiệp Sự...127
- Những Vận Hành Của Bồ Thí...128
- Ly Trí 128
- **Bảng 3a**: Danh Pháp Của Tâm Ly Trí...129-131
- Hợp Trí...131
- **Bảng 3b**: Danh Pháp Của Tâm Hợp Trí...132
- Bồ Thí Hạ Liệt ...134
- Bồ Thí Cao Thượng...136
- Trì Giới... 137
- Ngũ Giới...139
- Năm Nghề Buôn Bán Nên Tránh...140
- Bát Giới...143
- Thập Giới...145
- Tỳ kheo Giới...145
- Những Vận Hành Của Giới...149
- Ly Trí...149
- Hợp Trí...152
- Giới Hạ Liệt...154
- Giới Cao thượng...157
- Tu Thiền...160
- Thiền Định...160

- Tứ Thiên Và Ngũ Thiên...163
- **Bảng ‘Thiên Bốn Bạc và Thiên Năm Bạc’...164**
- Những Vận Hành Của Thiên Định...165
- Thiên Định Hạ Liệt...165
- **Bảng 3c: Danh Pháp Của Đại Hành Tâm...166**
- Thiên Định Cao Thượng...169
- Ánh Sáng Của Trí Tuệ...170
- Thiên Minh Sát...172
- Tam Tướng...173
- Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị...176
- Đối Tượng Của Minh Sát...178
- Năm Thủ Uẩn...178
- Sắc Chân Đế...180
- Tứ Đại...181
- Sắc Y Đại Sinh...181
- Sắc Y Đại Sinh Cụ Thể...182
- Sắc Y Đại Sinh Không Cụ Thể...184
- Biết Và Thấy Sắc Chân Đế...184
- Mười Hai Đặc Tính Của Tứ Đại...185
- Ba Loại Khô Tưởng Về Sắc...186
- Phân Tích Sắc Chân Đế...188
- Tổng Hợp Tám Sắc, Chín Sắc & Mười Sắc...188
- Bốn Nguồn Gốc Của Sắc...190
- Sắc Do Nghiệp Sanh...190
- Sắc Do Tâm Sanh...192
- Sắc Do Thời Tiết sanh...196
- Sắc Do Vật Thực Sanh...199
- Kết Luận...203
- Hai Mươi Tám Loại Sắc...205
- Danh Chân Đế...206
- Biết và Thấy Danh Chân Đế...208
- Bốn Loại Khô Tưởng Về Danh...210
- Duyên Sanh...213

- Biết Và Thấy Tam Tướng...217
- Mười Sáu Tuệ Minh Sát...218
- Những Vận Hành Của Thiền Minh Sát...223
- Minh Sát Hạ Liệt...224
- Minh Sát Cao Thượng...229
- Quả Thiện...231
- Thiện Nghiệp Và Vô Minh/Tham Ái...232
- Các Nghiệp Đạo 234
- Mười Bất Thiện Nghiệp Đạo...234
- Ba Thân Nghiệp Bất Thiện...234
- Bốn Khẩu Nghiệp Bất Thiện...240
- Ba Ý Nghiệp Bất Thiện...246
- Quả Của Nghiệp Bất Thiện...251
- Quả Của Thân Nghiệp Bất Thiện 251
- Quả Của Khẩu Nghiệp Bất Thiện ...252
- Quả Của Ý Nghiệp Bất Thiện252
- Những Quả Không Đáng Kể Của Bất Thiện Nghiệp...253
- Một Nghiệp Đạo Bất Thiện...254
- Mười Thiện Nghiệp Đạo...260
- Ba Thân Nghiệp Thiện...260
- Bốn Khẩu Nghiệp Thiện ... 264
- Ba ý Nghiệp Thiện....270
- Quả Của Thiện Nghiệp...274
- Quả Của Thân Thiện Nghiệp...
- Quả Của Khẩu Thiện Nghiệp...
- Quả Của Ý Thiện Nghiệp...
- Kết Luận...275
- Minh Và Hạnh...277
- Các Kết Quả...284
- Minh Không Đầy Đủ...285
- Vua Pasenadi...285
- Tỳ-kheo Sati...286
- Luận Sư Saccaka...286

- Hạnh Không Đầy Đủ...287
- Mahādhana Con Trai Viên Trưởng Khó...289
- Vua A-Xà-Thế...290
- Sanh Ở Một Nơi Không Thích Hợp...290
- Mười Hai Loại Nghiệp...291
- Thời Gian Của Quả...292
- Hiện Báo Nghiệp
- Sanh Báo Nghiệp
- Hậu Báo Nghiệp
- Vô Hiệu Nghiệp.....292
- **Bảng 5b** ‘Tiến Trình Ngũ Môn’...294
- Danh Pháp Của Tiến trình Ngũ Môn...295
- **Bảng 5c** ‘Tiến Trình Ý Môn’...297
- Danh Pháp Của Tiến Trình Ý Môn...300
- Hiện Báo Nghiệp...301
- Sanh Báo Nghiệp...302
- Tôn Giả Đề-bà-đạt-đa...305
- Hậu Báo nghiệp...307
- Vô Hiệu Nghiệp...308
- Nghiệp Nhiều Không Thể Tính Kể...310
- Những Điều Kiện Cho Quả Hiện Tại...314
- Quả Hiện Tại Của Thiện Nghiệp...316
- Cánh Đồng Vàng...318
- Quả Hiện Tại Của Bất Thiện Nghiệp...323
- Tôn Giả Ấn-gu-li-ma-la...323
- Người Đồ Tê...325
- Những Vận Hành Của Nghiệp Quá Khứ-
Hiện Tại-Vị Lai...327
- Sáu Vận Hành Của Nghiệp Quá Khứ...327
- Nghiệp Quá Khứ, Quả Quá Khứ...328
- Nghiệp Quá Khứ, Không Có Quả Quá Khứ...329
- Nghiệp Quá Khứ, Quả Hiện Tại...330
- Nghiệp Quá Khứ, Không Có Quả Hiện Tại...331

- Nghiệp Quá Khứ, Quả Tương Lai...332
- Nghiệp Quá Khứ, Không Có Quả Tương Lai...333
- Bốn Vận Hành Của Nghiệp Hiện Tại...334
- Nghiệp Hiện Tại, Quả Hiện Tại...334
- Nghiệp Hiện Tại, Không Có Quả Hiện Tại...335
- Nghiệp Hiện Tại, Quả Tương Lai...335
- Nghiệp Hiện Tại, Không Có Quả Tương Lai...336
- Hai Vận Hành Của Nghiệp Tương Lai...337
- Nghiệp Tương Lai, Quả Tương Lai...338
- Nghiệp Tương Lai, Không Có Quả Tương Lai...339
- Kết Luận...340
- Thứ Tự Của Quả...341
- Trọng Nghiệp...342
- Trọng Nghiệp Bất Thiện...343
- Ba Quan Kiến Phủ Nhận Những Vận Hành Của Nghiệp...345
- Phi Tác Nghiệp Kiến...345
- Vô Nhân Kiến...347
- Phi Hữu Kiến...348
- Cực Trọng Nghiệp Bất Thiện...350
- Trọng Nghiệp Thiện...352
- Bốn Như Ý Túc...353
- Ālāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta...355
- Đạo Sĩ Kaḷadevila...356
- Phạm Thiên Sahampati...357
- Tôn Giả Đề-bà-đạt-đa...358
- **Bảng 5d:** Tiến Trình Chứng Thiện...359
- Những Ghi Chú cho Bảng 5d...360
- **Bảng 1d:** Tâm Quả Sắc Giới và Vô Sắc Giới...363
- Thường Nghiệp...364
- Thường Nghiệp Bất Thiện...364
- Thường Nghiệp Thiện...367
- Cận Tử Nghiệp...368

- Cận Tử Nghiệp Bất Thiện...
- Hoàng Hậu Mallikā...368
- Cận Tử Nghiệp Thiện...
- Đao Phủ Tambadṭhika...369
- Tâm Lúc Chết...371
- Tích Lũy Nghiệp...373
- Phụ Lục I: Bốn Mươi Đề Mục Thiên...376
- Phụ Lục II: Dòng Dõi Chư Phật...379
- Chữ Viết Tất Các Nguồn Tham Khảo...381
- Danh Sách Hùn Phước Bồ Sung...384

Namo Tassa,

Thành Kính Đảnh Lễ

Bhagavato,

Đức Thế Tôn,

Arahato,

Bậc A-La-Hán,

Sammāsambuddhassa.

Đấng Chánh Biến Tri.

Chương I

I-‘KINH DÂY TRÓI BUỘC’[1]

(‘*Gaddula-Baddha-Suttam*’)¹

Trong cuốn sách này, chúng tôi sẽ bàn về hai bài Kinh chính. Một được gọi là Dây Trói Buộc (‘*Gaddula-Baddha-Suttam*’), và bài kia cũng Dây Trói Buộc nhưng là bản thứ hai (‘*Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam*’)²; như vậy có hai bài Kinh Dây Trói Buộc và chúng ta sẽ bắt đầu với bài thứ nhất trước:

Vô Thi, Nay Các Tỳ Kheo, Là Sự Khởi Đầu (của Luân Hồi)

Tôi nghe như vậy. Một thời Đức Thế Tôn đang trú tại Sāvattthi, trong Rừng Cây của Thái Tử Kỳ Đà (Jeta), Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó Đức Thế Tôn nói với các vị tỳ kheo:

Vô thi (khởi đầu không thể quan niệm được), nay các tỳ kheo, là sự khởi đầu của vòng tử sanh luân hồi

[1] Lưu ý những con số nằm trong [] là phần trích dẫn Kinh Điển được ghi lại ở cuối mỗi Chương.

¹ Xem thêm trong ‘Dây Trói Buộc’.

² S.III.I.x.7 và S.III.I.x.8. *Gaddula* (dây xích)+ *baddha* (trói buộc). Thực ra đây là một khúc cây được dùng để gây chướng ngại cho sự di chuyển của một con ngựa hay một con chó. Khúc cây hay miếng ván dài khoảng ba hoặc bốn mươi phân được treo vào cổ con chó, phía trước đầu gối, bằng một sợi dây. Mỗi lần con chó muốn chạy, đầu gối nó sẽ va vào khúc cây ấy và như vậy nó sẽ không thể chạy được.

*(saṃsāra)*³. **Khởi điểm (của luân hồi) không thể biết được đối với những chúng sinh bị vô minh che đậy (avijjā-nīvaraṇānaṃ sattānaṃ), bị tham ái trói buộc (taṇhā-samyōjanānaṃ), phải lưu chuyển (sandhāvataṃ) và luân hồi (saṃsārataṃ).**

Ở đây, Đức Phật nói về vòng tái sinh luân hồi (*saṃsāra*), lưu chuyển hết thế gian này đến thế gian khác (lúc làm người, lúc làm chư thiên, lúc làm súc vật, rồi lại làm người trở lại,...), và có khi loanh quanh trong một thế gian (làm người hay làm chư thiên... tái đi tái lại nhiều lần). Trong bài Kinh Đức Phật đề cập đến hai nhân chính khiến cho tiến trình lưu chuyển này: vô minh (*avijjā*) và tham ái (*taṇhā*).

Vô minh và tham ái là nhân cần thiết cho những hành động có tiềm lực nghiệp. Nghiệp lực (*kamma-satti*) là tiềm lực nhờ đó hành động có chú ý bằng thân, bằng lời nói, hay bằng tâm có thể tạo ra một quả nghiệp (*kamma-vipāka*). Tiềm lực này cũng còn gọi là dị thực nghiệp (*nānā-kkhaṇika kamma*) bởi vì khi chúng ta tạo nghiệp ở một sát-na tâm đặc biệt nào đó, và nếu nghiệp đó chín mùi, tiềm lực nghiệp sẽ tạo ra quả ở một sát-na tâm khác: hoặc trong kiếp này hoặc trong một kiếp tương lai. Nhưng không có vô minh và tham ái, hành động (chúng ta) làm sẽ không có tiềm lực nghiệp⁴.

³ *saṃsāro*: danh từ *saṃsāra* xuất phát từ động từ *saṃsārati*, vốn từ ngữ căn *saṃ* (theo cách tương tự) + *sārati* (chạy vòng vòng), và như vậy nó có nghĩa là chạy vòng vòng theo cách tương tự (luân hồi).

⁴ Nghiệp lực: Trong Duyên Hệ (*Paṭṭhāna*), Đức Phật liệt kê hai mươi bốn loại duyên (*paccaya*). Tất cả các duyên này đều tạo ra quả của chúng do tiềm lực cố hữu (*dhamma-satti*). Như vậy, trong khi mỗi hành sanh lên và diệt, nghiệp lực của nó lưu lại trong cùng tương tục danh-sắc ấy. Trong khi nghiệp là nhân, tiềm lực cố hữu của nó tạo ra quả. Tiềm lực này cũng được gọi là Dị Thực

Thế nào là vô minh (*avijjā*)? Điều này được giải thích trong Thanh Tịnh Đạo⁵ (*Visudhi-Magga*) như sau:

Giữa những đàn ông, đàn bà...những thứ vốn không thực hiện hữu trong nghĩa cùng tột (param-matthato a-vijjamānesu), nó (vô minh) hăm hở, tuy nhiên, giữa các uẩn, xứ,...vốn thực sự hiện hữu, nó lại không hăm hở (vijjamānesu pi khandhādisu na javati), như vậy nó là vô minh (avijjā).[2]

Điều này có nghĩa là gì? Điều này có nghĩa rằng vô minh chỉ thấy sự thực chế định hay tục đế (*sammuti-sacca*)⁶: đàn bà và đàn ông, vợ và chồng, con gái và con trai, chó, mèo, heo, gà.... Thấy theo cách này là thấy sai, bởi vì những thứ ấy không hiện hữu đúng theo thực tại (*yathā bhūta*). Tuy nhiên, các pháp hiện hữu đúng theo thực tại là các uẩn (*khandha*), giới (*dhātu*), xứ (*āyatana*), danh sắc (*nāma*

Nghiệp (*nānā-kkhanika kamma*), vì quả sanh trong một tâm khác, có thể kiếp này hay một kiếp tương lai nào đó.

⁵ VsM.xvii.578 ‘*Paññā-Bhūmi-Niddesa*’ PP.xxī.43. Ibid 591 (PP.xii.58-59. Trong Bộ Pháp Tụ, phần Tụ Lộ (*Āsava-Gocchakam*) Đức Phật giải thích: ‘Ở đây, thế nào là vô minh lậu? Không biết về khổ, về nhân sanh của khổ, về sự diệt khổ, về con đường dẫn đến sự diệt khổ, không biết về quá khứ, về tương lai, về quá khứ và tương lai, không biết về pháp duyên sanh.’ Và Thanh Tịnh Đạo giải thích: ‘Khi [vô minh đã] sanh, nó che đậy Sự Thực về Khổ (Khổ Đế), ngăn sự thể nhập vào đặc tính và nhiệm vụ đặc biệt của sự thực ấy. Nó cũng ngăn che như thế, đối với nhân sanh, sự diệt và con đường dẫn đến sự diệt của khổ. Năm uẩn đã qua gọi là quá khứ, năm uẩn sắp đến gọi là tương lai, và nhân quả lẫn các pháp khởi sanh do duyên gọi là các pháp duyên sanh nhân quả đặc biệt đều bị nó (vô minh) che đậy, nó còn ngăn không cho thể nhập vào các đặc tính và nhiệm vụ cá biệt của các pháp như vậy: “Đây là vô minh, đây là các hành.”’

⁶ *Sammuti-sacca* hay tục đế cũng còn gọi là sự thực chế định theo quy ước (*vohāra-sacca*).

rūpa), duyên sanh (*paṭicca-samuppāda*), vận hành của nghiệp, tam tướng (*ti-lakkhaṇa*⁷)...: tóm lại, Tứ Thánh Đế [3]. Những pháp này, vốn là sự thực cùng tột hay pháp chân đế (*paramattha-sacca*), vô minh lại không thấy.⁸ Đó là lý do vì sao, nếu chúng ta nghĩ: ‘*Đây là một người đàn bà, đây là một người đàn ông, đây là mẹ, cha, con gái, con trai, ...*’ đó là tưởng về chúng sanh (chúng sanh tưởng-*satta-saññā*), một sự thể hiện của vô minh (*avijjā*). Và vô minh là nhân của nghiệp (*kamma*), một lý do giải thích tại sao các chúng sanh phải lưu chuyển từ đời này sang đời khác, từ khổ đau này đến khổ đau khác [3].

Vô minh là nghĩ rằng có đàn ông, đàn bà, có cha, có mẹ, có con trai, con gái, ... Nghĩ theo cách này là nghĩ sai bởi vì trong thực tế không có đàn ông, không có đàn bà, ... mà chỉ có danh và sắc chân đế.⁹

Đề thấy rõ sắc, chúng ta cần phải thực hành thiền đề

⁷ Tam Tướng: vô thường (*anicca*), khổ (*dukkha*), và vô ngã (*anatta*).

⁸ VbhA.ii.154 ‘*Āyatana-Vibhaṅgo*’ (Xứ Phân Tích) DD.iv.243 giải thích rằng chính ba loại khối tướng che đậy tam tướng: ‘Nhưng chính do không ghi nhớ cái gì trong tâm, do không thể nhập cái gì, và do bị che đậy bởi cái gì, mà tam tướng này không xuất hiện? Trước tiên vô thường tướng (*anicca*) không xuất hiện do không ghi nhớ trong tâm (sự sanh và diệt), không thể nhập sự sanh và diệt vì bị tính tương tục (*santati*) của nó che đậy. Khổ tướng không xuất hiện do không ghi nhớ trong tâm, không thể nhập sự bức bách liên tục và do bị che đậy bởi các oai nghi (*iriyāpatha*) của nó. Vô ngã tướng không xuất hiện do không ghi nhớ trong tâm, không thể nhập sự phân giải hay chuyển thành các yếu tố (giới – *dhātu*) khác (*nānā-dhātu-vibbhoga*).’ Cũng xem ‘Ba Loại Khối Tướng về Sắc’, trang 186.

⁹ Ở đây cần lưu ý rằng thấy có mẹ, cha... như một sự thể hiện của vô minh khác với thấy rằng một vài quả báo nào đó sẽ sanh do nghiệp thiện hay bất thiện được làm đối với cha, mẹ. Xem thêm sự giải thích ở ghi chú cuối chương 203, trang 564/Tập II.

mục quán sắc (*rūpa-kammaṭṭhāna*), đó là, thiền phân tích tứ đại (*catu-dhātu vavatthāna kammaṭṭhāna*). Lúc đó chúng ta sẽ thấy các phân tử nhỏ, hay các tổng hợp sắc (*rūpa-kalāpa*). Nếu chúng ta phân tích các phân tử nhỏ ấy, chúng ta sẽ thấy sắc chân đế: Cả thấy có hai mươi tám loại sắc (*rūpa*).¹⁰ Ngoài sắc, còn có danh (*nāma*), vốn nương vào sắc¹¹. Để thấy rõ danh, chúng ta cần phải thực hành thiền quán danh (*nāma kammaṭṭhāna*). Lúc đó chúng ta sẽ thấy được các sát-na tâm của các loại tiến trình tâm khác nhau. Nếu phân tích các sát-na tâm ấy chúng ta sẽ thấy danh chân đế: tất cả có tám mươi một loại tâm, và các tâm sở phối hợp của chúng¹². Chỉ có danh và sắc, ngoài ra không có gì khác. Ngay khi các yếu tố gọi là danh và sắc này sanh, chúng liền diệt, sự diệt ấy có nghĩa là vô thường. Vì lẽ chúng là vô thường nên không thể có những thực thể thương hằng như một người đàn bà, đàn ông, mẹ, cha, con trai, con gái, ... Nếu ai nghĩ những thứ như vậy thực sự hiện hữu, đó là một sự thể hiện của vô minh (*avijjā*).

Khi đã có vô minh, tham ái đối với những đối tượng không thực hiện hữu ấy có thể khởi lên. Và khi những hành động bằng thân, ngữ, ý của chúng ta được phối hợp với vô minh và tham ái này, chúng sẽ có tiềm lực nghiệp, kamma. Nếu nghiệp đó thành thực hay chín mùi, nó sẽ tạo ra một quả tốt hoặc xấu, và chúng ta tiếp tục lao vào và lưu chuyển trong vòng tử sanh luân hồi. Đó là lý do vì sao, trong bài

¹⁰ Xem ‘Phân Tích Sắc Chân Đế’ trang 188 và Bảng 4 liệt kê ‘Hai Mươi Tám Loại Sắc’ trang 205.

¹¹ Trong cõi dục giới, danh không thể khởi lên độc lập với sắc.

¹² Tám mươi một loại tâm ở đây muốn nói đến tám mươi một tâm hiệp thể (bất thiện-12; thiện-17; duy tác-20, quả-32). Tám loại tâm siêu thể còn lại (thiện-4, quả-4), vốn lấy Niết-Bàn làm đối tượng, không được kể trong thiền quán danh.

Kinh này, Đức Phật lại nói:

Vô thí (không thể quan niệm được), này các tỳ kheo, là sự bắt đầu của vòng tử sanh luân hồi (saṃsāra)¹³. Khởi điểm (của luân hồi) không thể biết được đối với những chúng sinh bị vô minh che đậy (avijjā-nīvaraṇānaṃ sattānaṃ), bị tham ái trói buộc (taṇhā-saṃyojanānaṃ), phải lưu chuyển (sandhāvataṃ) và luân hồi (saṃsārataṃ).

Rồi Đức Phật giải thích trong tương lai thế gian sẽ đi đến sự diệt tận như thế nào.

Sẽ Đến Một Thời. Này các Tỳ Kheo

Trước tiên đại dương khô cạn:

Sẽ đến một thời, này các tỳ kheo, đại dương khô cạn, biển mất, không còn hiện hữu nữa.

Trong tương lai xa thế gian sẽ bị tiêu hoại theo một trong ba cách [4]: tiêu hoại bằng lửa, tiêu hoại bằng nước, hay tiêu hoại bằng gió [5]. Ở đây Đức Phật mô tả những gì xảy ra khi thế gian bị tiêu hoại bằng lửa [6].

Đầu tiên hết, một trăm ngàn năm trước khi tận thế, một số chư thiên trên trời sẽ xuất hiện với đầu bù tóc rối, mặt đầy thương cảm, vừa đi vừa lấy tay quạt nước mắt¹⁴. Họ

¹³ *saṃsāro*: danh từ *saṃsāra* xuất phát từ động từ *saṃsārati*, vốn từ ngữ căn *saṃ* (theo cách tương tự) + *sārati* (chạy vòng vòng), và như vậy nó có nghĩa là chạy vòng vòng theo cách tương tự (luân hồi).

¹⁴ Một số chư thiên trên trời, ở đây muốn nói tới các vị chư thiên cõi dục giới (*kāma-vācāra devā*). Tuy nhiên, một vài vị giáo thọ sư khác thì bảo rằng đó là các vị Phạm Thiên (*Brahma*) thuộc cõi Tịnh Cư Thiên (*suddh-āvāsa*- cõi dành cho các vị Thánh Bất Lai cư trú trong kiếp chót), có năng lực thần thông có thể nhìn thấy rất xa vào tương lai, nhờ vậy họ thấy được sự tiêu hoại của thế gian

sẽ thông báo ngày tận thế, và thúc giục mọi người nên tu tập bốn phạm trú (*cattāro brahma-vihārā*): từ (*mettā*), bi (*karuṇā*), hỷ (*muditā*) và xả (*Upekkhā*) cho đắc các bậc thiền (*jhāna*). Và họ còn khuyên mọi người nên săn sóc cha mẹ, tôn kính các bậc huynh trưởng.

Hầu hết mọi người sẽ ghi nhớ điều này trong tâm và thực hành tâm từ đối với nhau. Họ cũng bằng nhiều cách cố gắng hoàn thành các thiện nghiệp, ai có khả năng đắc thiền thì sẽ đắc thiền. Đối với những ai không có khả năng phát triển các bậc thiền (*jhāna*) thì nhờ các thiện nghiệp quá khứ, họ sẽ được tái sinh thiên giới như các vị chư thiên và ở đó tu tập thiền. Nương vô minh và tham ái, nghiệp lực (*kamma satti*) của thiên mà các chúng sinh này tạo sẽ khiến cho họ được tái sinh lên Phạm Thiên Giới [7].

Sau một thời gian dài, một đám mây vĩ đại xuất hiện, và một trận mưa như trút nước đổ xuống khắp một trăm ngàn triệu cõi thế gian (*koṭi-sata-sahassa-cakka-vāḷa*; mười muôn triệu thế giới Sa-bà). Người ta đem gieo các vụ mùa, nhưng khi cây trồng mọc lên cao vừa đủ tầm con bò gặm, trời dứt mưa [8]. Do không còn mưa nữa, tất cả cây cối đều khô héo, tiêu rụi, và chẳng bao lâu nạn đói xuất hiện. Con người chết, chư thiên cư ngụ trên địa cầu (*bhumma-devā*) cũng chết, vì họ sống nhờ vào các loại hoa quả trên địa cầu. Do thiện nghiệp quá khứ, họ được tái sinh vào cõi chư thiên, và ở đó họ tu tập thiền kasiṇa. Một lần nữa, nương vô minh và tham ái, nghiệp lực thiên của họ khiến cho họ được tái sinh trong Phạm Thiên Giới.

Sau một thời gian dài nữa, nước trên thế gian bắt đầu

trong tương lai, và yêu cầu các vị chư thiên đi thông báo điều này cho nhân loại biết (VsMT).

khô cạn, cá, rùa và các sinh vật khác sống trong nước chết. Do thiện nghiệp quá khứ, những sinh vật này cũng tái sinh lên thiên giới, ở đây chúng, như các vị chư thiên, tu tập thiền định. Nương vô minh và tham ái, nghiệp lực thiện của họ khiến cho họ được tái sinh lên Phạm Thiên giới. Theo quy luật tự nhiên, những chúng sinh trong địa ngục cũng được thoát khỏi địa ngục và tái sinh cõi nhân loại.¹⁵ Ở đây họ sẽ tu tập tâm từ và được tái sinh lên thiên giới, tại thiên giới họ, lúc này là những chư thiên, sẽ phát triển các bậc thiền (*jhāna*). Nương vô minh và tham ái, nghiệp lực thiện của họ sẽ khiến cho họ được tái sinh Phạm thiên giới. Nhưng đối với những chúng sinh tái sinh địa ngục do tà kiến cố định (*niyata-micchā-diṭṭhi*)¹⁶ thì không thoát khỏi (địa ngục). Nương vô minh và tham ái, nghiệp lực chấp tà kiến cố định của họ sẽ khiến cho họ phải tái sinh vào địa ngục vô gián (*lok-anta-rika-niraya*), một trong những địa ngục nằm trong hư không giữa các hệ thống thế gian.¹⁷ Như vậy, cho dù có tận thế, việc lưu chuyển và luân hồi của các chúng sinh cũng không chấm dứt. Đức Phật giải thích¹⁸:

Ngay cả như thế, này các Tỳ kheo, cái khổ của các chúng sinh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc (phải lưu chuyển và luân hồi) cũng không chấm dứt, Như lai tuyên bố.

Sau một thời gian dài không mưa, khi mà tất cả các

¹⁵ VsM.xiii.405 ‘*Pubbe-Nivās-Ānussati-Nāṇa-Kathā*’ (Luận về Túc Mệnh Tuỳ Niệm Trí’) PP.xiii.33 nói rằng theo một số các vị giáo thọ sư khác, điều này chỉ xảy ra khi mặt trời thứ bảy xuất hiện.

¹⁶ Đây là nghiệp nặng nhất trong số sáu trọng nghiệp: giết cha, giết mẹ, làm thân Phật chảy máu, giết một bậc Alahán, phá hoại tăng và chấp giữ tà kiến cố định. Xem thêm phần nói về ‘Cực Trọng Nghiệp’, trang 350.

¹⁷ Chi tiết, xem ghi chú cuối chương 205, trang 564/Tập II.

¹⁸ SIII.I.x.7 ‘*Gaddula-Baddha-Suttam*’ (Kinh Dây Trói Buộc).

chúng sinh đã được tái sanh ở nơi khác, một mặt trời thứ hai xuất hiện¹⁹. Và, khi mặt trời này lặn, mặt trời kia sẽ mọc, vì thế không có sự phân biệt giữa đêm với ngày nữa; thế gian cứ liên tục bị đốt cháy bởi sức nóng của hai mặt trời. Những con suối và sông nhỏ bắt đầu khô cạn.

Rồi sau một thời gian rất dài nữa khác, mặt trời thứ ba xuất hiện, và lúc này các con sông lớn bắt đầu khô cạn.²⁰ Sau một thời gian rất dài nữa, mặt trời thứ tư xuất hiện, và các hồ lớn được xem là nguồn của những con sông lớn cũng khô cạn.²¹ Sau một thời gian dài khác, mặt trời thứ năm xuất hiện, và các biển cả khô cạn đến mức nước không còn đủ để làm ướt một đốt ngón tay.²² Rồi, sau một thời gian dài khác, mặt trời thứ sáu xuất hiện, và bây giờ Núi Chúa Tu-di (*Sineru*)²³ và ngay chính mặt đất cũng bắt đầu bốc cháy, phun lên những đám mây khói dày đặc. Cuối cùng, sau một thời gian dài khác, mặt trời thứ bảy xuất hiện, và lúc này mọi thứ đều bốc lửa, tạo thành một bức màn lửa. Núi chúa Tu-di và địa cầu cháy rụi và tan rã, một trận cuồng phong

¹⁹ A. VII.vii.2 ‘*Satta-Sūriya-Suttam*’ (‘Kinh Bảy Mặt Trời’).

²⁰ Các con sông lớn: ở đây Đức Phật liệt kê năm con sông: Sông Hằng (Ganges), Sông Yamunā, sông Aciravatī, Sông Sarabhū, và Sông Mahā (ibid.).

²¹ hồ lớn: ở đây Đức Phật liệt kê bảy hồ: hồ Anotattā, hồ Sīhapapātā, hồ Rathakārā, hồ Kaṇṇamuṇḍā, hồ Kunālā, hồ Chaddantā, và hồ Mandākinīyā (ibid.).

²² Đức Phật đưa ra một sự giải thích chi tiết về việc làm thế nước của các biển cả lại lụi dần và càng lúc càng trở nên nông hơn, cho đến khi chỉ còn lại những vũng nước rải rác đây đó như những dấu chân bò (ibid.).

²³ Núi Chúa Tu-di: Đức Phật giải thích núi này như sau: ‘Tu-di, này các tỷ kheo, núi chúa của các quả núi, dài tám mươi bốn ngàn lý, rộng tám mươi bốn ngàn lý, và cao tám mươi bốn ngàn lý (leagues) nhận chìm trong đại dương. Như vậy nó cao đến tám mươi bốn ngàn lý trên mặt nước biển.’ (ibid.).

cuộn đám lửa đó lên cao đến các cõi Phạm thiên. Và giống như bơ hay dầu cháy không để lại tro như thế nào, núi chúa Tu-di và địa cầu cháy cũng không để lại tro như thế ấy.²⁴

Ngay cả như vậy, Đức Phật giải thích, cũng không có sự chấm dứt lưu chuyển và luân hồi đối với những chúng sanh bị vô minh che đậy và tham ái trói buộc.²⁵

Một thời sẽ đến, này các Tỳ kheo, khi Núi Chúa Tu-di, Vua trong các quả núi, bị thiêu đốt, huỷ diệt, và không còn nữa. Ngay cả như thế, cái khổ của những chúng sanh bị vô minh che đậy và tham ái trói buộc (phải lưu chuyển, luân hồi) cũng không chấm dứt, Như Lai tuyên bố.

Rồi sẽ đến một thời, này các Tỳ kheo, khi đất lớn, bị thiêu đốt, huỷ diệt, và không còn nữa. Ngay cả như thế, cái khổ của những chúng sanh bị vô minh che đậy và tham ái trói buộc (phải lưu chuyển, luân hồi) cũng không chấm dứt, Như Lai tuyên bố.

Sau khi đã giải thích việc các chúng sanh phải tiếp tục lưu chuyển và chạy quanh trong vòng luân hồi như thế nào, kể đến Đức Phật nói về việc tại sao họ phải bị như vậy.

Ví như, Này Các Tỳ kheo, Một Con Chó Bị Trói Buộc

²⁴ Đức Phật kết luận bằng cách giải thích rằng chỉ có Bạc Thánh mới tin được những lời dạy của Ngài về sự vô thường của quả đất và Núi Tu-Di. Chú giải giải thích, sở dĩ Đức Phật nói lời đó là vì chỉ Bạc Thánh mới có niềm tin toàn vẹn nơi Đức Phật, và đã phân biệt được duyên khởi tánh (ibid.). Xem ‘Đức Tin’, ở phần cuối của tập II.

²⁵ S.III.I.x.7 ‘*Gaddula-Baddha-Suttam*’ (Kinh Dây Trói Buộc’).

Để giải thích việc tại sao các chúng sanh cứ phải chạy quanh trong vòng luân hồi, Đức Phật dùng một ảnh dụ, đó là hình ảnh của một con chó bị trói buộc: [9]

Ví như, này các Tỳ kheo, có con chó bị xích lại bằng một sợi dây (sā gaddula-baddho), và buộc sát vào một cây cột hay một trụ cột vững chắc; nó sẽ chỉ chạy quanh và chạy vòng quanh cây cột hay trụ cột ấy.

Con chó ở đây bị xích bằng một sợi dây, và buộc sát vào một cây cột hay trụ cột vững chắc: nó chỉ có thể chạy lòng vòng quanh cây cột ấy.

Kẻ Vô Văn Phàm Phu

Hình ảnh con chó bị trói buộc được Đức Phật dùng như một ảnh dụ để mô tả những gì mà ngài gọi là ***kẻ vô văn phàm phu*** (*assutavā puthu-jjano*).

Vô Văn

Khi gọi một người là vô văn (*assutavā*)²⁶. Đức Phật muốn ám chỉ gì? Ngài muốn nói tới một người không học và không biết gì cả về lý thuyết lẫn việc thực hành Pháp (*Dhamma*); một người không học (*āgama*) cũng không chứng đắc (*adhigama*). Như vậy kẻ vô văn ở đây là người cần được học hay được dạy dỗ về Tứ Thánh Đế.

²⁶ Đức Phật giải thích kẻ vô văn phàm phu bằng rất nhiều cách. Những phân tích sau được rút ra từ bản toát yếu ghi trong Chú giải Bộ Pháp Tụ DhSA.iii.1007 (E.451-456), và trong MA.I.i.1 ‘*Mūla-Pariyāya-Suttam*’ (Kinh Pháp Môn Căn Bản).

* Kẻ vô văn không học và không hỏi cho biết về các bài Kinh, và vì thế không biết được sự khác nhau giữa các uẩn (*khandha*), giới (*dhātu*), và xứ (*āyatana*), vốn là Thánh Đế Thứ Nhất, Khổ Thánh Đế (*Dukkha Ariya-Sacca*).[10]

* Kẻ vô văn không học và không hỏi cho biết về pháp Duyên Sanh (*Paṭicca-samuppāda*), vốn là Thánh Đế Thứ Hai, Tập Đế hay Nhân Sanh Khổ Thánh Đế (*Dukkha-Samudaya Ariya Sacca*).

* Kẻ vô văn không học và không hỏi cho biết về bốn nền tảng thiết lập niệm hay tứ niệm xứ, vốn là Thánh Đế Thứ Tư (Bát Thánh Đạo), Thánh Đế Về Việc Thực Hành Đưa Đến Sự Diệt Khổ hay Đạo Đế (*Dukkha-Nirodha-Gāminī Paṭipadā Ariya-Sacca*).

* Kẻ vô văn không thực hành một cách hệ thống, và cũng không quán những pháp ấy, do đó không đắc được Đạo và Quả vốn lấy Niết Bàn, Thánh Đế Thứ Ba hay Thánh Đế về Sự Diệt Khổ (*Dukkha-Nirodha Ariya-Sacca*) làm đối tượng.

Đó là những gì Đức Phật có ý định muốn nói khi gọi một người là kẻ vô văn (*assutavā*).

Phàm Phu

Kế tiếp, ý Đức Phật muốn nói gì khi gọi một người là phàm phu (*puthu-jjana*)? Ở đây ngài muốn nói đến một người thuộc một trong số rất nhiều (*puthu*) [11], người không có giới (*Sīla*), người không thích hay chống đối Thánh Pháp (*Ariya-Dhamma*)[12], và người sống theo pháp hạ liệt (*nīca-*

dhamma)²⁷. Chẳng hạn:

* Phàm phu phát ra nhiều (*puthu*) phiền não (*kilesa*), như tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vô tầm (*không biết hổ thẹn tội lỗi*), ...²⁸

* Phàm phu có nhiều thân kiến (*sakkāya-ditṭhi*) chẳng hạn xem sắc như tự ngã, xem sắc có tự ngã, hay xem sắc ở trong tự ngã, ...²⁹

* Phàm phu tôn sùng nhiều vị đạo sư mà những lời dạy của họ có tính chất siêu hình và trái ngược với Pháp (*Dhamma*).³⁰ [13]

* Phàm phu tạo nhiều hành nghiệp (*abhi-saṅkhāra*)³¹, qua thân, khẩu, và ý.

* Phàm phu có thể bị tái sinh trong nhiều sanh thú (*gati*) [14]: địa ngục giới, ngạ quỷ giới, súc sanh giới, nhân giới và thiên giới.[15]

* Phàm phu dính mắc vào nhiều lạc thú qua ngũ dục (*kāma-guṇa*): các sắc qua con mắt, các tiếng qua tai, các mùi qua mũi, các vị qua lưỡi, và các xúc chạm qua thân.[16]

* Phàm phu bị nhiều chướng ngại (*triền cái*)[17] che

²⁷ Pháp hạ liệt: ở đây, pháp (*dhamma*) muốn nói đến những giá trị và những quan niệm sống của một người. Do đó pháp hạ liệt có thể muốn nói đến những giá trị được dựa trên tà kiến, trái với lời dạy của Đức Phật.

²⁸ Điều này Đức Phật đã giải thích, chẳng hạn như trong ‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’ ; xem trang 57.

²⁹ Điều này đã được Đức Phật giải thích trong Kinh Dây Trói Buộc này; xem phần ‘Coi Ngũ Uẩn Là Tự Ngã’ sau.

³⁰ Xem đức tin của vị Thánh Đệ Tử đối với Đức Phật, ghi chú cuối chương 54 trang 55 và những phân tích về đức tin ấy ở phần cuối của tập II để thấy sự trái ngược này.

³¹ Hành nghiệp: những hành động bằng thân, bằng lời nói, và bằng tâm.

đây, đó là dục dục (*kāma-cchanda*), sân hận (*byāpāda*), hôn trầm và thuy miên (*thīna-middha*), trạo cử và hối hận (*uddhacca-kukkucca*), hoài nghi (*vicikicchā*)^[18], và vô minh.³²

Ai Không Thấy Các Bậc Thánh

Từ Puthu trong Pali không chỉ có nghĩa là ‘nhiều’ mà nó còn có nghĩa là ‘tách biệt’ nữa. Như vậy, kẻ phàm phu (*puthu-jjana*) cũng có thể được xem như tách biệt và khác biệt với các Bậc Thánh [19], người có những đức như giới, đa văn, ... Đó là những gì Đức Phật muốn nói tới khi ngài mô tả thêm về kẻ vô văn:

Kẻ vô văn phàm phu (*assutavā puthu-jjano*), là người không thấy các bậc Thánh (*Ariyānam a-dassāvī*), người không thiện xảo trong Thánh Pháp (*Ariya-Dhammassa a-kovido*), người không tu tập trong Thánh Pháp (*Ariya-Dhamme a-vinīto*).

Bậc Thánh (*Ariya*) ở đây có thể là một vị Phật [20], một vị Độc Giác Phật (*Pacceka-buddha*), hay một vị Thanh Văn Đệ Tử Phật (*Buddha-Sāvaka*) đã đạt đến một trạng thái siêu thế nào đó.

Việc không thấy các Bậc Thánh của kẻ vô văn phàm phu có hai loại: một là không thấy với mắt (*cakkhunā a-dassāvī*), và hai là không thấy với trí (*ñāṇena a-dassāvī*)³³. Vì ngay cả

³² Đức Phật giải thích điều này trong đoạn ‘bị vô minh che đậy’ ở cả hai bản Kinh. Cũng xem ghi chú cuối chương [3] trang 40, và ‘Tâm Bất Thiện’, trang 90.

³³ Đây là hai loại thấy đã được giải thích trong MA.ibid./DhSA.ibid. Chúng cũng được giải thích như không thấy các bậc Thánh với tịnh nhãn hay thân kinh nhãn (*pasāda-cakkhu*) hoặc nhãn trí (*ñāṇa-cakkhu*), tức con mắt trí tuệ (*paññā-cakkhu*).

một người có thể thấy các Bậc Thánh với mắt thịt của mình, họ cũng chỉ thấy cái vẻ bề ngoài chứ không thấy được trạng thái Thánh của các vị.

Một lần có một vị tỳ kheo bị bệnh gần chết. Khi Đức Phật hỏi xem vị ấy có điều gì còn hối tiếc (trước khi chết) không, vị ấy nói rằng chỉ tiếc mỗi điều là không được thấy Đức Phật trong một thời gian lâu quá, nghĩa là vị ấy đã không được nhìn thấy dáng vẻ bề ngoài của Đức Phật với mắt thịt của mình. Đức Phật nói với vị ấy:

*Này vakkali!
Sao ông lại muốn thấy,
tám thân ô trược này
Người nào thấy được pháp,
người ấy thấy Như Lai;
Người nào thấy Như Lai,
là người ấy thấy pháp.
Vì nhờ thấy được Pháp,
họ thấy được Như Lai,
Và thấy được Như Lai,
là họ thấy được Pháp.³⁴*

Điều này có nghĩa rằng chỉ thấy các Bậc Thánh với mắt thịt của mình là không đủ. Ta cũng cần phải thấy trạng thái Thánh của các Bậc Thánh, và những pháp liên quan đến trạng thái Thánh của các vị: đó là, ta cần phải biết và thấy tính chất vô thường, khổ và vô ngã của danh và sắc chơn đế qua việc thực hành thiền minh sát, và ta cần phải đắc Pháp mà các Bậc Thánh đã đắc. Bao lâu còn chưa thấy những điều này, chừng đó ta vẫn còn là một người không thấy các Bậc

³⁴ DhSA/MA ibid đều liên hệ lại câu chuyện này từ S.III.I.ix.5 ‘*Vakkali Suttam*’ (‘Kinh Vakkali’)

Thánh.

Ai Không Thiện Xảo và Không Tu Tập

Đức Phật cũng giải thích rằng kẻ vô văn phạm phu là người không thiện xảo trong Pháp của các Bậc Thánh (Ariya-Dhammassa a-kovido), và không tu tập trong Pháp của các Bậc Thánh (Ariya-dhamme a-vinīto).

Không thiện xảo trong Pháp của các Bậc Thánh là không thiện xảo trong tứ niệm xứ, trong thiền định và thiền minh sát,...

Không tu tập trong Thánh Pháp là không có hai loại tu tập:

- 1) Tu tập Chế Ngự (*samvara-vinaya*)
- 2) Tu tập đoạn trừ (*pahāna-vinaya*)

Tu Tập Chế Ngự

Tu tập chế ngự có năm loại, và kẻ vô văn phạm phu không tu tập theo năm loại chế ngự này:

- 1) Chế ngự bằng giới: kẻ vô văn phạm phu không tu tập theo ngũ giới, bát giới, thập giới, hay các giới trong Ba-la-đề-mộc-xoa (*Pāṭimokkha*), và như vậy không cố gắng tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống bia và rượu,... hay sử dụng các chất gây say khác.³⁵ [21]
- 2) Chế ngự bằng chánh niệm (*sati-samvara*): kẻ vô văn phạm phu không chế ngự sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm [22].

³⁵ Xem thêm ‘Uống Bia và Rượu’, phần cuối Tập II để biết thêm chi tiết.

- 3) Chế ngự bằng trí (*ñāṇa-samvara*): đó là,³⁶
- * kẻ vô văn phàm phu không tu tập theo sự chế ngự của trí thiền định (*samatha ñāṇa*), ở đây là trí thấy học tướng (*uggaha nimitta*) hay tợ tướng (*paṭibhāga nimitta*) theo đề mục thiền đã chọn ở cận định (*upacāra samādhi*) hay an chỉ định (*appanā samādhi*).
 - * kẻ vô văn phàm phu không tu tập theo sự chế ngự của minh sát trí (*vipassanā-ñāṇa*); tức trí hiểu biết về các đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của danh và sắc chân đế.
 - * kẻ vô văn phàm phu không tu tập theo sự chế ngự của Đạo Trí (*Magga-Ñāṇa*): trí về Tứ Thánh Đế [23].
 - * kẻ vô văn phàm phu không tu tập theo sự chế ngự của trí phát sanh do như lý tác ý (*yoniso manasikāra*) đối với bốn món vật dụng cần thiết của cuộc sống: y phục, vật thực, thuốc trị bệnh, và chỗ ở. [24]
- 4) Chế ngự bằng kham nhẫn (*khanti-samvara*): kẻ vô văn phàm phu không kham nhẫn chịu đựng lạnh, nóng, đói, khát, những côn trùng gây hại và vô hại, lời nói thô lỗ, sự đau đớn,...[25]
- 5) Chế ngự bằng tinh tấn (*vīriya-samvara*): kẻ vô văn phàm phu không khơi dậy tinh tấn để loại trừ những tư duy tham dục, sân hận, và ác độc.[26]
Nói chung kẻ vô văn phàm phu không biết rằng có những hành động do thân, khẩu và ý cần phải được chế ngự và tu tập theo năm cách này.

³⁶ Những phân tích về chế ngự bằng trí này được rút ra từ MA.I.i.2 ‘*Sabba-Āva-Suttam*’ (‘Kinh Đoạn Trừ Lậu Hoặc’).

Tu Tập Đoạn Trừ

Kẻ vô văn phạm phu cũng không tu tập theo năm loại tu tập đoạn trừ (*pahāna-vinaya*):

- 1) Đoạn trừ bằng thay thế hay nhất thời đoạn trừ (*tad-aṅga-pahāna*): kẻ vô văn phạm phu do không thực hành thiền minh sát nên không biết thay thế các minh sát trí thích hợp cho các yếu tố ô nhiễm khác [27]. Chẳng hạn:

* kẻ vô văn phạm phu đã không biết thay thế Danh Sắc Xác Định Trí (*nāma-rūpa-vavatthāna*)³⁷ cho thân kiến (*sakkāya-diṭṭhi*).[28]

* kẻ vô văn phạm phu đã không biết thay thế Phân Biệt Nhân Duyên Trí (*paccaya-pariggaha*)³⁸ cho Vô Nhân Kiến hay Nhân Quả Vô Hiệu Lực Kiến (*a-hetu-visama-hetu-diṭṭhi*).³⁹

* kẻ vô văn phạm phu đã không biết thay thế tri kiến về sự sanh khởi của các hành (*udaya-dassana*) cho đoạn kiến⁴⁰(*uccheda-diṭṭhi*)[30].

* kẻ vô văn phạm phu đã không biết thay thế tri kiến về sự diệt của các hành (*vaya-dassana*) cho thường kiến⁴¹(*sassata-diṭṭhi*).⁴²

* kẻ vô văn phạm phu đã không biết thay thế yếm

³⁷ Danh Sắc Xác Định Trí: một từ đồng nghĩa cho Danh Sắc Phân Tích Trí (*nāma-rūpa-pariccheda-ñāṇa*).

³⁸ Phân Biệt Nhân Duyên Trí: xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’, trang 176.

³⁹ Xem sự mô tả của Đức Phật ở phần nói về ‘Vô Nhân Kiến’ trang 347.

⁴⁰ Xem sự mô tả của Đức Phật ở phần nói về ‘Đoạn Kiến’, trang 24.

⁴¹ Xem sự mô tả của Đức Phật ở phần nói về ‘Thường Kiến’, trang 26.

⁴² Xem thêm trích dẫn, ghi chú cuối chương 51, trang 55.

- ly tùy quán (*nibbid-ānupassanā*) cho ái lạc tưởng trong các hành (*abhirati-saññā*).⁴³
- 2) Đoạn trừ bằng đề nén hay trần phục đoạn trừ (*vikkhambhana-pahāna*): kẻ vô văn phạm phu đã không thực hành thiền chỉ, và vì vậy không đề nén được các triền cái (*nīvaraṇa*) bằng cận định hay định của bậc thiền (*jhāna*).[31]
 - 3) Đoạn trừ bằng tuyệt diệt (*samuccheda-pahāna*): kẻ vô văn phạm phu đã không diệt được một phiền não nhờ chứng một trong những thánh đạo (*Ariya-magga*).[32]
 - 4) Đoạn trừ bằng tịnh chỉ (*paṭippassaddhi-pahāna*): kẻ vô văn phạm phu đã không đạt được sự tịnh chỉ của các phiền não nhờ chứng một trong những thánh quả (*Phala-magga*).[33]
 - 5) Đoạn trừ bằng xuất ly (*nissaraṇa-pahāna*): kẻ vô văn phạm phu đã không xuất ly hay thoát khỏi các hành nhờ chứng vô hành giới (*unformed element*), tức Niết Bàn.[34]

Kẻ vô văn phạm phu luôn luôn bỏ rơi công việc chế ngự của mình, và đã không đoạn trừ những gì cần phải đoạn trừ: đó là những gì Đức Phật muốn nói tới khi ngài nói kẻ vô văn phạm phu không tu tập trong Thánh Pháp (*Ariya-Dhamme a-vinīto*).

Ai Không Thấy Bậc Chân Nhân

Cuối cùng, Đức Phật giải thích kẻ vô văn phạm phu

⁴³ Chi tiết những giải thích của Đức Phật về yểm ly tùy quán theo sau việc thiền minh sát trên năm uẩn, xem trích dẫn tại ‘Vị Đa Văn Thánh Đệ Tử Yểm Ly’, cuối tập II.

như một người:

Không thấy các Bạc Chân Nhân, người không thiện xảo trong Pháp của các Bạc Chân Nhân, người không tu tập trong Pháp của các Bạc Chân Nhân.

Trong trường hợp này, Bạc Chân Nhân là một với các Bạc Thánh, vì các Bạc Thánh chính là các Bạc Chân Nhân, và các Bạc Chân Nhân cũng là các Bạc Thánh. Do đó, Pháp của các Bạc Thánh là một với Pháp của các Bạc Chân Nhân, và sự tu tập của Bạc Thánh cũng là sự tu tập của Bạc Chân Nhân.

Điều này kết luận sự giải thích của chúng tôi về những hàm ý của Đức Phật khi ngài nói về kẻ vô văn phạm phu (*assutavā puthu-jjano*).

Xem Năm Uẩn Là Tư Ngã

Sau khi đã giải thích những đặc trưng của kẻ vô văn phạm phu, kế tiếp Đức Phật giải thích một người vô văn như vậy sẽ xem năm uẩn là tự ngã như thế nào.

Đến đây có lẽ chúng ta đã hiểu những lời dạy của Đức Phật được rõ hơn, vì thế chúng ta sẽ bắt đầu trở lại với hình ảnh con chó bị trói buộc:

Ví như, này các Tỳ kheo, có con chó bị xích lại bằng một sợi dây (sā gaddula-baddho), và buộc sát vào một cây cột hay một trụ cột vững chắc; nó sẽ chỉ chạy quẩn quanh và chạy vòng quanh cây cột hay trụ cột ấy.

Cũng vậy, này các tỳ kheo, kẻ vô văn phạm phu, không thấy các Bạc Thánh, không thiện xảo trong Pháp của các Bạc Thánh, không tu tập trong Pháp của các Bạc Thánh. Không thấy các Bạc Chân Nhân, không thiện xảo trong Pháp của các

Bậc Chân Nhân, không tu tập trong Pháp của các Bậc Chân Nhân,

[1] ***xem sắc (rūpa) là tự ngã, hay xem tự ngã như là có sắc, hay xem sắc như ở trong tự ngã, hay xem tự ngã như ở trong sắc;***

[2] ***xem thọ (vedanā) là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thọ, hay xem thọ như ở trong tự ngã, hay xem tự ngã như ở trong thọ;***

[3] ***xem tưởng (saññā) là tự ngã, hay xem tự ngã như là có tưởng, hay xem tưởng như ở trong tự ngã, hay xem tự ngã như ở trong tưởng;***

[4] ***xem hành (saṅkhāra)⁴⁴ là tự ngã, hay xem tự ngã như là có hành, hay xem hành như ở trong tự ngã, hay xem tự ngã như ở trong hành;***

[5] ***xem thức (viññāṇa) là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thức, hay xem thức như ở trong tự ngã, hay xem tự ngã như ở trong thức;***

Ở đây, Đức Phật giải thích kẻ vô văn phàm phu xem năm uẩn là tự ngã như thế nào.

Mỗi trong năm uẩn có thể có bốn cách để xem là tự ngã. Như vậy cả thầy có hai mươi loại thân kiến (*sakkāya diṭṭhi*).

⁴⁴ Hành (*saṅkhāra*) : ý nghĩa của từ này tùy thuộc vào ngữ cảnh. 1) Như một nhân của thức (trong duyên sanh), hành muốn nói đến hành nghiệp của thân, khẩu hoặc ý ; 2) Như thủ uẩn thứ tư (trong nội dung này), hành muốn nói đến các tâm sở (ngoại trừ hai tâm sở thọ và tưởng) phối hợp với bất kỳ loại tâm nào (tâm quả, tâm duy tác, hay tâm nghiệp). Còn trong những ngữ cảnh khác, từ hành vẫn có những nghĩa khác.

Những Ảnh Dụ Về Thân Kiến

Kẻ vô văn phạm phu có bốn loại thân kiến dựa trên sắc⁴⁵, chẳng hạn:

- 1) Người xem sắc như tự ngã: người này nghĩ tự ngã của ta và sắc của ta là một hay đồng nhất. Chúng ta có thể so sánh cách xem này với ánh sáng của cây đèn và ngọn lửa của cây đèn: chúng là một. Ánh sáng là ngọn lửa và ngọn lửa là ánh sáng. Theo cách tương tự, người ta có thể nghĩ tự ngã của ta là sắc của ta và sắc của ta là tự ngã của ta. Cũng như ánh sáng của cây đèn và ngọn lửa của cây đèn là một, ở đây người này có thể nghĩ sắc của ta và tự ngã của ta là một như vậy.
- 2) Người xem tự ngã như là có sắc: người này nghĩ tự ngã của ta và sắc của ta là khác, bởi vì họ nghĩ tự ngã của họ là danh (tinh thần). Người này nghĩ các danh uẩn-*thọ, tướng, hành và thức*- là tự ngã của họ, và rằng chúng (bốn danh uẩn này) có sắc. Họ cũng có thể nghĩ một trong bốn danh uẩn ấy là tự ngã, hay vài danh uẩn trong chúng là tự ngã, hay cả bốn danh uẩn là tự ngã. Chúng ta có thể so sánh nó với một cái cây và bóng của cái cây ấy: chúng là khác. Mỗi cây có một bóng: cây là một thứ; bóng của nó là thứ khác. Tương tự, người ta có thể nghĩ tự ngã của họ là một thứ và sắc của họ là một thứ khác. Cũng như một cây có một bóng, ở đây người này có thể

⁴⁵ Những ảnh dụ này được rút ra từ DhSA.iii.1007 ‘*Tika-Nikkhepa-Kaṇḍam*’ E.456-457

- nghĩ tự ngã (danh) của ta có sắc như vậy.
- 3) Người xem sắc như chứa đựng trong tự ngã: người này nghĩ sắc của họ ở bên trong tự ngã, cái họ nghĩ là danh (*phần tinh thần*) của họ. Chúng ta có thể so sánh điều này với mùi của một bông hoa. Mùi hương thì nằm trong bông hoa. Tương tự, người này nghĩ sắc của ta nằm bên trong tự ngã (danh) của ta như mùi hương nằm trong bông hoa vậy.
- 4) Người xem tự ngã như chứa đựng trong sắc: người này nghĩ tự ngã của họ nằm bên trong sắc của họ, và họ nghĩ tự ngã (danh) của họ là tự ngã của họ. Chúng ta có thể so sánh điều này với chiếc hộp trong đó có một viên ngọc. Viên ngọc nằm bên trong chiếc hộp. Tương tự, người này nghĩ tự ngã (danh) của ta nằm bên trong sắc của ta.

Bốn ảnh dụ này (1) ánh sáng và ngọn lửa của cây đèn, 2) cây và bóng của cây, 3) hoa và mùi của hoa, và 4) hộp và viên ngọc) mô tả bốn loại thân kiến (*sakkāya ditṭhi*) dựa trên sắc uẩn. Đối với mỗi trong bốn danh uẩn (thọ, tưởng, hành và thức) cũng có bốn loại thân kiến tương tự và có thể được giải thích theo cách như trên. Như vậy, nếu mỗi uẩn trong năm uẩn là căn cứ cho bốn loại thân kiến thì tổng cộng có hai mươi loại thân kiến.

Hai Mươi Loại Thân Kiến

Nếu tóm tắt tất cả hai mươi loại thân kiến trên, chúng ta sẽ thấy:

* Trong một trường hợp,

1) Người ta xem tự ngã là một hay đồng nhất với sắc,

* Trong bảy trường hợp, người ta xem tự ngã là một hay đồng nhất với danh, đó là:

- 1) Xem tự ngã như là có sắc.
- 2) Xem sắc như chứa đựng trong tự ngã.
- 3) Xem tự ngã như chứa đựng trong sắc.
- 4) Xem thọ là tự ngã.
- 5) Xem tướng như là tự ngã.
- 6) Xem hành như là tự ngã.
- 7) Xem thức như là tự ngã.

* Trong mười hai trường hợp, người ta xem tự ngã là một hay đồng nhất với cả danh và sắc, đó là:

- 1) Xem tự ngã như có thọ.
- 2) Xem thọ như chứa đựng trong tự ngã.
- 3) Xem tự ngã như chứa đựng trong thọ.
- 4) Xem tự ngã như có tướng.
- 5) Xem tự ngã như chứa đựng trong tướng.
- 6) Xem tướng như chứa đựng trong tự ngã.
- 7) Xem tự ngã như có hành.
- 8) Xem hành như chứa đựng trong tự ngã.
- 9) Xem tự ngã như chứa đựng trong hành.
- 10) Xem tự ngã như có thức.
- 11) Xem thức như chứa đựng trong tự ngã.
- 12) Xem tự ngã như chứa đựng trong thức.

Đoan Kiến

Trong năm trường hợp, đối với người xem tự ngã như hoàn toàn đồng nhất với hoặc là sắc, hoặc là thọ, hoặc là tướng, hoặc là hành, hay thức, thì cách xem đó là một sự thể

hiện của đoạn kiến (*uccheda-diṭṭhi*),⁴⁶ tà kiến cho rằng khi người ta chết, cái ngã của họ cũng huỷ diệt.

Trong Kinh Phạm Võng (*‘Brahma-Jāla-Suttam’*), Đức Phật đã giải thích đoạn kiến này như sau:

Ở đây, này các Tỳ kheo, một số sa-môn hay Bà-la-môn chấp giữ quan kiến này, đã nói như sau: ‘Vì thực sự, thưa Ngài, tự ngã này là sắc (vật chất), do tứ đại hợp thành, do cha mẹ tạo ra, và vào lúc thân này tan hoại, nó bị huỷ diệt, diệt vong, và không còn tồn tại sau khi chết.’

Quan kiến này phát sanh bởi vì người ta đã không quán danh và sắc chân đế (*paramattha-nāma-rūpa*)⁴⁷. Do đó họ không biết rằng khi một uẩn diệt, nó được theo sau bởi sự sanh của một uẩn khác: họ nghĩ lầm rằng khi một uẩn diệt, nó diệt hoàn toàn không còn lại gì cả. Đoạn kiến sanh cũng bởi vì người ta đã không quán những vận hành của duyên khởi: họ không biết rằng các uẩn sanh do duyên nghiệp quá khứ.[35]

⁴⁶ Đoạn kiến: với quan niệm này, người ta tin cái ngã huỷ diệt vào lúc chết. Quan niệm này tất nhiên không đồng với chủ thuyết hư vô/ hư vô kiến, bởi vì ở một cực đoạn, hư vô kiến phủ nhận mọi thực tại, mọi sự thực khách quan; ở một cực đoạn khác, nó chỉ phủ nhận bất cứ một thực tại siêu hình nào; và trong hình thức vô vị nhất của nó, nó phủ nhận bất kỳ một trật tự đạo đức khách quan nào, chỉ bênh vực cho chủ nghĩa thực chứng của khoa học hiện đại (Latin *nihil=nothing -không có chi cả*). Tuy nhiên, đoạn kiến khác với hư vô chủ nghĩa ở chỗ, trong đó nó xác nhận thực tại của một cái ngã vật chất bị huỷ diệt lúc chết.

⁴⁷ Chú giải ‘Kinh Dây Trói Buộc’ giải thích hai mươi thân kiến chia thành đoạn kiến và thường kiến như thế nào, trong khi phụ chú giải đưa ra những giải thích chi tiết về điều ấy.

Thường Kiến

Trong mười lăm trường hợp còn lại (ở đây người ta xem tự ngã như có danh hoặc sắc, tự ngã như chứa đựng danh hoặc sắc, hay tự ngã như chứa đựng trong danh hoặc sắc), đó là một sự thể hiện của thường kiến (*sassata ditthi*): tà kiến cho rằng khi người ta chết, cái ngã của họ vẫn tiếp tục sống bất diệt.

Một lần nữa trong ‘*Kinh Phạm Võng*’ Đức Phật giải thích việc một số sa-môn hay Bà la môn có khả năng tu tập định đủ để có thể thấy được nhiều trăm ngàn kiếp quá khứ, và trên cơ sở đó họ tuyên bố quan kiến về sự thường hằng (thường kiến) như thế nào:⁴⁸

Họ nói: **‘Tự ngã và thế giới là thường hằng, vô sinh, giống như một đỉnh núi, đứng vững chắc như trụ cột. Những chúng sanh này luân chuyển và luân hồi, chết rồi sanh trở lại, nhưng tự ngã này vẫn tồn tại bất diệt.’**^[36]

Tin rằng tự ngã và thế gian là vô sinh (*vañjha*) là phủ nhận rằng nghiệp sinh ra quả: chẳng hạn, phủ nhận việc tu tập thiền (*jhāna*) có thể tạo ra sự tái sanh trong thế giới Phạm Thiên.⁴⁹

Quan kiến này phát sanh cũng bởi vì người ta không quán danh và sắc chân đế. Do đó, mặc dù người ta xem, chẳng hạn, sắc là tự ngã, họ vẫn không từ bỏ thường tưởng

⁴⁸ Trong D.i.1 ‘*Kinh Phạm Võng*’, Đức Phật cũng giải thích bốn cách trong đó thường kiến được hình thành: ‘Khi những sa-môn và Bà la môn là những người thường kiến ấy tuyên bố sự bất diệt của tự ngã và thế giới dựa trên bốn luận cứ, đó là chỉ có thọ, nhưng họ không biết và không thấy về những cảm thọ ấy; [đó là] sự lo lắng và nhân nhó của những người bị tham ái chi phối.’

⁴⁹ Vô sanh (*vañjha*) DA.i.1 giải thích rằng điều này nói đến tình trạng không thể sanh ra quả/con, và như vậy Jhāna (thiền) không thể tạo ra tái sanh.

(*nicca-saññā*). Tại sao? bởi vì người ta lầm lẫn sắc của đề mục thiền của họ với hình ảnh do tâm tạo của nó xuất hiện trong tâm.⁵⁰ Họ nghĩ rằng chúng là một thứ, và họ cũng không thấy được rằng cả hai đều sanh và diệt. Tương tự, do người ta không thấy được rằng thọ, tưởng, hành, hay thức luôn luôn sanh và diệt, nên họ nghĩ chúng là thường hằng.[37]

Tất cả hai mươi kiến chấp về tự ngã này là những chương ngại vật trên Thánh Đạo. Tuy nhiên khi một người đạt đến Nhập Lưu Thánh Đạo (*Sot-Āpatti Magga*), Thánh Đạo Đầu Tiên cả hai mươi loại thân kiến đều bị huỷ diệt. Như vậy, thân kiến vẫn có thể khởi lên khi chưa đắc Nhập lưu thánh đạo.

Hai mươi loại thân kiến này đều là tà kiến, và chúng làm phát sanh những tà kiến khác nữa. Những tà kiến mà thân kiến làm phát sanh thêm là, chẳng hạn, ba quan kiến phủ nhận nghiệp và quả của nghiệp:

- 1) Vô hành kiến (*akiriya-ditṭhi*): quan kiến này phủ nhận hoạt động của các thiện nghiệp và bất thiện nghiệp.
- 2) Vô nhân kiến (*ahetuka-ditṭhi*): quan kiến này phủ nhận nhân của các quả.
- 3) Vô hữu kiến (*n-atthika-ditṭhi*): quan kiến này phủ nhận quả của các nhân.

Cả ba quan kiến này đều phủ nhận những vận hành của nghiệp và quả nghiệp theo một cách nào đó. Vấn đề này

⁵⁰ Phụ chú giải đưa ra ví dụ vòng tròn Kasīṇa (10 đề mục thiền: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và ánh sáng) và học tướng (*uggaha-nimitta*) hay tự tướng (*paṭibhāga-nimitta*) vốn xuất hiện trong tâm người hành thiền: một bên là sắc do thời tiết sanh (*utuja-rūpa*), và một bên là sắc do tâm sanh (*citta-ja-rūpa*).

sẽ giải thích sau, khi chúng ta luận bàn về các trọng nghiệp (*garuka-kamma*)⁵¹

Người Ấy Chỉ Chạy Vòng Quanh Năm Uẩn

Sau khi đã giải thích hai mươi cách thể hiện thân kiến kẻ vô văn phạm phu, Đức Phật tiếp tục giải thích hậu quả của một kiến chấp như vậy:

- [1] *Người ấy chỉ chạy vòng quanh sắc,*
- [2] *chỉ chạy vòng quanh thọ,*
- [3] *chỉ chạy vòng quanh tưởng,*
- [4] *chỉ chạy vòng quanh hành,*
- [5] *chỉ chạy vòng quanh thức.*

- [1] *Do người ấy chạy vòng quanh sắc,*
- [2] *do người ấy chạy vòng quanh thọ,*
- [3] *do người ấy chạy vòng quanh tưởng,*
- [4] *do người ấy chạy vòng quanh hành,*
- [5] *do người ấy chạy vòng quanh thức.*

- [1] *người ấy không thoát khỏi sắc,*
- [2] *người ấy không thoát khỏi thọ,*
- [3] *người ấy không thoát khỏi tưởng,*
- [4] *người ấy không thoát khỏi hành,*
- [5] *người ấy không thoát khỏi thức.*

Người ấy không thoát khỏi sanh, không thoát khỏi già và chết, không thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu và não.

‘Người ấy không thoát khỏi khổ,’ Ta tuyên bố.

⁵¹ Những mô tả của của Đức Phật về ba quan kiến này đã được đưa ra tại ‘Ba Quan Kiến Phủ Nhận Những Vận Hành của Nghiệp’, tr.345

Con chó bị cột (vào cổ) một khúc cây, và buộc sát vào một cây cột hay trụ cột vững chắc, vì vậy nó không được giải thoát, và không thể chạy đi đâu. Theo cách tương tự, một kẻ vô văn phạm phu có nhiều vô minh, tham ái, và chấp thủ thân kiến, hay nói cách khác người ấy bị trói buộc bởi ba yếu tố (vô minh, ái, thủ). Bị trói buộc như vậy, kẻ vô văn phạm phu không thể giải thoát khỏi vòng luân hồi, và không thoát khỏi năm uẩn. Vì sao: vì người ấy chấp thủ năm uẩn. Đó là lý do tại sao chúng được gọi là năm thủ uẩn (*pañc-upādāna-kkhandha*).

Thân kiến cũng giống như khúc cây treo ở cổ của kẻ vô văn phạm phu. Tham ái giống như sợi dây buộc họ vào cây trụ hay cột trụ vững chắc. Năm thủ uẩn giống như cây trụ hay cột trụ vững chắc ấy. Thân kiến, tham ái và vô minh che đậy con mắt trí tuệ của kẻ vô văn phạm phu. Do sự mù loà này, họ không thấy được các pháp theo đúng thực tại (*yathā-bhūta*); không thể thấy được sự thực tối hậu hay pháp chân đế; không thể thấy sắc chân đế và danh chân đế. Do không thấy các pháp đúng theo thực tại (*như thực tuệ tri*), kẻ vô văn phạm phu không nhận ra rằng các pháp là vô thường, khổ và vô ngã. Vô minh và tham ái phối hợp với nó này là lý do khiến kẻ vô văn phạm phu tạo tác những hành động bất thiện và thiện qua thân, khẩu và ý. Những hành động bắt nguồn từ vô minh và tham ái như vậy gọi là Nghiệp (*kamma*). Bao lâu còn có vô minh và tham ái, nghiệp lực của một trong những hành động ấy sẽ chín mùi vào lúc chết của anh ta hay cô ta, và tạo ra thức tái sanh (*paṭisandhi-citta*, còn gọi *kiết sanh thức hay tâm tục sanh*) của kiếp kế. Khi đã có thức tái sanh, thời cũng sẽ có bệnh hoạn, già nua, và tử biệt trở lại, và kèm theo đó là sầu, bi, khổ, ưu và não. Như vậy kẻ vô văn phạm phu không được giải thoát khỏi khổ, không được giải thoát khỏi vòng tái sanh luân hồi theo cách

đó. [38]

Mong Muốn Tái Sinh

Chúng ta hãy lấy một thí dụ thực tiễn trong đời sống hàng ngày về hoạt động của thân kiến. Chẳng hạn, một người nam hay người nữ nọ dâng cúng đèn lên một bức tượng Phật với ước nguyện được trở thành một vị tỳ kheo trong kiếp kế. Những gì họ ước nguyện không thực hiện hữu, tức là không có tỳ kheo, mà chỉ có danh và sắc. Nếu họ xem năm uẩn là một vị tỳ kheo, đó là sự thể hiện của vô minh. Sự dính mắc vào kiếp sống làm một vị Tỳ kheo là sự thể hiện của tham ái. Khi tham ái tích lũy lâu dài thì trở thành thủ. Nói cách khác, nương vô minh, tham ái và thủ mà người nam hay người nữ ấy dâng cúng đèn đến một bức tượng Phật. Việc dâng cúng này là một thiện nghiệp, một hành (*saṅkhāra*) với tiềm lực nghiệp hay một hành nghiệp. Như vậy có cả thấy năm nhân cho hành nghiệp này, đó là vô minh, ái, thủ, hành và nghiệp.

Tuy nhiên, nếu họ có thực hành pháp quán danh (*nāma-kammaṭṭhāna*), họ có thể thấy rằng khi họ cúng dường đèn đến một bức tượng Phật thời chỉ có ba mươi bốn danh pháp lúc đó. Ngay khi các danh pháp ấy sanh, chúng liền diệt. Không có hành nào thường hằng. Nhưng tiềm lực qua đó thiện nghiệp này có thể chín mùi và tạo ra một kết quả sẽ còn lại.⁵² Nếu nó chín mùi, nó có thể tạo ra năm uẩn

⁵² Tiềm lực sẽ còn lại: điều này không có nghĩa là nghiệp để lại một dấu vết hay vết tích trong dòng tâm tương tục, hay gọi lại đó ‘một cái gì’. Tiềm lực nghiệp không ‘tồn tại dưới’ dòng tương tục danh sắc theo cách như vậy. Do một vài điều kiện, nghiệp cá biệt nào đó chín mùi, và chỉ vào khoảnh khắc đó tiềm lực của nghiệp ấy mới tồn tại dưới dòng tương tục danh sắc như một lực

là kiếp sống của một vị tỳ kheo theo ước nguyện của họ. Tiềm lực vốn có thể làm được một việc như vậy được gọi là Nghiệp Lực (*kamma-satti*).⁵³ Và bao lâu vô minh, ái, thủ, và hành còn tồn tại, chùng đó vòng luân hồi vẫn tiếp diễn, kẻ vô văn phàm phu vẫn không thoát khỏi khổ đau.

Bậc Đa Văn Thánh Đê Tử

Sau khi đã giải thích kẻ vô văn phàm phu, và hai mươi loại thân kiến của một người là như vậy, Đức Phật nói tiếp

Bậc đa văn Thánh Đê Tử, được thấy các Bậc

vận hành thực sự. Đức Phật đưa ra sự phân biệt này khi ngài giải thích rằng giai điệu của cây đàn luyến không nằm chờ sẵn bên trong cây đàn, mà phát sanh do các điều kiện: đó là khi có đủ các thành phần của cây đàn và có người nhạc công chơi nó (S.IV.I.xix.9 ‘Viñ-Opama-Suttam’ (Kinh Ví Dụ Cây Đàn’) Và VsM.xx.723 ‘Magg-āmagga-Nāṇa-Dassana-Visuddhi-Niddeso’ (‘Đạo Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh Giảng Thích’) pp.xx.96 cũng giải thích như vậy;’ ...không có một đồng hay kho chứa danh sắc chưa sanh trước khi có sự sanh khởi của nó. Khi danh sắc sanh, nó không từ một đồng hay kho chứa nào đến, và khi nó diệt, nó không đi về bất kỳ hướng nào. Không có nơi cất giữ ở chỗ nào theo cách một đồng hay kho chứa những gì đã diệt. Mà, cũng giống như không có kho chứa những âm thanh để phát ra (trước khi nó sanh) khi một cây đàn luyến được chơi, khi nó sanh nó chẳng từ kho chứa nào đến, khi nó diệt nó chẳng đi về bất kỳ hướng nào, nó cũng chẳng tiếp tục tồn tại như một kho chứa khi nó diệt. Nhưng, ngược lại, trước chưa có (âm thanh), nó được làm cho có do các bộ phận, như cổ... của cây đàn luyến, và nỗ lực thích hợp của con người, và khi đã có, nó diệt. Cũng vậy, tất cả danh pháp và sắc pháp, trước chưa sanh, được làm cho sanh; sau khi đã sanh, chúng diệt.’ Cũng xem “Bậc A-la-hán Đi Về Đâu?” ở phần cuối của Tập II.

⁵³ *Paṭṭhāna* (Duyên Hệ).I. ‘*Kusala-Tika*’.

Thánh, thiện xảo trong Thánh Pháp của các bậc Thánh, tu tập trong Thánh Pháp của các bậc Thánh. Được thấy các bậc Chân Nhân, thiện xảo trong Pháp của các bậc Chân Nhân, tu tập trong Pháp của các bậc Chân Nhân.

Hai loại Thánh Đệ Tử

Có hai loại Thánh Đệ Tử (*Ariya-Sāvaka*):⁵⁴

- 1) Đệ tử của Đức Phật.
- 2) Đệ tử đã đắc Thánh, tức một bậc Thánh Nhân (*Ariya-Puggala*)

Ở đây, trong Kinh ‘Dây Trói Buộc’, Đức Phật muốn nói đến vị đệ tử đã là một bậc Thánh Nhân.

Tám Bậc Thánh Nhân

Có tám bậc Thánh Nhân⁵⁵[39]

- 1) Vị bắt đầu chứng đắc Nhập Lưu Thánh Quả (*Sot-Āpatti-Phala-sacchi-kiriyāya paṭipanna*).
- 2) Vị Thánh Nhập Lưu (*Sot-Āpanna*).

⁵⁴ Thánh Đệ Tử: từ này chỉ đề cập đến một vị đệ tử của Đức Phật. Nói chung, nó có thể bao gồm một vị đệ tử chưa phải là Thánh Nhân. Chẳng hạn như trong Iti.III.iv.3 ‘*Deva-Sadda-Suttam*’ (‘Kinh Tiếng Chư Thiên’), Đức Phật cũng dùng từ Thánh Đệ Tử (*Ariya-Sāvaka*) để nói đến vị tỷ kheo đang thực hành tam học (giới, định, tuệ), nhưng vẫn chưa trở thành một bậc Thánh. Một người như vậy trong chú giải thường nói đến như một ***thiện trí phạm phu tỷ kheo*** (*kalyāna-puthu-jjana bhikkhu*).

⁵⁵ Người bắt đầu chứng đắc một trong bốn Thánh Quả muốn nói đến một người mà Tâm Đạo đã khởi lên trong người ấy, tâm đạo là tâm đi liền trước tâm quả. Trong các kinh sách tiếng Việt thường nói về người này như người đạo, chẳng hạn người tu đà hoàn đạo...

- 3) Vị bắt đầu chứng đắc Nhất Lai Thánh Quả (*Sakad-āgāmi-phala-sacchi-kiriyāya paṭipanna*).
- 4) Vị Thánh Nhất Lai (*Sakad-āgāmī*)
- 5) Vị bắt đầu chứng đắc Bất Lai Thánh Quả (*An-āgāmi-phala-sacchi-kiriyāya paṭipanna*).
- 6) Vị Thánh Bất Lai (*An-āgāmī*).
- 7) Vị bắt đầu chứng đắc A-la-hán Thánh Quả (*Arahatta-phala-sacchi-kiriyāya paṭipanna*).
- 8) Vị Thánh A-la-hán (*Arahā*).

Bảy loại Thánh Nhân đầu cũng được gọi là bậc hữu học (*sekha*)[40], bởi vì các vị còn đang thực hành tam học: giới, định và tuệ. Tuy nhiên, bậc A-la-hán được gọi là bậc vô-học (*a-sekha*)[41], bởi vì vị ấy đã hoàn tất tam học; đã làm xong những gì cần phải được làm.

Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử

Như vậy, trong Kinh Dây Trói Buộc, khi Đức Phật nói về một bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử (*Sutavā-Ariya-Sāvako*), Ngài muốn nói tới một trong bảy bậc thánh hữu học, hoặc một bậc A-la-hán.

Ở đây, chúng tôi có thể mô tả bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử đơn giản như một người có những gì mà kẻ vô văn phạm phu không có. Như vậy, bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử không phải là người có nhiều, mà là người có rất ít,⁵⁶ và là bậc được học (đa văn) cũng như am hiểu cả về lý thuyết lẫn thực hành Pháp (*Dhamma*). Nói cách khác, bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử là những bậc hiểu rõ Tứ Thánh Đế. [42]

⁵⁶ *Có rất ít*, theo sự giải thích của Đức Phật, bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử chỉ có con mắt trí tuệ (tuệ nhãn) mà thôi, xem thêm ghi chú cuối chương [11] trang 41.

Có thể nêu ra đây một số ví dụ về sự khác nhau giữa bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử và kẻ vô văn phạm phu như sau:

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử có tâm và quý⁵⁷; tâm có nghĩa là biết hổ thẹn về những tà hạnh bằng thân, khẩu hoặc ý; và quý có nghĩa là lương tâm không làm điều ác, hay biết ghê sợ điều ác. [43]

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử biết khơi dậy tinh tấn để loại trừ những tư duy tham dục, sân hận, và ác độc.[44]

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử biết chế ngự mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và tâm, bằng cách tác ý đến tứ niệm xứ, hay nói các khác là thực hành thiền chỉ và thiền minh sát.

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử không tìm cầu lạc thú trong ngũ dục (*kāma-guṇa*); đó là không tìm lạc thú nơi cảnh sắc qua con mắt, âm thanh qua lỗ tai, mùi qua mũi, vị qua lưỡi, và những xúc chạm qua thân.[46/47]

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử nếu là một vị Tỳ kheo thì được chế ngự bằng sự tuân giữ thận trọng giới luật Ba-la-đề-mộc-xoa (*pāṭimokkha*) của vị tỳ kheo. Nếu là một người tại gia cư sĩ thì được chế ngự bằng sự giữ gìn thận trọng ngũ giới. Giữ ngũ giới có nghĩa là người ấy không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống những thứ như bia và rượu. Bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử cũng sẽ giữ tám giới ít nhất mỗi tuần một lần, hoặc thậm chí người ấy có thể giữ bát quan trai giới hay thập giới suốt đời. Trong trường hợp này, người ấy sẽ giữ giới không ăn chiều,...

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử có Chánh Định

⁵⁷ Tâm/quý: xem phân tích trích dẫn tại ‘Tâm’, ở cuối Tập II.

(*Sammā-Samādhī*), tức có cận định hay bốn bậc thiền (*jhāna*). [48]

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử có trí tuệ thể nhập. Cho đến khi nào vị Thánh Đệ Tử chưa trở thành một bậc Thánh Nhân (vị đã đắc một trong bốn Thánh Quả), trí tuệ (của vị ấy) vẫn chỉ là minh sát trí (*vipassanā-ñāṇa*) hiệp thể, vốn đề nén các phiền não, và quán sự sanh và diệt của năm uẩn [49], cũng như duyên sanh và duyên diệt của chúng [50]. Nhưng một khi vị ấy đã trở thành một bậc Thánh Nhân, trí tuệ mà vị ấy có là trí tuệ siêu thể, tức Đạo Trí (*Magga-Ñāṇa*), vốn lấy Niết Bàn làm đối tượng, và đoạn trừ các phiền não. Nhờ Đạo Trí đó, vị ấy không còn chấp giữ đoạn kiến, thường kiến [51] hay thân kiến [52].

* Bậc Đa Văn Thánh Hữu Học Đệ Tử có sở học, do đã học và hỏi về Kinh Điển. [53]

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử không có tâm hoài nghi về sự giác ngộ của Đức Phật, về Giáo Pháp (*Dhamma*), về Chư Tăng (*Saṅgha*), về các kiếp sống quá khứ, về các kiếp sống tương lai, về kiếp sống hiện tại, về các thế giới khác, hay về quy luật của nghiệp và quả của nghiệp, ... vị ấy có niềm tin hoàn toàn nơi Đức Phật, [54] và không tin vào một vị đạo sư nào khác. [55]

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử chắc chắn không còn bị sanh vào các sanh thú ác (*duggati-ác thú hay khổ thú*): đó là không tái sanh nơi ngã quý giới, không tái sanh nơi súc sanh giới, và không tái sanh nơi bất kỳ địa ngục nào [56].

* Bậc Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử chắc chắn sẽ đạt đến sự giác ngộ viên mãn (*Sambodhi*) trong bảy kiếp; thậm chí sớm hơn. [57]

Những điểm vừa nêu đúc kết lại sự giải thích của chúng tôi về những gì Đức Phật hàm ý khi ngài nói về Bậc

Đa Văn Hữu Học Thánh Đệ Tử (*sutavā Ariya-Sāvako*).

Không Xem Năm Uẩn Là Tự Ngã

Sau khi đã giải thích những phẩm chất của bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử, tiếp đến Đức Phật giải thích về cách xem năm uẩn của một người như vậy.

Đến đây có lẽ chúng ta đã hiểu những lời dạy của Đức Phật rõ hơn, vì thế chúng ta sẽ bắt đầu trở lại với sự mô tả của ngài về bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử:

Nhưng, này các tỳ kheo, bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử,

- *Người thấy các Bậc Thánh, thiện xảo trong Thánh Pháp của các Bậc Thánh, tu tập trong Thánh Pháp của các Bậc Thánh.*
- *Người thấy các Bậc Chân Nhân, thiện xảo trong Pháp của các Bậc Chân Nhân, tu tập trong Pháp của các bậc Chân Nhân,*
 - 1) *Không xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã như là có sắc, không xem sắc như ở trong tự ngã, không xem tự ngã như ở trong sắc.*
 - 2) *Không xem thọ như là tự ngã, không xem tự ngã như là có thọ, không xem thọ như ở trong tự ngã, không xem tự ngã như ở trong thọ.*
 - 3) *Không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã như như là có tưởng, không xem tưởng như ở trong tự ngã, không xem tự ngã như ở trong tưởng.*
 - 4) *Không xem hành là tự ngã, không xem tự ngã như là có hành, không xem hành như ở trong tự ngã, không xem tự ngã như ở trong hành.*
 - 5) *Không xem thức là tự ngã, không xem tự ngã*

*như là có thức, không xem thức như ở trong tự
ngã, không xem tự ngã như ở trong thức.*

Vị ấy không Chạy Vòng Quanh Năm Uẩn

*[1] Vị ấy không chạy loanh quanh, không chạy
vòng quanh sắc;*

*[2] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh thọ;*

*[3] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh tưởng;*

*[4] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh hành;*

*[5] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh thức.*

Do

*[1] Vị ấy không chạy vòng quanh, không chạy vòng
quanh sắc;*

*[2] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh thọ;*

*[3] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh tưởng;*

*[4] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh hành;*

*[5] không chạy loanh quanh, không chạy vòng
quanh thức.*

Nên

[1] vị ấy được giải thoát khỏi sắc;

[2] vị ấy được giải thoát khỏi thọ;

[3] vị ấy được giải thoát khỏi tưởng;

[4] vị ấy được giải thoát khỏi hành;

[3] vị ấy được giải thoát khỏi thức;

vị ấy được giải thoát khỏi sanh, giải thoát khỏi già và chết, giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu và não.

‘Vị ấy được giải thoát khỏi khổ,’ Ta tuyên bố như vậy.

Như đã đề cập ở trước, vị Thánh Đệ Tử sẽ không bao giờ bị tái sanh trong súc sanh giới, trong ngạ quỷ giới và trong bất kỳ địa ngục nào trở lại: vị ấy được giải thoát khỏi cái khổ của việc tái sanh trong một sanh thú ác (ác thú). Vị Thánh Đệ Tử nếu là một bậc Thánh Bất Lai sẽ tái sanh trong cõi sắc giới, và không bao giờ bị tái sanh trong cõi nhân loại hay chư thiên dục giới trở lại: vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi cái khổ của việc tái sanh trong dục giới. Vị Thánh Đệ tử nếu là một bậc A-la-hán, đã làm xong những gì cần phải làm, điều đó có nghĩa rằng vào lúc chết, sẽ không còn sự hiện hữu của sắc, không còn sự hiện hữu của thọ, không còn sự hiện hữu của tưởng, không còn sự hiện hữu của các hành, không còn sự hiện hữu của thức: vị ấy sẽ không còn phải tái sanh trở lại bằng bất cứ cách nào. Vị ấy được giải thoát hoàn toàn khỏi cái khổ của các hành⁵⁸.

Vậy, người ta cần phải làm gì để trở thành một bậc Đa Văn Thánh Đệ Tử, để được giải thoát khỏi khổ đau theo cách này? Điều này chúng ta sẽ bàn đến sau. Trước hết chúng ta hãy đi vào bàn luận bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai đã.

⁵⁸ Xem sự giải thích của Đức Phật ở cuối bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai; cũng xem ‘Đã Làm Xong Những Gì Cần Phải Làm’, phần cuối Tập II, và bài kệ trang 309.

***Ghi Chú Cuối Chương - Chương I
(Những Tham Khảo Kinh Điển)***

[1] Chú giải bài Kinh Đại Niệm Xứ (*‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam’*) D.ii.9 giải thích điều này với một bài kệ:

Cái họ thấy không phải thấy đúng;

Cái được thấy họ không thấy đúng;

Không thấy đúng họ bị trôi chạt;

Và kẻ ngu, khi đã bị trôi chạt,

Không thể nào thoát khỏi trầm luân.

[2] Đức Phật giải thích vô minh trong Kinh Phân Tích (*‘Vibhaṅga Sutta’*) S.II.I.i.2 như sau: ‘Và thế nào, này các Tỷ kheo, là vô minh? 1. Không hiểu biết về khổ, 2. Không hiểu biết về nhân sanh khổ, 3. Không hiểu biết về sự diệt khổ, 3. Không hiểu biết về con đường dẫn đến sự diệt của khổ.’

[3] Trong Iti.I.ii.4 *‘Avijjā-Nīvaraṇa-Suttam’* (*‘Kinh Vô Minh Triền cái’*) Đức Phật giải thích: ‘Quả thực do vô minh triền cái, này các tỷ kheo, mà nhân loại bị ngăn trở và trôi lăn, luân chuyển trong một thời gian dài.’

[4] Đức Phật giải thích tiến trình này trong A.IV.iv.i.6 *‘Kappa Suttam’* (*‘Kinh Kiếp’*).

Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này. Thế nào là bốn?

Khi kiếp chuyển thành, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy. Có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính ... như vậy.

Khi kiếp chuyển hoại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính có nhiều năm như vậy ... như vậy.

Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính ... như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn vô lượng của kiếp.

Đức Phật giải thích khoảng thời gian của một kiếp như vậy trong Kinh Tương Ưng: *‘Vi như, này các Tỷ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do tuần bề dài, một do tuần bề rộng, một do tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tấm vải kàsi. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp. Như vậy dài, này các Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, này Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua. Vì sao? Vô thí là luân hồi này, này... vừa đủ để giải thoát’.* (S.II.IV.i.5 K ‘*Kinh Núi-Pabbata-Suttam*’). Đức Phật cũng giải thích sự tái tạo của Phạm Thiên giới vào lúc bắt đầu của một kiếp mới trong Kinh Phạm Võng thuộc Trường Bộ Kinh (*‘Brahma-Jāla-Suttam*’ . D.I.1). Và ngài giải thích sự tiến hoá của con người và xã hội của loài người trong Kinh Khởi Thế Nhân Bản (*‘Agg-Añña-Suttam*’ D.II.27).

[5] Trong M.I.iii.8 (*‘Mahā-Hatthi-Padopama-Suttam*’ — *‘Đại Kinh Dụ Dấu Chân Voi*’), Tôn-giả Xá-lợi-phất nói tới sự huỷ diệt của ‘làng mạc, thành phố, lãnh thổ, quốc độ, băng nước, lửa và gió.

[6] Những chi tiết này không nằm trong *‘Kinh Dây Trói Buộc*’, mà được rút ra từ *‘Kinh Bảy Mặt Trời*’ của Tăng Chi Kinh (*‘Satta-Sūriya-Suttam*’ A.VII.vii.2), trong bài kinh này Đức Phật đưa ra một sự giải thích chi tiết về sự tiêu hoại của thế gian (tận thế) bằng lửa. Trong Trường Bộ Kinh cũng vậy, Đức Phật giải thích việc các vị sa-môn tu tập các thắng trí (*abhiññā-thân thông*) có thể giúp họ thấy được những sự hoại diệt (hoại kiếp) và tái tạo (thành kiếp) của thế gian như thế nào: *‘Vị ấy hướng tâm đến túc mệnh trí (trí hồi nhớ các kiếp sống quá khứ). Vị ấy nhớ được nhiều đời quá khứ, đó là, nhớ được một lần tái sanh, hai lần tái sanh, ba lần tái sanh, bốn lần tái sanh, năm lần tái sanh, mười lần tái sanh, hai mươi lần tái sanh, ba mươi lần tái sanh, bốn mươi lần tái sanh, năm mươi lần tái sanh, một trăm lần tái sanh, một ngàn lần tái sanh, một trăm ngàn lần tái sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp...’* Việc tu tập các thắng trí này và những gì người ta thấy được bàn luận rõ trong VsM.xiii.402-410 *‘Pubbe-Nivās-Ānussati-Ñāṇa-Kathā*’ (*‘Luận Về Túc Mệnh Tuỳ Niệm Trí*’) PP.xiii.34-71, và VsMT, với phần tham khảo “*Kinh Bảy Mặt Trời*”,

cũng như các chi tiết khác.

[7] Trong Kinh Phạm Võng thuộc Trường Bộ Kinh I (*'Brahma-Jāla-Suttam'*. D.I.1), Đức Phật giải thích rằng vào lúc kiếp hoại, hầu hết các chúng sinh đều tái sinh trong cõi Quang Âm Thiên (*ābhassara-devā*), vốn là Phạm Thiên giới tương ứng với nhị thiên.

[8] Đức Phật giải thích điều này trong Kinh Bảy Mặt Trời như vậy: 'Trong nhiều năm, trong nhiều trăm năm, trong nhiều ngàn năm, trong nhiều trăm ngàn năm, trời không có mưa.'

[9] Trong Kinh Năm và Ba của Trung Bộ III (*'Pañca-Ttaya-Sutta'*-M.III.1.2), Đức Phật nói về tất cả những kiến chấp sai lầm có thể có về tương lai, và để mô tả những sa-môn và Bà-la-môn tuyên bố đoạn kiến, Ngài cũng dùng ảnh dụ tương tự về con chó bị trói buộc chạy vòng quanh cây cột trụ.

[10] Trong Đại Kinh Người Chăn Bò, Trung Bộ I (*'Mahā-Gopālaka-Suttam'* M.I.iv.3), Đức Phật giải thích mười một đức tánh khiến một vị Tỳ kheo không thể phát triển, tăng trưởng, và hoàn thành trong Pháp và Luật (*Dhamma Vinaya*) này. Pháp thứ sáu trong đó nói: ***'Ở đây, một vị Tỳ kheo thỉnh thoảng không đi đến các vị Tỳ kheo đa văn, tinh thông trong pháp, tinh thông trong luật, tinh thông trong các Mẫu Đề [luật của Tỳ Kheo/Tỳ Kheo Ni]. Và vị ấy không hỏi những câu hỏi về pháp và luật như vậy: "Thưa Tôn giả, điểm này là thế nào? ý nghĩa này là gì?" Những bậc Tôn giả ấy không làm cho hiển lộ những điều chưa hiển lộ, không làm cho rõ ràng những điều chưa được rõ ràng, và đối với những nghi vấn về Chánh pháp, các vị ấy không đoạn trừ nghi hoặc.'***

[11] Trong 'Kinh Trí Tuệ' của Tương Ưng V (*'paññā-Suttam'*. S.V.XII.vii.3), Đức Phật lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và so sánh nó với đất trên địa cầu. Dùng sự so sánh này như một ảnh dụ, Ngài nói: ***'Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là những chúng sanh thành tựu tuệ nhân của bậc thánh. Còn nhiều hơn là những chúng sanh có vô minh, si ám. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, vì không thấy bốn Thánh đế.'*** Chú giải giải thích rằng tuệ nhân ở đây là minh sát trí hiệp thể và siêu thể.

[12] Trong 'Đại Kinh Người chăn Bò' (*'Mahā-Gopālaka-Suttam'* M.I.iv.3), Đức Phật giải thích mười một đức tánh qua đó một vị tỳ kheo không có khả năng phát triển, tăng trưởng, và hoàn thành trong Pháp và Luật này.' Đức tánh thứ bảy trong đó là: ***'Tỳ-kheo trong khi***

Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, giảng dạy, không chứng đạt nghĩa tín thọ, chứng đạt pháp tín thọ, chứng đạt sự hân hoan liên hệ đến Pháp.’ (tức không có được sự nhiệt tình đối với ý nghĩa, không có được sự nhiệt tình đối với Pháp, không có được sự hân hoan liên hệ đến Pháp – *does not gain enthusiasm for the meaning, does not gain enthusiasm for the Dhamma, does not gain Dhamma-related joy*).

[13] Đức Phật phân tích tất cả các tà kiến này trong Kinh Phạm Võng của Trường Bộ (*‘Brahma-Jāla-Suttam’* DI.1) như sau:

[14] Trong ‘Kinh Hiền-Ngu’ (*‘Bāla-Paṇḍita-Suttam’* M.III.iii.9) Đức Phật giải thích những quả báo hiện tại của thân hành ác, khẩu hành ác và ý hành ác, của thân hành thiện, khẩu hành thiện và ý hành thiện (xem thêm ‘Nghiệp Đạo’ trang 234), cũng như quả báo tái sanh của những thân, khẩu, ý hành ác: tái sanh trong địa ngục, cảnh giới súc sanh, và trong một gia đình hạ cấp; quả báo tái sanh của những thân, khẩu, ý hành thiện: trong các cõi trời dục giới và trong những gia đình cao cấp. Còn trong ‘Kinh Thiên Sứ’ (*‘Deva-Dūta-Suttam’* M.III.iii.10.) Ngài mô tả những khổ đau khủng khiếp của các chúng sanh trong địa ngục. Và ngài kết luận: **‘Này các Tỷ-kheo, ta nói điều này không phải như một điều ta được nghe từ các sa-môn hay Bà-la-môn khác. Ta nói điều này như một điều ta thực sự biết, thực sự thấy, và tự khám phá cho chính mình.’** Cũng xem ghi chú cuối chương 39, trang 49.

[15] Đức Phật giải thích về năm sanh thú trong Đại Kinh Sư Tử Hồng (M.I.ii.2. *‘Mahā Sīha-Nāda-Suttam’*) như sau: **‘Này Sariputta, có năm loại sanh thú Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên.’** Và trong ‘Kinh Người Khác’ (*‘Aññatra-Suttam’* S.V.XII. vii.1), Ngài lấy một ít đất trên đầu móng tay và so sánh nó với đất trên địa cầu. Dùng sự so sánh này như một ảnh dụ, Đức Phật giải thích: **‘Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là những chúng sanh (chết như những con người) được tái sanh lại làm người. Còn nhiều hơn là những chúng sanh (khi chết như những con người) bị tái sanh khác hơn loài Người. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.’**

[16] Đức Phật giải thích điều này trong Kinh Tương Ứng bài ‘Kinh Biển Thứ Hai’ (*‘Dutiya-Samudda-Sutta’*, S.IV.xviii.2.) **‘Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức [tiếng do tai, mùi do mũi, vị**

do lưới, sự xúc chạm do thân.] được xem là khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là biển trong giới luật của bậc Thánh. Ở đây, thế giới này với Thiên giới, với Ma giới, với Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, phần lớn chìm đắm trong ấy, bị rối ren như cuộn chỉ, bị bao trùm như cuộn dây, thành như sợi dây bện bằng cỏ, không thể vượt qua cõi dữ, ác thú, đọa xứ, luân hồi!’

[17] Đức Phật giải thích điều này trong Trung Bộ II, ‘Đại Kinh Mālukyya’ (*Mahā-Mālukyya-Suttam’ M.II.ii.4*) ‘Ở đây, này Ananda, kẻ vô văn phạm phu, không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, ... sống với tâm bị ám ảnh, bị chi phối bởi hoài nghi, ... bởi giới cấm thủ, ... bởi dục tham, ... bởi sân hận...’.

[18] Hoài nghi: Đức Phật giải thích điều này trong Kinh Tâm Hoang Vu, Trung Bộ I (*Ceto-Khila-Suttam’ M.I.ii.6*) ‘Tỷ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, ... vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra... [1] Tỷ-kheo nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. [2] Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... [3] Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... [4] Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn [5] Tỷ-kheo phần nộ, không hài lòng đối với các đồng phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn....’ Rồi Đức Phật giải thích vị Tỷ-kheo có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, bởi vì vị ấy không nghi ngờ, do dự, ... về Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Tăng, Điều học, và phần nộ với bạn đồng phạm hạnh. Cũng trong Trung Bộ I bài Kinh ‘Tất Cả Lậu Hoặc’ (*Sabb-Āsava-Suttam’ M.I.i.2*) Đức Phật giải thích tình trạng hoài nghi phát sanh do tác ý không như lý (*ayoniso manasikāra*): ‘Người ấy tác ý không như lý theo cách này "Ta có mặt trong thời quá khứ, hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta sẽ

có mặt như thế nào trong thời vị lai?" Hay nay vị ấy có nghĩ ngờ về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?" Đức Phật giải thích tiếp rằng vị Thánh Đệ Tử không vướng mắc vào những hoài nghi như vậy, và chỉ tác ý đến Tứ Thánh Đế. Còn trong ‘Đại Kinh Ái Đoạn Tận’ (*Mahā-Tanhā-Saṅkhaya-Suttam’ M.I.iv.8*) ngài giải thích rằng tình trạng hoài nghi về quá khứ, tương lai và hiện tại này biến mất với sự phân biệt hay quán duyên khởi theo chiều thuận và chiều nghịch.

[19] Đức Phật giải thích sự khác biệt của kẻ phạm phu với các Bậc Thánh trong Kinh ‘*Paṭipanna Suttam’*; xem ghi chú cuối chương 39, trang 49.

[20] Trong ‘Kinh Thế Giới’ của Tương Ứng Kinh V (*‘Loka-Suttam’*. S.V.XII.iii.8) Đức Phật giải thích rằng Ngài là Bậc Thánh: **‘Này các Tỷ-kheo, trong các thế giới, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Như Lai là bậc Thánh.’**

[21] Trong Tương Ứng Sự Thực của Tương Ứng Bộ Kinh (*‘Sacca-Samyutta’* S.V.XII.vii/viii) Đức Phật đặt một ít đất trên đầu móng tay và so sánh nó với đất quả địa cầu. Dùng sự so sánh này như một ảnh dụ, Đức Phật giải thích: **‘Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu là nhân sanh dễ duôi. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu...từ bỏ sát sanh...từ bỏ tà dâm...từ bỏ nói dối...từ bỏ nói lời chia rẽ...từ bỏ nói lời thô ác...từ bỏ nói lời vô ích. Vì sao? Vì họ không thấy Tứ Thánh Đế.’** Cũng xem ghi chú cuối chương 32, trang 48.

[22] Chế ngự các căn: xem sự giải thích của Tôn giả ānanda nơi ghi chú cuối chương 45 trang 52.

[23] Đức Phật giải thích vô minh (sự bất tri) về Tứ Thánh Đế trong Kinh Koṭigama Thứ Nhất của Tương Ứng Bộ Kinh (*‘Paṭhama-Koṭigama-Suttam’* S.V.XII.iii.1) như sau: **‘Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, do không thông đạt bốn Thánh đế mà Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.’** Cũng xem ghi chú cuối chương 11 trang. 41; 15, trang 42 và 21, trang 44.

[24] Đức Phật giải thích sự quán tưởng này trong Kinh Tất Cả Lậu Hoặc của Trung Bộ I (*‘Sabb-āsava-Suttam’* M.I.i.2) như sau: **‘Ồ**

đây, vị Tỳ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng.’ Và đối với việc thọ dụng vật thực, chỗ ở, và dược phẩm cũng có một loại chân chánh giác sát hay quán tưởng tương tự.

[25] Chú giải nhắc đến lời giải thích của Đức Phật trong Kinh Tất Cả Lậu Hoặc: *‘Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lị phỉ báng. Vị ấy kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người.’*

[26] Chú giải nhắc đến lời giải thích của Đức Phật trong Kinh Tất Cả Lậu Hoặc như sau: *‘Ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (dục niệm ấy)’* Đây là những gì Đức Phật gọi là Chánh Tinh Tấn (*Sammā-Padhāna*): *‘Và thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh tinh tấn? Ở đây, vị Tỳ-kheo Này các Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.’* (D.ii.9 *‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam’* Đại Niệm Xứ Kinh) Cũng xem ghi chú cuối chương 44 trang 52 và 178, trang 555/Tập II.

[27] Đức Phật giải thích điều này trong ‘Đại Kinh Sáu Xứ’ (*‘Mahā-Saḷ-āyatanika-Suttam, M.III. v. 7*): *‘Với thượng trí, vị ấy liễu tri những pháp cần phải đoạn trừ. Với thượng trí, vị ấy đoạn trừ những pháp ấy.’*

[28] Đức Phật giải thích *Trí Xúc Định Danh Và Sắc* trong Trường Bộ II bài ‘Kinh Đại Niệm Xứ’ như sau: *‘Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo tuệ tri: “Đây là sắc, ... Đây là thọ, ... Đây là tưởng, Đây là hành, ... Đây là thức, ...”* Cũng xem phần trích dẫn Kinh dưới tiêu đề *‘Tiếng Rống Sư Tử’* trang 77.

[29] Đức Phật giải thích Trí Năm Bất (hiểu rõ) Nhân Duyên trong Kinh Đại Niệm Xứ (*‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’* D.II.9): **‘Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo tuệ tri: “Đây là sắc, đây là tập khởi của sắc...đây là thọ, đây là tập khởi của thọ...đây là tưởng, đây là tập khởi của tưởng...đây là các hành, đây là tập khởi của các hành...đây là thức, đây là tập khởi của thức...”’.**

[30] Đức Phật giải thích điều này trong Kinh Tập Pháp của Tương Ưng Bộ Kinh (*‘Samudaya-Dhamma-Suttaṃ’* S.III.I. xiii.1) như sau: **‘Ở đây, này Tỳ-kheo, kẻ vô văn phàm phu, không như thật biết rõ: “Sự sanh khởi của sắc pháp” là sự sanh khởi của sắc pháp, không như thật biết rõ: “Sự đoạn diệt của sắc pháp” là Sự đoạn diệt của sắc pháp, không như thật biết rõ: “Sự sanh khởi và đoạn diệt của sắc pháp” là sự sanh khởi và đoạn diệt của sắc pháp. Sự sanh khởi của thọ..., tưởng..., hành..., thức...là sự sanh khởi của thọ..., tưởng..., hành..., thức. Sự sanh khởi và đoạn diệt của thọ,...tưởng,...hành,...thức...là sự sanh khởi và đoạn diệt....”** Này các Tỳ-kheo, như thế gọi là vô minh. Cho đến như vậy được gọi là vô minh’. Rồi Ngài giải thích sự ngược lại đối với vị Đa Văn Thánh Đệ Tử. Xem thêm trích dẫn tại cuối Tập II, và ghi chú cuối chương 49, trang 54, và 50, trang 54.

[31] Đức Phật giải thích cách một người chế ngự năm triền cái với định trong Tiểu Kinh Dụ Dấu Chân Voi của Trung Bộ I. (*‘Cūla-Hatthi-Pad-Opama-Suttaṃ’* M.I.iii.7) như sau: **‘Vị ấy từ bỏ tham ái [một từ đồng nghĩa với dục tham], sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái, từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận, từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá, từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ. Sau khi đã từ bỏ năm triền cái, những phiền não của tâm, làm suy yếu trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp ác bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất...Như thế, này Bà-la-môn, được gọi là dấu chân của Đấng Thế Tôn.’**

[32] Tôn giả Ānanda giải thích một số phiền não đã được đoạn trừ cùng với Nhập Lưu Thánh Đạo trong ‘Kinh Trường Lão Ānanda’

của Tương Ứng Kinh (‘*Ānanda-Tthera-Suttam*’ S.V.XI.ii.3) như sau: **‘Kẻ vô văn phạm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với đức Phật, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với đức Phật. Và vị Đa văn Thánh đệ tử, thưa Hiền giả, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là tịnh tín bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn”. Kẻ vô văn phạm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với Pháp, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với Pháp. Và vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp... Như vậy là tịnh tín bất động đối với Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết... chỉ người có trí mới giác hiểu”. Kẻ vô văn phạm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với chúng Tăng... Như vậy là tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn... vô thượng phước điền ở đời”. Kẻ vô văn phạm phu, này Hiền giả, thành tựu ác giới... Như vậy là không có tịnh tín bất động... Như vậy tịnh tín bất động đối với các giới: “Các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định”. Do đoạn tận bốn pháp này, này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị trôi đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.’** Cũng xem ghi chú cuối chương 54, trang 55.

[33] Đức Phật giải thích sự tịnh chỉ của các phiền não trong Tương Ứng Kinh (‘*Raho-Gata-Suttam*’ S.IV.II.ii.1) như sau: **‘Đối với Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.’**

[34] Đức Phật giải thích có sự giải thoát khỏi các hành (hữu vi) như thế nào, để đến Niết Bàn (Vô Vi) trong Udana.viii.3 ‘*Tatiya-Nibbāna-Paṭisaṃyutta-Suttam*’ (Kinh Thứ Ba của Phần nói về Niết Bàn) như sau: **‘Vi rằng, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.’** Cũng xem ghi chú cuối chương 270, Tập II và ‘Hai Loại Bát Niết Bàn’, cuối Tập II

[35] Trong Kinh ‘Do Duyên Vô Minh’ của Tương Ứng kinh (‘*Avijjā-Paccaya-Suttam*, S.II.I.iv.5), Đức Phật giải thích rằng nếu một người chấp đoạn kiến, thời sẽ không có đời sống phạm hạnh (tu tập

giới, định và tuệ): *‘Tự ngã (jīva) là thân thể (tức xem tự ngã và thân thể là một, chết là hết), này các tỳ kheo, khi có tà kiến này, sẽ không có đời sống phạm hạnh.’* Chú giải giải thích rằng việc thực hành đời phạm hạnh là việc thực hành Thánh Đạo, nhắm tới sự huỷ diệt của luân hồi (chấm dứt tái sanh); vì lẽ với đoạn kiến sự luân hồi dù thế nào đi nữa cũng đã bị huỷ diệt, nên việc thực hành Thánh Đạo là vô nghĩa.

[36] Đức Phật giải thích sự đồng nhất hoá với năm uẩn làm phát sanh thân kiến như thế nào trong Kinh *‘Cái Này Là Tự Ngã’* của Tương Ưng Kinh (*‘So-Attā-Suttam’* S.III.III.i.3) như sau: **‘Do có sắc (thọ, tưởng, hành, thức), này các Tỳ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc (thọ, tưởng, hành, thức), (tà) kiến này khởi lên: “Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thể giới. Sau khi chết, tôi sẽ là cái ấy: một thực thể thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại.”**

[37] Trong Kinh ‘Do Duyên Vô Minh’ của Tương Ưng Kinh (*‘Avijjā-Paccaya-Suttam’* S.II.I.iv.5), Đức Phật giải thích rằng nếu một người chấp giữ thường kiến, cũng không có đời phạm hạnh: **“*Tự ngã và thân thể là khác*”**, chỗ ấy, này các Tỳ-kheo, không có đời Phạm hạnh.’ Chú giải giải thích rằng với tà kiến này, chỉ có thân thể bị huỷ diệt, trong khi linh hồn hay tự ngã ra đi tự do như chim thoát khỏi lồng, quan kiến này là thường kiến; việc thực hành đời phạm hạnh là việc thực hành Thánh Đạo, nhắm tới sự huỷ diệt của luân hồi (chấm dứt tái sanh); nếu như, thậm chí chỉ còn một hành bền vững, thường hằng, và bất diệt, việc thực hành Thánh Đạo cũng sẽ không đem lại một sự huỷ diệt của vòng luân hồi được, và trong trường hợp này thực hành Thánh Đạo kể như vô nghĩa. Đức Phật cũng nhấn mạnh điểm này trong Kinh ‘Đầu Móng Tay’ của Tương Ưng Kinh (*‘Nakkha-Sikhaa-Suttam’* S.III.I.x.5).

[38] Trong ‘Kinh Năm Ba’ của Trung Bộ (*‘Pañca-Itaya Suttam’* M.III.i.2) Đức Phật dùng lại ví dụ con chó bị trói buộc đang chạy vòng tròn, chạy vòng quanh cây cột trụ để giải thích tình trạng không thể giải thoát của những người tin tự ngã bị huỷ diệt sau khi chết. Và trong Thanh Tịnh Đạo, phần ‘Luận Bàn về Thức Uẩn’ (*‘Viññāna-khanddha-Kathā’* VsM.xiv. 445) thì giải thích: **‘Sau khi chết, có kiết sanh trở lại (rebirth-linking) trở lại; và sau kiết sanh là tâm hữu phần. Cứ thế dòng tâm tương tục hồi hải chạy qua các loại hữu, sanh thú, thức trú, hữu tình cư, liên tục không gián đoạn. Nhưng khi một người đạt đến A-la-hán Thánh quả, dòng tương tục ấy chấm dứt với sự chấm dứt của tử tâm của người ấy.’**

[39] Đức Phật giải thích niềm tin bất động của vị Thánh Đệ tứ nơi tám bậc Thánh Tăng trong ‘Kinh Đại Bát Niết Bàn’ của Trường Bộ (*‘Mahā-Parinibbāna-Suttam’ D.II.3*) như sau: **“*Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.*”** Trong ‘Kinh Tám Hạng Người’ của Tăng Chi Kinh (*‘Paṭhama-Puggala-Suttam’ A.VIII.II.i.9*), Đức Phật giải thích tám hạng người: **‘*Bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Dự lưu; Bậc Nhất lai, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Nhất lai; Bậc Bất lai, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả bất lai; Bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Tám hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính ... là ruộng phước vô thượng ở đời.*’** Và trong ‘*Paṭipanna-Suttam*’, ngài giải thích rằng một người có năm căn tinh thần (tín, tấn, niệm, định và tuệ) là một trong tám hạng thánh này, trong khi người người không có năm căn này là người đứng ngoài, tức đứng bên phía của phàm nhân (*bāhiro-puttu-jjana-pakkhe-tḥito*).’ Còn trong ‘Tiểu Kinh Sư Tử Hồng’ của Trung Bộ (*‘Cūḷa-Sīha-Nāda-Suttam’ M.I.ii*) Đức Phật giải thích rằng Bốn Bậc Thánh chỉ được tìm thấy trong Giáo Pháp của Đức Phật: **‘*Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây là có Sa-môn thứ nhất; ở đây là có Sa-môn thứ hai; ở đây là có Sa-môn thứ ba; ở đây là có Sa-môn thứ tư; các ngoại đạo khác (parappavāda) không có Sa-môn.*’** Cũng xem ghi chú cuối chương 294, Tập II.

[40] Về Tam Học, Đức Phật giải thích trong ‘Kinh Học Giới Thứ Nhất’ của Tăng Chi Kinh (*‘Paṭhama-Sikkhattaya-Suttam’ A.III.II.iv.9*) như sau: **‘*Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống có đạo đức; đầy đủ oai nghi chánh hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn (Pātimokkha), thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt; thọ trì học tập trong các học giới. Này các Tỷ-kheo đây gọi là tăng thượng giới học ... vị Tỷ-kheo, hoàn toàn ly dục, ly các bất thiện pháp... chứng và trú thiên thứ nhất... thiên thứ hai... thiên thứ ba... thiên thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng tâm học. Vị Tỷ-kheo như thực tuệ tri (hiểu đúng theo thực tại), “Đây là khổ”... “Đây là nhân sanh của khổ”... “Đây là sự diệt của khổ.”... “Đây là con đường dẫn đến sự diệt của khổ.”* Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng tuệ học.’** Cũng xem

‘Kinh Hữu Học’, tóm tắt trong ghi chú 334, trang 276.

[41] Đức Phật sử dụng từ này trong ‘Kinh Bhaddāli’ của Trung Bộ (*‘Bhaddāli-Sutta’* M.II.ii.5), khi ngài nói về mười pháp của bậc A-la-hán (*Tỷ-kheo thành tựu vô học chánh tri kiến, thành tựu vô học chánh tư duy, thành tựu vô học chánh ngữ, thành tựu vô học chánh nghiệp, thành tựu vô học chánh mạng, thành tựu vô học chánh tinh tấn, thành tựu vô học chánh niệm, thành tựu vô học chánh định, thành tựu vô học chánh trí, thành tựu vô học chánh giải thoát.*) được xem là các pháp của bậc vô học. Theo sự phân loại đó thì kẻ vô văn phạm phu được gọi là không phải hữu học cũng không phải vô học (*n’eva-sekha-n-ā-sekha — phi hữu học phi vô học*).

[42] Trong ‘Kinh Đầu móng Tay’ của Tương Ưng Bộ Kinh (*‘Nakha-Sikha-Suttam’* S.V.XII.vi.1), Đức Phật đặt một ít đất trên đầu móng tay và so sánh nó với đất của địa cầu. Dùng sự so sánh ấy như một ảnh dụ, Ngài giải thích: ‘Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại. Đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt" không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn. Tức là trong thời gian tối đa là bảy lần [bảy kiếp sống nữa] là chấm dứt.’

[43] Đức Phật giải thích điều này trong ‘Kinh Các Sức Mạnh Rộng Thuyết’ của Tăng Chi Kinh (*‘Vitthata-Bala-Suttam’* A.VII.i.4) như sau: ‘Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng hổ thẹn, hổ thẹn (không để vương) những thân hành ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, hổ thẹn (không để vương vào) những pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tâm lực... Thánh đệ tử có lòng sợ hãi, sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sợ hãi với các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quý lực’

[44] Cũng trong Kinh trên Đức Phật giải thích tấn lực như sau: ‘Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, làm cho có được các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì, không có bỏ qua một bên bốn phạm đối với các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn lực.’ Cũng xem ghi chú cuối chương 26 trang 45 ở trên.

[45] Tôn giả Ānanda giải thích điều này trong ‘Kinh Hữu Học’

của Trung Bộ (*'Sekha-Suttam'* M.II.i.3) như sau: *'...khi mắt thấy sắc...tai nghe tiếng... mũi ngửi mùi... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị Thánh Đệ Tử không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Vì lẽ, nếu vị ấy để cho (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và) tâm không được chế ngự, các ác, bất thiện pháp thuộc tham và sân có thể xâm chiếm tâm vị ấy, nên vị ấy phải thực hành cách chế ngự nó, thực hành sự phòng hộ nhân căn (nhĩ, tĩ, thiệt, thân), thực hành sự phòng hộ ý căn. Đó là cách vị Thánh đệ tử hộ trì các căn'*. Và trong 'Kinh Ví Dụ Con Rùa' của Tương Ứng Kinh (*'Kumm-Opama-Suttam'* S.IV.I.xix.3) Đức Phật khuyên các vị tỳ kheo phải giữ gìn sáu căn cũng như con rùa giữ chân tay của nó trong tấm mai, khi con giã can tiến đến vậy. SA (Chú giải Tương Ứng Kinh) giải thích rằng nhờ giữ tâm bên trong tấm mai đối tượng thiền (*ārammaṇa-kapāle*) của mình vị tỳ kheo không cho phép các phiền não có cơ hội sanh khởi. Và trong 'Kinh Khó Làm' của Tương Ứng (*'Du-kkara-Suttam'* S.I.I.ii.7) ở đây Đức Phật cũng đưa ra ví dụ con rùa (*...Nhr rùa rút chân cứng, Trong mai rùa của mình. Vị Tỳ-kheo cũng vậy, Thân nhiếp mọi suy tư...*) và phụ chú giải thích rằng tấm mai đối tượng của vị tỳ kheo là hành xứ (*gocara*) của vị ấy. Và hành xứ của vị tỳ kheo được Đức Phật giải thích trong 'Kinh Con Chim Ưng' của Tương Ứng Bộ kinh (*'Sakuṇagghi-Suttam'* S.V.III.i.6) như sau: *'Và này các Tỳ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỳ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của tổ tiên vị ấy? Chính là bốn niệm xứ (Cattāro-Satipaṭṭhāna) [~ samatha và vipassanā]*.⁴⁶ Cũng xem lời giải thích của Đức Phật ở ghi chú 461, trang 373.

[46] Đức Phật giải thích điều này trong 'Kinh Căn Tu Tập' của Trung Bộ (*'Indriya-Bhāvana-Suttam'* M.III.v.10) như sau: *'Ở đây, này Ananda, Tỳ-kheo mắt thấy sắc..., tai nghe tiếng..., mũi ngửi hương..., lưỡi nếm vị..., thân cảm xúc..., sau khi ý nhận thức pháp, vị ấy khởi lên khả ý [lạc thọ], khởi lên bất khả ý [khổ thọ], khởi lên khả ý và bất khả ý [bất khổ bất lạc thọ]. Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý và bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu não, tầm quý, ghét bỏ. Như vậy, này Ananda là vị hữu học đã nhập vào đạo lộ [một vị hữu học Thánh Đệ Tử là như vậy]. Và trong 'Kinh Đa Giới' (*'Bahu-Dhātuka-Suttam'* M.III.ii.5), Ngài giải thích: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể xem các hành (saṅkhāra) là lạc (sukhato). Sự kiện như vậy không có**

xây ra". Và "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu rằng một người phạm phu xem các hành là lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

[47] Bất Lai Thánh Đạo đã đoạn trừ hoàn toàn tham dục, và đó là lý do vì sao bậc Thánh Bất Lai hoàn toàn không thể hưởng dục. Tuy nhiên, bậc Thánh Nhập Lưu và bậc Thánh Nhất Lai chỉ làm suy yếu tâm tham đối với các dục lạc thô nào có thể đưa đến tái sanh trong bốn ác đạo. Chính vì vậy, bậc Thánh Nhập Lưu và bậc Thánh Nhất Lai vẫn có thể hưởng các dục lạc hợp theo Pháp (*Dhammika*), mà không phạm vào ngũ giới, cũng như bất cứ nghiệp nào trong mười bất thiện nghiệp đạo (xem ‘Mười Bất Thiện Nghiệp Đạo’ trang 234). Chẳng hạn như bà Visākha, một đại tín nữ của Đức Phật, là một bậc Thánh Nhập Lưu nhưng vẫn thọ hưởng những lạc thú của người gia chủ, và có sự luyện ái đối với con, cháu của mình. Trong Kinh Visākha (*‘Visākha-Suttam’* U.viii.8) bà nói với Đức Phật là bà muốn có nhiều con, cháu đông như dân chúng trong thành Sāvatti. Nghe như vậy Đức Phật lưu ý bà sự kiện rằng mỗi ngày đều có những người chết trong thành Sāvatti, và điều đó có nghĩa là bà sẽ luôn luôn phải than khóc cái chết của một người con hay cháu của mình. Còn trong ‘Kinh các lễ Uposatha’ của Tăng Chi Kinh (*‘Uposatha-Suttam’* A.III.II.ii.10) Đức Phật giải thích cho bà cách làm thế nào để giữ bát quan trai giới. Đức Phật cũng có những đại thí chủ nam, như trưởng giả Cấp Cô Độc (*Anāthapiṇḍika*), một bậc Thánh Nhập Lưu hưởng dục, và Đức Phật đã dạy cho ông một số bài kinh nói về cách mà một người gia chủ hưởng dục có thể làm: chẳng hạn trong ‘Kinh Không Mặc Nợ’ của Tăng Chi Kinh (*‘Āṇanya-Suttam’* A.IV.II.ii.2) Đức Phật giải thích bốn loại lạc mà một người gia chủ hưởng dục có thể thụ hưởng: ‘Có bốn loại an lạc này, này Gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thâm hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? Lạc sở hữu, lạc thọ dụng, lạc không mắc nợ, lạc không phạm tội.’ 1) sở hữu: Ở đây, này Gia chủ, tài sản của người thiện nam tử, thâm hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâm hoạch đúng pháp. Vị ấy suy nghĩ: "Ta có tài sản, thâm hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay... thâm hoạch đúng pháp." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này Gia chủ, đây gọi là lạc sở hữu. 2) tài sản: Ở đây, này Gia chủ, thiện nam tử thọ hưởng những tài sản thâm hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được... thâm hoạch đúng pháp và làm các việc phước đức. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta thọ hưởng những

tài sản thân hoạch được do nỗ lực tinh tấn... thân hoạch đúng pháp và ta làm các phước đức." Nghĩ vậy vị ấy được lạc, được hỷ. Nay Gia chủ, đây gọi là lạc tài sản. 3) không mắc nợ: Ở đây, này Gia chủ, vị thiện gia nam tử không có mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta không có mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Nay Gia chủ, đây gọi là lạc không mắc nợ. 4) không phạm tội: Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành không phạm tội, thành tựu khẩu hành không phạm tội, thành tựu ý hành không phạm tội. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta thành tựu thân hành không phạm tội, khẩu hành không phạm tội, ý hành không phạm tội". Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Nay Gia chủ, đây gọi là lạc không phạm tội. Cũng trong Tăng Chi bài 'Kinh Ādiya-Suttam' ('*Ādiya-Suttam*' A..V.I.v.1) Đức Phật giải thích năm lý do để trở nên giàu có: 1) thọ hưởng tài sản với của mình với gia đình, người phục vụ và người làm; 2) thọ hưởng tài sản của mình với bạn bè và đồng sự; 3) giữ gìn tài sản của mình an toàn (không để bị lửa cháy, nước cuốn trôi, vua chúa tịch thu, trộm đạo và con cái phá sản...); 4) tiêu dùng cho thân quyến, khách khứa, người quá vãng, vua chúa, chư thiên; 5) cúng dường đến các Samôn, Bà-la-môn nào ly kiêu mạn, ly phóng dật, an trú nhẫn nhục, nhu hòa, nhiếp phục tự thân, an tịnh tự thân, làm lắng dịu tự thân, để chứng đắc Niết Bàn. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản. Một vị dụ thứ ba nữa là Mahānāma, vua của dòng tộc Thích Ca (Sakyan) và cũng là một bậc Thánh Nhất Lai. Trong 'Tiểu Kinh Khổ Uẩn' của Trung Bộ ('*Cūḷa-Dukkha-Kkhandha-Suttam*' M.I.ii.4) Mahānāma giải thích cho Đức Phật biết rằng: "Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm". Tuy vậy, đôi lúc các tham pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các sân pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các si pháp chiếm cứ tâm con và an trú." Đức Phật nhân đó mới giải thích cho ông biết rằng sở dĩ có điều này là vì ông vẫn chưa đoạn trừ được dục. Và ngài giải thích thêm rằng nếu sự hiểu biết của về những nguy hiểm của các dục lạc được hỗ trợ bằng việc kinh nghiệm các lạc ngoài dục lạc (như lạc của sơ thiên, nhị thiên...), hoặc bằng một pháp tịnh lạc hơn thế (như tam thiên và tứ thiên) ắt hẳn ông sẽ không sống như một người gia chủ thọ hưởng các dục lạc.

[48] Tôn giả Ānanda giải thích điều này trong 'Kinh Hữu Học' của Trung Bộ ('*Sekkha-Suttam*', M.II.i.3) như sau: 'Ở đây, này Mahanama, vị Thánh Đệ Tử hoàn toàn ly dục, ly bất thiện pháp, chứng

và trú Sơ thiên, ... nhị thiên... tam thiên... tứ thiên..., đó là lý do vì sao, này Mahanama, một vị Thánh đệ tử thành tựu bốn bậc thiên, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.’ Trong ‘Kinh Sức Mạnh Rộng Thuyết’ của Tăng Chi Kinh (*Vitthata-Bala-Suttam’* A.VII.i.4) Đức Phật cũng giải thích điều này và trong ‘Đại Kinh Bốn Mươi’ của Trung Bộ (*Mahā-Cattarīsaka-Suttam’* M.III.ii.7), Đức Phật giải thích bốn bậc thiên là Chánh Định (*Sammā-Samādhi*). Còn trong Thanh Tịnh Đạo, phần ‘Giải Về Kiến Tịnh’ (*Diṭṭhi-Visuddhi-Niddesa’* VsM.xviii.662) thì giải thích như sau: ‘Tâm thanh tịnh là tám thiên chứng cùng với cận định’, như vậy tâm thanh tịnh là một với Chánh Định.

[49] Đức Phật giải thích cái thấy sự sanh và diệt của vị Thánh Đệ Tử trong ‘Kinh Sức Mạnh Rộng Thuyết’ của Tăng Chi Kinh (*Vitthata-Bala-Suttam’* A.VII.i.4) như sau: **‘Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt (udayatthagāminiyā paññāya), trực tiếp đưa đến ly dục, trực tiếp đưa đến chon chánh đoạn diệt khổ đau.’** Cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 30, trang 46.

[50] Đức Phật giải thích điều này trong ‘Kinh Thánh Đệ Tử’ của Tương Ứng Kinh (*Ariya-Sāvaka-Suttam’* S.II. I.v.9) như sau: ‘Vị Đa văn Thánh đệ tử không duyên một ai khác, ở đây có trí như sau: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi.” ... Như vậy vị ấy tuệ tri: ‘Đây là cách thế gian tập khởi.’... “Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt.”... Như vậy vị ấy tuệ tri: ‘Đây là cách thế gian diệt.’”

[51] Đức Phật giải thích điều này trong ‘Kinh Kaccānagotta’ của Tương Ứng Kinh (*Kaccānagotta-Suttam’* S.II.I.v.9) như sau: ‘Nhưng, này Kaccāyana, khi một người thấy (hợp theo thực tại, với chánh trí tuệ) tập khởi của thế gian [duyên sanh theo chiều thuận], thời không có sự phi hiện hữu đối với thế gian [đoạn kiến]. Và, này Kaccāyana, khi một người thấy (hợp theo thực tại, với chánh trí tuệ) sự đoạn diệt của thế gian [duyên sanh theo chiều nghịch], thời không có sự hiện hữu trong thế gian (thường kiến).’ xem thêm ghi chú 272, trang 219.

[52] Đức Phật giải thích điều này ‘Kinh Không Thế Có Được’ của Tăng Chi Kinh (*Aṭṭhāna-Pāḷi’* A.I.xv.1) như sau: ‘Sự kiện này

không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận bất cứ hành nào (*saṅkhāra*) là ngã (*attato*), sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận một hành nào đó là ngã, sự kiện này có xảy ra.'

[53] Trong 'Kinh Sức Mạnh Rộng Thuyết' của Tăng Chi Kinh ('*Vitthata-Bala-Suttam*' A.VII.i.4) Đức Phật giải thích điều này như sau: '**Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử nghe nhiều, ghi nhớ những gì đã nghe, củng cố vững chắc những gì đã nghe. Những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là văn tài.**' Và trong 'Kinh Đa Giới' của Trung Bộ ['*Bahu-Dhātuka-Suttam*' M.III.ii.5) Đức Phật giải thích chi tiết hơn: '**Khi, này Ānanda, vị Tỷ kheo thiện xảo về các giới (*dhātu*), thiện xảo về các xứ, thiện xảo về duyên khởi, thiện xảo về xứ, phi xứ (thiện xảo về điều có thể xảy ra và điều không thể xảy ra), theo cách đó vị ấy được gọi là một bậc hiền trí, một người biết suy tư tìm hiểu.**'

[54] Cũng trong Kinh 'Sức Mạnh Rộng Thuyết' trên Đức Phật giải thích: 'Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn". Và trong 'Kinh Dīghāvu' của Tương Ưng Bộ Kinh ('*Dīghāvu-Suttam*' S.V.XI.i.3), cư sĩ Dīghāvu giải thích cho Đức Phật: Bạch Thế Tôn, đối với bốn pháp của bậc Nhập Lưu do Thế Tôn thuyết giảng, tất cả các pháp ấy đều có ở trong con. Con thực hiện chúng đầy đủ. Vì, bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn... Đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Con thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không sứt mẻ... đưa đến Thiên định".

[55] Đức Phật giải thích điều này trong 'Kinh Hữu Học' của Tương Ưng Bộ Kinh 9 '*Sekha-Suttam*' S.V.IV.vi.3) như sau: 'Vị ấy [bậc hữu học] rõ biết như sau: "**Quả thực, ngoài Giáo Pháp của Đức Phật, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn.**"

[56] Đức Phật giải thích điều này trong 'Kinh Veḷu-Dvāreyya'

của Tương Ứng Bộ Kinh (*'Velu-Dvāreyya-Suttam' S.V.XI.i.7*) như sau: ***'Nếu vị ấy muốn, vị ấy có thể tuyên bố về mình: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loại bàng sanh, đoạn tận cõi ngã quỷ, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, chắc chắn không còn bị thối đọa, với sự giác ngộ viên mãn là nơi đến của ta.'***

[57] Trong 'Kinh Hữu Học Thứ Hai' (*'Dutiya-Sikkhā-Suttam' A.III.II.iv.7*) Đức Phật giải thích rằng bậc Thánh Nhập Lưu tối đa chỉ còn bảy lần tái sanh, bậc Thánh Nhất Lai tối đa một lần tái sanh làm người, và bậc Thánh Bất Lai tái sanh cõi Phạm Thiên, tại đây cuối cùng vị ấy sẽ đắc A-la-hán thánh quả và nhập Vô-dur Niết-bàn. Để biết thêm chi tiết về từng bậc Thánh Đệ Tử, xem 'Bốn Đạo Trí', Tập II

Chương II

II - ‘KINH DÂY TRÓI BUỘC THỨ HAI’ (‘*Dutiya Gaddula-Baddha-Suttam*’)

Con Chó Gắn Cây Cột

Kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai⁵⁹ mở đầu giống như bài kinh thứ nhất. Ở đây cũng vậy, Đức Phật đưa ra ảnh dụ một con chó bị buộc vào cổ một khúc cây và trói chặt vào một cây cột trụ. Nhưng trong bài kinh này Đức Phật không nói về việc con chó chạy vòng quanh cây cột trụ; mà ở đây, ngài nói về con chó đi gần cây cột trụ, hay đứng, ngồi, nằm gần cây cột trụ:

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ngụ tại Sāvatti, trong khu rừng của Thái-tử Kỳ Đà (Jeta), chùa của ông Cấp-cô-độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó Đức Thế Tôn nói với các vị Tỷ kheo như sau:

Vô thử, này các Tỷ-kheo, là sự luân hồi này. Điểm bắt đầu không thể nêu rõ đối với chúng sanh bị vô minh che đậy, bị khát ái trói buộc, phải lưu chuyển, luân hồi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có con chó bị dây thừng trói chặt vào một cây cột trụ vững chắc. Nếu nó có đi, nó chỉ đi tới cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó đứng, nó chỉ đứng gần cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó ngồi, nó chỉ ngồi gần

⁵⁹ S.III.I.x.8 ‘*Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam*’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’).

cây cột hay cột trụ ấy. Nếu nó nằm, nó chỉ nằm gần cây cột hay cột trụ ấy.

Như đã giải thích trước đây, con chó không thể chạy đi bởi vì nó đang mang một khúc cây, và bị cột chặt vào một cây trụ hay trụ cột vững chắc bằng một sợi dây. Bất cứ tư thế nào nó sử dụng, dù là đi, đứng, ngồi, hoặc nằm, nó vẫn gắn với cây trụ hay cột trụ.

Cái Đây Là Của Tôi, Cái Đây Là Tôi, Cái Đây Là Tự Ngã Của Tôi

Cũng như trước, Đức Phật so sánh con chó với kẻ vô văn phạm phu.⁶⁰

Cũng vậy, này các tỳ kheo, kẻ vô văn phạm phu,

[1] xem sắc như: ‘*Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi*’;

[2] xem thọ như: ‘*Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi*’;

[3] xem tưởng như: ‘*Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi*’;

[4] xem các hành như: ‘*Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi*’;

[5] xem thức như: ‘*Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.*’

Trong bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ nhất Đức Phật giải thích kẻ vô văn phạm phu xem năm thủ uẩn như liên hệ đến tự ngã theo hai mươi cách: đó là hai mươi loại thân kiến. Nhưng ở đây, trong bài kinh này Đức Phật giải thích rằng kẻ vô văn phạm phu xem năm thủ uẩn như liên hệ với tự ngã

⁶⁰ Để biết thêm chi tiết về kẻ vô văn phạm phu, xem lại ‘Kẻ Vô Văn Phạm Phu’, trang 11.

chỉ theo ba cách:

- 1) Kẻ vô văn phạm phu xem năm thủ uẩn như ‘Cái này là của tôi’ (*etaṃ mama*). Đó là một sự thể hiện của ái chấp (*taṇhā-ggāha*).
- 2) Kẻ vô văn phạm phu xem năm thủ uẩn như ‘Cái này là Tôi’ (*eso-ham-asmi*). Đó là một sự thể hiện của mạn chấp (*māna-ggāha*).
- 3) Kẻ vô văn phạm phu xem năm thủ uẩn như ‘Cái này là tự ngã của tôi’ (*eso me attā*). Đó là một sự thể hiện của kiến chấp (*diṭṭhi-ggāha*), vốn là hai mươi loại thân kiến (*sakkāya-diṭṭhi*) đã được Đức Phật giải thích trong bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ nhất.

Ba loại chấp này luôn luôn phối hợp với vô minh (*avijjā*), và tham ái (*taṇhā*); nói chung khi có thân kiến thì luôn luôn có vô minh và tham ái.

Thân kiến, tham ái và vô minh che đậy con mắt trí tuệ của kẻ vô văn phạm phu. Chúng ngăn anh ta hay cô ta không cho thấy sắc chân đế và danh chân đế đúng theo thực tại. Do sự mù loà này, kẻ vô văn phạm phu không thể thấy được rằng danh và sắc chân đế là vô thường, khổ, và vô ngã. Và anh ta hay cô ta trở nên kiêu mạn (*māna*). Mạn, vô minh và tham ái, hay thân kiến, vô minh và tham ái, khiến cho kẻ vô văn phạm phu làm những hành động thiện và bất thiện qua thân, khẩu và ý. Hành động này gọi là Nghiệp (*kamma*): hoặc thiện nghiệp (*kusala kamma*) hoặc bất thiện nghiệp (*akusala kamma*).

Người Ấy Đi Gắn Với Năm Thủ Uẩn

Nghiệp lực của những hành động này có khả năng tạo

ra sự hiện hữu mới sau khi chết, và điều này có nghĩa là kẻ vô văn phạm phu không thoát khỏi vòng tái sinh luân hồi. Khi đã có tái sinh mới (*puna-bhav-ābhinipphati*), thời cũng có bệnh mới, già và chết mới, sầu mới, bi mới, khổ mới, ưu mới, và não mới: tóm lại có năm uẩn mới. Không thoát khỏi năm uẩn có nghĩa là kẻ vô văn phạm phu không thoát khỏi khổ, không thoát khỏi vòng tử sinh luân hồi:

- Nếu y đi, thời y đi gần với năm thủ uẩn ấy;
- Nếu y đứng, thời y đứng gần với năm thủ uẩn ấy;
- Nếu y ngồi, thời y ngồi gần với năm thủ uẩn ấy;
- Nếu y nằm, thời y nằm gần với năm thủ uẩn ấy.

Con chó mang một khúc cây, và bị cột chắc vào một cây cột trụ vững chắc bằng một sợi dây, như vậy có nghĩa là nó không thể tự thoát khỏi cây cột trụ vững chắc. Tương tự, kẻ vô văn phạm phu mang một khúc cây chấp chặt thân kiến (*sakkāya ditṭhi*), và bị cột sát vào cây cột trụ năm thủ uẩn bằng sợi dây tham ái (*taṇhā*). Điều đó có nghĩa là kẻ vô văn phạm phu không thể thoát khỏi cây trụ cột năm thủ uẩn vững chắc; và như vậy không thoát khỏi vòng tái sinh luân hồi (*samsāra*)⁶¹[58]

Trong Một Thời Gian Dài Tâm Nay Đã Bị Ô Nhiễm.

Chính vì lý do này mà Đức Phật đã đưa ra lời khuyên sau:

⁶¹ Năm thủ uẩn ở đây có nghĩa là những gì kẻ vô văn phạm phu chấp chặt vào: ngoài ra không có gì khác để chấp. Mặc dù cũng có năm uẩn, nhưng Bạc Thánh không chấp thủ vào đó với bất kỳ một loại nào trong hai mươi loại thân kiến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham (*rāga*), sân (*dosa*), si (*moha*) nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô (*citta-saṃkilesā*), này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh (*citta-vodānā*), chúng sanh được thanh tịnh".

Bức Tranh Tưởng Tượng

Kế tiếp, Đức Phật giải thích tâm (*citta*) bằng cách so sánh nó với một bức tranh tưởng tượng:

Các vị đã từng thấy, này các Tỷ-kheo, ‘bức tranh du hành’ chưa? (Thưa có, bạch Đức Thế Tôn)

Ngay cả ‘bức tranh du hành’ đó, này các Tỷ-kheo, cũng chỉ do tâm ảo tưởng ra. Và tuy thế, này các Tỷ-kheo, tâm còn tưởng tượng hơn ‘bức tranh du hành’ nữa’.

Bức tranh được đề cập ở đây là ‘bức tranh du hành’ (*carana citta*).⁶² Sở dĩ nó mang tên đó là vì các vị Bà-la-môn gọi là Saṅkhas đi du hành đây đó với bức tranh này để thuyết giảng giáo lý của họ. Để minh họa những vận hành của nghiệp, họ vẽ lên khuôn vải những hình ảnh tưởng tượng về những sanh thú tốt và xấu (thiên đàng và địa ngục). Xong họ mang bức tranh ấy theo trên đường du hành. Chỉ vào bức tranh ấy, họ sẽ giải thích cho mọi người biết rằng: ‘Nếu ai tạo nghiệp này, họ sẽ gặt quả này; nếu ai tạo nghiệp nọ, họ sẽ gặt quả nọ.’

Một bức tranh tưởng tượng như vậy rất là giàu chất tưởng tượng. Nhưng tâm thậm chí còn ảo tưởng hơn thế. Bởi vì muốn vẽ nó trước tiên người ta phải tưởng tượng ra hình

⁶² sự giải thích này xuất phát từ chú giải của bài kinh ‘Dây Trôi Buộc’ thứ hai.

ảnh gì để vẽ, và sắp xếp hình ảnh như thế nào cho ấn tượng, và rồi họ mới vẽ nó theo sự tưởng tượng của mình. Chẳng hạn, họ có thể tưởng tượng ra một viên ngọc sáng hơn cả mặt trời, dù một viên ngọc như vậy không thể nào có.

Với ví dụ về bức tranh du hành này của Đức Phật, có lẽ chúng ta có thể hiểu được rằng tâm ảo tưởng như thế nào. Đó là lý do vì sao Đức Phật nói:

Ngay cả ‘bức tranh du hành’ đó, này các Tỳ kheo, cũng chỉ do tâm tưởng tượng ra. Và tuy thế, này các Tỳ kheo, tâm còn ảo tưởng hơn cả ‘bức tranh du hành’ ấy nữa’.

Và Ngài thêm:

Do vậy, này các Tỳ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này bị tham, sân, si nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỳ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

Cõi Súc Sanh

Kế tiếp, Đức Phật giải thích tâm bằng cách so sánh nó với tính đa dạng lạ lùng của các hữu tình trong cõi súc sanh:

Ta không quán thấy một bộ loại nào khác lại đa dạng lạ lùng như các hữu tình thuộc loại súc sanh. Ngay cả như vậy, này các Tỳ kheo, các hữu tình thuộc loại súc sanh ấy cũng chỉ do tâm ảo tưởng (mà thành). Do vậy, này các Tỳ-kheo, tâm còn đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy.

Điều Đức Phật nhấn mạnh ở đây là tính đa dạng lạ lùng của các sinh vật trong cõi súc sanh phản ánh tính đa dạng của những nghiệp quá khứ vốn tạo ra sự tái sanh của

chúng như các con vật. Tính đa dạng của nghiệp đó xuất phát từ tính đa dạng lạ lùng của tham ái (*taṇhā*), vốn là một tâm sở bất thiện.

Chẳng hạn,⁶³những con chim cú và gà gô trong tiền kiếp của chúng chắc chắn không tạo những nghiệp này nghiệp kia với ý nghĩ: ‘*Chúng ta sẽ trở thành một chúng sanh với những đặc tính như thế này, thế này.*’ Mà chính khi nghiệp lực của một tiền nghiệp nào đó chín mùi, nó sẽ tạo ra quả tái sanh vào một loài nào đó, như thành một con chim cú hay thành một con gà gô vậy. Và tính chất đa dạng của diện mạo bề ngoài, của lối sống...trong cõi súc sanh tùy thuộc vào các loài. Những chúng sanh sanh trong một loài đặc biệt nào đó sẽ sống hợp theo cách của loài chúng được sanh vào đó. Như vậy tính đa dạng biểu hiện qua bộ loại của các chúng sanh, và phản ánh tính đa dạng của nghiệp.

Thí dụ, nếu trong một kiếp sống quý vị hoàn tất đủ thiện nghiệp để trở thành một con người, và nếu nghiệp lực của nghiệp (thành người) đó chín mùi vào lúc cận tử, quý vị sẽ xuất hiện trong chủng loại người (*manussa yoni*), với năm uẩn của một con người. Đó là lý do vì sao cha mẹ và con cái thường thường giống nhau.

Theo cách tương tự, nếu trong một kiếp sống quý vị hoàn tất một bất thiện nghiệp để trở thành một con chim cú, và nếu nghiệp lực của nghiệp ấy chín mùi, quý vị sẽ xuất hiện trong chủng loại chim cú, với năm uẩn của một con chim cú. Đó là lý do vì sao sự đa dạng của các con vật được biểu hiện qua chủng loại, và chủng loại thì phản ánh tính đa dạng của nghiệp đời trước vậy.

Đó là lý do vì sao Đức Phật nói:

⁶³ Ví dụ này được đưa ra trong chú giải của bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ thứ hai.

Ngay các hữu tình thuộc loại bàng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, cũng chỉ do tâm ảo tưởng (mà thành) Và tuy vậy, này các Tỷ-kheo, tâm lại còn đa dạng hơn các hữu tình thuộc loại súc sanh ấy.

Và Ngài thêm:

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này đã bị tham, sân, si làm nhiễm ô. Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

Sự Đa Dạng Của Tính Khí

Khi Đức Phật nói tâm còn ảo tưởng hơn cả bức tranh du hành, và đa dạng hơn các hữu tình trong loài súc sanh, ngài đang ám chỉ đến tính đa dạng ảo tưởng của nghiệp thức (*kamma-viññāṇa*), tức sự đa dạng ảo tưởng của thức phối hợp với nghiệp lực. Chính nghiệp này đã phân biệt các hữu tình chúng sinh thành ra có hạ liệt và cao thượng.⁶⁴

Chẳng hạn, quý vị thấy con người có những tính khí khác nhau. Tính khí của một người là kết quả của nghiệp đã hoàn tất trong những kiếp trước.⁶⁵

Ví dụ, trong một tiền kiếp trước, quý vị đã hoàn tất một thiện nghiệp, như bố thí, giữ ngũ giới hay bát quan trai

⁶⁴ Về điều này xem những lời dạy của Đức Phật ở bài Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt, trang 578, Tập II.

⁶⁵ DhSA.i.498 ‘*Attā-Mahā-Vipāka-Citta-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Tám Tâm Đại Quả’) E.355-356.

giới, hoặc hành thiền (*bhāvanā*). Và quý vị làm công việc đó với ước nguyện mạnh mẽ được hưởng những dục lạc trong tương lai. Có lẽ quý vị nguyện rằng thiện nghiệp mà quý vị làm đây sẽ được sanh làm người giàu sang trong các kiếp sống tương lai, hoặc nguyện rằng nó sẽ cho quả tái sanh trong thiên giới, nhờ vậy quý vị có thể được thọ hưởng những thiên lạc. Và nếu, do nhờ thiện nghiệp đó, quý vị được tái sanh làm người, quý vị sẽ có một ước muốn thọ hưởng các dục lạc mãnh liệt. Như vậy quý vị sẽ có một tính khí tham (*rāga-carita: tánh tham*).⁶⁶[59]

Cũng có thể quý vị đã hoàn tất thiện nghiệp với sân. Chẳng hạn, quý vị làm việc bố thí hay cúng dường, nhưng với tâm sân: có lẽ do quý vị không thích người đi chung, hay có lẽ quý vị cãi nhau với người khác về cách điều khiển việc bố thí, hay quý vị nổi sân với những người thọ nhận, hay quý vị cảm thấy bất mãn với những vật quý vị đang cúng dường. Quý vị cũng có thể giữ bát quan trai giới với tâm sân: sân vì quý vị không được ăn chiều, hay chán vì quý vị không được xem ti-vi... Và nếu, do thiện nghiệp ấy, quý vị được tái sanh làm người, quý vị sẽ là người rất dễ nổi sân và hay chán. Quý vị sẽ có một tính khí sân (*dosa-carita: tánh sân*).

Cũng có thể quý vị đã hoàn tất thiện nghiệp với tâm kiêu mạn, tức so sánh việc làm của mình với người khác: ‘Đồ cúng dường của những người khác quá tầm thường; của ta tốt hơn nhiều!’, ‘Hắn luôn luôn phạm giới, còn giới của ta thì trong sạch!’, ‘Cô ta chẳng bao giờ định tâm được, còn ta có thể nhập thiền suốt sáu tiếng!’, ‘Ta thấy được hai trăm

⁶⁶ Để biết thêm thiện pháp có thể là nhân cho sự khởi sanh của bất thiện pháp như thế nào, xem lời giải thích của Đức Phật trong ghi chú cuối chương 59 trang 73.

kiếp quá khứ, còn hẳn chỉ thấy được có hai kiếp!’, ‘Cô ta cúng dường món ăn quá ngon; điều đó đâu cần thiết. Ta cúng dường món ăn thường thôi; thế đủ tốt rồi!’, ‘Ta là một người xấu, cố gắng giữ giới đối với ta phỏng có ích gì!’ hay ‘Ta suy nghĩ quá nhiều; như vậy không thể hành thiền được, Ta sẽ chỉ đi làm các việc phước mà thôi! So đo thiện nghiệp của mình theo cách này là mạn: mạn hơn, mạn bằng và mạn kém.⁶⁷[60] Nếu, do nghiệp đó, quý vị được tái sinh làm người, quý vị sẽ có tánh khí kiêu mạn (*māna-carita*): luôn luôn so sánh mình với người khác. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho những người có tính khí ghen tị hoặc đố kỵ. Và những người có tánh si (*moha-carita*) có lẽ đã hoàn tất thiện nghiệp mà không hiểu biết quy luật của nghiệp, không hiểu biết rằng nghiệp họ đang làm là thiện nghiệp, và không hiểu biết rằng nghiệp ấy có thể tạo ra tái sinh.

Trái lại, nếu trong một tiền kiếp trước, quý vị hoàn tất thiện nghiệp với niềm tin kiên định (*okappana-saddhā*) nơi Tam Bảo (Phật – Pháp – Tăng), với niềm tin kiên định nơi quy luật của nghiệp và quả của nghiệp.⁶⁸ Và nếu, do nghiệp đó, quý vị được tái sinh làm người, quý vị sẽ là người có đầy đủ đức tin và lòng mộ đạo. Như vậy quý vị sẽ có một căn tánh đức tin (*saddhā-carita*).

Cũng có thể quý vị đã hoàn tất thiện nghiệp với tâm

⁶⁷ VbhA. xvii ‘*Khuddaka-Vatthu-Vibhaṅga*’ (‘Tiểu Sự Phân Tích’) giải thích sự hãnh diện và kiêu mạn ấy như những loại say mê: do dòng tộc, tên tuổi, tuổi trẻ, sức khoẻ, cuộc sống, thu nhập, màu da, sở học, sự thông minh, thành công, danh tiếng, giới, định... Những vấn đề này được nói đến rất nhiều trong Kinh Điển Pāli. Theo một cách phân loại khác thì mạn có chín cách, đó là: hơn ý hơn, hơn ý bằng, hơn ý thua; bằng ý hơn, bằng ý bằng, bằng ý thua; thua ý hơn, thua ý bằng, và thua ý thua.

⁶⁸ Để biết thêm những phân tích về Tín (*saddhā*), xem ‘Tín’, cuối Tập II.

từ (*mettā*) mạnh mẽ, như khi thực hiện việc bố thí hay cúng dường, quý vị làm với ước nguyện lớn lao mong cho những người thọ nhận được lợi ích từ sự bố thí của mình. Hay như khi tránh sát sanh quý vị cũng có lòng đại từ đối với những chúng sanh khác. Cũng có thể quý vị đã thực hành thiền tâm từ (*mettā-bhāvanā*) thành thói quen. Và nếu, do cận định của thiền tâm từ đó, hay do một thiện nghiệp làm với tâm từ đó, quý vị được tái sanh làm người, quý vị sẽ có một căn tánh từ ái (*mettā-carita*).⁶⁹

Hoặc, trong một tiền kiếp trước, quý vị đã thực hiện việc cúng dường với sự hiểu biết đúng về quy luật của nghiệp, nghĩa là hiểu rằng: ‘Nghiệp này có thể tạo ra sự tái sanh trong nhân giới hoặc thiên giới’, ‘Nghiệp này có thể là một nhân hỗ trợ cho sự chứng đắc Niết-bàn.’ Thậm chí quý vị đã phát triển được trí tuệ mạnh mẽ như minh sát trí chẳng hạn. Hoặc hành thiền minh sát trên danh-sắc của người thọ nhận, trên sắc của vật cúng dường, và trên danh-sắc của chính mình. Và nếu, do nhờ thiện nghiệp đó, quý vị được tái sanh làm người, quý vị sẽ có một căn ánh trí tuệ (*buddhi-carita*), và một cái tâm sắc bén. Và nếu nghiệp lực ấy tạo ra quả của nó ngay trong kiếp này bao gồm cả minh sát trí như hành xả trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*⁷⁰) chẳng hạn, quý vị sẽ có trí tuệ cực kỳ mạnh mẽ và sắc bén để chứng ngộ Niết-bàn. Nếu quý vị hành thiền chỉ và thiền minh sát, quý vị có

⁶⁹ DhSA.I.iii.498 ‘*Vipāk-Uddhāra-Kathā*’ (‘Luận Về Sự Hiểu Biết Quả’) E. 354, giải thích rằng tâm tục sinh của mỗi vị Phật là một tâm quả thiện dục giới, thọ hỷ, tam nhân (vô tham, vô sân, vô si) cộng với từ ái và vô trợ: xem bảng ‘3b: Danh Pháp của Tâm Hợp Trí’ trang 132.

⁷⁰ Về Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa*): xem Trí Xả Đối Với Các Hành (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāṇa* — *Hán dịch: Hành Xả Trí*) trang 221.

thể nhanh chóng thể nhập Tứ Thánh Đế.⁷¹

Chính vai trò mà tâm đóng này là lý do tại sao Đức Phật nói:⁷²

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải luôn luôn quán sát tâm của mình như sau: "Trong một thời gian dài, tâm này đã bị tham, sân, si làm nhiễm ô.

Do tâm nhiễm ô, này các Tỷ-kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, chúng sanh được thanh tịnh".

Triều Phú Keo Kiệt

Một ví dụ điển hình cho những gì chúng ta đã luận bàn ở trên là câu chuyện một nhà triệu phú đã chết ở Sāvattthi, không có người con hay người cháu nào để thừa kế tài sản⁷³. Vì thế tài sản ấy thuộc về Đức Vua Pasenadi của xứ Kosala. Và Vua đã kể cho Đức Phật biết chuyện người triệu phú ấy đã chết như một con người rất nghèo hèn như thế nào, mặc dù ông rất giàu.

Đức Phật nhân đó giải thích cho Vua biết rằng do trong một tiền kiếp trước người triệu phú này đã cúng dường vật thực đến một Đức Phật Độc Giác (*Pacceka-buddha*), kết quả ông được bảy lần tái sinh làm chư thiên, và bảy lần sinh làm người đều là triệu phú. Nhưng do vì trong kiếp quá khứ đó ông đã cảm thấy hối tiếc sau khi cúng dường đến Đức

⁷¹ Để biết thêm những chi tiết liên quan đến tâm đi kèm với một người đã hoàn tất thiện nghiệp, xem ‘Hạ Liệt Và Cao Thượng’. Về mối liên hệ giữa bất thiện và thiện, xem ghi chú 544, trang 435 Tập II.

⁷² S.III.I.x.8 ‘*Dutiya-Gaddula-Baddha-Suttam*’ (‘Kinh Dây Trói Buộc Thứ Hai’) đã trích dẫn ở trang 57 trên.

⁷³ S.I.III.ii.10 ‘*Dutiya-Aputta-Suttam*’ (‘Kinh Không Con Thứ Hai’).

Phật Độc Giác, nên trong những kiếp sanh làm người, tâm ông không khuynh hướng về việc chi tiêu tiền bạc cho sự thọ hưởng các dục lạc. Mặc dù là một phú gia, ông vẫn thích ăn uống kham khổ, mặc quần áo nghèo hèn, và đi trên một chiếc xe xập xệ.⁷⁴[61] Vì thế, sự bủn xỉn và keo kiệt của ông ta là do bất thiện nghiệp quá khứ của chính ông vậy.

Hai Anh Em

Một ví dụ điển hình khác là sự giải thích của Đức Phật về một tiền kiếp của Jotika.⁷⁵

Một lần, trong quá khứ rất xa xưa, có hai anh em. Họ làm chủ một cánh đồng mía lớn. Ngày nọ, người em cúng dường nước mía đến một vị Phật Độc Giác. Sau khi cúng dường xong, anh nguyện xin ba điều: một là, phước cúng dường này sẽ đem lại cho anh được hưởng hạnh phúc cõi người; hai là, phước cúng dường này sẽ đem lại cho anh được hưởng hạnh phúc cõi trời, và cuối cùng nó sẽ là một trợ duyên cho anh chứng đắc A-la-hán Thánh quả. Sau đó anh cúng dường một bát nước mía nữa cho Đức Phật Độc Giác nhân danh anh mình, và Đức Phật mang phần nước mía ấy về nơi trú ngụ của mình để chia cho các vị Phật Độc Giác khác. Khi người em kể lại việc cúng dường của mình cho người anh, người anh ngập tràn niềm hoan hỷ, và cũng khởi phát một lời nguyện. Nhưng anh không nguyện xin ba điều

⁷⁴ Đức Phật nói: ‘Do nghiệp đó (*tassa kammaṣṣa vipākena*), tâm không khuynh hướng (*namati*) về sự thọ hưởng món ăn ngon...áo quần xa xỉ...xe cộ sang trọng... chỉ thích thọ hưởng ngũ dục tầm thường. Để biết thêm về nghiệp quá khứ có tác dụng trên thái độ hiện tại của tâm như thế nào, xem những giải thích của Đức Phật trong ‘Kinh Velāma’, ghi chú cuối chương 61, trang 74.

⁷⁵ Dh.xxvi.34 ‘*Brāhmaṇa-Vagga*’ (‘Pháp Cú Kinh xxvi.34 Phẩm Bà La Môn’).

như người em. Anh chỉ nguyện một điều duy nhất: đó là chúng đắc A-la-hán Thánh Quả.

Khi hai anh em qua đời, họ được tái sanh thiên giới. Rồi, trong thời kỳ giáo pháp của Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassī),⁷⁶ họ tái sanh làm hai anh em trở lại trong một gia đình hiền lương. Khi đến tuổi trưởng thành họ lập gia đình và sống đời sống của những người gia chủ. Một hôm, họ nghe nói rằng Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian. Cùng với rất nhiều gia chủ khác, họ đi gặp Đức Phật, lễ cúng dường và nghe Pháp. Khi Đức Phật đang thuyết Pháp, người anh phát khởi một ước muốn mãnh liệt muốn từ bỏ đời sống người gia chủ để trở thành một vị Tỳ kheo: anh chính là người đã nguyện chỉ đắc A-la-hán Thánh Quả thuở trước. Nguyện lực của anh mãnh liệt đến mức anh giao hết tài sản cho người em để xuất gia làm Tỳ kheo, và chẳng bao lâu đoạn tận được khổ với A-la-hán Thánh Quả. Còn người em không thể từ bỏ được đời sống người gia chủ: anh vẫn còn dính mắc vào các dục lạc thế gian, và vì thế không đoạn tận được khổ. Thay vào đó, người em tiếp tục làm các việc cúng dường tứ sự đến Đức Phật và Chư Tăng: thậm chí anh còn dâng cúng một trú xứ rất đẹp cho Đức Phật.

Người anh, trong kiếp đó, chấm dứt được việc tái sanh, nhưng người em còn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi từ thời Đức Phật Tỳ-bà-thi cho đến thời Đức Phật Gô-ta-ma của chúng ta. Trong nhiều trăm ngàn đại kiếp, anh tiếp tục bị tái sanh. Nhưng nhờ những thiện nghiệp anh đã hoàn tất, có khi anh tái sanh thiên giới, có khi anh tái sanh cõi nhân loại. Chỉ đến thời Đức Phật của chúng ta, lúc đó với tên Jotika,

⁷⁶ Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassī): Vị Phật thứ sáu trước Đức Phật Gotama của chúng ta. Xem ‘Phụ Lục 2: Dòng Dõi Chư Phật’ cuối Tập I.

một vị trưởng khố giàu có, anh mới từ bỏ được các dục lạc, và trở thành một vị Tỳ kheo. Trong kiếp đó, cuối cùng anh đã đoạn tận được khổ, nhờ trở thành một vị A-la-hán.

Sau đó, Đức Phật giải thích sự kiện hai anh em đã có những tình trạng khác nhau là do những suy nghĩ khác nhau của họ khi hoàn tất thiện nghiệp như thế nào, và ngài nói lên bài kệ sau:

*Ai ái đã đoạn tận,
Bỏ nhà sống không nhà,
Ái-hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.*

Ở đây, ái và hữu (mong muốn tái sanh) được đoạn tận cũng giống như nói rằng con chó bị trói buộc đã cắt đứt được sợi dây buộc nó vào cây cột trụ vững chắc. Và nó đã khéo léo quăng bỏ khúc cây buộc vào cổ nó. Điều đó có nghĩa là, với sự chứng đắc Thánh Đạo và cuối cùng là A-la-hán Thánh Quả, kẻ vô văn phàm phu đã cắt đứt được sợi dây tham ái (*taṇhā*), đã khéo léo quăng bỏ được khúc cây thân kiến (*sakkāya diṭṭhi*), đã thoát khỏi cây trụ cột vững chắc của năm thủ uẩn (*pañc-upādāna-kkhandha*): và như vậy người ấy đã thoát khỏi vòng tái sanh luân hồi (*samsāra*).

Đến đây đã kết thúc ví dụ mà chúng tôi muốn đưa ra để giải thích tính đa dạng của nghiệp thức, hay nói khác hơn tính đa dạng của thức phối hợp với nghiệp lực, lý giải cho tính đa dạng trong (cấu tạo) năm uẩn, tính đa dạng trong các hữu tình chúng sanh.

Liên quan đến điều này, tôi muốn tiếp tục đề bàn về một bài kinh khác trong đó Đức Phật giải thích tính đa dạng của nghiệp và quả của nghiệp. Bài Kinh đó được gọi là

‘Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’⁷⁷. Tuy nhiên, để quý vị hiểu được bài Kinh ấy tốt hơn, trước hết chúng tôi sẽ bàn tương đối chi tiết về những vận hành của Nghiệp theo Nghiệp Quả Trí (*Kamma-Vipāka-Nāṇa*) của Đức Phật.

⁷⁷ Kinh này được bàn đến ở Chương IV, trang 578, Tập II.

Ghi Chú Cuối Chương của Chương II (Những Tham Khảo Kinh Điển)

[58] Trong Kinh Māgaṇḍiya của Trung Bộ Kinh (*‘Māgaṇḍiya Suttam’*, M.II. iii.5), Đức Phật giải thích cho một du sĩ ngoại đạo biết rằng nếu ông ta thọ trì việc học tập: ‘Thời Ông có thể nghĩ như sau: *“Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt. Vì khi chấp thủ, ta đã chỉ chấp thủ sắc, ... chấp thủ thọ, ... chấp thủ tưởng, ... chấp thủ các hành, ... chấp thủ thức, ”*

[59] Trong Bộ Duyên Hệ (*Paṭṭhāna-Pāli*) phần Thân Y Duyên (P.I.423 *‘Upanissaya-Paccayo: Decisive-Cause*), Đức Phật giải thích việc thiện pháp có thể trở thành một thân y duyên cho sự sanh khởi của bất thiện pháp như thế nào. [1] Cảnh Thân Y Duyên (*ārammaṇ-ūpanissayo*), và [2] Thường Thân Y Duyên (*Pakat-ūpanissayo*- bốn tánh hay tự nhiên thân y duyên).

Cũng trong ‘Kinh Hành Sanh’ của Trung Bộ (*‘Sankhār-Uupapatti-Suttam’* M.III.ii.10) Đức Phật giải thích việc vị Tỳ kheo có đầy đủ tín/giới/đạo văn/bồ thí/trí tuệ và ước mong được tái sanh ở một nơi nào đó trong cõi nhân loại hay cõi chư thiên dục giới, sẽ được tái sanh về đó. Cũng vậy, nếu vị ấy dựa trên năm pháp vừa nói mong ước tái sanh trong các cõi phạm thiên sắc giới/vô sắc giới, và tu tập thiên... thời vị ấy sẽ được tái sanh về các cõi đó. Nhưng nếu dựa trên năm pháp đó vị ấy mong ước Thánh Quả A-la-hán và phát triển tuệ giác, vị ấy sẽ ‘không tái sanh ở đâu cả’ (*na katthaci upapajjati*). Và trong ‘Kinh Sāleyyaka-Suttam’ của Trung Bộ I, Đức Phật cũng giải thích tái sanh theo cách như vậy đối với một người thực hành mười thiện nghiệp đạo. Còn trong ‘Kinh Thọ Sanh Do Bồ Thí’ của Tăng Chi Kinh (*‘Dān-Ūpapatti-Suttam’* A.VIII.I.iv.5) Đức Phật giải thích ước nguyện tái sanh được thành tựu đối với những người có giới đức làm việc bố thí hay cúng dường.

[60] Đức Phật nói về ba loại mạn, chẳng hạn như trong ‘Kinh Samiddhi’ của Tương Ứng Kinh (*‘Samiddhi Suttam’* S.I.I.ii.10): **‘Bằng, hơn, hay thua (ta): Ai suy nghĩ như vậy, đấu tranh có thể khởi lên:**

*Bằng, hơn hay thua Ta,
Nghĩ vậy đấu tranh khởi;
Cả ba không dao động,
Bằng, hơn không khởi lên.*

Và trong ‘*Kinh Kiêu Mạn*’ của Tương Ứng Kinh (‘*Vidhā-Suttam*’ S.V.I.vii.2), Đức Phật giải thích: ‘Này các Tỷ-kheo, có ba kiêu mạn. Thế nào là ba? Kiêu mạn: "Tôi hơn"; kiêu mạn: "Tôi bằng"; kiêu mạn: "Tôi thua". Này các Tỷ-kheo, đó là ba kiêu mạn. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.’ Trong ‘*Kinh Sukhumāla*’ của Tăng Chi Kinh (‘*Sukhumāla-Suttam*, AIII.I.iv.9) Đức Phật nói về kiêu mạn của tuổi trẻ, kiêu mạn của không bệnh, và kiêu mạn của sự sống, và trong ‘*Kinh Những Đề Tài Phải Luôn Luôn Quán Tưởng*’ của Tăng Chi Kinh (‘*Abhinha-Paccavekkhitabba-Tthāna-Suttam*’ A.V.II.i.7) cũng như ‘*Kinh Hệ Luy*’ của Tăng Chi Kinh (‘*Samyaga-Suttam*’ A.VII.v.8) Đức Phật nói về sự kiêu mạn của người nam và người nữ.

[61] Trong ‘*Kinh Velāma*’ của Tăng Chi Kinh (‘*Velāma-Suttam*’ A.IX.I.ii.10), Đức Phật giải thích rằng dầu một người bỏ thí (*dānam deti*) các món thô hay tế, nếu họ bỏ thí không cẩn thận, bỏ thí không có chú tâm, bỏ thí không tự tay mình, bỏ thí những vật quăng đi, và nếu họ bỏ thí không có niềm tin rằng bỏ thí ấy sẽ sanh quả dị thực, thời dù cho quả bỏ thí ấy có sanh ở đâu, tâm người ấy cũng giống như tâm (bùn xỉn) của nhà triệu phú vừa đề cập. Và thêm nữa, gia đình và những người làm công, họ không muốn nghe những gì người ấy nói, cũng không cố gắng hiểu những gì người ấy nói. Như vậy là quả dị thực của các nghiệp làm không có cẩn thận. Nhưng một người dầu bỏ thí các món thô hay tế, nếu bỏ thí có cẩn thận, bỏ thí có chú tâm, bỏ thí tự tay mình, bỏ thí những vật không quăng bỏ đi, và nếu họ bỏ thí với niềm tin rằng bỏ thí ấy sẽ sanh quả dị thực, thời dù cho quả bỏ thí ấy có sanh ở đâu, tâm người ấy cũng khuynh hướng về việc thụ hưởng các dục lạc: món ăn ngon, quần áo đẹp, các phương tiện đi lại hợp thời. Và thêm nữa, gia đình và những người làm công, sẽ lắng nghe những gì người ấy nói, và cố gắng hiểu những gì người ấy nói.

Chương III

III - VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP

Nghiệp Quả Trí Của Đức Phật

Vận hành của nghiệp và quả của nghiệp sâu xa và khó thấy đến mức chỉ có Nghiệp Quả Trí (*Kamma-Vipāka-Ñāṇa*) của Đức Phật mới có thể thấy rõ được nó, các vị đệ tử Phật, ngay cả bậc Thánh A-la-hán cũng không có được trí này.⁷⁸

Nghiệp Quả Trí (*Kamma-Vipāka-Ñāṇa*) là trí thứ hai theo những gì Đức Phật gọi là mười ‘Nhu Lai Lực’ (*Tathāgata-Bāla*) của ngài.

Đức Phật giải thích điều này cho Tôn giả Xá-lợi-phất:⁷⁹

Lại nữa, này Xá-lợi-phất (Sāriputta), Như Lai như thật tuệ tri quả báo (*Vipāka*) của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại (Tri Tam Thế Nghiệp Báo Lực) đã được làm, theo sự kiện có thể xảy ra (*thāna*) và theo nhân (*hetu*).⁸⁰

⁷⁸ Trong ‘Kinh Không Thể Nghĩ Được’ của Tăng Chi Kinh (*‘Acinteyya-Suttam’ A.IV.II.iii.7*) Đức Phật giải thích bốn điều không thể nghĩ đến được (bất khả tư nghị) trong đó: ‘Quả dị thực của nghiệp (*Kamma-vipāka*), này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.’

⁷⁹ ‘Đại Kinh Sư Tử Hống’ (*‘Mahā-Sīha-Snāda-Suttam’*, M.I.ii.2).

⁸⁰ *thāna* (sự kiện có thể xảy ra): chú giải giải thích rằng điều này muốn nói tới những trường hợp mà dựa vào đó một nghiệp có thể tạo ra quả của nó. Hoặc đó là sự thành tựu (thuận lợi) hoặc đó là sự thất bại (không thuận lợi) liên quan đến bốn loại trường hợp: 1) sanh thú (*gati*); 2) sanh y (*upadhi*); 3) thời kỳ (*kāla*); và 4) sở hành (*payoga*). Nhân (*hetu*): Nghiệp (*kamma*) là nhân của quả.

Và, này Xá-lợi-phất (Sāriputta), quả báo của bất cứ nghiệp quá khứ, vị lai, và hiện tại nào đã được làm Như Lai như thực tuệ tri đúng theo theo sự kiện có thể xảy ra và theo nhân. Như vậy, này Xá-lợi-phất là một Như Lai Lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình tư thế **Nguru Vương**, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyển Phạm luân.⁸¹

Tiếng Rống Sư Tử

Với Như Lai Lực này, Đức Phật rống lên tiếng rống sư tử của ngài. Thế nào là tiếng rống sư tử của Đức Phật? Ngài giải thích rằng đó là giáo lý của ngài về năm uẩn (*pañca-kkhandha*), sự sanh khởi (*samudaya*) của năm uẩn, và sự đoạn diệt của năm uẩn (*atthaṅgma*).⁸²/[62]

1. **Đây là sắc, đây là tập khởi (sự xuất hiện, sự sanh khởi) của sắc, đây là sự đoạn diệt (biến mất) của sắc.**
2. **Đây là thọ, đây là tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ.**

(Bốn loại sự kiện có thể xảy ra này đã được bàn đến dưới tiêu đề ‘Thành Trụ/Thất Bại’, trang 442, Tập II.

⁸¹ Nguru Vương (*āsabham*) Tư Thế (*tḥānam*): tư thế là dáng điệu của bốn chân trên mặt đất, và tư thế nguru vương là tư thế vững chắc không thể lay chuyển, tư thế cao nhất, được sử dụng bởi thủ lĩnh của các loài trâu (nguru vương). Bốn chân của Như Lai là Bốn Vô Sở Úy (*vesārajja*, Phạm Luân (*Brahma-cakka* 梵輪) ở đây muốn nói tới Bánh Xe Pháp (*Dhamma Cakka*, Pháp Luân); chữ Phạm (*Brahma*) có nghĩa là tối tôn, cao nhất, trên hết.

⁸² ‘Kinh Mười Lực’ Tương Ứng II (*‘Dasa-Bala-Suttam’*, S.II.I.iii.1.) Đây là lý do vì sao trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật mô tả sự hiểu biết về năm uẩn của vị hành giả Tỳ kheo, trước khi vị ấy quán chúng.

3. ***Đây là tướng, đây là tập khởi của tướng, đây là sự đoạn diệt của tướng.***
4. ***Đây là các hành, đây là tập khởi của các hành, đây là sự đoạn diệt của các hành.***
5. ***Đây là thức, đây là tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.***

Năm uẩn là Khổ Thánh Đế (*Dukkha-Ariya-Sacca*); sự xuất hiện của năm uẩn là Khổ Tập Thánh Đế (*Dukkha-Samudaya-Ariya-Sacca*); sự biến mất của năm uẩn là Khổ Diệt Thánh Đế (*Dukkha-Nirodha-Ariya-Sacca*). Và để giải thích sự xuất hiện và biến mất của năm uẩn, Đức Phật đưa ra định thức duyên khởi (*paṭicca-samuppāda*):

Như vậy, do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh.

Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt.

Kế tiếp, Đức Phật giải thích mười hai mắc xích của duyên khởi: do duyên vô minh, các hành sanh; do duyên các hành, thức sanh,Chúng ta sẽ bàn đến chuỗi duyên sanh này sau.⁸³

Điểm Mâu Chốt của Giáo Lý Đức Phật

Đến đây, sau khi đã nghe Đức Phật giải thích giáo lý của ngài, chúng ta hiểu rằng để hiểu được năm uẩn, chúng ta cần phải hiểu sự sanh và diệt theo nhân duyên, và điều này có nghĩa là chúng ta cần phải hiểu những vận hành của nghiệp (*kamma*) vậy.

Tuy nhiên, do chỉ là những đệ tử của Đức Phật, chúng

⁸³ Xem “Duyên Sanh”, trang 213.

ta không thể nào hiểu hết được những vận hành của nghiệp: đó là điều bất khả. Nhưng nhờ thực hành thiền minh sát, các vị đệ tử có thể thấy được những mối liên kết giữa một số nghiệp và quả của chúng, nhờ vậy mà có được sự hiểu biết phần nào về những vận hành của nghiệp.

Thực thế, một sự hiểu biết như vậy là cần thiết. Để được là những đệ tử đích thực của Đức Phật, điều quan trọng nhất đối với chúng ta là phải hiểu và có niềm tin sâu sắc nơi tính thực tế của quy luật Nghiệp Báo (nghiệp và quả của nghiệp). Tại sao? Bởi vì, theo Giáo Lý của Đức Phật: nghiệp là động lực của duyên khởi (*paṭicca-samupāda*), vốn là Thánh Đế Thứ Hai, Khổ Tập Thánh Đế (*Dukkha-Samudaya Ariya-Sacca*), nguồn gốc hay nhân sanh của năm uẩn. Vì vậy, nếu chúng ta không hiểu những vận hành của nghiệp, chúng ta không thể hiểu được Khổ Tập Thánh Đế, tức không hiểu được nhân sanh của năm uẩn. Điều đó có nghĩa là chúng ta không thể trở thành một bậc Thanh Văn Thánh Đệ Tử (*Ariya-Sāvaka*), và thoát khỏi khổ đau.⁸⁴ Do đó, chúng ta

⁸⁴ Thanh Tịnh Đạo, *Luận Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh* (*Kaṅkhā-Vitarāṇa-Visudhi-Niddeso*). VsM.xix.687) giải thích: ‘Chuỗi Nghiệp và Quả trong mười hai loại nghiệp [xem trang 296] được rõ ràng trong bản chất đích thực của nó chỉ đối với Nghiệp Quả Trí (*Kamma-Vipāka-Ñāṇa*) của Đức Phật, một loại trí mà các vị đệ tử không có. Nhưng chuỗi nghiệp và quả của nghiệp có thể được biết phần nào bởi một người thực hành minh sát (*vipassanā*). Chú giải Thanh Tịnh Đạo giải thích: ‘Bởi vì trí ấy là một đặc sản của Đức Phật, và bởi vì nó là lĩnh vực của trí mà các hàng đệ tử không có, nên nó được gọi là “Không chia sẻ bởi các hàng đệ tử” (*a-sādhāraṇam sāvakehi*). Đó là lý do vì sao chúng ta chỉ có thể biết được một phần, chứ không thể biết được hết, vì nó không phải là lĩnh vực của trí (minh sát). Phải biết được một phần; chứ biết hết không sót tí nào (không biết) là điều không thể có được. Nhưng hoàn toàn không biết về Trí Phân Biệt Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*) thời (việc giải thoát) không thể hoàn thành.

phải chú ý cẩn thận đối với những giải thích của Đức Phật về vận hành của nghiệp. Tuy nhiên chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng mặc dù chúng ta phải cố gắng để hiểu những giải thích của Đức Phật về vận hành của nghiệp, nhưng những giải thích ấy vẫn không thể cung cấp cho chúng ta một sự hiểu biết đích thực. Để có được một sự hiểu biết đích thực về vận hành của nghiệp, chúng ta cần (đến mức có thể đối với một người đệ tử) tự mình biết và thấy những vận hành của nghiệp cho chính mình bằng cách thực hành thiền minh sát đúng cách [63], và đặc được Trí Phân Biệt Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Nāṇa*).⁸⁵

Những Vận Hành của Tâm

Muốn hiểu những vận hành của nghiệp một cách đúng đắn, trước hết chúng ta cần phải hiểu sơ qua về những vận hành của tâm. Đức Phật giải thích rằng khi tâm tỉnh táo, thì trong một cái búng tay, hàng ngàn triệu tâm sanh và diệt: các tâm sanh khởi như những chuỗi (tâm), và có nhiều ngàn triệu tiến trình tâm (*citta-vīthi*).⁸⁶ Hầu hết trong các tiến trình đó là những tiến trình ý môn: nhiều ngàn triệu tiến trình ý môn sanh và diệt giống như một dòng sông đang chảy siết. Trong cõi dục giới (*kāma-āvacara-bhūmi*) của chúng ta,

⁸⁵ về Trí Phân Biệt Nhân Duyên, xem trang 218.

⁸⁶ Chú giải bài kinh ‘*Phena-Piṇḍ-Ūpama-Suttam*’ (‘Kinh Ví Dụ Miếng Bọt Nước’ S.III.I.x.10) giải thích: ‘Trong một cái búng tay, ước lượng có chừng mười muôn triệu (*koṭi sata-sahassa*) tâm sanh lên và diệt.’ (10,000,000x100,000=1,000,000,000,000=một ngàn tỷ tâm (*citta*). Hàng tỷ tâm này không hoàn toàn bao gồm các tiến trình tâm ngũ môn và ý môn thô: rất nhiều trong số đó là những tâm hữu phần khởi lên giữa những tiến trình ngũ môn và ý môn ấy. Như vậy, trong một cái búng tay, rất nhiều ngàn triệu tâm sanh và diệt.

thường thường một tiến trình ý môn có bảy tốc hành tâm (*javana*),⁸⁷ nếu tâm tốc hành là bất thiện (*akusala*), chúng sẽ bao gồm tối thiểu mười sáu và tối đa hai mươi hai danh pháp (*nāma-dhamma*); còn nếu là thiện (*kusala*), chúng sẽ bao gồm tối thiểu ba mươi hai danh pháp và tối đa ba mươi lăm⁸⁸. Trong mọi trường hợp, một trong những danh pháp ấy là **tư** (*cetanā*), và nó chính là ý chí (tư) tạo thành nghiệp.⁸⁹ Cái được xem như nghiệp là tư, đặc biệt tư của bảy tốc hành trong một tiến trình tâm bất thiện hay tiến trình tâm thiện⁹⁰. Tuy nhiên, trong chương Nghiệp Duyên (*kamma paccaya*) của Bộ Patṭhāna (Bộ Vị Trí), nghiệp cũng được giải thích như nghiệp lực (*kamma satti*) của tư trong các tốc hành tâm

⁸⁷ Ở cõi dục, thường chỉ có những tiến trình tâm dục giới khởi lên. Nhưng nếu một người tu tập thiền sắc giới, vô sắc giới hay thiền siêu thế, thiền đó sẽ tạo thành các tiến trình tâm sắc giới, vô sắc giới hay các tiến trình tâm siêu thế: chúng bao gồm từ một đến vô số các tốc hành tâm. (Xem bảng ‘5d: ‘Tiến Trình Chứng Thiền (*jhāna*)’ trang 359.

⁸⁸ về danh pháp của các tốc hành tâm bất thiện, xem bảng 2a/2b/2c, trang 93/95/97 và danh pháp các tốc hành tâm thiện dục giới, xem bảng 3a/3b trang 129/132

⁸⁹ Tất cả nghiệp (*kamma*) đều do tư (*cetanā*) tạo, nhưng không phải tất cả tư đều tạo nghiệp. Vì lẽ tư là một trong bảy tâm sở biến hành hay tâm sở chung (cho tất cả tâm), và điều này có nghĩa là có tư (tâm sở) trong tất cả tâm. Tuy nhiên nghiệp không thể do tư của các tâm quả tạo (xem bảng 1: ‘tâm quả’ trang 89) hay tư của các tâm duy tác tạo (xem bảng 5b: ‘Tiến Trình Ngũ Môn’ trang 294; bảng 5c: ‘Tiến Trình Ý Môn’ trang 297 và **Tư** trong các tâm Duy Tác của bậc Thánh A-la-hán ở phần ‘Sự Không Vận Hành Của Nghiệp’ cuối tập II.

⁹⁰ Ngoại trừ sự nhận thức của vị Thánh A-la-hán: nó là tâm duy tác thuần túy, không thiện cũng không bất thiện. Xem ghi chú trên.

(duy tác) ấy.⁹¹ Hãy cố gắng ghi nhớ điều này khi chúng tôi giải thích thêm.

Định Nghĩa về Nghiệp (Kamma)

Theo nghĩa đen, chữ ‘Kamma’ có nghĩa là hành động, nhưng trong Giáo Pháp của Đức Phật kamma chỉ muốn nói đến hành động có chủ ý:⁹²

‘Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuyên bố tư (*cetanā*-tư: hay chủ ý, chủ định làm) là nghiệp; sau khi có ý định mới tạo nghiệp về thân (*kāyena*), về lời (*vācāya*), về ý (*manasā*)’

Tư (cetanā) là một tâm sở trách nhiệm cho việc tạo ***Nghiệp(Kamma)***.

⁹¹ Xem ghi chú 4, trang 2, và ghi chú 52, trang 31 (P.I.427 ‘*Kamma-Paccayo*’ (‘Nghiệp Duyên’) và P.T. ‘*Paccay-Uddesa-Vañṇanā*’ (‘Mô Tả về Phần Nghiệp’).

⁹² Xem DhSA.I.iii ‘*Kamma-Kathā*’ (‘Luận về Nghiệp’) E.-117-118 những trích dẫn của đoạn này có thể được tìm thấy trong Tăng Chi kinh VI. “Kinh Pháp Môn Quyết Trạch’ (*Nibbedhika-Suttaṃ*. A.VI.vi.9): (‘Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng tư (ý định) là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý’). Bộ này cũng trích dẫn một đoạn có thể được tìm thấy trong Tương Ưng II. ‘Kinh Bhūmija’ (*Bhūmija-Suttaṃ*. S.II.I.iii.5): ‘***Này Ananda, chỗ nào có thân, do nhân thân tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc khổ. Chỗ nào có lời nói, này Ananda, do nhân khẩu tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc khổ. Chỗ nào có ý, này Ananda, do nhân ý tư niệm, thời nội thân khởi lên lạc khổ; và với vô minh kể như nhân.***’ Chú giải cũng trích dẫn một đoạn tương tự như trong Tăng Chi kinh X, bài ‘Kinh Ý Tư Thứ Nhất và Thứ Hai’ (*Paṭhama-Dutiya Sañcetanika-Suttaṃ*’ A.X.xxi.7&8, và một đoạn tương tự khác được tìm thấy trong ‘Kinh Đại Nghiệp Phân Biệt’ của Trung Bộ Kinh, (*Mahā-Kamma- Vibhanga Suttaṃ*, M. III. Iv.6.

Tư Bất Thiện và Tư Thiện

Có hai loại tư:

- 1) Tư bất thiện (*akusala cetanā*)
- 2) Tư Thiện (*kusala cetanā*)

Tư bất thiện là nghiệp bất thiện, và tư thiện là nghiệp thiện. Nhưng tư của chư Phật và các bậc Thánh A-la-hán không phải bất thiện cũng không phải thiện, mà là duy tác (*kiriya*) thuần túy. Nó không bao giờ tạo ra nghiệp, bởi vì chư Phật và các bậc A-la-hán đã đoạn trừ các nhân của nghiệp, đó là vô minh và tham ái⁹³. Tuy nhiên, bao lâu tương tục danh sắc của các vị vẫn còn, ngay cả chư Phật và các bậc Thánh A-la-hán cũng không thể tránh được việc phải cảm thọ những quả nghiệp quá khứ của mình: những quả ấy chỉ dừng lại khi các vị nhập Vô dư Niết Bàn (*Parinibbāna*-Bát-Niết-Bàn) mà thôi.⁹⁴

Những Quả Có Thể Xây Ra và Không Thể Xây Ra

Quy luật của Nghiệp (*kamma niyāma*) là một quy luật

⁹³ Tư duy tác của bậc A-la-hán: dùng phép ẩn dụ của nghiệp trắng và nghiệp đen, Đức Phật giải thích rằng với sự đoạn trừ của nghiệp trắng và nghiệp đen (bằng A-la-hán Thánh Đạo và Thánh Quả) nghiệp của một người trở thành không đen, không trắng như thế nào (xem ghi chú cuối chương 282, Tập II); và Ngài giải thích thêm, với sự đoạn diệt của tham, sân và si có sự đoạn diệt của nghiệp nhân (xem ghi chú cuối chương 300, Tập II; và ngài cũng giải thích rằng khi một vị Tỷ kheo đạt đến A-la-hán Thánh Đạo Trí, không phải vị ấy hoàn thành một phước hành, hay phi phước hành, cũng không phải vị ấy hoàn thành một bất động hành (xem ghi chú cuối chương 315, Tập II). Trong mọi trường hợp, tư của vị A-la-hán chỉ là duy tác (cũng xem sự giải thích ở ghi chú 939, Tập II)

⁹⁴ Xem phần luận bàn về ‘Hai Loại Parinibbāna’ Tập II

tự nhiên nó có thể tự duy trì những hoạt động của nó.⁹⁵ (*kamma-sarikkhala-vipāka*), cũng như hạt giống của một quả nhất định nào đó sẽ tạo ra một cây mang cùng loại quả như thế. Chẳng hạn, quả của cây nimb đắng (nimba?). Nếu chúng ta trồng hạt của quả nimb đắng này, nó sẽ tạo ra một cây cũng mang những quả nimb đắng như vậy. Tương tự, một nghiệp bất thiện sẽ tạo ra một quả có tính chất giống như chính nghiệp bất thiện đó.

Nghiệp bất thiện không bao giờ tạo ra một quả khả ý. Nếu nghiệp bất thiện tạo ra quả của nó, quả đó sẽ luôn luôn là một quả không khả ý.⁹⁶

[1] *Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây thân hành bất thiện tạo ra quả khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, quả*

⁹⁵ DhSA.I.iii ‘*Vipāk-Uddhāra-Kathā*’ (‘Luận về Sự Hiểu Biết Quả’) E.360 giải thích: ‘Và ở đây, trong giai đoạn này, các vị (các Bậc Thầy Chú Giải cổ xưa) bao gồm những gì được gọi là năm trật tự của tự nhiên: trật tự về chúng từ, trật tự thời tiết, trật tự nghiệp, trật tự Pháp, trật tự tâm.’ Cũng xem trích dẫn ở ghi chú 174, trang 142

⁹⁶ A.I.xv.2 ‘*Aṭṭhāna-Pāḷi*’ (‘Kinh Không Thể Xây ra’ Tăng Chi Kinh I). Liên quan đến việc không thể xảy ra này, Đức Phật có liệt kê một số những điều không thể xảy ra cùng với những điều có thể xảy ra đối lại của chúng. Chẳng hạn, một người có Chánh Kiến không thể làm một số việc (nhưng một kẻ phạm phu có thể làm những việc ấy); hai vị Phật, hai vị Chuyển Luân Vương không thể đồng thời xuất hiện trong một hệ thống thế gian (thế giới); một người nữ không thể làm một vị Phật/Chuyển Luân Vương/Đế Thích Thiên Vương/Ma Vương (*Māra*)/Phạm Thiên (*brahma*), nhưng một người nam thì có thể; Nghiệp bất thiện không thể đưa đến tái sinh trong một sanh thú an vui (nghiệp thiện có thể), và ngược lại. Khả năng để thấy được điều này là Như Lai Lực thứ nhất trong Mười Như Lai Lực (*Tathāgata-Bala*) của Đức Phật. Xem trích dẫn tại ‘Tri Thị Xứ, Phi Xứ Lực’ (‘Trí Biết Những Gì Có Thể Xây Ra, Những Gì Không Thể Xây Ra’), trang 85.

dị thực của thân hành bất thiện là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.
 [2] *Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây khẩu hành bất thiện tạo ra quả khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, quả dị thực của khẩu hành bất thiện là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.*
 [3] *Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây ý hành bất thiện tạo ra quả khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, quả dị thực của ý hành bất thiện là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.*

Kế tiếp chúng ta lấy trường hợp một cây mía: đó là một loại cây ngọt. Nếu chúng ta trồng những đọt của cây mía này, nó sẽ sinh ra những cây mía cũng ngọt như vậy⁹⁷. Tương tự, một thiện nghiệp sẽ tạo ra một quả có tính chất giống như chính nghiệp thiện đó. Thiện nghiệp không bao giờ tạo ra một quả không khả ý, nó sẽ luôn luôn tạo ra một quả khả ý.⁹⁸

[1] *Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây thân hành thiện tạo ra quả bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-*

⁹⁷ Ví dụ quả nimb đắng (ở trên) và cây mía ngọt này được đề cập trong AA.I.-xv.2 Đức Phật cũng dùng nó trong ‘Kinh Chung Tử’ của Tăng Chi Bộ Kinh, (*Bhja-Suttam*, A.X.III.i.4). Trong bài kinh đó Đức Phật giải thích nghiệp của một người có tà kiến sẽ dẫn đến bất thiện và khổ đau, trong khi nghiệp của một người có Chánh Kiến thì ngược lại.

⁹⁸ A.I.xv.3 ‘*Atthāna-Pāli*’ (‘Kinh Không Thể Xây Ra’).

kheo, quả dị thực của thân hành thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này có xảy ra.

[2] Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây khẩu hành thiện tạo ra quả bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, quả dị thực của khẩu hành thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này có xảy ra.

[3] Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây ý hành thiện tạo ra quả bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, quả dị thực của ý hành bất thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này có xảy ra.

Nghiệp bất thiện tạo ra một quả khả ý là sự kiện không thể xảy ra cũng như không thể có chuyện hạt của cây nimb đắng tạo ra cây mía ngọt; và sự kiện này không thể xảy ra, là nghiệp thiện tạo ra quả bất khả ý cũng như một đốt mía ngọt tạo ra trái nimb đắng là việc không thể có vậy.

Tri Thị Xứ Phi Xứ Lực Của Đức Phật

‘Tri thị xứ phi xứ lực’ hay trí biết rõ sự kiện không thể xảy ra và sự kiện có thể xảy ra này là trí lực thứ nhất trong mười ‘Nhu Lai Lực’ (*Tathāgata-Bala*) của Đức Phật. Trong ‘Đại Kinh Sư Tử Hồng’ Ngài giải thích trí này cho Tôn giả Xá-lợi-phất biết như sau:

Ở đây, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ (Tri thị xứ phi xứ lực).

Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự kiện gì có

thể xảy ra là có thể xảy ra, và sự kiện gì không thể xảy ra là không thể xảy ra. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyên Phạm luân.⁹⁹

Đức Phật đã giải thích nguyên tắc không thể xảy ra và có thể xảy ra này xuyên suốt Giáo Lý của Ngài. Có thể nói nguyên tắc này là nguyên tắc căn bản cho Giáo Pháp của Đức Phật.[64]

Các Pháp Quả

Quả của nghiệp là các pháp quả (*vipāka dhamma*).¹⁰⁰ Chúng gồm danh quả (*vipāka-nāma*) và sắc do nghiệp sanh (*kamma-ja-rūpa*).¹⁰¹

- Danh quả là các loại tâm quả (*vipāka-citta*) khác nhau: chẳng hạn, tâm quả bất thiện cho (quả) tái sanh trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nó được gọi là tâm tục sanh hay kiết sanh thức (*patisaṅghicitta*)¹⁰². Nếu nó là tâm quả thiện, nó sẽ cho (quả) tái sanh trong nhân giới, thiên giới, phạm thiên giới, vô sắc giới.[65] Tâm hữu phần vốn duy trì danh của một

⁹⁹ Xem lại ghi chú 82 ở trên.

¹⁰⁰ Chữ *Dhamma* (pháp) ở đây tương đương với ‘mọi sự, mọi vật’ trong Việt ngữ: có nghĩa là bất cứ đối tượng khả dĩ nào của tư duy, bao gồm các vật hữu tình/vô tình, các vật thuộc tinh thần/vật chất, những sự kiện, biến cố, tính chất, tình huống, sự bày tỏ, và hành động. Như vậy, các pháp thiện/bất thiện, các pháp danh/sắc, các pháp thiên... đều gồm trong phạm trù này.

¹⁰¹ Xem “Duyên Sanh”, trang 213.

¹⁰² Tâm tục sanh hay kiết sanh thức: tâm quả này nối (tục) kiếp sống quá khứ với kiếp hiện tại. Để biết thêm chi tiết, xem bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101.

kiếp sống cũng là tâm quả, và chúng chỉ dừng khi nghiệp tạo ra chúng chấm dứt.

Cũng có các tâm quả khác, chẳng hạn, nhãn thức tâm, nhĩ thức tâm...và thân thức tâm khởi lên do tiếp xúc với một đối tượng khả ý hoặc không khả ý.¹⁰³

Như vậy danh quả cũng bao gồm các tâm sở (*cetasika*) phối hợp với tâm quả.¹⁰⁴ chẳng hạn, khổ, hỷ, hay xả của một tâm quả. [66]

Sắc Do Nghiệp Sanh (*kamma-ja-rūpa*)¹⁰⁵ có mười tám loại sắc:

<ol style="list-style-type: none"> 1) Đất (địa đại) 2) Nước (thủy đại) 3) Lửa (hoả đại) 4) Gió (phong đại) 5) Màu 6) Mùi 7) Vị 8) Dưỡng chất 	<p>Sắc bất ly (<i>avinibbhoga-rūpa</i>): tám sắc căn bản của bất kỳ loại sắc nào, dù sắc ấy là sắc nghiệp sanh, tâm sanh, thời tiết sanh hay do vật thực sanh.</p> <p>Khi nó xuất hiện cùng với sắc nghiệp sanh, nó (được gọi) là sắc do nghiệp sanh...</p>
<ol style="list-style-type: none"> 9) Mạng căn 	<p>Mạng căn (<i>Jīvit-īndriya</i>) duy trì sự sống của đời người. Tất cả sắc nghiệp đều sanh cùng với mạng căn.</p>

¹⁰³ Tất cả những tâm này nằm trong ba mươi sáu loại tâm quả, xem bảng ‘1: Tâm Quả’, trang 89.

¹⁰⁴ VsMṬ gọi các tâm sở ấy là các tâm sở quả (*vipāka-cetasika*).

¹⁰⁵ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 63, trang 506/Tập II để biết sự giải thích của Đức Phật về thân được sanh ra do nghiệp quá khứ như thế nào. Chi tiết thêm, xem ‘Sắc Chơn Đẽ’, trang 181.

10) Nhân tịnh sắc 11) Nhĩ tịnh sắc 12) Tỷ tịnh sắc 13) Thiệt tịnh sắc 14) Thân tịnh sắc	Năm loại tịnh sắc (<i>pasāda-rūpa</i>) này là nhân-, nhĩ-, tỷ-, thiệt-, thân xú (<i>āyatana</i>). Chúng làm nhiệm vụ như các môn (<i>dvāra</i>) vật chất qua đó các đối tượng tương ứng (sắc, thanh, hương...) được nhận thức. ¹⁰⁶
15) Sắc Ý Vật	Sắc phi tịnh sắc (<i>napasāda-rūpa</i>), nằm trong chất máu nơi trái tim. Nó tác hành như một căn cứ cho ý – môn (<i>mano-dvāra</i>), qua đó tất cả các đối tượng được nhận thức.
16) Sắc nữ tánh 17) Sắc nam tánh	Sắc tánh (<i>bhāva-rūpa</i>) xác định một người là đàn bà hay đàn ông, và xác định tướng mạo đàn bà và đàn ông... của tánh ấy.
18) Sắc hư không do nghiệp sanh (Kamma-born space)	Hư không giới (<i>ākāsa-dhātu</i>) định rõ và phân ranh những nhóm hay bọn sắc do nghiệp sanh.

Tất cả các pháp quả này sanh khởi khi nghiệp thích hợp thoả mãn những điều kiện hay duyên cần thiết để tạo ra quả của nó.

¹⁰⁶ Mặc dù các chúng sanh trong cõi (thiền) sắc giới cũng có mũi, lưỡi, và thân, song những tịnh sắc tương đương không xuất hiện, cả sắc tính cũng vậy (xem ghi chú 431, trang 353) Tuy nhiên các chúng sanh ở đó đều xuất hiện như những người nam (VbhA.XVI.x.809 ‘*Paṭhama-Bala-Niddeso*’ (Giải Thích về Sức Mạnh Thứ Nhất’) DD.XVI.x.2191). Các chúng sanh trong cõi vô sắc hoàn toàn không có sắc.

Tâm Quả (*Vipāka-Citta*)

Cõi của Tâm	Tính Chất	Căn hay Nhân	Số	Chi Tiết (xem bảng)
Cõi Dục	Bất Thiện	Vô Nhân	7	1a, tr.108
Cõi Dục	Thiện	Vô Nhân	8	1b, tr.127
Cõi Dục	Thiện	Hữu Nhân	8	1c, tr. 129
Cõi Sắc Giới	Thiện	Hữu Nhân	5	1d, tr.370
Cõi Vô Sắc	Thiện	Hữu Nhân	4	1d, tr.370
Cõi Siêu Thế	Thiện	Hữu Nhân	4	1e, tập II
			36 ¹²⁴	

Bất Thiện Nghiệp Và Thiện Nghiệp

Như vậy, bằng những từ bất thiện nghiệp (*akusala kamma*) và thiện nghiệp (*kusala dhamma*) Đức Phật muốn nói gì?

Khi một tâm có một căn bất thiện (*akusala-mūla*) thì đó là một tâm bất thiện (*akusala-citta*), và khi một tâm có một căn thiện (*kusala-mūla*), đó là một tâm thiện (*kusala-citta*). Như vậy, khi những tốc hành (tâm) của một tiến trình tâm có một căn bất thiện, thời *cetanā* hay tư của nó là bất thiện, và chúng ta có một bất thiện nghiệp. Khi những tốc hành tâm của của một tiến trình tâm có một căn thiện, tư hay *cetanā* của nó là thiện và chúng ta có một thiện nghiệp.

Tâm Bất Thiện

Căn bất thiện có ba: tham (*lobha*), sân (*dosa*), và si (*moha*). Như vậy có nghĩa là có ba loại tâm bất thiện chính:¹⁰⁷

- 1) Tâm căn tham (*lobha-mūla-citta*)
- 2) Tâm căn sân (*dosa-mūla-citta*)
- 3) Tâm căn si (*moha-mūla-citta*)

Tâm bất thiện không bao giờ phối hợp với các pháp thiện, mà chỉ phối hợp với các pháp bất thiện mà thôi. [67] Đó là lý do tại sao các tâm bất thiện luôn luôn phối hợp với vô tâm (*ahiri*) [68], vô quý (*anottapa*), phóng dật (*uddhacca*) [69], và si (*moha*)¹⁰⁸ Điều này có nghĩa rằng một tâm căn tham luôn luôn phối hợp với si, một tâm căn sân cũng vậy, luôn luôn phối hợp với si. Nhưng một tâm căn tham không thể nào phối hợp với sân, cũng như một tâm căn sân không thể nào phối hợp với tham: nói khác hơn tham và sân không thể sanh chung trong cùng một tâm. Riêng loại tâm thứ ba, tâm căn si, là một loại tâm bất thiện chỉ phối hợp với một mình si mà thôi.

Thế si đó là gì? Thực ra nó là một với vô minh (*avijjā*), và vô minh này đã được giải thích trong ‘Kinh Dây Trói Buộc’:

¹⁰⁷ Đức Phật giải thích các căn trong Kinh ‘Các Căn Bản Bất Thiện’ của Tăng Chi Kinh (‘*Akusala-Mūla-Suttam*’ A.III.II.ii.9) như sau: ‘Ba căn này, này các Tỷ kheo, là các căn bất thiện. Thế nào là ba? Căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si...Ba căn này, này các Tỷ kheo, là các căn thiện. Thế nào là ba? Căn thiện vô tham, căn thiện vô sân, căn thiện vô si.’

¹⁰⁸ Ba căn này cũng là ba trong số mười phiền não (*kilesa*): 1) tham, 2) sân, 3) si, 4) mạn, 5) tà kiến, 6) nghi, 7) hôn trầm, 8) trạo cử, 9) vô tâm, 10) vô quý. (DhS.iii.1235 ‘*Kilesa-Gocchakam*’)

Giữa những cái không hiện hữu trong nghĩa cùng tột, giữa những đàn bà, đàn ông, nó (vô minh) hăm hở (lao vào); song giữa những cái thực sự hiện hữu, giữa các uẩn, xứ..., nó lại không hăm hở...

Có nghĩa là gì? điều đó có nghĩa rằng vô minh (si) chỉ thấy sự thực chế định hay thấy trên phương diện tục đế (*sammuti-sacca*)¹⁰⁹, đó là thấy có đàn bà, đàn ông, cha, mẹ, vợ, chồng, con gái, con trai, chó, mèo, heo, gà,... Mà những thứ này không hiện hữu đúng theo thực tại (*yathā-bhūta-*đúng như thực). [70]

Tuy nhiên, những cái hiện hữu đúng theo thực tại là các uẩn (*khandha*), xứ (*āyatana*), giới (*dhātu*), danh-sắc (*nāma-rūpa*), duyên sanh (*paṭicca-samuppaada*), những vận hành của nghiệp, tam tướng,...tóm lại, Tứ Thánh Đế.¹¹⁰Những pháp này, vốn là sự thực cùng tột hay chân đế (*paramattha-sacca*), vô minh lại không thấy.¹¹¹ Và như chúng tôi cũng đã giải thích trong bài Kinh Dây Trói Buộc (xem lại ở trên), đó là lý do vì sao các chúng sanh cứ mãi trôi lăn trong luân hồi. Vô minh này là si phối hợp với các tâm bất thiện.

Tham, sân, si làm cho một tâm thành bất thiện, mà điều này cũng có nghĩa là tư (trong tâm ấy) là bất thiện, và tư bất thiện là nghiệp bất thiện [71]. Đức Phật cũng gọi nó là ác (*pāpa*), và phi phước (*apuñña*)[72]. Và sự thành tựu của một bất thiện nghiệp Đức Phật gọi là ác hạnh (*du-ccarita*) [73], và phi phước hành (*apuññ-ābhisankhāra*) [74]. Nếu

¹⁰⁹ *Sammuti-sacca* cũng còn gọi là *vohāra-sacca*

¹¹⁰ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 152, trang 342/Tập II.

¹¹¹ Tam tướng: 1) vô thường, khổ, 3) vô ngã. Vô minh không thấy tam tướng vì ba loại khối tưởng: xem trích dẫn, ghi chú 8, trang 4.

ngiệp đó tạo ra quả của nó, đó sẽ là một quả không mong muốn, và bất khả ý [75], và sẽ dẫn đến sự tạo tác nghiệp liên tục.

Vô Trợ Và Hữu Trợ

Nếu một bất thiện nghiệp được thực hiện một cách tự ý, không có sự do dự hay thúc đẩy của người khác, nghiệp đó là vô trợ (*asaṅkhārika*); nếu bất thiện nghiệp được thực hiện với sự do dự, hay với sự thúc đẩy của tự thân hay người khác, nghiệp đó là hữu trợ (*sasaṅkhārika*) [76].

Tư của nghiệp vô trợ mạnh hơn, vì nó được phối hợp với hỷ, trong khi tư của nghiệp hữu trợ thì yếu hơn, bởi vì nó phối hợp với hôn trầm và thuy miên (*thina-middha*) [77].

Tâm Căn Tham¹¹²

Vậy thì, một tâm căn tham hay tâm có gốc ở tham (*lobha*) có nghĩa là gì?

Ở đây, tham có liên quan đến sự hấp dẫn, ở mức thô hay tế: chẳng hạn, ái (*tanhā*), tham dục (*rāga*), dục dục (*kāma-cchanda*), dục tham (*abhijjhā*), luyến ái (*āsajjana*), thủ (*upādāna*), mạn (*māna*), kiêu (*mada*), và kiển (*ditṭhi*).

Một tâm kết hợp với những pháp này là tâm căn tham (*lobha-mūla-citta*). Tư ý trong trường hợp đó luôn luôn là bất thiện. Và, như đã nói ở trước, khi có tham, thì luôn luôn

¹¹² Những bảng biểu sau được vẽ theo hệ thống phối hợp (*saṅgha-naya*): Tất cả những phối hợp của danh pháp (AbS.ii.43-52 ‘*Akusala-Citta-Saṅgha-Nayo*’ (Hệ Thống Phối Hợp Tâm Bất Thiện’) CMA.ii.26, và AbS.ii.33-34 ‘*Sobhana-Cetasika-Sampayoga-Nayo*’ (Hệ Thống Kết Hợp các Tâm Sở Tịnh Hào’) CMA .ii.17. Một cột là một loại tâm, với các tâm sở được tô mờ.

có vô tâm, vô quý, phóng dật và si. Nhưng hãy nhớ rằng khi một tâm bất thiện không phối hợp với tà kiến, thì không phải nhờ thế mà nó phối hợp với Chánh Kiến: một tâm bất thiện không thể nào kết hợp với Chánh Kiến.

2a: DANH PHÁP (<i>nāma-dhamma</i>) CỦA TÂM CĂN THAM (<i>lobha-mūla-citta</i>)	Vô Trợ (<i>asaṅkhārika</i>)	Hữu Trợ (<i>saṅkhārika</i>)
TÂM (<i>citta</i>)		
CÁC TÂM SỞ (<i>cetasika</i>)		
Biến Hành (<i>sabba-citta-sādhāraṇa</i>)		
1. xúc (<i>phassa</i>)		
2. thọ (<i>vedanā</i>)		
3. tưởng (<i>saññā</i>)		
4. tư (<i>cetanā</i>)		
5. nhất tâm (<i>ekaggatā</i>)		
6. mạng quyền (<i>jīvit-indriya</i>)		
7. tác ý (<i>manasikāra</i>)		
Biệt Cảnh (<i>pakiṇṇaka</i>)		
1. tầm (<i>vitakka</i>)		
2. tứ (<i>vicāra</i>)		
3. thắng giải (<i>adhimokkha</i>)		
4. cần (<i>vīriya</i>)		
5. hỷ (<i>pīti</i>)		
6. dục (<i>chanda</i>)		
<i>Tiếp trang kế</i>		

Bảng 2a tiếp trang trước

Bất Thiện Tâm Sở (<i>akusala-cetasika</i>)										
1. si (<i>moha</i>)										
2. vô tâm (<i>ahiri</i>)										
3. vô quý (<i>anottappa</i>)										
4. phóng dật (<i>uddhacca</i>)										
5. tham (<i>lobha</i>)										
6. tà kiến (<i>diṭṭhi</i>)										
7. mạn (<i>māna</i>)										
8. hôn trầm (<i>thina</i>)										
9. thuy miên (<i>middha</i>)										
Tổng cộng	20	19	19	18	22	21	21	20		

Tâm Căn Sân

Nếu như tham liên quan đến sự hấp dẫn, thì sân (*dosa*) liên quan đến sự ghê tởm, và đối kháng, ở mức thô hay tế: chẳng hạn, ác cảm (*paṭigha*), ghen tị (*issā*), bòn xén (*macchhariya*), ác ý (*byāpāda*), phần nộ (*kodha*), thù hằn (*vera*), độc ác (*vihimsa*), buồn chán (*kosajja*), nôn nóng (*akkhanti*), hối hận (*kukkucca*), sầu (*soka*), bi (*parideva*), ưu (*domanassa*), não (*upāyāsa*).

Một tâm kết hợp với những pháp này là tâm căn sân. Tư ý trong trường hợp đó luôn luôn là bất thiện. Và khi có sân, thời cũng luôn luôn có vô tâm, vô quý, phóng dật và si.

<p>2b: DANH PHÁP (<i>nāma-dhamma</i>) CỬA TÂM CĂN SÂN (<i>dosa-mūla-citta</i>)</p>	<p>Vô Trợ (<i>asaṅkhārika</i>)</p>	<p>Hữu Trợ (<i>sasaṅkhārika</i>)</p>
<p>TÂM (<i>citta</i>)</p>		
<p>CÁC TÂM SỞ (<i>cetasika</i>)</p>		
<p>Biến Hành (<i>sabba-citta-sādhāraṇa</i>)</p>		
<p>1. XÚC (<i>phassa</i>)</p>		
<p>2. thọ (<i>vedanā</i>)</p>	<p>displeasure (<i>domanassa</i>)</p>	<p>equanimity (<i>upekkhā</i>)</p>
<p>3. tưởng (<i>saññā</i>)</p>		
<p>4. tư (<i>cetanā</i>)</p>		
<p>5. nhất tâm (<i>ekaggatā</i>)</p>		
<p>6. mạng quyền (<i>jīvit-indriya</i>)</p>		
<p>7. tác ý (<i>manasikāra</i>)</p>		
<p>Biệt Cảnh (<i>pakiṇṇaka</i>)</p>		
<p>1. tầm (<i>vitakka</i>)</p>		
<p>2. tứ (<i>vicāra</i>)</p>		
<p>3. thắng giải (<i>adhimokkha</i>)</p>		
<p>4. cần (<i>vīriya</i>)</p>		
<p>5. hỷ (<i>pīti</i>)</p>		
<p>6. dục (<i>chanda</i>)</p>		
<p>Bất Thiện Tâm Sở (<i>akusala-cetasika</i>)</p>		
<p>1. Si (<i>moha</i>)</p>		

Tiếp trang kế

Bảng 2b tiếp trang trước

2. vô tâm (<i>ahiri</i>)									
3. vô quý (<i>anottappa</i>)									
4. phóng dật (<i>uddhacca</i>)									
6. sân (<i>dosa</i>)									
7. tật (<i>issā</i>)									
8. lận (<i>macchariya</i>)									
9. hối (<i>kukkuca</i>)									
10. hôn trầm (<i>thina</i>)									
11. thuy miên (<i>middha</i>)									
Tổng Cộng	18	19	20	21					

Tâm Căn Si

Si (*moha*), khi đứng một mình, có liên quan đến sự bình thân lừa dối, thái độ bàng quan đối với những vận hành của nghiệp. Và khi có hoài nghi (*vicikicchā*), và phóng dật (*uddhacca*), thời nó là một tâm căn si (*moha-mūla-citta*). Hoài nghi muốn nói trong trường hợp này là thái độ hoài nghi, ngờ vực, về Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Tăng, điều học, duyên khởi, các kiếp sống quá khứ, các kiếp sống tương lai,...¹¹³ Tư trong trường hợp này luôn luôn là tư bất thiện. Và khi có si, thì cũng luôn luôn có vô tâm và vô quý (*không biết hổ thẹn, và không biết ghê sợ điều ác*).

¹¹³ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 18, trang 43.

2C: DANH PHÁP (NĀMA-DHAMMA) CỬA TÂM CĂN SI <i>(moha-mūla-citta)</i>		
TÂM (CITTA)		
TÂM SỞ (CETASIKA)		
Biến Hành (sabba-citta-sādhāraṇa)		
1. xúc (<i>phassa</i>)		
2. thọ (<i>vedanā</i>)	equanimity (<i>upekkhā</i>)	
3. tưởng (<i>saññā</i>)		
4. tư (<i>cetanā</i>)		
5. nhất tâm (<i>ek-aggatā</i>)		
6. mạng quyền (<i>jīvit-indriya</i>)		
7. tác ý (<i>manasikāra</i>)		
Biệt Cảnh (pakiṇṇaka)		
1. tầm (<i>vitakka</i>)		
2. tứ (<i>vicāra</i>)		
3. thắng giải (<i>adhimokkha</i>)		
4. cần (<i>vīriya</i>)		
5. hỷ (<i>pīti</i>)		
6. dục (<i>chanda</i>)		
Bất Thiện		
Tâm Sở (akusala-cetasika)		
1. si (<i>moha</i>)		
2. vô tầm (<i>ahiri</i>)		
3. vô quý (<i>anottappa</i>)		
4. phóng dật (<i>uddhacca</i>)		
5. nghi (<i>vicikicchā</i>)		
Tổng Cộng	16	16

Quả Bất Thiện

Khi một nghiệp được làm với một trong ba căn bất thiện này chín mùi vào lúc chết, tâm tục sanh hay kiết sanh thức (*paṭisandhi-citta*) sẽ là một tâm quả bất thiện (*akusala-vipāka-citta*), và điều này có nghĩa là sẽ phải tái sanh hoặc trong cảnh giới súc sanh, hoặc trong cảnh giới ngạ quỷ, hoặc nơi một trong các địa ngục. Không thể có chuyện ngược lại.¹¹⁴

(1) Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỳ kheo, không có trường hợp ở đây một người có đầy đủ thân hành ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này không xảy ra.

Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo, là người đầy đủ thân hành ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này có xảy ra.

(2) Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỳ kheo, không có trường hợp ở đây một người có đầy đủ

¹¹⁴ A.I.xv.3 ‘*Aṭṭhāna-Pāli*’ (Kinh Không Thể Xây Ra’) AA giải thích rằng ‘ác thú’, ‘đọa xứ’... tất cả những từ này đều đồng nghĩa với địa ngục. Và bản chú giải này còn giải thích rằng khi Đức Phật nói một người ‘có đầy đủ’ thân hành ác/khẩu hành ác/ý hành ác thì điều này muốn nói đến ba loại ‘đầy đủ’: 1) tích lũy-đầy đủ (*āyūhana-samāngitā*); AṬ: tư-liên tục (*cetanā-santati*). Điều này tương ứng với các tư tiền và tư hậu. 2) tư-đầy đủ (*cetanā-samāngitā*); AṬ: tư-quyết định (*sanniṭṭhāpaka-cetanā*). Điều này tương ứng với tư-cuối cùng (*Sanniṭṭhāna-cetanā*). 3) Nghiệp đầy đủ (*kamma-samāngitā*), vốn là nghiệp quá khứ có thể chín mùi. Cũng xem trong bảng 1a: ‘Tâm Quả Bất Thiện’ để biết thêm về điều này.

khẩu hành ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này không xảy ra.

Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ khẩu hành ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này có xảy ra.

(3) Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây một người có đầy đủ ý hành ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này không xảy ra.

Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ ý hành ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này có xảy ra.

Nghiệp được làm với ba căn bất thiện này cũng luôn luôn dẫn đến sự luân chuyển liên tục từ đời này sang đời khác (luân hồi).

Trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, tâm khởi lên hầu như chỉ là những tâm bất thiện, bắt nguồn từ tham, sân, và si. Trong đó si được xem là rất mạnh, và việc khởi lên một tâm thiện ở đây là rất hiếm. Đó là lý do vì sao sự giải thoát của các chúng sanh trong những cõi đó hầu như không thể xảy ra. [78]

Tái sanh trong cõi nhân loại luôn luôn phải do thiện nghiệp. Tuy nhiên, đa số trong cõi đó là những kẻ vô văn phàm phu, tâm họ phần lớn bén rễ trong tham, sân, si. Khi thoảng mới có tâm thiện khởi lên. Và trong số những kẻ vô

văn phạm phu ấy, si rất sâu dày. Đó là lý do vì sao, khi con người chết, hầu như họ luôn luôn phải tái sinh trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, hoặc súc sanh.[79]

Tái sinh trong các cõi trời dục giới luôn luôn phải nhờ những thiện nghiệp cao hơn. Đó là lý do vì sao các vị chư thiên được hưởng các dục lạc cao cấp hơn. Và thân hình, diện mạo, mắt tai, áo quần, và lâu đài của họ rất xinh đẹp. Không may thay, chính những điều ấy lại làm cho họ phát sanh rất nhiều tham muốn, ghen tỵ, và ích kỷ. Vì thế, khi các chư thiên dục giới chết, hầu như họ luôn luôn tái sinh, hoặc trong địa ngục, hoặc trong cảnh giới ngạ quỷ, hoặc trong cảnh giới súc sanh.¹¹⁵ [80]

Trong các cõi Phạm thiên (*Brahma*), một dạng chư thiên cao hơn, tâm căn sân không thể phát sanh. Nhưng họ lại luôn luôn có sự dính mắc và tham ái đối với kiếp sống ở đó và đây là dạng tâm căn tham. Một vị Phạm Thiên cũng luôn luôn nghĩ rằng kiếp sống của họ là vĩnh hằng, và rằng họ là người sáng tạo của thế gian (sáng tạo chủ), một vị thượng đế, một đấng quyền năng vô tận.[81] Đó là tà kiến, một loại tâm căn tham.

Khi một vị Phạm Thiên chết, vị ấy không bao giờ rơi thẳng xuống địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh giới. Khi nghiệp cho quả tái sinh trong phạm Thiên giới hết, họ có thể phải tái sinh vào một Phạm thiên giới thấp hơn, hoặc tái sinh trong cõi chư thiên hay nhân loại.

5a: *Chết và Tái Sinh*

¹¹⁵ Xem ‘Chư Thiên Thối Đạo’, trang 405.

VsM.xiv.455'*Viññāṇa-Kkhandha-Kathā*' ('Luận Về Thức Uẩn') PP.xiv.111-114, & VsM.xvii.622-627'*Saṅkhāra-Paccayā-Viññāṇa-Pada-Vitthāra-Kathā*' ('Luận Chi Tiết Về Hành Duyên Thức Giai Đoạn Kiết Sanh') PP.xvii.133-145.

‡ Đây là những tâm cuối cùng của tiến trình ngũ môn hoặc tiến trình ý môn: xem những ghi chú tiếp theo.

Bảng 5a

Những Ghi Chú cho Bảng '5a: Chết và Tái Sanh'

- Một tâm kéo dài một sát-na tâm (*citta-kkhaṇa*), với ba giai đoạn: sanh (*uppāda*)↑, trú (*ṭhiti*) | , diệt (*bhaṅga*)↓.
- Sự nhận thức diễn ra theo một phương thức cố định, hợp với quy luật tự nhiên của tâm (*cittaniyāma*). Phương thức đối với sự chết và tái sanh là như sau:

Tiến Trình Tâm Cuối Cùng trong Một Đời Người

Tiến trình tâm cuối cùng của đời người có thể là một tiến trình ngũ môn hoặc một tiến trình ý môn¹¹⁶ Đối tượng của tiến trình tâm cuối cùng là một trong ba loại sau:

- 1) Nghiệp (*kamma*): hành nghiệp của một nghiệp thiện hoặc bất thiện đã hoàn thành trước đây, có thể trong cùng kiếp sống hoặc trong một đời trước. Chẳng hạn một người có thể nhớ lại sự thù hận liên quan đến những con vật bị giết, hay niềm vui liên quan tới việc cúng dường thức ăn đến các vị Tỷ kheo hay tới những người thọ nhận khác, hoặc sự tịnh lạc liên quan đến thiền.
- 2) Nghiệp Tướng (*kamma nimitta*): một đối tượng

¹¹⁶ Xem bảng '5b: Tiến Trình Ngũ Môn' trang 294, và '5c: Tiến Trình Ý Môn' trang 297.

liên quan tới một nghiệp thiện hoặc bất thiện đã làm trước đây trong cùng kiếp sống hay trong một tiền kiếp nào đó. Chẳng hạn người đồ tể có thể thấy con dao chọc tiết hay nghe tiếng kêu la của con vật sắp bị giết, người phá thai thấy bào thai đã chết, người bác sĩ thấy bệnh nhân, người sùng kính Tam Bảo có thể thấy các vị Tỳ kheo, hình ảnh Đức Phật, hay nghe tiếng tụng kinh *Pāḷi*, và một người hành thiền có thể thấy tợ tướng (*paṭibhāga nimitta*) thuộc đề tài thiền chỉ của mình, hay một trong ba đặc tính (*tam tṛng*) của đề tài thiền Minh Sát.

- 3) Thú tướng (*gati-nimitta*): một ảo ảnh về sanh thú, nơi họ sắp sửa tái sanh vào. Đối với trường hợp tái sanh địa ngục, người ta có thể thấy lửa; đối với trường hợp tái sanh súc sanh, người ta có thể thấy những khu rừng hay cánh đồng; đối với trường hợp tái sanh chư thiên, người ta có thể thấy các toà thiên cung...

Đối tượng này phục vụ như đối tượng của tâm ngoài tiến trình của kiếp sống kế.¹¹⁷[82] Chúng khởi lên độc lập với các tiến trình căn môn. Nói chung chúng là những tâm hữu phần (*bhavaṅga-citta*), có cùng một đối tượng quá khứ và cùng các tâm sở quá khứ. Tâm đầu tiên như vậy trong một kiếp sống phục vụ như một nối kết giữa hiện hữu quá khứ và hiện

¹¹⁷ ‘Tâm ngoài tiến trình’ hay ‘tâm ngoài môn’ (*‘dvāra-vimutta’*) tâm nằm ngoài tiến trình (nhận thức) hay ngoài một căn môn. Đã từng phát sanh câu hỏi liệu Niết Bàn hay Tâm Đạo hoặc Tâm Quả có thể là đối tượng của những tâm ngoài tiến trình này hay không. Về điều này hãy xem câu trả lời của Pa-Auk Sayadaw ở ghi chú cuối chương 82, trang 514.

hữu hiện tại, vì thế nó được gọi là Tâm Tục Sanh hay Kiết Sanh Thức (*paṭisandhi-citta*). Tâm hữu phần cuối cùng trong một kiếp sống được gọi là tử tâm (*cuti-citta*), bởi vì nó chuyển tương tục danh-sắc sang một hiện hữu mới. Tất cả những tâm khởi lên suốt kiếp sống, giữa những tiến trình tâm khác như vậy, được gọi là tâm hữu phần (*bhavaṅga-citta*).¹¹⁸[83]

Tiến trình tâm cuối cùng của một kiếp sống luôn chỉ có năm tốc hành tâm (chứ không bảy như thông thường). Tư của những tốc hành tâm này không chỉ tạo ra tâm tục sanh hay kiết sanh thức mà còn làm nhiệm vụ như một cầu nối để đi vào kiếp sống mới.¹¹⁹Theo sau những tốc hành tâm này có thể có hai đăng ký hay đồng sở duyên tâm. Trước tử tâm cũng có thể có các tâm hữu phần khởi lên: những tâm hữu phần này có thể khởi lên trong một thời gian ngắn hoặc dài, thậm chí có khi tới vài ngày hay vài tuần. Khi tử tâm diệt, mạng căn bị cắt đứt, và lúc đó chỉ còn lại một cái xác không mà thôi.

Tiến Trình Tâm Đầu Tiên Của Một Kiếp Sống

Liên sau tâm tục sinh (*tâm đầu tiên của một kiếp sống*),¹²⁰ là mười sáu tâm hữu phần với cùng một đời

¹¹⁸ Để biết tại sao tâm hữu phần và tử tâm lại mang những tên như vậy, xem ghi chú cuối chương 83, trang 516/Tập II. Chi tiết về tính chất của hữu phần, xem ghi chú cuối chương 305, Tập II

¹¹⁹ Xem thêm ‘Trì Nghiệp’, trang 392/Tập II

¹²⁰ Như chúng ta có thể thấy trong Bảng ‘Chết và Tái Sanh’, sự tái sanh trong tam giới xảy ra liền ngay sau khi chết. Tuy nhiên, cũng có những người nói về một sự hiện hữu trung gian (*antarā-bhava*). Giả thuyết ấy cho rằng giữa tử tâm và kiết sanh thức khởi lên sau đó có một sự hiện hữu (nơi đây người ta không

tượng (như đối tượng của tâm tục sinh).¹²¹ Và kế tiếp luôn luôn là một tiến trình ý môn, vốn có các uẩn mới kể như đối tượng. Thoát được cái khổ chết (17 sát-na tâm trước) làm phát sanh một sự nhẹ nhõm kèm theo ái luyện (*nikantika*), vốn là hữu ái (*bhava-taṇhā*). Chính vì thế, nghiệp hoàn thành bởi tiến trình tâm đầu tiên trong một kiếp sống luôn luôn là nghiệp bất thiện (*akusala*).

1a: Tâm Quả Bất Thiện (*Akusala-Vipāka-Citta*)

MÔN	THỨC	THỌ	NHIỆM VỤ	ĐỐI TƯỢNG
nhãn-	1. nhãn-	xả	thấy	sắc
nhĩ-	2. nhĩ-	xả	nghe	thính
tỷ-	3. tỷ-	xả	ngửi	hương
thiệt-	4. thiệt-	xả	ném	vị
thân-	5. thân-	khổ	xúc chạm	vật có thể sờ chạm

phải là tái sanh cũng không phải là không tái sanh). Tà kiến này được luận bàn trong KV.viii.2 ‘*Antarā-Bhava-Kathā*’ (‘Luận Về sự Hiện Hữu Trung Gian’ hay ‘Thân Trung Âm’). Trong đó, luận này giải thích rằng một giả thiết như vậy chẳng khác gì cho rằng có một cõi hữu (cõi sống) ngoài ba cõi Đức Phật tuyên bố (cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc) <xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 313, Tập II>. Tà kiến này phát sanh do một sự hiểu sai nào đó về các loại Thánh Bất Lai khác nhau <xem ghi chú cuối chương 289, Tập II>. Nó cũng có thể phát sanh do hiểu lầm về một giai đoạn hiện hữu ngắn ngủi như một nga quý (‘*peta*’ - gây ra bởi một nghiệp bất thiện nào đó) trước một sự tái sanh khác, mà bản thân sự tái sanh này là do : 1) một nghiệp bất thiện có tính đồng nhất gây ra (chẳng hạn như xem chuyện ‘Nga Quý Nandaka’ trang 437/Tập II), 2) một bất thiện nghiệp khác gây ra, 3) một thiện nghiệp gây ra. Khi một người phân biệt (quán) duyên khởi với minh sát trí của mình, tà kiến này sẽ không thể chứng minh được.

¹²¹ Một trường hợp ngoại lệ là chúng sanh vô tưởng (*a-sañña-satta*), vì họ không có tâm. Xem ghi chú 935, Tập II).

tâm-	6. tiếp xúc	xả	tiếp nhận	sắc/thinh/hương/vị/xúc				
					7. quan sát	xả	1. quan sát	{ sắc/thinh/hương/vị/xúc
							2. đăng ký	{ sắc/thinh/hương/vị/ xúc/khác
3. tục sanh/hữu phần/tử	{ nghiệp/nghiệp tướng/ thú tướng							

Trong Pali, chúng ta hiểu rằng những loại tâm quả này là những tâm vô nhân (ahetuka) dục giới (kāmāvacaracitta).

THỨC: xem bảng ‘5b: TIỀN TRÌNH NGŨ MÔN’, trang 294.

THỌ: trong hành động thấy, sắc y đại sanh (màu sắc) đập vào sắc y đại sanh (thần kinh nhãn của một tổng hợp nhãn mười sắc hay đoàn nhãn). Sự tác động như vậy được xem là yếu. Nó cũng giống như đập một trái banh bông lên một trái banh bông khác đang nằm trên đe. Vì vậy, cả nhãn thức quả bất thiện lẫn nhãn thức quả thiện đều chỉ có thọ xả đi kèm. Đối với nghe, ngửi, và nếm cũng vậy. Nhưng trong hành động xúc chạm, cảnh đại chủng (mahā-bhūt-ārammaṇam) (cảnh xúc ở đây là đất/lửa/gió) đập trên sắc y đại sanh (thần kinh thân của một tổng hợp thân mười sắc hay đoàn thân) cũng như trên tứ đại chủng (của cùng tổng hợp thân mười sắc ấy). Nó cũng tựa như lấy búa đập trên trái banh bông đang nằm trên đe vậy. Vì thế, thân thức quả bất thiện luôn luôn đi kèm với thọ khổ, thân thức quả thiện luôn luôn đi kèm với thọ lạc (DhSA.I.iii ‘Abyākata-Padam’ (Vô Ký) E.349-350: cũng xem bảng ‘1b: Tâm Quả Thiện Vô Nhân’ trang 124.

NHIỆM VỤ: Loại tâm gọi là tâm quan sát có thể làm nhiệm vụ như những tâm hữu phần của một kiếp sống: tâm

đầu tiên là tâm tục sanh (*paṭisandhi-citta*) và tâm cuối cùng là tử tâm (*cuti-citta*). Những loại tâm như vậy cũng được gọi là tâm ngoài tiến trình (*vīthi-mutta-citta*). Xem bảng đề cập ở dưới.

ĐỐI TƯỢNG: đối với nghiệp/nghiệp tương/thú tương, xem những ghi chú cho bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101.

VÔ MINH, THAM ÁI VÀ CÁC CĂN

Trước khi giải thích tiếp những tâm căn thiện, có lẽ sẽ tốt hơn nếu giải thích cho quý vị hiểu được mối liên kết giữa vô minh và tham ái cùng với ba căn bất thiện.

Chúng tôi sẽ trích dẫn lại lời Đức Phật trong ‘Kinh Dây Trói Buộc’ (*Gaddula-Baddha-Sutta*):

Điểm khởi đầu không thể nêu rõ đối với những chúng sinh bị vô minh che đậy, tham ái trói buộc, phải lưu chuyển, loanh quanh trong luân hồi.

Đây là những gì Đức Phật gọi là vòng tái sinh luân hồi (*samsāra*). Vòng luân hồi như vậy chỉ là sự tái sinh liên tục, hết kiếp này sanh kiếp khác mà thôi. Vào cuối của mỗi kiếp sống, sự chết xảy ra, và liền sau cái chết, một nghiệp thiện hay bất thiện sẽ tạo ra quả của nó: quả ở đây là một tâm tục sinh (*‘paṭisandhi-citta’* *kiết sanh thức*) mới, và các uẩn mới. Như Đức Phật đã giải thích, tiến trình liên tục này được duy trì bởi vô minh (*avijjā*) và tham ái (*taṇhā*).

Khi có tham ái, tâm được gọi là tâm căn tham (*lobha-mūla*). Và, như trước đã nói, khi có tham, thì cũng có si (*moha*). Si ở đây đồng nghĩa với vô minh. Một tâm căn tham luôn luôn phối hợp với si, như vậy có nghĩa rằng tham ái luôn luôn phối hợp với vô minh. Ở đây, cần hiểu rằng ái (*taṇhā*) với tham (*lobha*) là một, và vô minh (*avijjā*) với si

(*moha*) cũng giống như nhau.

Vậy tại sao Đức Phật chỉ đề cập đến vô minh và tham ái? Tại sao ngài không nói đến sân? Điều này là vì không phải mọi người ai cũng có sân. Khi một người trở thành bậc Thánh Bất lai (*An-Āgāmi*), họ đã huỷ diệt hoàn toàn căn sân (*dosa-mūla*). Nhưng trong họ vẫn còn chút vô minh và tham ái rất vi tế gọi là hữu ái (*bhava-taṇhā*), hoạt động như một lực ngủ ngầm (*anusayā*). Đức Phật gọi nó là hữu ái tùy miên (*bhava-rāg-ānusaya*).¹²²[84] Mọi người trừ bậc Thánh A-la-hán, ai cũng có vô minh và tham ái, và chúng là hai điều kiện căn bản nhất cho sự tái sinh liên tục.

Có thể nói, chẳng hạn như, nếu chúng ta nghĩ: Tôi không muốn tái sinh nữa! Tôi chỉ muốn là một người đệ tử

¹²² Tùy miên (*anusaya*, ngủ ngầm) có bảy: tham dục tùy miên, phần nộ tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, kiêu mạn tùy miên, hữu ái tùy miên, và vô minh tùy miên. Những pháp này sẽ luôn luôn ngủ ngầm (tùy miên) trong dòng tâm thức cho tới khi bị huỷ diệt bằng một thánh đạo trí nào đó. VsM.xxii.(PP.xxii.60) giải thích: ‘Chính do tính thâm căn cố đế của chúng mà những pháp ấy được gọi là tùy miên (*anusaya*), vì chúng nằm ngấm ngấm (*anusenti*) như nhân cho dục tham (tham đối với các dục), phần nộ... sanh khởi đi sanh khởi lại không ngừng, nên chúng được gọi là tùy miên. Chẳng hạn, một người có thể hành đắc các bậc thiền và đè nén được các triền cái, nhờ vậy tái sanh trong các cõi Phạm Thiên, và ở đó trong một thời gian rất dài. Nhưng cuối cùng người ấy sẽ phải tái sanh trở lại trong cõi dục. Và mặc dù các triền cái đã vắng mặt trong tương tục danh-sắc của người ấy trong một thời gian rất dài, song khi những điều kiện đầy đủ, chúng sẽ quay trở lại. VsM.xxii.830 ‘*Nāṇa-Dassana-Visuddhi-Niddeso*’ (Giải Thích về Tri Kiến Thanh Tịnh’) PP.xxii.73. giải thích rằng tà kiến tùy miên, và hoài nghi tùy miên bị bứng gốc với Nhập Lưu Thánh Đạo; dục tham tùy miên và phần nộ tùy miên với Bất Lai Thánh Đạo; trong khi kiêu mạn tùy miên, hữu ái tùy miên, và vô minh tùy miên chỉ bị bứng gốc với A-la-hán Thánh Đạo. Cũng xem ghi chú cuối chương 180, trang...556/Tập II

đích thực của Đức Phật thôi!’ Và chúng ta thực hành với ước nguyện đắc A-la-hán thánh quả trong kiếp này. Nhưng cho dù chúng ta có một ước nguyện mãnh liệt muốn chấm dứt tái sinh như thế, việc đó vẫn tùy thuộc vào Ba-la-mật¹²³ của chúng ta, đặc biệt là trí tuệ (*paññā*). Chúng ta đã hoàn thành được bao nhiêu pháp hành thiền chỉ và thiền minh sát trong các kiếp quá khứ? Nếu chúng ta hoàn thành đủ trí tuệ trong các kiếp quá khứ, thực sự chúng ta có thể đắc A-la-hán thánh quả trong kiếp này: bằng không thì đó là điều bất khả. Chúng ta có thể thực hành với ước nguyện lớn là đắc A-la-hán thánh quả và chấm dứt tái sinh, nhưng do trí tuệ của chúng ta vẫn chưa đủ thâm sâu, nên ước nguyện ấy thực sự cũng không đủ mạnh. Ít nhiều trong chúng ta vẫn còn năng lực ngủ ngâm (tùy miên) của sự khát khao hiện hữu (*bhavataṅhā*’ hữu ái tùy miên).¹²⁴ Chỉ với A-la-hán thánh đạo trí (*Arahatta-Magga-Nāṇa*), hữu ái và vô minh phối hợp với nó mới bị huỷ diệt không còn dư tàn. Đó là lý do vì sao Đức Phật chỉ nói về vô minh và tham ái, mà không đề cập đến sân.

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến các căn thiện.

¹²³ *Pāramī* (ba-la-mật) mười pháp đòi hỏi phải thực hiện qua nhiều kiếp sống để chứng đắc A-la-hán thánh quả trong tương lai: 1. bố thí, 2. trì giới, 3. xuất gia, 4. Trí tuệ, 5. Tinh tấn, 6. Kham nhẫn, 7. Chân thật, 8. quyết định, 9. Tâm từ, 10. Tâm xả. Để đắc thành Phật Quả, các ba la mật bao gồm cả thầy ba mươi pháp: mười ba la mật tiêu chuẩn, mười ba la mật bậc trung, và mười ba la mật tối hậu. Đức Phật Gotama của chúng ta đã phát triển ba mươi pháp ba la mật này qua bốn a-tăng-kỳ, và một trăm ngàn đại kiếp.

¹²⁴ Cũng xem ghi chú cuối chương 180, trang 556/Tập II.

TÂM THIỆN

Căn thiện cũng có ba, đó là vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*) và vô si (*a-moha*). Nhưng khi bàn về các căn, chúng ta không nói vô - si mà chỉ nói trí (*ñāṇa*).

Nếu như các tâm bất thiện không bao giờ kết hợp với những pháp thiện, thì các tâm thiện cũng không bao giờ kết hợp với các pháp bất thiện[85]. Đó là lí do vì sao các tâm thiện không bao giờ kết hợp với vô tâm (*ahiri*), vô quý (*anottappa*), phóng dật (*uddhacca*), hay tham, sân và si. Các tâm thiện luôn luôn phối hợp với các pháp thiện như mười chín pháp thường được gọi là các tâm sở biến hành tịnh hảo (*sobhana-sādhāraṇa*): chẳng hạn: tâm (*hiri*), quý (*ottappa*), tịnh tâm (*citta-passaddhi*), tịnh thân (*kāya-passaddhi*)¹²⁵, niệm (*sati*) và tín (*saddhā*)...¹²⁶Tương tự, tất cả các tâm thiện đều kết hợp với vô tham và vô si. Một tâm có căn vô tham cũng luôn luôn kết hợp với vô sân, và một tâm có căn vô sân cũng luôn luôn kết hợp với vô tham. Tuy nhiên không phải tất cả tâm thiện đều kết hợp với vô si, hay với trí (*ñāṇa*): đó là nét phân biệt chính giữa các tâm thiện.[86] Như

¹²⁵ Tịnh thân/tâm: VsM.xix.470 ‘*Khanddha-Niddesa*’ (Giải Thích về Các Uẩn) P.P.xix.144-149 giải thích rằng thân ở đây là các danh uẩn (thọ, tưởng, hành); tâm là thức uẩn. Có sáu thuộc tính của danh thiện như vậy: 1) tịnh (đối với động hay phóng dật); 2) khinh (đối với hôn trầm và thuy miên); 3) nhu (đối với sự cứng nhắc của tà kiến và kiêu mạn); 4) thích (đối với các triển cái còn lại); 5) thuần (đối với bất tín,...); 6) chánh (đối với dối trá, không trung thực,...). VsMṬ giải thích rằng khi có sự an tịnh, ... của danh thân, thời cũng có sự an tịnh, ... của sắc thân. Đó là lý do vì sao Đức Phật chia những thuộc tính tâm này thành hai vậy.

¹²⁶ Có cả thấy hai mươi lăm tâm sở tịnh hảo, nhưng chỉ mười chín tâm sở biến hành tịnh hảo này luôn luôn có mặt trong bất kỳ một tâm thiện nào.

vậy chúng ta có hai loại tâm thiện chính:¹²⁷

- Tâm không phối hợp với trí hay **tâm ly trí** (*ñāṇa-vippayutta*): đây là tâm nhị nhân (*dvi-hetuka*), bắt nguồn từ hai căn vô tham và vô sân.

- Tâm phối hợp với trí hay **tâm hợp trí** (*ñāṇa-sampayutta*): đây là tâm tam nhân (*ti-hetuka*), bắt nguồn từ ba căn vô tham, vô sân và vô si (*ñāṇa-có trí*).

Hãy ghi nhớ rằng khi nói **tâm thiện ly trí** không có nghĩa tâm ấy phối hợp với si (*moha*), mà chỉ đơn thuần là tâm ấy không có trí phối hợp mà thôi. Vì một tâm thiện không thể có si đi kèm.

Vô tham, vô sân, và trí làm thành một tâm thiện. Tâm thiện có nghĩa rằng tư (trong tâm ấy) là tư thiện, và tư thiện là nghiệp thiện.[87] Đức Phật cũng gọi nó là phước (*puñña*). Và sự thành tựu của thiện nghiệp Ngài cũng gọi là phước hành (*puññ-ābhisankhāra*)¹²⁸. Nếu nghiệp đó tạo ra quả, nó sẽ là một quả khả ý, một quả đáng mong muốn. Và một thiện nghiệp như vậy rất cần thiết cho chúng ta để chấm dứt nghiệp và tái sanh.[88]

Ở đây, cũng cần nói để quý vị biết rằng với sự chứng đắc A-la-hán thánh đạo (*Arahatta-Magga*), tất cả những tâm tiếp theo (sau tâm đạo) trong kiếp cuối của vị ấy đều kết hợp với vô tham và vô sân. Sự an trú liên tục (*satata-vihāra*) của bậc A-la-hán có nghĩa là sự nhận thức tính chất sanh và diệt của các hành, và sự sanh khởi do duyên của chúng. Sự nhận thức ấy hầu như luôn luôn hợp với trí. Thế nhưng vào

¹²⁷ Ở phần bàn luận sau, về những tâm thiện và các phước nghiệp sự, việc tham khảo chỉ nhắc đến những tâm tốc hành thiện, tức những tâm chỉ có mặt trong một người không phải bậc A-la-hán đang tạo nghiệp (*kamma*).

¹²⁸ Xem trích dẫn cuối chương 74, trang 510/Tập II.

lúc vừa thức dậy hay vào lúc ngủ, hoặc khi mệt mỏi, yếu người, hay bệnh hoạn, sự nhận thức của bậc A-la-hán vẫn có thể là sự nhận thức ly trí [90]. Tuy nhiên, dù không thiện, tư (*cetanā*) của bậc A-la-hán cũng không làm phát sanh nghiệp vì nó là tư duy tác (*kiriya*) thuần túy.¹²⁹

CÁC TÂM CĂN VÔ-THAM VÀ VÔ-SÂN

Các tâm thiện luôn luôn có gốc (căn) trong vô tham và vô sân. Điều đó có nghĩa là gì? Ở đây, vô tham muốn nói đến bất cứ điều gì có liên quan đến xả ly (*cāga*), bố thí (*dāna*) và xuất gia (*nekkhamma*), dù thô hay tế. Vô sân muốn nói tới bất cứ điều gì có liên quan đến tâm từ (*mettā*), thiện ý (*abyāpada*), thân thiện (*avera*), lòng trắc ẩn (*avihimsā*), lòng bi mẫn (*karuṇā*), hoan hỷ (*muditā*-hoan hỷ với sự thành công và vận may của người khác) dù thô hay tế. Và những pháp này không thể tách rời nhau. Khi có bố thí thì cũng có thiện ý. Khi có lòng bi mẫn thì cũng có sự xuất ly. Và, tất nhiên, những tâm như vậy không thể nào phối hợp với si: chúng chỉ có thể hoặc không kết hợp với vô si (*amoha*), hoặc kết hợp với vô si mà thôi.

LY TRÍ VÀ HỢP TRÍ

Vậy vô si hay trí (*ñāna*), không kết hợp hoặc kết hợp với các tâm thiện như thế nào?

Như đã giải thích trước đây¹³⁰, si kết hợp với các tâm bất thiện là để thấy và tin trong sự thực chế định hay tục đế

¹²⁹ Để biết thêm chi tiết về tư của bậc A-la-hán, hãy xem ‘Tư Bất Thiện và Tư Thiện’, trang 82.

¹³⁰ Xem trích dẫn ở Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhi-Magga*) trang 92.

(*sammutti-sacca*), thay vì chân đế (*paramattha-sacca*). Thấy theo tục đế là thấy đàn ông, đàn bà, mẹ, cha, chó, mèo, heo, gà... thay vì thấy đó chỉ là các uẩn (*khandha*), danh-sắc (*nāma-rūpa*), duyên sanh (*paṭicca-samuppāda*), ... Tuy nhiên, trí không kết hợp hoặc kết hợp với các tâm thiện là năm loại trí (*ñāṇa*). Năm loại trí này cũng được gọi là năm loại tuệ (*paññā*) hay Chánh Kiến (*Sammā-ditṭhi*).¹³¹

NĂM LOẠI TRÍ

Ba loại trí đầu là trí hiệp thế hay thế gian trí (*lokiya*):

- 1) Nghiệp Sở Hữu Trí/Tuệ (*Kamma-Ssakata-Ñāṇam/Paññā*): trí (hiểu biết) về những vận hành của nghiệp, đó là trí biết rằng sự tái sanh của một người là do nghiệp quá khứ của họ quyết định, và rằng trong suốt kiếp sống, nghiệp bất thiện quá khứ và nghiệp bất thiện hiện tại của họ tạo ra những quả khổ, trong khi nghiệp thiện của họ tạo ra những quả an vui cho họ. Đây là Chánh Kiến cơ bản nhất¹³².
- 2) Trí/ Tuệ Thiên Định¹³³ (*Jhāna Paññā*)¹³⁴: đây là trí an trú¹³⁵ hay gắn chặt trên đề mục thiền của

¹³¹ AA.I.xvi.4(324) ‘*Eka-Dhamma-Pāḷi*’ (‘Chương Một Pháp’). Năm loại trí này cũng được nói đến như năm loại Chánh Kiến trong AA.ibid.2 (305). Như vậy, Chánh Kiến (*Sammā Ditṭhi*), trí (*ñāṇa*) và tuệ (*Paññā*) là đồng nghĩa.

¹³² Chánh Kiến căn bản: xem trích dẫn ‘Nuôi Dưỡng Chánh Kiến’ trang 276.

¹³³ Xem bảng ‘3c: Danh Pháp của Tâm Đại Hành (*mahaggata-citta*)’ trang 166.

¹³⁴ *Jhāna* chỉ được nói đến như Trí Tuệ Thiên Định hay Chánh Kiến Thiên Định chứ không bao giờ nói là ‘Thiền Trí’ (*Jhāna ñāṇa*).

¹³⁵ An chỉ hay an trú vào (đề mục): *jhāna* (thiền) cũng được gọi là sự an chỉ (xem trích dẫn ở ghi chú k). VsM.iii.39 ‘*Kamma-Tṭhāna-Ggahaṇa-Niddeso*’ (‘Giải Thích về việc Nhận Đề Mục Thiền’) PP.iii.5 giải thích rằng có hai loại

hành giả. Chẳng hạn, nó có thể được gắn chặt trên tợ tướng trong niệm hơi thở và mười kasīna, hoặc trên hình ảnh của các chúng sanh đang an vui trong thiền tâm từ.

- 3) Minh Sát Tuệ/Trí (*vipassanā-nāṇa/paññā*): đây là trí an trú hay gắn chặt vào tam tướng (ba đặc tính của danh và sắc chơn đế).¹³⁶ khi một tâm được kết hợp với trí này, nó không thấy đàn ông, đàn bà, mẹ, cha, chó, mèo, heo, gà...; nó không thấy chân, tay, tai, mắt, bên trái, bên phải, ... những thứ được xem như tục đế hay sự thực chế định (*sammuti-sacca*), hoặc khái niệm (*paññati*). Những pháp này không hiện hữu đúng theo thực tại (*yathā-bhūta*: đúng như thực) và tất nhiên chúng ta không thể hành minh sát trên những pháp không thực hiện hữu ấy. Đối tượng của thiền minh sát là sự thực tối hậu hay chân đế (*paramattha-sacca*),

định: 1) cận định (*upacāra*) và 2) an chi định (*appanā*). VsMṬ giải thích sự an chi như: sự dán áp (của tâm) xảy ra như thể đang hút lấy những pháp phối hợp trong đối tượng là sự an chi. Vì thế, nó được mô tả như “an trú, an chi”. DhSṬ.I.iii.160 ‘*Paṭhama-Jjhāna-Kathā-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Sơ Thiền’) giải thích rằng “an chi” theo cách dùng của chú giải (*aṭṭha-kathā-vohāro*) thường nói đến nhiệm vụ đặc biệt của tầm (*vitakkassa-kicca-visesena*) trong việc đạt đến độ ổn định (*thirabhāva*) trong định của sơ thiền (*thirabhāva-ppatte paṭhama-jjhāna-samādhimhi*), cũng như độ ổn định tương tự trong định của nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, mặc dù những bậc thiền sau không có tầm (*vitakka-rahitesu*).

¹³⁶ VbhA.X.i.467 ‘*Suttanta-Bhājanīya-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Sự Phân Loại Theo Pháp Môn Kinh’) DD.X.i.1527 giải thích: ‘ “Trở Nên An Định” là tập trung một cách chân chánh, là đặt tâm một cách bất động trên đối tượng, như thể đã đạt đến sự an chi... sự nhất tâm phối hợp với trí minh sát (*vipassanā*) và tạo ra các chi phần giác ngộ này được gọi là định giác chi.’

đó là các uẩn (*khandha*), danh-sắc (*nāma-rūpa*), duyên sanh (*paṭicca-samuppāda*),... Những pháp này hiện hữu đúng theo thực tại.

Ba loại trí trên là trí hiệp thể, chúng chỉ biết những hữu vi giới (*saṅkhata-dhātu*). Hai loại trí kế tiếp là trí siêu thể (*lokuttara*), trí biết Vô Vi Giới (*Asaṅkhata-Dhātu*)¹³⁷:

- 4) Đạo Trí/Đạo Tuệ (*Magga-Ñāṇa/Paññā*): đạo tuệ là tâm đầu tiên biết Niết Bàn, bao gồm: Nhập Lưu Thánh Đạo Trí, Nhất Lai Thánh Đạo Trí, Bất Lai Thánh Đạo Trí, và A-la-hán Thánh Đạo Trí.
- 5) Quả Trí/Tuệ (*Phala-Ñāṇa/Paññā*): quả tuệ là tâm biết Niết Bàn tiếp theo sau Đạo tuệ, nó cũng gồm: Nhập Lưu Thánh Quả Trí, Nhất Lai Thánh Quả Trí, Bất Lai Thánh Quả Trí, và A-la-hán Thánh Quả Trí.

Hai trí siêu thể này cao tốt hơn các loại trí khác.¹³⁸Tuy nhiên ngoài Giáo Pháp của một vị Phật, những trí này chỉ sanh nơi những ai đã trở thành Độc Giác Phật, chứ không nơi một người nào khác, bởi vì chư Độc Giác Phật không thể dạy Pháp (*Dhamma*). Chỉ duy nhất Đức Phật Chánh Đẳng Giác mới có thể dạy cho những người khác biết cách đạt đến hai trí này vậy.

Khi một tâm thiện kết hợp với một trong năm loại trí đó, nó kể như đã kết hợp với vô-si (*a-moha*), và điều này có nghĩa rằng nó là tâm thiện hợp trí (*ñāṇa-sampayutta-tuong ung trí*) hay tâm thiện tam nhân (*ti-hetuka*). Nhưng khi một

¹³⁷ Xem ‘Đạo và Quả’, và bảng ‘5e: Tiến Trình Đạo’ Tập II.

¹³⁸ VbhA.XVI.x.3.770 ‘*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Ba (loại) Giải Thích’) DD.XVI.x.2084 giải thích rằng: ‘Nhưng, Đạo và Quả Trí/Tuệ này vượt qua tất cả các loại trí /tuệ khác. Nó chỉ có khi đức Như Lai xuất hiện, khi Như Lai không xuất hiện nó không có.’

tâm thiện không phối hợp với một trong năm trí này, nó kể như không phối hợp với vô-si, và cũng có nghĩa rằng nó là tâm thiện ly trí (*ñāṇa-vippayutta*), hay tâm thiện nhị nhân (*dvi-hetuka*).

VÔ TRỢ/HỮU TRỢ

Nếu thiện nghiệp được thực hiện một cách tự động, không có sự do dự hay thúc đẩy của tự thân hay người khác,¹³⁹ thì đó là vô trợ (*asankhārika*); nếu thiện nghiệp được thực hiện với sự do dự, hoặc với sự thúc đẩy của tự thân hay người khác, thiện nghiệp đó là hữu trợ (*sasankhārika*).¹⁴⁰[91]

¹³⁹ Đức Phật cũng đưa ra sự phân biệt này trong ‘Kinh Bhūmija’ của Tương Ưng Kinh (‘*Bhūmija-Suttam*’, S.II.I.iii.5), cũng xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 76, trang 510).

¹⁴⁰ VsM.xiv. 452 ‘*Khandha-Niddesa*’ (‘Mô Tả về Các Uẩn’) PP.xiv.84 giải thích rằng: ‘Khi một người sung sướng vì gặp được một món quà tuyệt hảo để cúng dường, hay gặp một người thọ nhận (xứng đáng), ... hoặc một nguyên nhân tương tự nào đó làm phát sanh hoan hỷ, và do đặt Chánh Kiến lên hàng đầu như thường xảy ra khi bắt đầu “việc cúng dường”, người ấy thực hiện phước sự ... không do dự và không bị thúc đẩy bởi người khác, thời tâm của người ấy có hỷ đi kèm, kết hợp với trí, và vô trợ (tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ). Nhưng khi một người cũng sung sướng và hài lòng theo cách vừa nói và, trong lúc đặt Chánh Kiến lên hàng đầu, người ấy vẫn làm nó một cách do dự vì thiếu lòng quảng đại, ..., hoặc nhờ người khác thúc đẩy, thời tâm của người ấy cũng như loại tâm vừa rồi nhưng hữu trợ (tâm thiện, thọ hỷ, hợp trí hữu trợ); vì trong nghĩa này “hữu trợ” là một từ để chỉ một tiền nỗ lực do chính người ấy hay do người khác vận dụng. Nhưng khi một đứa bé có thói quen tự nhiên do nhìn thấy cách cư xử của thân quyến, hoan hỷ khi thấy các vị Tỷ kheo và ngay lập tức nó cho bất cứ những gì nó có trong tay hoặc đánh lễ các vị ấy, thời loại tâm thứ ba phát sanh, đó là tâm thiện, thọ hỷ, ly trí, vô trợ. Tuy nhiên khi chúng làm điều ấy do bị thúc đẩy bởi thân quyến, “Bố thí đi, đánh lễ đi!”, thời loại tâm thiện thứ tư khởi lên, đó là tâm thiện, thọ hỷ, ly trí, hữu trợ.

Tư (*cetanā*) của thiện nghiệp vô trợ mạnh hơn, tuy rằng cả thiện nghiệp vô trợ lẫn hữu trợ đều có các tâm sở kết hợp như nhau¹⁴¹. Nhưng cũng có những yếu tố quan trọng khác cần xem xét.

HẠ LIỆT VÀ CAO THƯỢNG

Thiện nghiệp cũng có thể được chia thành hạ liệt (*omaka*) và cao thượng (*ukkatṭha*)¹⁴². Điều này tùy thuộc vào thái độ của một người khi thực hiện thiện nghiệp. Khi thực hiện thiện nghiệp có bốn pháp quyết định tính chất của nghiệp:¹⁴³

- 1) Ước muốn (*chanda*): đây là ước muốn thực hiện thiện nghiệp của một người: chẳng hạn, ước muốn cúng dường, ước muốn tránh làm điều bất thiện, ước muốn tập trung trên đề mục thiền. Nếu

¹⁴¹ Điều này ngược lại với các tâm vô trợ/hữu trợ bất thiện: xem ‘Vô trợ và hữu trợ’ trang 92. Cũng xem các Bảng 2a/2b/2c trang 93/95/97.

¹⁴² Trong DhS.i.269-276 ‘*Te-Bhūmaka-Kusalām*’ (‘Thiện Ba Cõi’) Đức Phật chia các tâm thiện thành ba: hạ (*hīna*)/trung (*majjhima*)/thượng (*pañña*) (Cũng trong DhSA.ibid./E.vii, và DhST). Tuy nhiên trong AbS.v.72-73 ‘*Kamma-Catukkam*’ (‘Nghiệp Bốn Loại’) CMA.v.29 thu hẹp lại chỉ còn hai: hạ liệt và cao thượng.

¹⁴³ Bốn pháp này thường chỉ được bàn đến như những phương tiện đưa đến sức mạnh (*iddhi-pāda*: như ý túc hay thần túc), liên quan đến việc hành thiền định (xem ‘Tứ Như Ý Túc’ trang 353) Nhưng khi bàn về những tâm tạo phước hạ, trung, thượng của ba cõi, trong DhS.ibid. Đức Phật nói về bốn yếu tố này mà không đề cập chúng như những như ý túc. Thanh Tịnh Đạo I, phần ‘Luận về Các Loại Giới Khác Nhau’ (‘*Sīla-Ppabheda-Kathā*’ VsMī.12) PP.1.33 cũng đề cập đến chúng như pháp quyết định tính chất hạ, trung, thượng của giới. Những chi tiết trong bài này được rút từ sự giải thích của Đức Phật trong Vbh.ix ‘*Iddhi-Pāda-Vibhaṅgo*’ (‘Phân Tích về Như Ý Túc’).

- (mức độ) ước muốn của một người thấp, thiện nghiệp của họ là hạ liệt, trái lại nếu ước muốn của họ cao, thì thiện nghiệp là cao thượng.
- 2) Tinh tấn (*vīriya*): Đây là sự đề khởi tinh tấn của một người để thực hiện thiện nghiệp, sự khơi dậy tinh cần hành (*padhāna*).
 - 3) Tâm (*citta*): đây là sự tập trung của một người trên thiện nghiệp. Không phóng tâm, một người làm việc cúng dường, thọ trì giới, tập trung trên đề mục thiền, ...
 - 4) Thâm xét (*vīmaṃsa*): đây là trí (*ñāṇa*), là tuệ (*Paññā*) và Chánh Kiến (*Sammā Ditṭhi*) của một người khi thực hiện thiện nghiệp. Điều này chúng ta vừa bàn đến xong.

Khi một trong những yếu tố này thấp hay trung bình, thiện nghiệp kể như hạ liệt; khi cao thì thiện nghiệp là cao thượng. Chẳng hạn, một người làm một việc cúng dường hay thọ trì giới để mong được hưởng các dục lạc trong tương lai như làm một người giàu sang, hay một vị chư thiên, thiện nghiệp họ làm là hạ liệt. Nếu một người làm nó với ý định đạt đến Niết-bàn, thiện nghiệp ấy là cao thượng.¹⁴⁴ Ở phần sau, khi bàn về ba phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*),¹⁴⁵ chúng ta sẽ bàn đến điều này chi tiết hơn.

Như vậy hạ liệt kết hợp với các pháp bất thiện trước và sau các tâm thiện nghiệp, trong khi cao thượng kết hợp với các pháp thiện trước và sau các tâm thiện nghiệp. Chúng

¹⁴⁴ DhST. Ibid. thì giải thích rằng, gọi là thấp tùy thuộc vào việc còn tái sinh luân hồi (*vaṭṭa-nissita*), và cao thượng dựa vào sự xuất ly luân hồi (*vivaṭṭa-nissita*).

¹⁴⁵ Xem ‘Phước Nghiệp Sự’ trang 127.

được gọi là những tư tiên và tư hậu (*pubb-āpara-cetanā*)¹⁴⁶

Điều này có nghĩa là gì? Khi chúng ta thực hiện những cúng dường hợp trí, hay khi chúng ta tu tập giới và định hợp trí, điều đó không có nghĩa là chúng ta không còn thấy những khái niệm như đàn ông, đàn bà... nữa, mà chúng ta vẫn thấy, tuy nhiên những tâm bất thiện ấy nằm rải rác giữa các tâm thiện. Nói chung¹⁴⁷, suốt quá trình của một phước sự, nhiều loại tâm khác nhau, bất thiện cũng như tâm thiện, sẽ nảy sanh.

Khi chúng ta làm một việc cúng dường hợp trí, các tâm thiện vốn lấy thiện nghiệp cúng dường làm đối tượng ấy có thể bị xen lẫn bởi các loại tâm bất thiện khác, chúng ta đã bàn điều này trong mối liên quan với các loại cá tánh khác nhau.¹⁴⁸ Chẳng hạn, có thể có những tâm căn tham xen vào, khi nghĩ: ‘*Cúng dường của ta hơn hẳn cúng dường của chị ấy!*’ hoặc ‘*Nếu ta thực hiện việc cúng dường cao thượng này có thể ta sẽ được trúng số!*’ hoặc ‘*Công việc kinh doanh của ta sẽ phát đạt!*’. Cũng có thể có những tâm căn sân xen vào, như nghĩ: ‘*Cúng dường của ta không tốt lắm!*’ hay sau khi cúng dường xong, ‘*Ta đã cúng quía nhiều vật thực: thật là một sự lãng phí!*’ Và cũng có thể bị những tâm căn si xen vào, khi nghĩ: ‘*Đây là mẹ ta*’, ‘*Đây là con trai ta*’, ‘*đây là một vị Tỳ kheo*’, ..., hay nghĩ ‘*Liệu cúng dường có cho quả tái sanh không? Điều đó có thực chăng?*’

¹⁴⁶ Những khác biệt này thể hiện trong các tâm quả: xem bảng ‘1f: Thiện Nghiệp Hạ Liệt & Cao Thượng, Tâm Tục Sanh và Các Nhân của Chúng’, trang 122. Về các tư tiên và tư hậu, xem giải thích ở MA, ghi chú 613, trang 583/Tập II.

¹⁴⁷ Trong một số trường hợp ngoại trừ các bậc Thánh, và trong mọi trường hợp ngoại trừ bậc Thánh A-la-hán.

¹⁴⁸ Xem ‘Sự Đa Dạng của Tánh Khí’, trang 64.

Ngược lại, cúng dường của chúng ta cũng có thể được các tâm thiện có gốc trong vô tham và vô sân xen vào. Chẳng hạn: *‘Tôi muốn thực hiện những buổi cúng dường tốt nhất, cúng dường như vậy sẽ làm cho tôi hoan hỷ hơn!’* hay *‘Lành thay anh ta cũng đang cúng dường!’* (hoan hỷ với việc cúng dường của người khác). Những tâm thiện xen vào này cũng có thể là những tâm thiện hợp trí. Chẳng hạn: *‘Việc cúng dường sẽ làm cho tôi vui sướng: nó sẽ trợ giúp cho việc hành thiền của tôi!’* hay *‘Cúng dường này sẽ là một trợ duyên cho sự chứng đắc Niết Bàn của tôi!’* [92]

Tương tự, khi chúng ta đắc thiền (*jhāna*), mọi tâm thiện đều kết hợp với trí (hiểu biết) về đối tượng thiền. Tuy nhiên trước khi chúng ta nhập thiền, hoặc sau khi chúng ta xuất thiền, có thể có những tâm bất thiện. Chẳng hạn, những tâm căn tham có thể khởi lên, khi nghĩ: *‘Ta là một người hành thiền cừ khôi!’* hay *‘Nếu ta nhập thiền cả ngày, ta sẽ được nổi tiếng!’* Những tâm căn sân cũng có thể sanh, khi nghĩ: *‘Sao những thiền sinh ấy lại làm ồn thế!’* hay *‘ngồi thiền thì có ích gì chứ?’* Những tâm căn si cũng có thể sanh, khi nghĩ: *‘Đây là mẹ ta’, ‘đây là con trai ta’, ‘đây là một vị Tỳ kheo’, ...*, hay *‘Thiền này có thể giúp ta thấy được những kiếp quá khứ và những kiếp tương lai không? Điều đó có thực chăng?’*

Trái lại, thiền của chúng ta có thể được những tâm thiện, có gốc trong vô tham và vô sân, xen vào. Chẳng hạn: *‘Tôi muốn tu tập thiền; việc hành thiền sẽ làm cho tôi sống an vui!’* hay *‘Tốt quá, anh ta cũng đang hành thiền kìa!’* (đây là tâm hoan hỷ đối với việc hành thiền của người khác). Những tâm thiện xen vào này cũng có thể hợp với trí. Chẳng hạn: *‘Tu tập thiền (jhāna) có thể giúp ta thấy được sự thực tối hậu: nhờ thế ta có thể hành thiền minh sát và đắc Niết Bàn.’*

Dạy Pháp cũng có thể bị những tâm bất thiện xen vào. Chẳng hạn, nếu một người dạy Pháp vì lợi dưỡng, với ý nghĩ, *‘Nhờ dạy pháp như thế này ta sẽ được mọi người biết đến như một vị Pháp sư!’* như vậy tâm căn tham đã khởi lên. Tương tự, tham cũng khởi lên nếu một người học Pháp và nghe Pháp với ý nghĩ: *‘Nhờ học pháp và nghe pháp như vậy người ta sẽ xem mình là người có đức tin!’*. Trái lại, việc học pháp và nghe pháp của một người cũng có thể được các tâm thiện, có gốc trong vô tham, vô sân, và ngay cả trí xen vào: chẳng hạn, nêu một người dạy pháp và học pháp với ý nghĩ, *‘Việc dạy Pháp này sẽ giúp ta hiểu được Pháp rõ hơn, và sẽ là một trợ duyên cho ta chứng đắc Niết Bàn!’* và *‘Học Pháp là một phước báu lớn, và sẽ là một trợ duyên cho ta chứng đắc Niết Bàn!’*

Theo cách này, chúng ta có thể hiểu rằng trừ phi chúng ta đang ở trong định sâu của thiền chỉ hoặc thiền minh sát, còn không rất nhiều loại tiền trình tâm thiện hoặc bất thiện vẫn có thể nối tiếp nhau khởi lên. Tuy nhiên cũng phải luôn luôn nhớ rằng những phân tích này chỉ là những hướng dẫn chung: vận hành của nghiệp rất thâm sâu, và có nhiều sự biến đổi. Chỉ một vị Phật mới có thể giải thích chúng đầy đủ chi tiết, và theo từng trường hợp.

HẠ LIỆT VÀ CAO THƯỢNG; CÁC CĂN VÀ QUẢ

Tại sao những pháp phối hợp này lại quan trọng như vậy? Bởi vì chúng giúp cho việc quyết định tính chất của quả nghiệp thiện. Tính chất của các tác hành tâm (*javana*) quyết định tính chất của tâm quả (*vipāka-citta*): chẳng hạn như tính chất của tâm tục sanh (*paṭisandhi-citta*).

1f: Thiện Nghiệp Hạ Liệt và Cao Thượng, Các Căn và Quả Tái Sanh

TAM NHÂN (<i>ti-hetuka</i>)	NGHIỆP →	Tâm tục sinh (<i>paṭisandhi-citta</i>)	NGHIỆP →	Tâm tục sinh (<i>paṭisandhi-citta</i>)
	Cao thượng (<i>ukkaṭṭha</i>)		Hạ liệt (<i>omaka</i>)	
1. Vô tham (<i>a-lobha</i>)				
2. Vô sân (<i>a-dosa</i>)	→		→	
3. Vô si (<i>a-moha</i>)				
NHỊ NHÂN (<i>dvi-hetuka</i>)				VÔ NHÂN(<i>ahetuka</i>)
1. Vô tham (<i>a-lobha</i>)	→		→	0. —
2. Vô sân (<i>a-dosa</i>)				

Tuỳ theo sự hạ liệt và cao thượng, lý trí hay hợp trí, có ba loại tâm quả khác nhau:¹⁴⁹

- 1) Tâm quả thiện vô nhân (*ahetuka*): nó có thể làm nhiệm vụ như tâm trong tiến trình (*vīthi-citta*) hay như một tâm ngoài tiến trình (*vīthi-mutta-citta*).

- i) Như một tâm trong tiến trình, tâm quả thiện vô nhân là quả của thiện nghiệp hạ liệt (*omaka*) cũng như cao thượng (*ukkaṭṭha*), lý trí (*ñāṇa-vippayutta*) cũng như hợp trí (*ñāṇa-sampayutta*), tam nhân (*ti-hetuka*) cũng như nhị nhân (*dvi-hetuka*). Tại sao như vậy? Bởi

¹⁴⁹ AbS.v.71 ‘*Kamma-Catukkam*’ (‘Bốn Loại Nghiệp’ CMA.v.29)

vì bất kỳ loại thiện nghiệp nào cũng có thể tạo ra nhãn thức, tỷ thức... Cũng vậy, một vị Phật thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm các đối tượng khả ái (*iṭṭha*) hay rất khả ái (*ati-iṭṭha*), là quả của thiện nghiệp.

ii) Như một tâm ngoài tiến trình (*viithi-mutta-citta*), tâm quả thiện vô nhân là quả của thiện nghiệp hạ liệt (*omaka*) và ly trí (*ñāṇa-vippayutta*) hay hạ liệt nhị nhân (*dvi-hetuka*). Nếu một nghiệp như vậy tạo ra tâm tục sanh, người ta sẽ làm, hoặc một chư thiên (*deva*) cấp thấp, một rakkha (dạ xoa, la sát), một loại rồng (*nāga*) hay kim xí điều (*garūda*), hay một người bị mù, điếc, câm bẩm sinh, hay bị khiếm khuyết về thân hay tâm theo một cách nào đó.

1b: Tâm Quả Thiện Vô Nhân (*Kusala-Vipāka-Ahetuka-Citta*)

MÔN	THỨC	THỌ	NHIỆM VỤ	ĐỐI TƯỢNG
nhân-	1. nhãn-	xả	thấy	sắc
nhĩ-	2. nhĩ-	xả	nghe	thanh
tỷ-	3. tỷ-	xả	ngửi	huong (khí)
thiệt-	4. thiệt-	xả	nếm	vị
thân-	5. thân-	lạc	đụng	xúc
	6. tiếp thu	xả	tiếp nhận	{ sắc/thanh/huong vị/xúc
mind-	7. quan sát	xả	1. quan sát	sắc/thanh/huong/vị/xúc
		hỷ	quan sát	sắc/thanh/huong/vị/xúc
		xả	2. đăng ký	sắc/thanh/huong/vị/xúc/khác
		hỷ	đăng ký	sắc/thanh/huong/vị/xúc/khác
		xả	3. tục sanh/ hữu phần/ tử	ngiệp/ngiệp tướng/thú tướng

Chú Thích: Trong kinh điển Pāli, cần hiểu rằng những loại tâm quả này là những tâm dục giới (*kāma-āvacara-citta*).

Thức: xem bảng ‘5b: Tiến Trình Ngũ Môn’, trang 294.

Thọ: xem những ghi chú trong ‘Tâm Quả Bất Thiện’, trang 105.

Nhiệm Vụ: Loại tâm gọi là tâm quan sát có thể làm nhiệm vụ như tâm hữu phần của một đời người: tâm đầu tiên là tâm tục sanh hay kiết sanh thức (*paṭisandhi-citta*) và tâm cuối cùng là tâm tử (*cuti-citta*). Những loại tâm như vậy cũng gọi là tâm ngoài tiến trình (*vīthi-mutta-citta*). Xem bảng dưới.

Đối Tượng: Đối với nghiệp/ngiệp tướng/thú tướng,

xem lại ghi chú trong bảng ‘5a: Chết và Tái sinh’ trang 101.

- 2) Tâm quả nhị nhân (*dvi-hetuka*):¹⁵⁰ Đây là quả của hai loại thiện nghiệp. **Thiện nghiệp cao thượng** (*ukkataṭṭha*) **ly trí** (cao thượng nhị nhân) và **thiện nghiệp hạ liệt** (*omaka*) **hợp trí** (hạ liệt tam nhân). Như vừa đề cập ở trên, khi một nghiệp như vậy tạo ra nhãn thức, nhĩ thức...những thức quả ấy đều vô nhân bất kể thiện nghiệp tạo ra chúng là gì. Nhưng nếu tâm quả nhị nhân trở thành một tâm tục sanh, người ta sẽ là một chư thiên cấp thấp, hay một người thọ sanh thấp hèn, nhưng với các căn đầy đủ. Trí tuệ của người ấy sẽ chậm lụt, nghĩa là người ấy sẽ không thể hiểu Pháp (*dhamma*) một cách rõ ràng. Và trong kiếp đó người ấy sẽ không thể đắc thiền (*jhāna*) hoặc Đạo&Quả. [93]
- 3) Tâm quả tam nhân (*ti-hetuka*): Đây là quả của thiện nghiệp cao thượng hợp trí, hay cao thượng tam nhân. Và ở đây cũng vậy, khi nghiệp này tạo ra nhãn thức, nhĩ thức,...thì những thức quả ấy đều vô nhân bất kể thiện nghiệp tạo ra chúng là gì. Nhưng nếu tâm quả tam nhân trở thành một tâm tục sanh, người ấy sẽ là một vị chư thiên cấp cao và rất xinh đẹp, với các thiên lạc cao thượng. Hoặc nếu làm người thì sẽ được thọ sanh cao quý với các căn đầy đủ, xinh đẹp, khoẻ mạnh, thọ hưởng các dục lạc cao thượng,...[94] Trí tuệ của

¹⁵⁰ Xem bảng ‘1c Tâm Quả Hữu Nhân Dục Giới – Sahetuka-Kāṃ-Āvacara-Vipāka-Citta) trang 126.

người ấy sẽ sắc bén, nghĩa là họ có thể hiểu được Pháp một cách rõ ràng. Và trong kiếp đó (tùy theo ba-la-mật của họ), họ có khả năng đắc thiên hoặc Đạo-Quả.

1c: Tâm Quả Hữu Nhân Dục Giới (*Sahetuka-Kāma-Āvacara-Vipāka-Citta*)

MÔN	SỐ	THỌ	TRÍ	TRỢ	NHIỆM VỤ	ĐỐI TƯỢNG
Ý môn-	1.	lạc	hợp trí	vô trợ	1. đăng ký	sắc thinh hương vị xúc khác
	2.	lạc	hợp trí	hữu trợ		
	3.	lạc	ly trí	vô trợ		
	4.	lạc	ly trí	hữu trợ		
	5.	xả	hợp trí	vô trợ	tục sinh 2. hữu phần tử	nghiệp nghiệp tướng thú tướng
	6.	xả	hợp trí	hữu trợ		
	7.	xả	ly trí	vô trợ		
	8.	xả	ly trí	hữu trợ		

Ghi chú: Tâm nghiệp tạo ra các loại tâm quả này còn được gọi là tâm đại thiện (mahā-kusala), và quả của chúng gọi đại quả (mahā-vipāka). Ngay cả như vậy, những tâm đại quả cũng không được gọi là quả thiện (kusala-vipāka), vì lẽ từ ấy thường chỉ để nói đến các loại tâm quả thiện vô nhân: xem lại bảng 1b trang 124 trên.

Trợ: xem ‘Vô Trợ và Hữu Trợ’, trang 116

Trí: xem ‘Ly Trí và Hợp Trí’, trang 112

Nhiệm Vụ: tám loại tâm này có thể làm nhiệm vụ như tâm hữu phần: tâm đầu tiên là tâm tục sanh (paṭisandhi-citta) và tâm cuối cùng là tâm tử (cuti-citta). Những loại tâm như vậy cũng được gọi là những tâm ngoài tiến trình (vīthi-mutta-citta). Xem bảng dưới.

Đối Tượng: đối với nghiệp/nghiệp tướng/thú tướng,

xem những ghi chú cho bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101 trên

Một lần nữa, hãy nhớ rằng những phân tích trên chỉ là những hướng dẫn chung, vì vẫn có nhiều thay đổi. Do đó, một người có trí tuệ nhạy bén nhưng xấu xí, thọ sanh trong một gia đình giàu có hay nghèo hèn, thực sự vẫn có thể có tâm tục sinh tam nhân; hoặc một người tuệ chậm lụt nhưng rất xinh đẹp, sanh trong một gia đình giàu có hay nghèo hèn, thực sự vẫn có thể có một tâm tục sinh nhị nhân.¹⁵¹ Điều này mỗi người sẽ hiểu rõ hơn khi phân biệt những vận hành của nghiệp trên chính bản thân với trực giác trí; nhất là khi quý vị biệt duyên sanh, và đắc được Trí Phân Biệt Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Nāṇa*).

Bây giờ chúng ta sẽ bàn về tâm thiện kể như ba phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*), hợp với những

¹⁵¹ Những thay đổi như vậy có thể góp phần vào chương nghiệp (*upapīlakamma*): xem ‘Chương Nghiệp’ trang 394/Tập II. Cũng có thể xem một ví dụ về sự thay đổi này trong tích chuyện ‘Pañcapāpi’ trang 612 cô sanh ra rất xấu, nhưng lại có một xúc giác tuyệt vời.

hướng dẫn trên.

PHƯỚC NGHIỆP SỰ

Ba phước nghiệp sự (puñña-kiriya-vatthu) này là ba cách thực hiện thiện nghiệp, để phát triển tâm thiện. Đó là: [95] bố thí (*dāna*), trì giới (*Sīla*) và tu thiền (*bhāvanā*).¹⁵²[96]

Cả ba phước nghiệp sự này có thể là hợp trí hoặc ly trí; hay nói cách khác, có thể là nhị nhân (*dvi-hetuka*) hay tam nhân (*ti-hetuka*).

Đối với bố thí và trì giới, trí phối hợp là Nghiệp Sở Hữu Trí (*Kamma-Ssakata-Nāna*); đối với thiền, trí phối hợp hoặc là trí thiền định (*jhāna-paññā*), hoặc minh sát trí (*vipassanā-ñāna*). Và nếu thiền của hành giả đạt đến tột đỉnh của nó, trí phối hợp sẽ là Đạo Trí (*Magga-Nāna*) và Quả Trí (*Phala-Nāna*).

Như đã đề cập ở trên, Nghiệp Sở Hữu Trí là Chánh Kiến Cơ Bản: trí này cũng có ngoài Giáo Pháp của Đức Phật. Nhưng bao lâu người ta vẫn còn chưa thấy những vận hành của duyên khởi (tức bao lâu chưa người ta chưa đắc Trí Phân Biệt Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Nāna*), chừng đó Chánh Kiến này vẫn phải dựa trên đức tin nơi người thầy hay vị đạo sư của mình. Nếu đạo sư là Đức Phật, Chánh Kiến của họ sẽ rất mạnh. Và họ có thể tạo được những cuộc đại thí hợp trí.¹⁵³

¹⁵² DhSA.i.156-159 ‘Puñña-Kiriya-Vatth-Ādi-Kathā’ (‘Luận về Phước Nghiệp Sự’) E.212 mở rộng các phước nghiệp sự từ ba đến mười.

¹⁵³ Những trường hợp bố thí to lớn làm ngoài Phật Giáo, VbhA.XVI.x.3.770 ‘Tika-Niddesa-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả về Ba Giải Thích’) DD.XVI.x.2084 đề cập đến những việc bố thí của đức Bồ Tát trong các kiếp quá khứ, như tích đức Bồ

Nếu bổ thí của một người không hợp với trí, ở đây là Nghiệp Sở hữu trí, thời họ làm việc bổ thí vì một lý do nào đó khác hơn là để hoàn hành một thiện nghiệp.

NHỮNG VẬN HÀNH CỦA BỔ THÍ

LY TRÍ

Chẳng hạn, rất hiếm trường hợp trẻ em làm việc bổ thí với trí (hiểu biết) về những vận hành của nghiệp. Thường thường trẻ em bổ thí vì chúng muốn bắt chước cha mẹ, hoặc vì cha mẹ chúng dạy bảo chúng phải làm việc đó, hay vì chúng thích bổ thí, hay thích được khen ngợi khi bổ thí.

3a: DANH PHÁP (<i>nāma-dhamma</i>)													
CỦA TÂM LY TRÍ (<i>ñāṇa-vippayutta-citta</i>) ¹⁵⁴													
TÂM (<i>citta</i>)													
CÁC TÂM SỞ (<i>cetasika</i>)													
Biển Hành													

Tát Velāma (A. IX.I.ii.10 ‘Velāma-Suttam’), và tích đức Bồ-tát Vessantara (JA.xxii.10 (547)). Và khi giải thích những cuộc đại thí được thực hiện khi một Đức Như Lai xuất hiện, bộ luận này nói: ‘Những người thực hiện những cuộc đại thí (mahā-dāna) hợp trí như vậy là nhiều không thể tính kể.’

¹⁵⁴ những bảng sau (3a&3b) được trình bày theo hệ thống phối hợp (saṅgahanaya): tất cả những phối hợp của danh pháp. (AbS.ii.40-42 ‘Kāma-Āvacara-Sobhana-Citta-Saṅgaha-Nayo’ (‘Hệ Thống Phối Hợp Các Tâm Sở Tịnh Hảo Dục Giới’) CMA.ii.17.) Một cột là một loại tâm, với các tâm sở được bồi mờ.

(sabba-citta-sādhāraṇa)

1. xúc (*phassa*)
2. thọ¹⁵⁵ (*vedanā*)
3. tưởng (*saññā*)
4. tư (*cetanā*)
5. nhất-tâm
(*ek-aggatā*)
6. mạng quyền (*jīvit-indriya*)
7. tác ý (*manasikāra*)

Biệt Cảnh (*pakiṇṇaka*)

1. tầm (*vitakka*)
2. tứ (*vicāra*)
3. thắng giải (*adhimokkha*)
4. cần (*vīriya*)
5. hỷ (*pīti*)
6. dục (*chanda*)

Biên Hành Tịnh Hảo*(sobhana-sādhāraṇa)*

1. tín (*saddhā*)
2. niệm (*sati*)
3. tâm (*hiri*)
4. quý (*ottapa*)
5. vô-tham (*a-lobha*)
6. vô sân (*a-dosa*)
7. hành xả (*tatra-majjhataṭṭā*)

¹⁵⁵ Thọ : một tâm thiện được phối hợp với hoặc thọ hỷ (*somanassa*) hoặc thọ xả (*upekkhā*); cả hai đều là thọ thuộc tâm. Khi có lạc, thì cũng có hỷ (*pīti*); song khi có xả, thì không thể có hỷ.

8. tịnh thân ¹⁵⁶ (<i>kāya-passaddhi</i>)												
9. tịnh tâm (<i>citta-passaddhi</i>)												
10. khinh thân (<i>kāya-lahutā</i>)												
11. khinh tâm (<i>citta-lahutā</i>)												
12. nhu thân (<i>kāya-mudutā</i>)												
13. nhu tâm (<i>citta-mudutā</i>)												
14. thích thân (<i>kāya-kammaññatā</i>)												
15. thích tâm (<i>citta-kammaññatā</i>)												
16. thuận thân (<i>kāya-pāguññatā</i>)												
17. thuận tâm (<i>citta-pāguññatā</i>)												
18. chánh thân (<i>kāy-ujukatā</i>)												
19. chánh tâm (<i>citt-ujukatā</i>)												
Tiết Chế (<i>viratī</i>)												
1. Chánh Ngữ (<i>Sammā-Vācā</i>)												
2. Chánh Nghiệp (<i>Sammā-Kammanta</i>)												
3. Chánh Mạng (<i>Sammā-Ājīva</i>)												
Vô Lượng (<i>appamaññā</i>)												
1. bi (<i>karuṇā</i>)												
2. hỷ (<i>muditā</i>)												
Tổng Cộng Danh Pháp	33		34		32		33					

Thậm chí rất nhiều người lớn khi bố thí cũng không có trí (hiểu biết) về vận hành của nghiệp. Chẳng hạn, người ta có thể bố thí, vì lòng thương người, mong muốn giúp đỡ người khác, như bố thí thức ăn và những vật dụng cần thiết khác cho người nghèo, người đói khổ,... Người ta cũng có thể bố thí vì điều đó đã thành tập quán hay truyền thống, hoặc vì tôn giáo của họ nói nên làm như vậy. Người ta cũng

¹⁵⁶ Tịnh Thân/Tâm: xem ghi chú 125 trang 110.

có thể bỏ thí vì kiêu mạn, muốn được danh thơm, tiếng tốt, hoặc được kính trọng. Thậm chí người ta có thể bỏ thí vì sợ bị khiển trách. Khi cha mẹ cho con cái mình một vật gì họ cũng thường có nhiều sự luyến ái và không như lý tác ý (nghĩ rằng: ‘Đây là con trai ta’ hay ‘đây là con gái ta’), tương tự khi chồng cho vợ một vật gì, vợ cho chồng một vật gì, hay bạn bè cho nhau một vật gì, ... Thậm chí họ còn có thể bỏ thí với tà kiến, nghĩa là bỏ thí nhưng tin rằng không có quả của bố thí, rằng không có tái sinh sau khi chết,...

Ngay cả như vậy, trong mọi trường hợp, bố thí vẫn là thiện: nếu nó được xen kẽ với những tâm thiện, thậm chí nó còn có thể là bố thí cao thượng (*ukkatṭha*) nữa. Nhưng do khi bố thí không hợp với trí hiểu biết về vận hành của nghiệp (ly trí), nó sẽ ít cao thượng hơn, vì chỉ có hai nhân (*dvi-hetuka*), nghĩa là nó chỉ phối hợp với vô tham và vô sân. Và nghiệp làm có ít sức mạnh thì quả cũng sẽ kém sức mạnh như vậy.

HỢP TRÍ

Bố thí với trí (hiểu biết) về những vận hành của nghiệp có sức mạnh lớn hơn. Tại sao? Bởi vì sự hiện diện của trí tuệ có nghĩa rằng tâm ấy là tâm tam nhân (*ti-hetuka*): có gốc trong vô tham, vô sân và vô si. Một tâm như vậy luôn luôn làm cho thiện nghiệp có tác động mạnh mẽ hơn.

3b: **Danh Pháp** (*nāma-dhamma*)

Tâm Hợp Trí (*ñāṇa-sampayutta-citta*)¹⁵⁷

TÂM(*citta*)

¹⁵⁷Xem ghi chú 154, p.129.

13. nhu tâm(<i>citta-mudutā</i>)														
14. thích thân(<i>kāya-kammaññatā</i>)														
15. thích tâm(<i>citta-kammaññatā</i>)														
16. thuần thân(<i>kāya-pāguññatā</i>)														
17. thuần tâm(<i>citta-pāguññatā</i>)														
18. chánh thân(<i>kāya-ujukatā</i>)														
19. chánh tâm(<i>citt-ujukatā</i>)														
Tiết Chế (<i>viratī</i>)														
1. Chánh Ngữ(<i>Sammā-Vācā</i>)														
2. Chánh Nghiệp(<i>Sammā-Kammanta</i>)														
3. Chánh Mạng(<i>Sammā-Ājīva</i>)														
Vô Lượng Phần (<i>appamaññā</i>)														
1. bi(<i>karuṇā</i>)														
2. hỷ(<i>muditā</i>)														
Vô Si (<i>a-moha</i>)														
1. TUỆ CĂN(<i>paññ-indriya</i>) ¹⁵⁸														
Tổng cộng danh pháp	34	35	33	34										

¹⁵⁸ Tuệ căn: ở đây là Nghiệp Sở Hữu Trí (*Kamma-Ssakata-Ñāṇam/Paññā*)

Một yếu tố quan trọng thêm nữa, là bố thí thuộc hạ liệt (*omaka*) hay cao thượng (*ukkaṭṭha*):

BỐ THÍ HẠ LIỆT

Những yếu tố quyết định một bố thí được xem như hạ liệt là gì? Có bốn yếu tố:[97]

- 1) Người bố thí có được những vật cần thiết (tứ vật dụng) bằng tà mạng.
- 2) Người bố thí có ít giới đức hay không có giới đức, nghĩa là người ấy chỉ giữ một vài giới, hay hoàn toàn không giữ giới nào (trong ngũ giới).
- 3) Trước hoặc sau tâm tác nghiệp bố thí, tâm của người bố thí phối hợp với các pháp bất thiện. Chẳng hạn, trước lúc bố thí, người ấy đã có thái độ nóng giận hay thiếu kiên nhẫn; người ấy có thể không hài lòng với vật bố thí, hay bố thí với thái độ bất cần, lơ đãng; sau bố thí, người ấy có thể hối tiếc đã làm việc bố thí.¹⁵⁹ Cô ta hoặc anh ta cũng có thể chỉ có một chút ít đức tin nơi những vận hành của nghiệp. Hoặc bố thí với mong muốn được chút lợi đắc thế gian, hay vì muốn hưởng những dục lạc trong tương lai như một người giàu sang, hoặc một vị chư thiên...
- 4) Người thọ nhận có ít giới đức hay không có giới đức, tức chỉ giữ một vài giới hay hoàn toàn không giữ giới nào cả. [98]

Trên đây chỉ là những ví dụ cho thấy bố thí của một

¹⁵⁹ Xem lại tích ‘Triệu Phú Keo Kiệt’ ở trên.

người có thể bị xen lẫn với hàng ngàn triệu tâm bất thiện có gốc ở tham, sân và si như thế nào. Điều đó khiến bố thí của họ trở thành hạ liệt. Trong trường hợp này, nếu người ấy không hiểu được những vận hành của nghiệp, thời tâm của người ấy không kết hợp với vô si hay ly trí, tâm này làm cho bố thí của họ hạ liệt, nhị nhân, điều đó cũng có nghĩa rằng tâm quả sẽ là vô nhân (*ahetuka*). Nếu người ấy hiểu những vận hành của nghiệp, thời tâm họ cũng phối hợp với vô si hay hợp trí, tuy nhiên ngay cả như vậy rải rác cũng có vô số tâm bất thiện làm cho bố thí của họ thành hạ liệt, tam nhân (*ti-hetuka*), điều đó có nghĩa rằng tâm quả sẽ chỉ là tâm quả nhị nhân (*dvi-hetuka*).

Trong Kinh Điển *Pāli*, có câu chuyện kể về một gia chủ nọ đã thực hiện bố thí hạ liệt như vậy.¹⁶⁰ Một trong những tiền kiếp của Đức Phật, khi ngài vẫn còn là một vị Bồ-tát chưa giác ngộ, Đức Phật lúc đó là một vị đạo sĩ có tên là Kaṇhadīpāyana. Một hôm, người cha và người mẹ nọ mang đứa con trai của họ đến cho ngài, bởi vì đứa bé vừa bị một con rắn độc cắn. Và để giải độc, mọi người trong họ quyết định mỗi người sẽ nói lên những lời tuyên bố về Sự Thực (*Sacca-kiriya*). Sau khi đức Bồ-tát nói lên lời tuyên bố về sự thực của mình, cha của đứa bé cũng nói lên lời tuyên bố về sự thực của ông ta. Ông tuyên bố rằng ông thực hiện những cuộc bố thí mà tâm không hoan hỷ, thực hiện việc bố thí với tâm miễn cưỡng, không có đức tin nơi quả của bố thí: nói chung ông bố thí không có niềm tin. Và như vậy có nghĩa là bố thí của ông hoàn toàn hạ liệt.

¹⁶⁰ JA.IV.x.6<444> ‘*Kaṇhadīpāyana-Jātaka-Vañṇanā*’ (‘Mô Tả Tiền Thân *Kaṇhadīpāyana*’)

BỒ THÍ CAO THƯỢNG

Các yếu tố quyết định một nghiệp bồ thí là cao thượng (*ukkaṭṭha*) trái ngược lại với các yếu tố cúng dường hạ liệt trên.

- 1) Người bồ thí hay thí chủ có được những vật dụng cần thiết (để bồ thí) bằng Chánh Mạng.
- 2) Người bồ thí có giới đức: có nghĩa rằng thí chủ là người có thọ trì giới.
- 3) Trước hoặc sau tác nghiệp bồ thí, tâm thí chủ phối hợp với các thiện pháp. Chẳng hạn, trước khi bồ thí, cô ta hay anh ta có sự hoan hỷ (*pīti*)¹⁶¹ sau khi đã bỏ công sức ra để có được những vật thí vừa ý; cô ta hay anh làm việc bồ thí với thái độ cung kính, tập trung, và hoan hỷ; sau khi bồ thí, cô ta hay anh ta hoan hỷ đối với thí sự của mình. Và cô ta hay anh ta có niềm tin sâu dày nơi những vận hành của nghiệp. Cô ta hay anh ta có thể thực hiện việc bồ thí với mong ước đắc chứng Niết-Bàn.
- 4) Người thọ nhận có giới đức: nghĩa là người thọ nhận là người có giữ giới. Dĩ nhiên, người thọ nhận cao thượng nhất theo Phật Giáo, là một vị Phật, một bậc A-la-hán¹⁶², một bậc Thánh, hay một người đang thực hành để chứng đắc A-la-hán Thánh Quả. Nhưng vẫn cao thượng hơn nữa, nếu người thọ nhận là một hay nhiều vị Tỳ kheo hoặc

¹⁶¹ Thọ hỷ (*somanassa*), khởi lên cùng với hỷ (*pīti*). Xem lại ở trên.

¹⁶² Để có những ví dụ điển hình từ Kinh Điển Pāli, xem ‘Quả Hiện Tại của Thiện Nghiệp’ trang 316.

Sa-di được xem như đại diện cho Tăng (Saṅgha) [99].

Đây là những ví dụ cho thấy bố thí của một người có thể có hàng ngàn triệu tâm thiện phối hợp với vô tham, vô sân, và hỷ (*pīti*) xen kẽ như thế nào. Nếu người bố thí không hiểu những vận hành của nghiệp, bố thí ấy không phối hợp với vô si hay còn gọi là bố thí ly trí, và điều này làm cho bố thí của họ trở thành cao thượng nhưng nhị nhân (*dvi-hetuka*), và như thế có nghĩa rằng tâm quả sẽ là tâm quả nhị nhân. Nếu thí chủ hiểu được những vận hành của nghiệp, bố thí đó hợp với vô si hay bố thí hợp trí, điều này làm cho bố thí của họ trở thành cao thượng, tam nhân, và nó cũng có nghĩa rằng tâm quả sẽ là tâm quả tam nhân.

TRÌ GIỚI (SĪLA)

Phước nghiệp sự thứ hai là trì giới (*Sīla*): với mục đích tránh một số những bất thiện nghiệp. Giới bao gồm ba sự kiêng tránh hay tiết chế (*viratī*): Chánh Ngữ (*Sammā-Vācā*), Chánh Nghiệp (*Sammā-Kammanta*), và Chánh Mạng (*Sammā-Ājīva*), là cách sinh nhai không mắc vào tà ngữ (*micchā-vācā*) hay tà nghiệp (*micchā-kammanta*)¹⁶³ Những sự tiết chế này khởi lên trong ba dịp¹⁶⁴.

1. Có phát sanh một cơ hội để làm một điều bất thiện (*akusala-dhamma*) nhưng người này tránh (không làm) vì suy xét thấy đó là một việc không

¹⁶³ Xem ba tâm sở tiết chế trong bảng ‘3a: Danh Pháp của Tâm Ly Trí’, và bảng ‘3b: ‘Tâm Hợp Trí’ trang 129, 132 ở trên.

¹⁶⁴ DhSA.i.1 ‘*Kusala-Kamma-Patha-Kathā*’ (‘Luận Về Thiện Nghiệp Đạo’)

- thích hợp để làm.¹⁶⁵ Đây gọi là cơ hội-tiết chế (*sampatta-virati*, Hán dịch *đắc ly*), nghĩa là người ta tránh phạm khi cơ hội phát sanh.
2. Có phát sanh một cơ hội để làm điều bất thiện nhưng người này tránh không làm bởi vì họ đã thọ trì các học giới (*sikkhā-pada*), như ngũ giới, bát giới, thập giới hoặc Ba-la-đề mộc-xoa giới (giới của vị Tỳ kheo).¹⁶⁶ Đây gọi là thọ giới-tiết chế (*samādāna-virati*, Hán dịch *thọ ly*).
 3. Có phát sanh một cơ hội để làm điều bất thiện, nhưng do một người đã diệt một số hay đã diệt hoàn toàn các phiền não với Thánh Đạo Trí, nên họ không thể cố ý làm một số việc bất thiện: riêng A-la-hán Thánh Đạo Trí khiến người ta không thể cố ý làm bất cứ một việc bất thiện nào¹⁶⁷. Trong trường hợp này, sự tiết chế của một người là việc tự nhiên, và được gọi là tuyệt diệt tiết chế

¹⁶⁵ DhSA.ibid đưa ra ví dụ một cậu bé nọ được yêu cầu đi bắt một con thỏ để cho mẹ cậu ăn như một phương thuốc trị bệnh. Cậu săn đuổi con thỏ, và bắt được nó trong đám dây leo, đang kêu khóc vì sợ hãi. Cậu bé nghĩ: ***‘Vì mạng sống của mẹ ta mà ta phải lấy đi mạng sống của kẻ khác như thế này thì thật không thích hợp,’*** và thả con thỏ ra. Trở về nhà, cậu tuyên bố (sự thực) trước người mẹ rằng cậu không bao giờ có ý định giết hại bất kỳ một chúng sanh nào. Với lời tuyên bố sự thực này, mẹ của cậu bé liền khỏi bệnh.

¹⁶⁶ DhSA.ibid đưa ra ví dụ một người bị trần quần. Trước tiên anh ta nghĩ sẽ giết con trần ấy với cái rìu mang theo, song anh nhớ lại rằng mình vừa thọ giới từ một vị Tỳ kheo, và quăng chiếc rìu đi. Và đồng thời con trần cũng buông anh ra.

¹⁶⁷ DhSA.ibid. giải thích rằng khi một người đắc Thánh Đạo Trí, Bát Thánh Đạo khởi lên, với Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng. Một khi Thánh Đạo đã sanh, người ta không thể nào còn cố ý phạm vào bất kỳ giới nào trong ngũ giới nữa. Xem ‘Mười Thiện Nghiệp Đạo’, trang 260.

(*samuccheda-virati*, Hán dịch *đoạn ly*).

Giới cơ hội và tùy hứng là giới hạ liệt, trong khi giới như một pháp tu tập là giới cao thượng.

Bây giờ chúng ta sẽ bàn về các loại học giới khác nhau.

NGŨ GIỚI

Học giới căn bản nhằm tránh tạo năm bất thiện nghiệp chính. [100]

- 1) Tránh xa sự sát sanh (*pāṇātipātā veramaṇī*): người giữ giới này không sát hại bất kỳ chúng sanh nào: dù đó là người, hay vật, hoặc chim, cá, côn trùng...
- 2) Tránh xa sự trộm cắp hay lấy của không cho (*a-dinn-ādāṇā veramaṇī*): người giữ giới này chỉ nhận những gì hợp pháp.
- 3) Tránh xa sự tà dâm (*kāmesu-micchā-cārā veramaṇī*): người giữ giới này biết bằng lòng với vợ hay chồng của mình¹⁶⁸.
- 4) Tránh xa sự nói dối (*musā-vādā veramaṇī*): người giữ giới này không vì bất cứ lý do gì mà nói dối. Hành giả chỉ nên nói sự thực hoặc giữ thái độ im lặng [101]
- 5) Tránh xa sự uống rượu, bia, và các chất say là nhân sanh ra sự cầu thả, dễ dãi (*surā-meraya-majja-pamāda-tṭhānā varamaṇī*)¹⁶⁹: người giữ giới này

¹⁶⁸ Đối với hạng người được xem là ‘những đối tượng không được đi đến’ (*agamanīya-vatthu*), xem trích dẫn ở phần nói về ‘Người Được Xem Như Phạm Tà Dâm’, trang 238.

¹⁶⁹ Để biết thêm chi tiết, xem phần ‘Rượu & Bia’ cuối Tập II

không sử dụng bất kỳ loại chất gây say nào, vì bất cứ lý do gì. Đắm chìm trong chất say sẽ khiến cho việc tu tập giới trở nên khó khăn, dẫn đến sự tai hại [102] và cuối cùng là mất trí nhớ.¹⁷⁰

Năm điều kiêng tránh (*pañca veramaṇī*) này là những gì kinh điển gọi là học giới (*sikkhā-pada*), hay ngũ giới (*pañca-Sīla*). Một người cận sự nam (*upāsaka*) hay cận sự nữ (*upāsikā*) hộ trì Tam Bảo (*Phật, Pháp, Tăng*) tối thiểu phải giữ năm giới này, đó là phẩm chất đạo đức (*Sīla-sampāda-Hán dịch giới cụ túc: đầy đủ giới hạnh*) của người cư sĩ.¹⁷¹

Tất nhiên, bao gồm trong những học giới này cũng có Chánh Mạng (*Sammā-Ājīva*): để tránh cách sinh nhai không chân chánh hay tà mạng (*micchā-ājīva*). Theo đó, người giữ giới không nuôi mạng hay kiếm sống bằng cách phạm vào bất kỳ giới nào mình đã thọ.¹⁷² Ở đây, tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm và uống các chất say là Chánh Nghiệp (*Sammā-Kammanta*); tránh nói dối, nói lời chia rẽ, thô ác, và nói chuyện nhảm nhí vô ích, là Chánh Ngữ (*Sammā-Vācā*); và tránh tất cả các giới liên quan đến nuôi mạng là một phần của Chánh Mạng (*Sammā Ājīva*). Đối với người cận sự nam hoặc cận sự nữ, Đức Phật cũng bao gồm luôn việc kiêng tránh năm loại nghề buôn bán. [103]

¹⁷⁰ Xem ‘Những Quả Không Đáng Kể của Bất Thiện Nghiệp’, trang 253

¹⁷¹ Những chi tiết liên quan đến cận sự nam và cận sự nữ này được rút ra từ DA.i.2 ‘Sāmañña-Phala-Suttaṃ’ (‘Kinh Sa-Môn Quả’).

¹⁷² DhSA.i.301 ‘Lokuttara-kusala-Vaṇṇanā’ (‘Mô Tả về Thiện Siêu Thế’) E.298 giải thích: ‘Vì sinh kế, người thợ săn, người đánh cá có thể giết bất cứ con vật nào. Người trộm cắp có thể phạm bất cứ tội gì: đây gọi là tà mạng... Sau khi nhận của hối lộ, bất cứ lời dối trá nào người ta cũng có thể nói, bất cứ lời chia rẽ nào người ta cũng có thể nói, lời thô ác và nhảm nhí cũng vậy: đây gọi là tà mạng; tránh những điều đó là Chánh Mạng.’

1. Buôn bán vũ khí (*sattha-vanijjā*)
2. Buôn bán người (*satta-vanijjā*)
3. Buôn bán thịt (*mamsa-vanijjā*): nuôi heo, gà và các con vật khác để bán cho người khác giết thịt.
4. Buôn bán rượu (*majja-vanijjā*): ở đây là bất kỳ loại chất gây say nào.
5. Buôn bán chất độc (*visa-vanijjā*): thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu, và bất kỳ loại thuốc độc khác.

Đề là một người cận sự của Tam Bảo, việc làm ăn sinh sống của một người cần phải loại trừ năm loại nghề buôn bán này, nói khác hơn việc sinh sống của một người cần phải phù hợp với Pháp (*Dhammena samena*): đó là phẩm chất nuôi mạng chân chánh của người cận sự nam hay nữ (*ājīva-sampadā*, Hán dịch *hoạt mạng cụ túc*). Tất nhiên, nếu một người mắc vào một trong những loại tà mạng này, hoặc nếu một người phạm vào một trong ngũ giới, Tam Quy (*Ti-Saraṇa*) của họ kể như đứt, và họ không còn là một cận sự nam/nữ của Tam Bảo nữa.¹⁷³ Lúc đó họ trở thành người như Đức Phật gọi là cư sĩ bị đào thải (*upāsaka-candāla*), một người cư sĩ như nhóp (*upāsaka-mala*), và một người cư sĩ đê mạt (*upāsaka-patikuṭṭho*).[104]

Ngũ giới giúp người ta ngăn được những hành động

¹⁷³ KhPA.1 ‘*Bhed-Ābheda-Phala-Dīpanā*’ (‘Minh Giải về Quả Của Phạm và Không Phạm’) MR.i.23 giải thích rằng việc phạm tam quy vô tội (*anavajja*) xảy ra vào lúc chết. Phạm có tội (*sāvajja*) xảy ra khi một người nhận một vị đạo sư khác làm nơi nương tựa, hay khi một người quy y không đúng cách. Quy y bị ô nhiễm (*samkhillittha*) do vô-trí (*aññāna*), hoài nghi (*samsaya*), tà trí (*micchā-ñāna*), hay hiểu biết sai về ân đức của Phật (*Buddha Guṇa*), và cũng bị ô nhiễm bởi sự bất kính (*anādara*) ... đối với Đức Phật, Giáo Pháp (ở đây là không tôn kính Kinh, Luật và Vi Diệu Pháp- *Sutta, Vinaya, Abhidhamma*), hoặc Chư Tăng.

nguy hiểm nhất của tham, sân và si. Khi một người sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, và uống rượu bia,...tu (*cetanā*) hay chủ ý của họ là bất thiện, và do đó nghiệp sẽ là nghiệp bất thiện. Nếu nghiệp ấy cho quả vào lúc chết, họ sẽ bị tái sanh trong địa ngục, ngạ quỷ giới hay súc sanh giới.[105] Tính bất biến của nhân quả, quy luật tự nhiên của nghiệp¹⁷⁴ này là lý do tại sao Đức Phật, các vị Tỳ kheo, và cận sự nam hay nữ thường dạy về ngũ giới:¹⁷⁵ không thọ trì những giới này là một sự tổn hại, sự tai hại lâu dài đối với một người. Vì vậy, ngũ giới không phải chỉ có độc nhất trong Giáo Pháp của Đức Phật.¹⁷⁶[106] Ngoài Giáo Pháp của Đức Phật, ngũ giới này cũng được các vị đạo sĩ, du sĩ ngoại đạo¹⁷⁷, các vị Bồ-Tát hướng đến Toàn Giác, và các vị Chuyển Luân Vương giảng dạy [107].

Đức Phật cũng đề cập đến các giới: nói lời chia rẽ (*pisuṇa-vācā*), nói lời thô ác (*pharusā-vācā*), và nói chuyện vô ích (*samphappalāpa*) như Nghiệp có thể cho quả tái sanh vào các ác đạo, tuy nhiên chúng trở nên khó giữ hơn khi người ta giữ ngũ giới trong đời sống hàng ngày. [108]

Theo cách này, nếu một người giữ ngũ giới trong cuộc sống hàng ngày, và làm ăn sinh sống theo đúng Chánh Mạng, họ có thể tránh được những cảnh tái sanh bất hạnh, và

¹⁷⁴ Giải thích điều này, VbhA.XVI.10.iii.770 ‘*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Ba Giải Thích’) DD.XVI.iii.2082 trích dẫn S.II.10 ‘*Paccaya Suttam*’ (‘Kinh Duyên’ Tương Ưng II): ‘Dầu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn hiện hữu là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy (*Dhamma-tṭhitatā*), pháp quyết định tánh ấy (*Dhamma Niyāmatā*), y duyên tánh ấy (*idappaccayatā*)’.

¹⁷⁵ VbhA.XVI.x.3.770 ‘*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Ba Giải Thích’) DD.XVI.x.2082

¹⁷⁶ Ibid.

¹⁷⁷ Chẳng hạn, các vị Ba-la-môn gọi là *Saṅkha*: xem lại ‘Bức Tranh Tường Tượng’ trang 62.

có được một sự tái sinh an vui trong cõi người hoặc thậm chí cõi trời sau khi chết.¹⁷⁸

BÁT GIỚI

Cũng có những cận sự nam hay cận sự nữ nguyện giữ bát giới (*aṭṭha-sīla*). Bát giới gồm: [109]

1. Tránh xa sự sát sanh (*pāṇātipātā veramaṇī*): giới này giống giới thứ nhất của ngũ giới.
2. Tránh xa sự trộm cắp hay lấy của không cho (*adinn-ādāṇā veramaṇī*): giới này giống giới thứ hai của ngũ giới.
3. Tránh xa sự hành dâm (*abrahma-cariyā-veramaṇī*): giới này trong sạch hơn giới thứ ba của ngũ giới. Nếu như trong ngũ giới, người giữ giới không phạm vào tà dâm, thì ở đây người giữ giới không mắc vào bất kỳ loại hành vi dâm dục nào. Giới này chủ yếu giúp người ta không nuôi dưỡng dục vọng (*kāma-cchanda*).[110]
4. Tránh xa sự nói dối (*musā-vādā-veramaṇī*): giới này giống giới thứ tư của ngũ giới.
5. Tránh xa sự uống rượu & bia, là nhân sanh ra sự cầu thả, dễ duôi (*surā-meraya-majja-pamāda-ṭṭhānā-veramaṇī*): giới này giống giới thứ năm của ngũ giới.
6. Tránh xa sự ăn sái giờ (*vi-kāla-bhojanā-veramaṇī*): người giữ giới này không được ăn từ lúc chính Ngọ cho đến hừng đông ngày hôm sau. Giới này chủ yếu giúp người ta không nuôi dưỡng dục vọng (*kāma-cchanda*) và hôn trầm & thuy

¹⁷⁸ Xem ghi chú cuối chương 124, trang 533.

miên (*thina-middha*), và giúp nuôi dưỡng đức tri túc (*santosa/santutṭhi*) và tiết độ trong ăn uống (*bhojane-mattaññutā*).

7. Tránh xa sự múa, hát, ca nhạc, và xem những trò giải trí khác (*nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā*-), tránh xa việc đeo nữ trang, dùng dầu thơm hay mỹ phẩm để trang điểm (*-mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍala-vibhūsan-aṭṭhānā-veramaṇī*): người giữ giới này không đam mê ca nhạc và những trò giải trí khác, dù tích cực (tự làm) hay tiêu cực (xem hay nghe người khác làm). Điều này chủ yếu giúp người ta không nuôi dưỡng tham, sân và si. Và người giữ giới cũng không làm đẹp cho thân bằng cách này hay cách khác chủ yếu là để không nuôi dưỡng dục vọng và sự kiêu mạn.
8. Tránh nằm giường cao, lớn, sang trọng (*uccāsayana-mahā-sayanā veramaṇī*): người giữ giới này không đam mê, thoả thích trong giường nằm cao to sang trọng, và ngủ một mình. Điều này giúp họ không nuôi dưỡng dục vọng và hôn trầm & thụy miên.

Tám giới này cũng vậy, không phải chỉ có độc nhất trong Giáo Pháp của Đức Phật.¹⁷⁹ Chúng cũng được thực hành bởi những con người hiền thiện ngoài Phật Giáo. [111] Một số người tu tập bát giới như một cách sống, và một số người tu tập chúng theo dịp, đặc biệt vào những ngày Trai Giới (*Uposathas*): chẳng hạn 30 và rằm mỗi tháng. [112] Đức Phật gọi việc thực hành như vậy là *Aṭṭh-aṅga-samannāgata-*

¹⁷⁹ VbhA.XVI.x.3.770 ‘*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’.

Uposatha (Bát Phần Giới Tụ Bồ Tát), [113] tức thực hành trai giới có đầy đủ tám chi (giới). Và ngài giải thích rằng với việc thực hành này, người ta đang noi theo gương các bậc A-la-hán [114]. Quả của việc hành Bát Quan Trai này, Đức Phật giải thích, được tái sanh an vui trong các cõi chư thiên, với thọ mạng từ chín triệu năm cõi người đến chín ngàn hai trăm mười sáu triệu năm cõi người. Và ngài cũng nói rằng việc thực hành này cũng sẽ là một trợ duyên cho Bát Lai Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Quả, hoặc Nhập Lưu Thánh Quả. [115].

THẬP GIỚI

Ngoài ngũ giới và bát giới, còn có thập giới (*dasasīla*). Trong thập giới, các giới hầu như giống hoàn toàn bát giới, với một vài thay đổi như: việc tránh làm đẹp cho thân trở thành giới thứ tám, và tránh nằm giường cao lớn sang trọng trở thành giới thứ chín. Và thêm vào giới thứ mười:

10. Tránh xa việc thọ nhận vàng, bạc (*jātarūparajata-paṭiggahanā veramaṇī*): giới này không chỉ nói tới vàng và bạc thôì, mà còn cả bất cứ những gì liên quan đến tiền như: tiền mặt, séc, ngân phiếu, thẻ tín dụng... [116]

Có tiền và sử dụng tiền không thể tách khỏi tham, sân và si. [117] Đó là lý do vì sao không giữ tiền sẽ không nuôi dưỡng tham, sân và si vậy.

Có một số người tại gia cư sĩ nguyện thọ trì thập giới, và các vị Sa-di (*sāmaṇera*) theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy (*Theravāda*) xuất gia bằng cách thọ mười giới này. Ở đây cũng vậy, mười giới không phải chỉ có độc nhất

trong Giáo Pháp của Đức Phật.¹⁸⁰

TỶ KHEO GIỚI

Học giới cao nhất là Tỷ kheo giới (*bhikkhu-Sīla*). Trong tam học của vị Tỷ kheo thì Giới Học được xếp vào hàng thứ nhất.¹⁸¹ Đức Phật gọi nó là Tăng Thượng Giới học (*adhi-sīla-sikkhā*). Tỷ kheo giới là nền móng của đời phạm hạnh và là giới bốn loại thanh tịnh (*catu-pārisuddhi-sīla: Tứ Thanh tịnh Giới*):¹⁸²

1. Giới chế ngự theo Giới Bốn (*Pātimokkha-samvara-sīla*)¹⁸³ đây là giới Tỷ kheo do Đức Phật ban hành. Nó bao gồm hai trăm hai mươi bảy giới chính và rất nhiều giới phối hợp.
2. Giới chế ngự các căn (*indriya-samvara-sīla*): chế ngự nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn nhờ tác ý đến đề mục thiền chỉ hay thiền minh sát của mình. Theo đó phiền não sẽ không khởi qua sáu căn.[118]
3. Giới nuôi mạng thanh tịnh (*ājīva-pārisuddhi-sīla*): Cũng như người tại gia cư sĩ phải tránh xa tà mạng thế nào, vị Tỷ kheo cũng phải như vậy[119]. Tà mạng đối với một vị Tỷ kheo là nuôi sống bằng cách phạm vào các giới trong Ba-la-đề-mộc-xoa [120].

¹⁸⁰ Ibid.

¹⁸¹ Tam học của vị Tỷ kheo gồm: Giới học, Định học và Tuệ học. Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 40, trang 49.

¹⁸² VsM.i.13 ff ‘*Sīla-Niddeso*’ (‘Giải Thích về Giới’) PP.1.42 ff

¹⁸³ Chế ngự theo Giới Bốn: xem trích dẫn ghi chú cuối chương 40, trang 49, 121 trang 532 và 248 Tập II.

4. Giới liên quan đến tứ vật dụng (*paccaya-sannissita-sīla*): Vị Tỳ kheo thọ nhận bốn món vật dụng của mình từ đức tin:
- i) y phục (*cīvara*)
 - ii) thực phẩm (*pinḍapāta*)
 - iii) chỗ nằm & ngồi (*sen-āsana*): đây là một từ *Pāḷi* chỉ trú xứ hay chỗ ở (như cốc, liêu...)
 - iv) thuốc trị bệnh (*gilāna-paccaya-bhesajja-parikkhāra*).

Như một phần của học giới, vị Tỳ kheo phải quán tưởng bốn món vật dụng của mình với như lý tác ý (*yoniso manasikāra*). Chẳng hạn Đức Phật khuyên vị Tỳ kheo phải quán tưởng về vật thực theo cách sau:¹⁸⁴

Với như lý quán tưởng, ta dùng vật thực này: ‘không phải để vui đùa, không đam mê vô độ, không tự làm đẹp mình, không phải để trang sức; mà chỉ để thân này được bảo trì mạnh khoẻ, để tránh sự tổn thương, để trợ duyên phạm hạnh. Nhờ vậy, cảm thọ cũ (đói bụng) được trừ; thọ mới (bội thực) không sanh khởi; và sự nuôi mạng của ta sẽ không bị khiển trách, ta sống được an lành.’¹⁸⁵

Khi vị Tỳ kheo quán tưởng tứ vật dụng của

¹⁸⁴ Đức Phật giải thích điều này trong M.I.i.2 ‘*Sabb-Āsava-Suttam*’ (‘Kinh Tất Cả Lậu Hoặc’, Trung Bộ I) và A.VI.vi.4 ‘*Āsava-Suttam*’ (‘Kinh Lậu Hoặc’, Tăng Chi VI). Và trong S.IV.xii.7 ‘*Rath-Opama-Suttam*’ (‘Kinh Ví Dụ Mã Xa’ Tương Ưng IV), ngài xem việc quán tưởng này và sự tiết độ trong ăn uống (*bhojane mattaññutā*) là như nhau.

¹⁸⁵ **Vui đùa:** như những cậu trai làng ăn vì cái thú ăn, hay ăn như một sự kiện xã hội. **Đam mê:** ăn vì muốn được sức khoẻ và sức mạnh như những nhà lực sĩ. **Làm đẹp mình:** ăn (cho mập hay ốm) để nhìn cho hấp dẫn, như những cô gái làng chơi... **Trang sức:** để nhìn cho duyên dáng như những nghệ sĩ, vũ công...(VsM.i.18ff ‘*Sīla – Niddeso*’ (‘Giải Thích về Giới’) PP.i.89-94.

mình theo cách này,¹⁸⁶ vị ấy phát triển được đức tri túc, không đòi hỏi nhiều từ nơi những thí chủ (*dāyaka*) và những người quản lý (*kappiya*, người giữ tịnh tài, tịnh vật và giúp đỡ cho một vị sư trong công việc hàng ngày). Điều đó có nghĩa rằng đòi phạm hạnh (*brahma-cariya*) của vị ấy không mắc những lầm lỗi hay bị khiển trách.

Bốn sự tu tập thanh tịnh hay tứ thanh tịnh giới của vị Tỳ kheo này chủ yếu giúp vị ấy kiểm soát được tâm, nhằm ngăn ngừa những nghiệp có gốc ở tham, sân, và si. Theo cách đó, tăng thượng giới học giúp cho việc tu tập thiền chi của vị Tỳ kheo mà Đức Phật gọi là tăng thượng tâm học (*adhi-citta-sikkhā*)[121]. Tất nhiên nó cũng giúp cho vị Tỳ kheo trong việc tu tập minh sát mà Đức Phật gọi là tăng thượng tuệ học (*adhi-paññā-sikkhā*).¹⁸⁷ Thêm nữa, khi một

¹⁸⁶ Xem thêm trích dẫn ở ghi chú cuối chương 24, trang 44 trên.

¹⁸⁷ VbhA.XVI.x.3.770 ‘*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Ba Giải Thích’) DD.XVI.x.2082 giải thích: ‘Nhưng giới thuộc chế ngự theo giới bốn (*pātimokkha*) vượt xa tất cả giới, và chỉ khi một đức Như Lai xuất hiện nó mới có mặt, và khi không có đức Như Lai nó không có mặt; và chỉ chư Phật Chánh Đẳng Giác mới làm sáng tỏ nó. Làm sáng tỏ nó như vậy: “Đối với tiêu chuẩn này, điều này là phạm tội” là lãnh vực độc nhất của chư Phật, là năng lực của chư Phật.’ Ibid.2058 giải thích ba tăng thượng học của vị Tỳ kheo: ‘Cũng như, so với một cây dù hay cây cờ cỡ nhỏ, thì cái dù hay cây cờ cỡ lớn được gọi là cây dù thượng hạng, cây cờ thượng hạng, cũng vậy, so với ngũ giới và thập giới, thì giới Pātimokkha (Tỳ kheo giới) này là giới cao thượng hơn (tăng thượng giới), và so với bát thiên chứng của định hiệp thế, thì bát thiên chứng dựa căn bản trên Minh Sát được gọi là tăng thượng tâm (định), và so với Nghiệp Sở Hữu Trí, thì minh sát trí, Đạo Trí và Quả Trí được gọi là tăng thượng tuệ.’

vị Tỳ kheo giữ các học giới một cách cẩn mật,[122] Chánh pháp có thể được duy trì trong một thời gian dài.[123]

Tất cả những loại giới khác nhau này đều ngược lại với tham và sân; và có gốc trong vô tham (*a-moha*) và vô sân (*a-dosa*). Nếu chúng ta thực hành giới không có đức tin nơi Nghiệp Sở Hữu Trí (*Kamma-Ssakata-Nāṇa*), thì nghiệp đó là ly trí (*ñāṇa-vippayutta*), và nhị nhân (*dvi-hetuka*). Nếu chúng ta thực hành giới với đức tin hay với sự hiểu biết về Nghiệp (Nghiệp Sở Hữu Trí), thì nghiệp đó hợp với trí (*ñāṇa-sampayutta*) và tam nhân (*ti-hetuka*).

NHỮNG VẬN HÀNH CỦA GIỚI HỌC

LY TRÍ

Chẳng hạn, đối với trẻ em, việc tu tập giới hợp với trí hiểu biết về nghiệp là điều rất hiếm. Thường thường trẻ em thực hành giới vì chúng muốn bắt chước cha mẹ chúng, hay bởi vì cha mẹ chúng bảo chúng phải làm như vậy, hay vì chúng thích được khen ngợi khi giữ giới.

Người ta cũng có thể giữ giới không sát sanh không phải vì tu tập giới mà vì lòng từ ái, không muốn làm hại kẻ khác. Và một người có thể giữ giới có chọn lựa. Chẳng hạn họ có thể tránh giết những người của một chủng tộc, một tôn giáo, hay của một quốc gia nào đó, song họ vẫn giết những người của một chủng tộc, hay tôn giáo, hay quốc gia khác. Một người có thể tránh giết hại những người không làm điều gì phạm đến bản thân mình, đến gia đình, bạn bè hay thân quyến của mình,... song họ vẫn sẽ giết những ai đã làm điều

gì phạm đến bản thân họ, gia đình họ...¹⁸⁸ Họ cũng có thể tránh giết người, song vẫn giết các chúng sanh khác như cá, chim, chuột, và các loài côn trùng. Hoặc có thể, người ta mong muốn bảo vệ sự sống của một con vật mà họ xem là đẹp hay có lợi: chẳng hạn, một con chim ưng, hay đại bàng, một con cá heo hay cá voi, một con cọp hay sư tử, một con voi hoặc đười ươi, thậm chí chỉ là một con bướm. Song họ không muốn bảo vệ như vậy đối với những con vật mà họ xem là xấu xí: chẳng hạn, một con kên kên hay con quạ, một con cá mập, một con dã can hay cáo, một con chuột hay một con gà rừng, một con ong vò vẽ hay một con muỗi... Tương tự, có thể vì lòng bi mẫn người ta tránh ăn thịt heo, thịt bò, và thịt các loài gia cầm như gà, vịt..., song họ vẫn ăn cá vì những lý do sức khỏe, thay vì bi mẫn.

Người ta cũng có thể tu tập giới vì một sự hiểu biết rất khô khan, chẳng hạn như họ tránh sát sanh, trộm cắp, tà dâm và nói dối, nhưng vẫn uống rượu và bia,... Hoặc người ta cũng có thể tu tập giới vì coi đó là phong tục và truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo phải làm như vậy. Người ta cũng có thể tu tập giới vì họ muốn được danh thơm, và

¹⁸⁸ VsM.i.12 ‘*Sīla-Ppabheda-Kathā*’ (‘Luận Về Sự Đa Dạng của Giới’) PP.i.31 giải thích rằng có giới bị giới hạn (*pariyanta*) bởi lợi đắc, danh vọng, quyền thuộc, tay chân, và sinh mạng, và có giới không bị giới hạn (*apariyanta*). Bộ Luận này trích dẫn PsM.I.ii.37 ‘*Sīlamaya-Nāṇa-Niddeso*’ (‘Giải Thích về Giới-Bao Gồm Trí’) PD.I.ii.258: ‘*Ở đây, một người với lợi đắc là căn bản, với lợi đắc là nhân, với lợi đắc là lý do, vượt qua hay vi phạm một học giới đã thọ: giới như vậy đã bị giới hạn bởi lợi đắc* (chẳng hạn, xem ghi chú 190, trang 152.’ Đối với những giới hạn khác cần phải hiểu theo cách tương tự. PsM.ibid. giải thích rằng giới như vậy kể như đã vỡ vụn, không được bậc trí khen ngợi, không bền vững, không dẫn đến định, không phải là căn bản cho bất-hối, an lạc, minh và hạnh,... và không dẫn đến Niết-bàn. Giới không bị giới hạn thì ngược lại.

kính trọng. Và thậm chí người ta có thể tu tập giới vì sợ bị khiển trách. Việc tu tập giới của một người có thể là ly trí (*nāna-vippayutta*) theo nhiều cách như vậy.¹⁸⁹

Cho dù những tâm qua đó một người tránh làm các điều ác có thể là ly trí, hay không có sự hiểu biết về những vận hành của nghiệp, thì cũng không vì lý do đó mà những tâm ấy phối hợp với vô minh và tà kiến. Như đã giải thích ở trên, một tâm thiện không thể nào phối hợp với vô minh. Nhưng vào những lúc khác một người có thể chấp giữ tà kiến. Chẳng hạn người ta có thể tin rằng không có quả của việc làm ác và thiện, hoặc tin rằng vào lúc chết, con người hoàn toàn huỷ diệt (chết là hết), hoặc người ta có thể tin rằng các cõi chư thiên và địa ngục chẳng qua chỉ là huyền thoại hoặc phép ẩn dụ cho những tâm bất thiện. Hoặc họ có thể tin rằng ngũ giới, bát giới, thập giới, Tỳ kheo giới chỉ là những nét văn hoá của Ấn Độ cổ xưa. Khi đã không có niềm tin và trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp, tất nhiên sẽ không có sự sợ hãi về một tái sinh xấu, và cũng không có sự sợ hãi về vòng luân hồi. Và như vậy việc tu tập giới một cách đúng đắn sẽ là điều rất khó.

Khi một người tu tập giới không có niềm tin hay trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp như vậy, việc giữ giới sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Nếu gặp những chuyện phiền phức, họ rất dễ đầu hàng. Chẳng hạn, khi phát hiện sâu bọ hay côn trùng trong nhà mình, có thể họ chọn giải pháp dễ nhất: giết chúng, hoặc bảo người khác giết chúng. Cũng có khi họ uống rượu, bia trong các dịp chiêu đãi bạn đồng nghiệp, hoặc vui thú cùng bạn bè,..., vì đó là điều mọi người mong đợi. Khi công bố những thu nhập có thể bị đóng thuế,

¹⁸⁹ Về các danh pháp của những tâm này, xem bảng '3a: Danh Pháp của Tâm Ly Trí', trang 129-131.

và khi làm ăn mua bán, nói dối là chuyện rất dễ, với có rằng họ phải kiếm sống, hoặc với có rằng mọi người ai cũng làm thế cả.¹⁹⁰

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, tránh những điều ác vẫn là thiện nghiệp, và nếu nó được xen kẽ bởi những tâm thiện, thậm chí nó vẫn có thể là thiện nghiệp cao thượng (*ukkattha*). Nhưng khi nó không kết hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp (ly trí), nó sẽ kém cao thượng hơn, vì khi ấy nó chỉ là thiện nghiệp nhị nhân, tức chỉ phối hợp với vô tham và vô sân. Khi nghiệp ít sức mạnh như vậy thì quả cũng sẽ ít sức mạnh.

HỢP TRÍ

Khi sự tu tập giới của một người được kết hợp với trí (*ñāṇa-sampayutta*), nó sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Với trí đó, người ta thấy sợ làm điều ác, bởi vì họ không muốn gánh chịu những hậu quả của bất thiện nghiệp. Với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp, người ta biết rằng tà hạnh không chỉ đưa đến một tái sinh xấu trong đời sau, mà ngay trong kiếp hiện tại, nó còn đem lại sự bất an, bất hạnh, và thiếu tự tin.[124] Với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp người ta biết rằng thọ trì việc tu tập càng cao, họ càng có được nhiều an vui, hạnh phúc và tự tin hơn. Họ biết điều đó chắc chắn sẽ xảy ra. Người ta cảm nhận được những thiện pháp đi kèm theo tâm thiện như: tầm (*hiri-hō then tội lỗi*), quý (*ottappa-ghe sợ tội lỗi*), tịnh thân (*kāya-passāddhi*), tịnh tâm (*citta-passaddhi*), niệm (*sati*), tín (*saddhā*): tóm lại, một trạng thái hoàn toàn an lạc (*sukha*). Lạc này rất quan trọng nếu một người muốn thành công trong phước nghiệp

¹⁹⁰ Đây là giới bị giới hạn bởi lợi đặc. Xem ghi chú 188 ở trên.

sự thứ ba, đó là trong việc tu thiền (*bhāvanā*) [125]. Những lợi ích từ việc tu tập giới chắc chắn sẽ xảy ra trong kiếp hiện tại và trong tương lai này, là lý do tại sao Đức Phật giải thích rằng chúng ta nên quán tưởng trên Nghiệp Sở Hữu Trí mỗi ngày: ¹⁹¹[126]

"Ta là chủ nhân của nghiệp (*kamma-ssakomhi*), là kẻ thừa tự của nghiệp (*kamma-dāyāko*), nghiệp là thai tạng (*kamma-yoni*, do nghiệp sanh), nghiệp là quyến thuộc (*kamma-bandhu*), nghiệp là điểm tựa (*kamma-paṭisaraṇo*). Phàm nghiệp nào ta làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" ¹⁹²

Giới với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp như vậy sẽ mạnh hơn.¹⁹³Tại sao? Bởi vì sự hiện diện của trí tuệ có nghĩa rằng tâm đó là tâm tam nhân (*ti-hetuka*), có gốc trong vô tham, vô sân và vô si.¹⁹⁴Tâm đó luôn luôn làm cho một thiện nghiệp mạnh hơn.[127]

Dĩ nhiên, mạnh nhất vẫn là giới hợp trí của một người đã đạt đến Thánh Đạo Trí (*Ariya-Magga-Ñāṇa*) và Thánh Quả Trí (*Ariya-Phala-Ñāṇa*), tức một vị Thánh Đệ Tử. Sự sanh khởi của Đạo Trí là sự sanh khởi của Bát Thánh Đạo (*Ariya Atṭh-Aṅgika Magga*): [128]

¹⁹¹ A.V.II.i.7 ‘Abhiṇha-Paccavekkhitabbaṭhāna-Suttam’ (‘Kinh Những Điều Phải Luôn Luôn Quán Tưởng’)

¹⁹² Cũng xem trích dẫn trong Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt, trang 578/Tập II

¹⁹³ Đây là giới không bị giới hạn: xem ghi chú 188 ở trên.

¹⁹⁴ Về các danh pháp của loại tâm như vậy, xem bảng ‘3b: Danh Pháp của Tâm Hợp Trí’ trang 132.

- | | |
|-----------------|-------------------|
| 1) Chánh Kiến | 5) Chánh Mạng |
| 2) Chánh Tư Duy | 6) Chánh Tinh Tấn |
| 3) Chánh Ngữ | 7) Chánh Niệm |
| 4) Chánh Nghiệp | 8) Chánh Định |

Với sự sanh khởi của tám Thánh Đạo này, ba chi phần của giới: (*Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng*) sẽ đoạn trừ hoàn toàn tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Người đã đoạn trừ tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng sẽ không thể còn cố ý sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu bia nữa... Và trên hết, Chánh Kiến sẽ đoạn trừ tà kiến.[129] Đắc được Đạo Trí này cũng có nghĩa là người ấy đã đạt đến Nhân Duyên Phân Biệt Trí (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*). Với trí đó, người ấy sẽ phân biệt (quán) được các kiếp sống quá khứ và tương lai, và cũng sẽ biết và thấy được những vận hành của nghiệp, nghĩa là thấy được một nghiệp nào đó chín mùi sau khi chết, tạo ra thức tái sanh và các uẩn mới như thế nào. Sau khi đã biết và thấy những vận hành của nghiệp theo cách này người ấy không thể còn chấp giữ vào bất cứ tà kiến nào được nữa.[130] Và với sự sanh khởi của Nhập Lưu Thánh Đạo Trí, giới của người ấy không những có đủ tam nhân, mà người ấy chắc chắn không bao giờ còn tái sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, hay súc sanh giới nữa. Với sự sanh khởi của Bất Lai Thánh Đạo Trí, người ấy chắc chắn không bao giờ còn tái sanh trong cõi dục trở lại. Và với sự sanh khởi của A-la-hán Thánh Đạo Trí, người ấy chắc chắn không còn phải tái sanh trở lại bằng bất cứ cách nào và ở bất cứ nơi đâu.¹⁹⁵

Tuy nhiên, trước khi điều đó xảy ra, một yếu tố quan trọng thêm nữa trong giới của một người là tình trạng hạ liệt (*omaka*) hay cao thượng (*ukkaṭṭha*) khi người ấy giữ giới.

¹⁹⁵ Để biết thêm chi tiết, xem ‘Đạo & Quả’ Tập II.

GIỚI HẠ LIỆT

Cái gì làm cho giới của một người thành hạ liệt? Nếu, trước hoặc sau tâm tiết chế, tâm người ấy phối hợp với các pháp bất thiện, đó là giới hạ liệt. Như đã giải thích ở trên, khi giới của một người không kết hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp, có thể sự tiết chế (tránh không làm điều ác) của họ luôn luôn mang tính chọn lựa hoặc tùy hứng. Tại sao? Bởi vì liền trước hoặc sau sự tiết chế, thường sẽ là những tâm căn tham. Đi xa hơn nữa, đó có thể là sự không tiết chế, vì tâm ấy là tâm căn tham, hoặc tâm căn sân. Chẳng hạn, người ta có thể tránh giết một con bướm, vì họ nghĩ nó đẹp: nghĩ con bướm đẹp là tâm căn tham. Trái lại, người ta có thể cố gắng giết những con muỗi hay gián vì nghĩ chúng có hại, đó là những tâm căn sân. Như vậy, sự tiết chế của họ bị xen lẫn bởi tham, sân và si. Một người có thể tránh ăn cắp của người trong gia đình mình, người cư ngụ trong làng của mình, hay người trong xứ của mình: tâm tránh ăn cắp đó là tâm lừa đảo, thuộc căn tham. Nhưng một người có thể vui vẻ ăn cắp của người trong gia đình khác, làng khác, hay xứ sở khác: đó là tham, sân và si. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả những ví dụ chúng tôi đưa ra để làm rõ việc giữ giới mang tính chọn lựa hay tùy hứng. Thường thường, những tâm đó là những tâm không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp. Nhưng đôi khi nó cũng có thể phối hợp với trí ấy. Chẳng hạn, một người có thể nghĩ: ‘Để sau, để sau đi! Hiện giờ tôi còn phải chăm lo cho gia đình, chăm lo cho tài sản của tôi. Khi lớn tuổi hơn, tôi có thể tu tập giới tốt hơn.’ Hay: ‘Khi tôi đi dự khoá thiền, hay sống trong một ngôi chùa, tôi có thể tu tập giới đúng đắn hơn.’ Giới tùy tiện như vậy bị đan xen bởi những tâm căn tham và căn sân, khiến cho nó trở thành hạ liệt.

Cũng có sự thọ giới mang tính hạ liệt. Chẳng hạn, một người có thể thọ giới một cách miễn cưỡng. Do một quan niệm nào đó, người ta có thể nghĩ thọ giới là chuyện lỗi thời, cổ hủ và do đó không thọ; do kiêu mạn, một người có thể không thích đọc nghi thức xin giới nơi một vị Tỳ kheo; hay do một quan niệm nào đó người ta có thể không thích phải học những nghi thức bằng tiếng *Pāli*. Nhưng một người có thể do bạn bè hay gia đình thúc giục đi thọ giới, và người ấy cảm thấy xấu hổ không muốn để cho mọi người biết rằng mình không muốn giữ giới. Vì thế, miễn cưỡng người ấy đi đến một vị Tỳ kheo, miễn cưỡng người ấy học nghi thức thọ giới bằng *Pāli*, và miễn cưỡng người ấy thọ giới. Như vậy, việc thọ giới của người ấy bị đan xen bởi những tâm bất thiện phối hợp với tà kiến (căn tham), và với sự chán ngán, bất mãn (căn sân). Sau đó, người ấy nhớ lại và tự nhắc nhở mình rằng mình là một người đã thọ giới, dù bất mãn nhưng người này vẫn tiếp tục giữ giới.

Cũng vậy, trong một ngày người ta sẽ gặp rất nhiều cơ hội để phạm giới. Chẳng hạn, một con muỗi bay đến, và đậu trên cánh tay bạn. Khi bạn tránh giết nó một cách có ý thức, các tâm thiện phát sanh, nhưng bạn cũng có thể làm điều đó một cách miễn cưỡng, vì thực lòng bạn vẫn muốn giết con muỗi. Ví dụ khác là một người miễn cưỡng thọ trì bát quan trai giới trong một ngày: cả ngày hôm đó anh ta hay cô ta chán nản và không vui, mong muốn cho mau hết ngày. Như vậy, anh ta hay cô ta đã tu tập giới một cách miễn cưỡng, nôn nóng, và không hoan hỷ.

Ở đây, một lần nữa chúng tôi dẫn lại ví dụ về đức Bồ Tát¹⁹⁶, khi ngài còn là một vị đạo sĩ tên *Kaṇhadīpayana*, mà trước đây chúng tôi đã đề cập việc ngài công bố sự thực để

¹⁹⁶ Xem “Những Vận Hành của Bồ Thí Ly Trí”, trang 128.

cứu mạng đứa bé bị rắn độc cắn. Lờn công bố sự thực của ngài cho thấy rằng chỉ tuần lễ đầu làm đạo sĩ ngài sống đời phạm hạnh một cách vui vẻ, với ước nguyện tạo phước (*puññ-atthiko*). Sau đó, ngài sống đời phạm hạnh, và thực hành *jhāna* (thiền định) một cách miến cưỡng, không có niềm tin. Điều đó có nghĩa rằng ngài đã thực hành thiện giới và định với sự bất mãn: vì vậy cả hai căn bản cho việc tác phước này trở thành hạ liệt, hơn năm mươi năm.

Thiện giới là hạ liệt khi một người giữ giới vì mong muốn được nổi tiếng, vì mong muốn được lợi lạc vật chất, hay vì muốn được tái sanh an vui trong tương lai. Và cũng là hạ liệt nếu một người trở nên kiêu căng tự phụ với thiện giới của mình, và khinh thường những người không giữ được giới như mình.

Trên đây là những ví dụ cho thấy giới và nghiệp tiết chế của một người có thể bị đan xen bởi vô số những tâm bất thiện có gốc ở tham, sân và si như thế nào. Và điều đó làm cho giới của họ trở thành hạ liệt ra sao. Nếu một người không hiểu những vận hành của nghiệp, thì giới của họ không phối hợp với vô si, và trở thành hạ liệt, nhị nhân (*dvi-hetuka*): điều đó có nghĩa rằng tâm quả sẽ là vô nhân (*ahetuka*). Nếu một người hiểu những vận hành của nghiệp, giới của họ cũng được phối hợp với vô si, song ngay cả như vậy sự xen lẫn của vô vàn tâm bất thiện vẫn khiến nó trở thành giới hạ liệt, tam nhân (*ti-hetuka*): điều đó có nghĩa rằng tâm quả sẽ chỉ là nhị nhân (*dvi-hetuka*) mà thôi.

GIỚI CAO THƯỢNG

Vậy, cái gì làm cho giới của một người trở thành cao thượng (*ukkattha*)? Nếu, trước hoặc sau những tâm tiết chế, tâm một người phối hợp với các pháp thiện, thì đó là giới

cao thượng.¹⁹⁷

Chẳng hạn, một người có thể tránh giết một con muỗi hay một con gián với niềm vui giống như khi họ tránh giết một con bướm. Tại sao? Bởi vì giới thứ nhất bao hàm tất cả chúng sinh chứ không chỉ những con vật mà chúng ta nghĩ là đẹp thôi. Cũng vậy, một người tránh trộm cắp tài sản của những người thuộc gia đình khác, hay của những người thuộc làng khác, hay của những người thuộc xứ sở khác, với niềm hoan hỷ như khi họ tránh lấy tài sản của những người trong gia đình mình, làng xóm mình, hay xứ sở mình. Theo cách này, giới của một người trở thành cao thượng, bởi vì nó không mang tính chọn lựa hay tùy hứng. Thông thường điều này là do giới được phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Kế tiếp là thọ giới cao thượng. Một người có thể hoan hỷ đi đến một vị Tỳ kheo và kính cẩn thỉnh cầu được thọ giới theo đúng nghi thức. Với tâm hoan hỷ người ấy nghiêm trang quỳ trước vị Tỳ kheo, chắp tay, và đọc Tam Quy một cách thành kính và hoan hỷ. Sau đó, cũng với tâm hoan hỷ, thành kính và kiên quyết người ấy tuyên bố sự thọ trì từng học giới một của mình. Chẳng hạn, giới thứ nhất:

Pāṇātipātā veramaṇi sikkhā-padam samādiyāmi.

Con xin thọ trì học giới tránh xa sự sát sanh.

Sau khi đã thọ trì các học giới theo cách này, người ấy có được một nội tâm hoan hỷ. Sau đó, nhờ ghi nhớ và luôn tự nhắc nhở mình là người đã thọ giới, người ấy có thể củng cố cho sự thọ giới của mình với niềm hân hoan và kiên định. Trong cuộc sống hàng ngày, người ấy chắc chắn sẽ gặp

¹⁹⁷ Cũng xem giải thích trong MA về việc tại sao trước hoặc sau sự tiết chế hay tránh sát sanh khiến cho thiện nghiệp của một người trở thành cao thượng: ghi chú ở bài ‘Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’ trang 578 Tập.II.

những cơ hội để phạm giới. Chẳng hạn, một con muỗi bay đến, và đậu trên cánh tay người ấy. Với tâm hoan hỷ, người ấy không giết nó, mà vẫy nhẹ đuổi nó đi một cách có ý thức. Người ấy cũng có thể khởi lên ước muốn nói dối, nhưng với tâm hoan hỷ người ấy không để nó thể hiện ra bằng lời. Như vậy, ghi nhớ và tự nhắc nhở mình những điều nên tránh, nếu được làm thường xuyên có thể phát sanh tâm hoan hỷ. Và việc duy trì thiện giới được xem là cao thượng nhất nếu một người xuất phát từ ước nguyện muốn đạt đến A-la-hán thánh quả mà thực hiện nó với ý nghĩ: ‘*Điều này cần phải được làm.*’

Trên đây là những ví dụ cho thấy giới của một người có thể được đan xen với vô vàn tâm thiện kết hợp với vô tham, vô sân, và hỷ (*pīti*) như thế nào. Nếu một người không hiểu những vận hành của nghiệp, đó là ly trí, nó làm cho giới của họ trở thành cao thượng nhưng nhị nhân (*dvi-hetuka*): và điều này cũng có nghĩa rằng tâm quả sẽ là tâm quả nhị nhân. Nếu một người hiểu biết những vận hành của nghiệp, đó là hợp trí hay vô si, nó làm cho giới của họ trở thành cao thượng, tam nhân (*ti-hetuka*): và điều này cũng có nghĩa rằng tâm quả sẽ là tâm quả tam nhân.¹⁹⁸

Chúng ta cũng cần phải nhớ rằng bao lâu người ta chưa đạt đến một Thánh Đạo và Thánh Quả nào, Chánh Kiến về Nghiệp Sở Hữu của họ vẫn không chắc chắn. Vì do tham, sân và si, họ có thể không còn giữ Chánh Kiến; thậm chí còn chấp theo tà kiến nữa là khác.¹⁹⁹ Chỉ có Nhập Lưu

¹⁹⁸ Chi tiết, xem ‘Bảng 1f: Thiện Nghiệp Hạ Liệt và Cao Thượng, Các Căn và Tâm Quả Tục Sanh của Chúng’, trang 125.

¹⁹⁹ Tà kiến: sự vắng mặt của Chánh Kiến không nhất thiết có nghĩa là tà kiến có mặt, vì tà kiến chỉ sanh với các tâm căn tham và sân mà thôi. Xem bảng 2a/2b/2c, trang 93/95/97 ở trên.

Thánh Đạo Trí (Sot-Āpatti-Magga-Ñāṇa) mới làm cho Chánh Kiến của một người trở thành chắc chắn, vì lúc đó người ấy đã thấy được những vận hành của nghiệp một cách trực tiếp. Đó là lý do vì sao bậc Thánh Nhập Lưu không thể nào phạm ngũ giới. Như vậy, giới cao thượng nhất ít nhất cũng phải phối hợp với Nhập Lưu Thánh Đạo Trí.²⁰⁰

Điều đó đã kết luận phần giải thích của chúng tôi về phước nghiệp sự thứ hai, đó là giới (sīla).

TU THIỀN

Phước nghiệp sự thứ ba là tu thiền (*bhāvanā*). Có hai loại thiền [131]: thiền chỉ hay thiền định (*samatha bhāvanā*) và thiền minh sát (*vipassanā bhāvanā*).

THIỀN ĐỊNH

Thiền định nhằm mục đích phát triển một sự tập trung mạnh mẽ và đầy năng lực (còn gọi sự nhất tâm [132]) trên một đối tượng: hoặc bằng cận định (*upacāra-samādhi*) hoặc bằng an chỉ định (*appanā-samādhi*). An chỉ định cũng còn gọi là bậc thiền (*jhāna*).²⁰¹ Có tám bậc thiền; bốn bậc thiền sắc giới (*rūpa-jjhāna*), và bốn bậc thiền vô sắc (*arupa-jjhāna*).²⁰² Chúng cũng còn được gọi là tám thiền chứng

²⁰⁰ Xem ‘Nhập Lưu’, Tập.II.

²⁰¹ Xem bảng ‘5d: Tiến Trình Chứng Thiền’, trang 359.

²⁰² Bốn thiền vô sắc có cùng số danh pháp như tứ thiền (bậc thiền thứ tư của thiền sắc giới); sự khác nhau nằm ở chỗ chúng dựa trên một đối tượng phi vật chất (vô sắc) mà thôi. Ví thế, Đức Phật mô tả tứ thiền và bốn bậc thiền vô sắc là bất động (*āneñja*). Xem M.II.ii.6 ‘Laṭukik-Opama-Suttaṃ’ (‘Kinh Ví Dụ Con Chim Cáy’) (*Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xá lạc, xá khổ... chúng và trú Thiền thứ tư. Thiền này, này Udayi, Ta nói là không ở trong tình trạng dao*

(*aṭṭha-samāpatti*). Tám thiền chứng không phải chỉ có độc nhất trong Giáo Pháp của Đức Phật. Ngoài Giáo Pháp của Đức Phật²⁰³, các vị đạo sĩ và du sĩ ngoại đạo, các vị Bồ Tát hướng đến sự Toàn Giác, và các vị Chuyển Luân Vương, cũng dạy những thiền này.²⁰⁴ Chấn hạn, đức Bồ Tát của chúng ta đã học bốn thiền sắc giới và ba bậc thiền vô sắc đầu từ đạo sĩ *Ālāra Kālāma*, và sau đó ngài cũng học thiền vô sắc thứ tư từ nơi đạo sĩ *Uddaka Rāmaputta*.²⁰⁵ Thiền này được gọi là thiền y cứ luân hồi (*vaṭṭa-pādikā-jhāna*), tức thiền để đạt đến một sự tái sinh cao hơn, để được tiếp tục trong vòng tái sinh luân hồi.²⁰⁶ Ngoài Giáo Pháp của Đức Phật, cũng có những người dùng thiền của họ để phát triển các năng lực thần thông (*abhiññā*): bay trên hư không, đi trên mặt nước, ...²⁰⁷ Hay để phát triển thiền làm căn bản cho

động [bất động.])/M.III.1.6 ‘*āneñjasappāya-Suttam*’ (‘Kinh Bất Động Lợi Ích’). Không cần phải nói, các thiền vô sắc vẫn là các thiền hiệp thế. Chi tiết, xem VsM.x ‘*Ā-Rūpa-Niddesa*’ (‘Mô Tả Định Vô Sắc’).

²⁰³ VbhA.XVI.x.3.770 “*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả về Ba Giải Thích’) DD.XVI.x.2085.

²⁰⁴ Xem trích dẫn ghi chú cuối chương 111, trang 527/Tập.II

²⁰⁵ Đề cập ở ‘Trọng Nghiệp Thiện’, trang 351.

²⁰⁶ Xem ghi chú cuối chương 198, trang 563.

²⁰⁷ thần thông: có sáu. Năm thuộc hiệp thế: 1) Biến Hoá Thông: một thân hoá thành nhiều thân, nhiều thân hoá thành một thân; đi xuyên qua tường, núi như đi qua hư không; độn thổ như độn thủy; đi trên nước như đi trên đất; ngồi kiết già bay qua hư không; lấy tay sờ mặt trăng, mặt trời; thân bay lên cõi phạm thiên; 2) Thiên Nhĩ Thông: có thể nghe được tiếng chư thiên cũng như loài người ở xa cũng như ở gần; 3) Tha Tâm Thông: đọc được tâm của người khác; 4) Túc Mạng Thông: có thể nhớ được nhiều trăm ngàn kiếp, nhiều thành kiếp và hoại kiếp; 5) Thiên Nhãn Thông: có thể thấy được các chúng sinh tái sinh theo nghiệp của họ như thế nào. Lộ Tận Thông: thần thông thứ sáu thuộc siêu thế, là sự đoạn trừ của các lậu hoặc (dục lậu/hữu lậu/kiến lậu và vô minh lậu), vốn là A-la-hán Thánh Quả. Ở đây, thần thông thứ 4, 5 và 6 cũng được gọi là

sát (*vipassanā-pādaka-jjhāna*), tức phát triển thiền để thể nhập vào sự thực cùng tột (chân đế) cho việc thực hành minh sát,²⁰⁸ đây là nét đặc thù trong Giáo Pháp của một Đức Phật. Tại sao? Bởi vì thiền minh chỉ có duy nhất trong Giáo Pháp của Đức Phật mà thôi²⁰⁹.

Đức Phật đưa ra bốn mươi đề mục cho thiền chỉ:²¹⁰

◆ Mười đề mục *kaṣiṇas*: đất, nước, lửa, gió, *kaṣiṇas* xanh, vàng, đỏ, trắng, *kaṣiṇa* ánh sáng, và *kaṣiṇa* hư không.

◆ Mười đề mục bất tịnh (*asubha*): đó là mười loại tử thi, như tử thi trương phồng, tử thi xanh đen, tử thi chỉ còn là bộ xương.

◆ Mười tùy niệm (*anussati*): chẳng hạn, tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm sự chết, niệm ba mươi hai thể trực, và niệm hơi thở (*ān-āpāna-ssati*).

Tam Minh (*te-vijjā*). Đức Phật giải thích những thần thông này trong Kinh Sa-Môn Quả của Trường Bộ (*‘Sāmaññā-Phala-Suttam’*) D.i.2

²⁰⁸ VsM.xi.362 *‘Samādhi-ānisamsa-Kathā’* (‘Luận về những Lợi Ích của Định’) pp.xi. 121 liệt kê năm lợi ích có được từ việc phát triển định. Lợi ích thứ hai trong đó là (thiền) được dùng như căn bản cho minh sát: ‘Khi hàng phạm nhân và bậc Thánh Hữu Học (những vị chưa phải là Bậc A-la-hán) phát triển định với ý nghĩ “Sau khi xuất khỏi thiền này ta sẽ luyện tập minh sát với tâm có định,” thời sự phát triển an chỉ định cung cấp cho họ lợi ích của minh sát bằng cách phục vụ như nhân gần cho minh sát, và đối với cận định cũng như vậy.’ Điều này được theo sau bằng sự trích dẫn từ bài ‘Kinh Định’ của Tương Ứng Kinh (*‘Samādhi Suttam’*) S.III.I.1.5. Cũng xem ghi chú 215, trang 164, và ghi chú cuối chương 182, trang 557.

²⁰⁹ VbhA.XVI.x.3.770 *‘Tika-Niddesa-Vaṇṇanā’*.

²¹⁰ VsM.iii.47 *‘Kamma-Ṭṭhāna-Ggahaṇa-Niddeso’* (‘Giải Thích về việc Nhân Đề Mục Thiền’) PP.iii.104-105. Để biết chi tiết, xem ‘Phụ Lục 1: Bốn Mươi Đề Mục Thiền’, cuối Tập I/II.

- ◆ Bốn phạm trú (*Brahma vihāra*): từ (*mettā*), bi (*karuṇā*), hỷ (*muditā*) và xả (*upekkhā*).
- ◆ Bốn vô sắc (*ārūpa*)²¹¹: không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, và phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- ◆ Một tướng: tướng vật thực (bất tịnh).
- ◆ Một xác định: thiên tứ đại.

Với một số trong những đề mục thiền này, người ta chỉ có thể phát triển được cận định. Còn đa số trong đó, chẳng hạn, mười *kaṣiṇas* và niệm hơi thở, ... người ta có thể phát triển được cả cận định lẫn an chỉ định. Cận định rất gần với *jhāna* (bậc thiền), và an chỉ định chính là *jhāna*.²¹²

TỨ THIỀN VÀ NGŨ THIỀN

Đức Phật xếp loại các *jhānas* (bậc thiền) theo hai cách: thiền bốn bậc hay tứ thiền (*catuka-jjhānas*), và thiền năm bậc hay ngũ thiền (*pañcaka-jjhānas*).

Trong các bài kinh (suttas), Đức Phật thường nói về thiền bốn bậc. Chẳng hạn, trong Kinh Đại Niệm Xứ, ngài mô tả Chánh Định (Sammā-Samādhi) như tứ thiền:²¹³

- 1) Sơ thiền (*paṭṭhama jhāna*)
- 2) Nhị thiền (*dutiya jhāna*)
- 3) Tam thiền (*tatiya jhāna*)
- 4) Tứ thiền (*catuttha jhāna*)

²¹¹ Bốn vô sắc: cũng gọi bốn thiền vô sắc (*arūpa-jjhāna*), và bốn thiền vô sắc giới (*arūp-āvacara-jjhāna*).

²¹² Jhāna này đã được Đức Phật giải thích ở nhiều nơi, chẳng hạn, bài kinh số 9 của Trường Bộ ii đã trích dẫn ở ghi chú cuối chương 182, trang 557.

²¹³ D.ii.9 ‘*Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam*’

Trong Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*), Đức Phật chỉ đề cập đến thiền năm bậc.

Thế nào là sự khác nhau giữa tứ thiền và ngũ thiền? Sự khác nhau nằm ở chỗ các thiền chi (*jhān-aṅga*). Sơ thiền có năm thiền chi là:

1) tầm (*vitakka*), 2) tứ (*vicāra*), 3) hỷ (*pīti*), 4) lạc (*sukha*) và 5) nhất tâm (*ek-aggatā*).

Để đạt đến nhị thiền, người ta cần phải vượt qua hai thiền chi đầu: tầm và tứ. Theo đó, nhị thiền chỉ có ba thiền chi: hỷ, lạc và nhất tâm. Nhưng một số hành giả không thể một lúc vượt qua cả tầm lẫn tứ.²¹⁴ Vì thế, trước tiên họ vượt qua tầm, và lúc đó chỉ có bốn thiền chi: tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Kế tiếp họ vượt qua tứ, và lúc đó chỉ có ba thiền chi: hỷ, lạc và nhất tâm còn lại. Đó là tam thiền của thiền năm bậc: như vậy tam thiền của thiền năm bậc giống như nhị thiền của thiền bốn bậc. Đối với các bậc thiền còn lại thì tuy theo (xem sơ đồ)²¹⁵.

THIÊN BỐN BẬC VÀ THIÊN NĂM BẬC

BỐN BẬC	Sơ	—	Nhị	Tam	Tứ
---------	----	---	-----	-----	----

²¹⁴ Xem.VsM.iv.90 ‘*Pañcaka-Jjhāna-Kathā*’ (‘Luận về Thiền Năm Bậc’) PP.iv.198-202

²¹⁵ Trong S.IV.IX.i.3 ‘*Sa-Vitakka-sa-Vicāra Suttam*’ (‘Kinh Với Tầm và Tứ’) <cũng như trong A.VIII.II.ii.3 ‘*Saṅkhitta-Suttam*’ (‘Kinh Pháp Tóm Tắt’)> Đức Phật chia hai bậc thiền đầu trong thiền bốn bậc thành ba bậc thiền trong thiền năm bậc: ‘Này các Tỳ kheo, thế nào là đạo lộ dẫn đến Vô Vi (*asankhata*)? Định với tầm và tứ; định không tầm nhưng có tứ; định không tầm và không tứ. Đây gọi là, này các Tỳ kheo, đạo lộ dẫn đến Vô Vi.’ Chi tiết về các bậc thiền, xem những ghi chú ở bảng 5d ‘Tiến Trình Chứng Thiền’ trang 359.

NĂM BẬC	Sơ	Nhị	Tam	Tứ	Ngũ
<i>Vitakka</i>	tâm	tâm	tâm	tâm	tâm
<i>Vicāra</i>	tứ	tứ	tứ	tứ	tứ
<i>Pīti</i>	hỷ	hỷ	hỷ	hỷ	hỷ
<i>Sukha</i>	lạc	lạc	lạc	lạc	lạc
<i>Ekaggatā</i>	nhất tâm	nhất tâm	nhất tâm	nhất tâm	nhất tâm
<i>Upekkhā</i>					xả

Hãy lưu ý rằng trong sơ đồ chúng tôi chỉ đề cập các danh pháp và các pháp quả, và sử dụng cách phân loại thiền năm bậc như trong Vi-Diệu-Pháp (*Abhidhamma*).

Khi có cận định hay *jhāna* (bậc thiền), tâm sẽ tràn đầy ánh sáng rực rỡ và chói lọi: đó là những gì Đức Phật gọi là ánh sáng trí tuệ (*paññ-āloka*).^[133] Ánh sáng chói lọi nhất, rực rỡ nhất, và toả chiếu nhất được thành tựu với tứ thiền (bậc thiền thứ tư).

NHỮNG VẬN HÀNH CỦA THIỀN ĐỊNH

Ở đây, chúng ta cần hiểu rằng đối với bồ thí và giữ giới, tâm một người có thể ly trí hoặc hợp trí (không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp hoặc có phối hợp). Nhưng với thiền định (*jhāna*), tâm một người luôn luôn phải là hợp trí, nghĩa là luôn luôn phối hợp với trí thể nhập định-tướng (*samādhi-nimitta*). Trí này được gọi là trí tuệ thiền chỉ (*jhāna-paññā*) hay Chánh Kiến Thiền Định (*jhāna-Sammā-diṭṭhi*). Tuy nhiên, thiền định của họ vẫn có thể là hạ liệt (*omaka*) hoặc cao thượng (*ukkatṭha*) tùy theo.

THIÊN ĐỊNH HẠ LIỆT

Cái gì làm cho thiên định của một người trở thành hạ liệt (*omaka*)? Nếu, trước hoặc sau tâm thiên (*jhāna*), tâm của một người phối hợp với các pháp bất thiện, thì đó là hạ liệt.

Chẳng hạn, một người có thể tu tập thiên định vì coi đó là phong tục hay truyền thống, hay bởi vì tôn giáo của họ bảo phải làm như vậy. Và một người cũng có thể tu tập thiên định bởi vì họ muốn nổi danh, muốn được mọi người kính trọng, hoặc có thể thiên đã trở thành một thứ thời trang. Thậm chí một người cũng có thể tu tập thiên bởi vì họ sợ bị khiển trách.

Lại nữa, một người có thể tu tập thiên định vì họ muốn đạt đến Bất Tử. Nhưng do họ không có một vị thầy, hoặc có nhưng không phải là một vị thầy có khả năng thích hợp.

Trong trường hợp đó, việc tu tập của họ có thể sai. Chẳng hạn, họ có thể đắc thiên, và nghĩ ánh sáng rực rỡ, chói lọi (*ánh sáng của trí tuệ*) đã phát sanh đó là Bất Tử. Hoặc họ có thể nghĩ rằng thành tựu được sự tái sanh trong một thế giới cao hơn bằng thiên định là thành tựu Bất Tử. Họ cũng có thể nghĩ rằng nhờ thiên định người ta có thể tìm thấy cái chân ngã bên trong, hay một cái ngã bất tử bên trong.

3c: Danh Pháp (*nāma-dhamma*) của Đại Hành Tâm (*mahaggata-citta*)

THIÊN SẮC GIỚI	Sơ Thiền	Nhị Thiền	Tam Thiền	Tứ Thiền	Ngũ Thiền
Tâm (<i>citta</i>)					
Tâm Sở (<i>cetasika</i>)					
Biến Hành (<i>sabba-citta-sādhāraṇa</i>)					

12. nhu thân(<i>kāya-mudutā</i>)																
13. nhu tâm(<i>citta-mudutā</i>)																
14. thích thân(<i>kāya-kammaññatā</i>)																
15. thích tâm (<i>citta-kammaññatā</i>)																
16. thuần thân (<i>kāya-pāguññatā</i>)																
17. thuần tâm(<i>citta-pāguññatā</i>)																
18. chánh thân(<i>kāy-ujukatā</i>)																
19. chánh tâm(<i>citt-ujukatā</i>)																
Vô Lượng Phần (<i>a-ppamaññā</i>)																
1. bi(<i>karuṇā</i>)																
2. hỷ(<i>muditā</i>)																
Vô- Si (<i>a-moha</i>)																
1. TỰỆ CĂN(<i>paññ-indriya</i>)																
Tổng Cộng các Danh Pháp	34	35	33	34	32	33	31	32	31							

Lại nữa, một người có thể tu tập thiền định bởi vì họ mong muốn có được nền tảng định để thực hành minh sát; bởi vì họ có niềm tin nơi Tam Học mà Đức Phật đã đưa ra, và bởi vì họ muốn chấm dứt khổ: thiền định trong trường hợp này được gọi là thiền định làm căn bản cho minh sát (*vipassanā-pāḍaka-jjhāna*). [134] Nhưng họ lại không có thầy, hoặc có nhưng là một vị thầy không có khả năng thích hợp. Vì thế, họ có thể nhận được những hướng dẫn sai lạc. Chẳng hạn, họ có thể nghĩ đã hành thiền thì không cần thiết phải tu giới. Hay nghĩ một người có thể đắc thiền bằng cách quan sát hơi thở đi khắp toàn thân. [135] Hoặc một người có thể tin rằng, cho dù không có tợ tướng (*paṭibhāga-nimitta*) người ta vẫn đắc thiền (*jhāna*). Hoặc một người có thể có sự hiểu biết đúng về pháp hành thiền định, nhưng họ lại tu tập không có hệ thống, không kiên nhẫn và không có tâm kính trọng đối với đề mục thiền của mình (*Khi chúng ta hành*

thiền, chúng ta phải có tâm kính trọng đối với đề mục thiền như đối với vị thiền sư vậy.) Hoài nghi luôn luôn có thể phát sanh: **‘Thiền này có thực sự cần thiết không?’** hay **‘Chắc ta không thể nào thành công đâu! Vì ta không có đủ Ba-la-mật!’** Người ta thường rất dễ bị nhầm chán và xao lãng việc hành thiền, để tìm được những lời bào chữa cho việc không hành thiền của mình, có thể là do thân cận những bạn bè xấu, những người không có tín, tấn, niệm, định, và tuệ. Vì thế nếu họ có ngồi xuống hành thiền, họ cũng ngồi một cách miễn cưỡng. Cuối cùng, họ có thể đầu hàng.

Lại nữa, một người có thể chuyên cần thực hành, nhưng đôi khi họ không thấy và biết đề mục thiền của mình một cách đúng đắn, do một trong những triền cái đã phát sanh: trong trường hợp đó các tâm hợp trí bị xen lẫn với các tâm ly trí. Và thậm chí nếu một người có thành công trong việc đắc thiền, các tâm bất thiện vẫn có thể khởi lên, chẳng hạn như ngã mạn. Và họ khinh thường những người chưa đắc thiền. Họ có thể đi đây đi đó khoe khoang về sở đắc của mình, nói về những gì mình thành tựu để gây ấn tượng với người khác.

Trên đây là những ví dụ cho thấy thiền định của một người có thể bị xen lẫn bởi vô số những tâm bất thiện có gốc ở tham, sân, và si (ly tà hay hợp với tà kiến) như thế nào. Chính nó làm cho thiền định của họ trở thành hạ liệt, nhị nhân: và điều này cũng có nghĩa rằng tâm quả sẽ là vô nhân (*ahetuka*). Tuy nhiên, nếu một người hiểu rõ đề mục thiền của mình, thì đó là tâm hợp trí, nhưng ngay cả như vậy sự xen lẫn của vô số tâm bất thiện vẫn làm cho thiền định của họ hạ liệt, tam nhân (*ti-hetuka*): điều này hàm ý rằng tâm quả sẽ chỉ là tâm quả nhị nhân (*dvi-hetuka*).

THIÊN ĐỊNH CAO THƯỢNG

Vậy, cái gì làm cho thiên định của một người cao thượng (*ukkataṭṭha*)? Nếu, trước hoặc sau tâm thiền (*jhāna*), tâm của một người phối hợp với các pháp thiện, đó là cao thượng.

Chẳn hạn, một người có thể tu tập thiên định để phát triển bậc thiền làm căn bản cho minh sát (*vipassanā-pāda-kajjhāna*). Và họ gawpj được một vị thầy đầy đủ khả năng thích hợp. Việc hành thiền của họ được dựa trên giới, và họ tu tập một cách hệ thống, với sự kiên nhẫn và lòng kính trọng đối với đề mục thiền của mình cũng như đối với thiền sư. Nếu thành công có đến chậm, người ấy kiên trì: ‘Điều này có thể làm được!’ ‘Ta phải làm cho được điều này!’ ‘Ta có thể làm được điều này!’ Khi bị nhầm chán hoặc xao lãng, người ấy tự đề khởi tinh tấn, hay người ấy được bạn bè tốt, những người có tín, tấn, niệm, định và tuệ khích lệ. Khi người ấy ngồi xuống hành thiền, người ấy ngồi với niềm tin và hoan hỷ, hay ít nhất cũng với tâm buông xả. Và người ấy không bao giờ đầu hàng.

Đây là những ví dụ cho thấy thiên định của một người có thể được xen lẫn bởi vô vàn tâm thiện phối hợp với vô tham, vô sân và vô si. Nếu một người không hiểu rõ đề mục thiền của mình, đôi khi thiên của họ sẽ là ly trí, điều này làm cho thiên định của họ dù cao thượng nhưng nhị nhân, và nó cũng hàm ý rằng tâm quả sẽ là nhị nhân. Nếu một người hiểu rõ đề mục thiền của mình, tâm thiền sẽ là hợp trí hay phối hợp với vô si, và điều này làm cho thiên của họ thành cao thượng, tam nhân, và nó cũng hàm ý rằng tâm

quả sẽ là tam nhân.²¹⁶

Tu tập theo cách này, nhanh hay chậm, tùy theo nỗ lực hiện tại và Ba-la-mật quá khứ của một người, nhưng chắc chắn sẽ thành công.

ÁNH SÁNG CỦA TRÍ TUỆ

Tại sao Đức Phật dạy chúng ta phải phát triển ánh sáng của trí tuệ (*paññ-āloka*)? Bởi vì với ánh sáng của trí tuệ này, người hành thiền có thể vượt qua thực tại khái niệm, và thể nhập vào sự thực cùng tột hay chân đế, nói khác hơn, với ánh sáng này người ta có thể thấy được năm thủ uẩn đúng theo thực tại (*yathā-bhūta*, như thực tuệ tri). Chúng ta hãy nghe lại sự giải thích của Đức Phật.²¹⁷

Hãy tu tập định, này các Tỳ kheo (Samādhim, bhikkhave, bhāvetha). Vị Tỳ kheo có định, này các Tỳ kheo, sẽ tuệ tri các pháp đúng theo thực tại (samāhito, bhikkhave, bhikkhu yathā-bhūtam pajānāti-như thực tuệ tri). Và vị Tỳ kheo tuệ tri những gì đúng theo thực tại?

[1] Sự sanh (xuất hiện) và diệt (biến mất) của sắc;

[2] Sự sanh và diệt của thọ;

[3] Sự sanh và diệt của tưởng;

[4] Sự sanh và diệt của các hành;

[5] Sự sanh và diệt của thức.

Chỉ khi một người phát triển được đủ định lực, chỉ

²¹⁶ Chi tiết, xem ‘1f: Thiện Nghiệp Hạ Liệt & Cao Thượng, Các Nhân và Tâm Quả Tục Sanh của Chúng’ trang 122.

²¹⁷ S.III.I.i.5 ‘Định Kinh’ (*‘Samādhi-Suttam’*)

khi một người phát triển được ánh sáng trí tuệ, lúc đó họ mới có thể biết và thấy năm uẩn đúng theo thực tại.²¹⁸ sắc chơn đế (*paramattha-rūpa*) và danh chơn đế (*paramattha-nāma*). Đây là những gì chúng ta gọi là Trí Xác Định Danh Sắc (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Nāṇa- thường dịch Danh Sắc Phân Tích Trí*).²¹⁹ Và chỉ khi đó người ta mới có thể hành thiền minh sát (*vipassanā-bhāvanā*). Tại sao? Bởi vì người ta không thể hành minh sát trên sự thực chế định hay thực tại khái niệm được.

Có lẽ sẽ tốt hơn nếu chúng ta bàn luận sơ qua về thiền minh sát và minh sát trí. Nhờ có một sự hiểu biết về thiền minh sát này, khi chúng tôi bàn về những vận hành của nghiệp, liên quan đến ba phước nghiệp sự, tôi nghĩ sự giải thích của chúng tôi sẽ giúp quý vị sẽ hiểu dễ hơn.

THIÊN MINH SÁT

²¹⁸ Trong ‘Định Kinh, Trong Vườn Xoài Jīvaka’ Tương Ưng IV (‘*Jīvaka-Amba-Vana-Samādhī-Suttam*’ S.IV.I.xvi.5), Đức Phật giải thích việc tuệ tri đúng theo thực tại (như thực tuệ tri) đối với sáu xứ: ‘**Hãy tu tập định, này các Tỷ kheo. Tỷ-kheo có tâm có định, các pháp sẽ như thật hiển hiện. Và các pháp gì trở nên như thật hiển hiện? Mắt vô thường trở nên như thật hiển hiện. Các sắc vô thường trở nên như thật hiển hiện. Nhân thức vô thường trở nên như thật hiển hiện. Nhân xúc vô thường trở nên như thật hiển hiện. Phàm duyên nhân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường trở nên như thật hiển hiện...tai...mũi...lưỡi...thân...tâm....các pháp...ý thức...ý xúc...Và bất cứ thọ nào khởi lên do duyên ý xúc, dù đó là lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy vô thường trở nên như thật hiển hiện.**’ SA giải thích rằng ‘trở nên hiển hiện’ (*okkḥāyati*) có nghĩa là chúng trở nên có thể nhận thấy rõ được (*paccakkḥāyati*), có thể biết rõ được (*paññāyati*), hiển nhiên (*pākatam*): *paccakkha* (có thể nhận thấy rõ/có thể nhận thức được/thể hiện ra/các giác quan có thể biết được) là đối nghịch của *anumāna* (suy luận ra).

²¹⁹ Chi tiết, xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’ trang 176.

Có hai loại thiền minh sát (*vipassanā-bhāvanā*):²²⁰

- 1) Minh sát hiệp thể (*lokiya-vipassanā*): minh sát này lấy hữu vi giới (*saṅkhata-dhātu*), các pháp thuộc tam giới, làm đối tượng. Đó là, sắc chơn đế (*paramattha-rūpa*), danh chơn đế (*paramatthanāma*), Khổ Thánh Đế và Tập Thánh Đế. Có mười một trí phối hợp với minh sát hiệp thể.
- 2) Minh sát siêu thể (*lokuttara-vipassanā*): Lấy vô vi giới (*Asaṅkhata dhātu*) làm đối tượng. Đó là, lấy Niết Bàn, Diệt Khổ Thánh Đế, làm đối tượng. Có năm trí phối hợp với minh sát siêu thể: ba thuộc hiệp thể và hai thuộc siêu thể.

Để hành minh sát siêu thể, trước tiên chúng ta cần hành minh sát hiệp thể, tức chúng ta cần phải biết và thấy năm thủ uẩn đúng theo thực tại (*yathā-bhūta-như thực*).

TAM TƯỚNG

Điều đó có nghĩa rằng chúng ta cần phải biết và thấy năm uẩn có ba đặc tính (*tam tướng-ti-lakkhaṇa*):²²¹

1. Vô thường tướng (*anicca-lakkhaṇa*): năm uẩn sanh và diệt, thay đổi liên tục, điều đó có nghĩa

²²⁰ VsM.xiv.427 ‘*Khandha-Niddesa*’ (‘Giải Thích về Các Uẩn’) PP.xiv.15 giải thích rằng trí (hiểu biết) về các pháp dục giới, sắc giới, và vô sắc giới là minh sát hiệp thể trong khi trí về Niết Bàn là minh sát Siêu Thể. Cũng xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 292, Tập II.

²²¹ Về những phân tích của Đức Phật, xem ‘Sắc Là Thường Hay Vô Thường?’ Tập II.

chúng là vô thường.²²²

2. Khổ tướng (*dukkha-lakkhaṇa*): Đức Phật nói về ba loại khổ:²²³

1) Khổ khổ (*dukkha-dukkha*): khổ này muốn nói tới thọ uẩn. Đó là khổ thuộc về thân và khổ thuộc về tâm.

2) Hoại khổ (*vipāriṇāma dukkha*): khổ này cũng muốn nói tới thọ uẩn, nhưng chỉ thọ lạc, vì những thọ lạc là nhân sanh khổ khi chúng thay đổi.

3) Hành khổ (*saṅkhāra dukkha*): khổ này muốn nói tới thọ xả (thọ uẩn). Nó cũng muốn nói tới bốn uẩn còn lại (sắc, tướng, hành, thức-uẩn), bởi vì các uẩn này cũng sanh và diệt không ngừng.

3. Vô ngã tướng (*an-atta-lakkhaṇa*): muốn nói tới tất cả năm uẩn. Vì lẽ năm uẩn sanh - diệt, và thay đổi không ngừng, nên chúng là khổ, và điều này cũng có nghĩa rằng chúng không có một cốt lõi thường hằng nào cả.²²⁴

Mục đích của việc biết và thấy năm thủ uẩn có ba đặc tính hay tam tướng này là để có được minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*), trước tiên là minh sát trí hiệp thể và sau đó là trí siêu thể.

²²² VsM.viii.236 ‘Anussati-Kamma-Tṭhāna-Niddeso’ (‘Giải Thích về Các Đề Mục Thiền Tuỳ Niệm’) PP.viii.234. Cũng xem “Vô Thường”, Tập II.

²²³ S.V.I.vii.5 ‘Dukkhatā-Suttam’ (‘Khổ Kinh’) đã giải thích trong VsM.xvi.539 ‘Indriya-Sacca-Niddeso’ (Giải Thích về Các Căn và Đế’) PP.xvi.34. Cũng xem ‘Khổ’, cuối Tập II.

²²⁴ Xem ‘Vô Ngã’, cuối Tập II.

Các minh sát trí hiệp thể biết và thấy năm thủ uẩn và các nhân của chúng. Các trí siêu thể biết và thấy Niết-bàn: trước tiên tâm Thánh Đạo Trí sanh lên, và rồi đến các tâm Thánh Quả Trí.²²⁵ Đạo Trí huỷ diệt các phiền não tương ứng, nhất là si làm cho chúng ta mất khả năng biết và thấy Tứ Thánh Đế đúng như thực (*yathā bhūta*), làm cho chúng ta không thấy được pháp chân đế (*paramattha sacca*). Điều này hàm ý rằng, chỉ lúc có Đạo Trí chúng ta mới biết và thấy Niết-bàn, chỉ lúc có Đạo Trí chúng ta mới biết và thấy Tứ Thánh Đế một cách đúng đắn. Đó là:

1. Khổ Thánh Đế (*Dukkha-Ariya-Sacca*): chúng ta sẽ biết và thấy được năm thủ uẩn, hay biết và thấy được sắc chơn đế và danh chơn đế.
2. Tập Thánh Đế (*Dukkha-Samudaya-Ariya-Sacca*): Chúng ta sẽ biết và thấy được duyên sanh của năm thủ uẩn. Đó là, chúng ta sẽ biết và thấy vô minh, hành, ái, thủ, và tiềm lực của nghiệp hữu làm phát sanh kiết sanh thức, danh-sắc, sáu xứ (lục nhập), xúc và thọ như thế nào. Chúng ta sẽ biết và thấy tiến trình này đã xảy ra trong các kiếp quá khứ, cho đến hiện tại, và có thể còn tiếp diễn trong các kiếp sống tương lai.²²⁶
3. Diệt Khổ Thánh Đế (*Dukka-Nirodha-Ariya-Sacca*): Chúng ta sẽ biết và thấy sự diệt của năm thủ uẩn, vốn là Niết-bàn.
4. Đạo Diệt Khổ Thánh Đế (*Dukkha-Nirodha-Gāminī Paṭipadā Ariya-Sacca*): Chúng ta sẽ biết

²²⁵ Thánh Đạo Trí: xem bảng ‘5e: ‘Tiến Trình Đạo’, cuối Tập II.

²²⁶ Nếu một người đắc A-la-hán Thánh Quả trong kiếp này, sẽ không còn kiếp nào nữa trong tương lai.

và thấy Bát Thánh Đạo (Airiya Aṭṭhaṅgika-Magga), vốn lấy Niết-bàn làm đối tượng:

- 1) Chánh Kiến.....(*Sammā-ditṭhi*)
- 2) Chánh Tư Duy.....(*Sammā-Saṅkappa*)
- 3) Chánh Ngữ.....(*Sammā-Vācā*)
- 4) Chánh Nghiệp.....(*Sammā-Kammanta*)
- 5) Chánh Mạng.....(*Sammā-Ājīva*)
- 6) Chánh Tinh Tấn....(*Sammā-Vāyāma*)
- 7) Chánh Niệm.....(*Sammā-Sati*)
- 8) Chánh Định.....(*Sammā-Samādhi*)

Biết và thấy Niết-bàn thực sự là một công việc vĩ đại, vì điều đó có nghĩa rằng sự chấm dứt khổ và tái sinh đã nằm trong tầm tay.[136] Nhưng, biết và thấy Niết-bàn không phải dễ, vì không dễ gì thực hành minh sát cho đúng. Thực sự như vậy, đó là điều rất khó, và để thành công chúng ta cần phải bỏ ra nhiều nỗ lực trên mọi phương diện. Tại sao? Bởi vì chúng ta không thể hành minh sát trên những khái niệm; chúng ta chỉ có thể hành minh sát trên danh và sắc chân đế. Mà danh và sắc chân đế này lại rất sâu xa và khó thấy. Nói đúng hơn chúng ta chỉ có thể thấy được chúng với ánh sáng của trí tuệ. Danh sắc chân đế này là những đối tượng của minh sát.

HAI MINH SÁT TRÍ CHUẨN BỊ

Minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*) phát sanh như kết quả của việc thực hành minh sát (*vipassanā-bhāvanā*). Và vì lẽ đối tượng của thiền minh sát là danh và sắc chân đế, nên danh sắc này cần phải được phân biệt, trước khi người hành thiền có thể bắt đầu thực hành minh sát. Vì vậy, chúng ta có

thể nói rằng hai minh sát trí đầu tiên trong mười sáu tuệ minh sát hay mười sáu minh sát trí thực sự là những trí chuẩn bị cho việc thiền minh sát đúng đắn mà thôi. Hai minh sát trí đó là: **Danh Sắc Xác Định Trí** và **Phân Biệt Nhân Duyên Trí**.

- 1) Danh Sắc Xác Định Trí (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*).²²⁷ Với trí xác định sắc, người hành thiền đã biết và thấy được sắc chân đế.²²⁸ Hành giả đã biết và thấy được tứ đại và các sắc do tứ đại sanh (sắc y đại sanh). Với trí xác định danh, hành giả đã biết và thấy được các loại tâm riêng biệt: tức hành giả xác định được các tâm phối hợp với các tiến trình tâm. Vì lẽ trí này lấy các hành (hữu vi) làm đối tượng, nên nó là hiệp thế.²²⁹
- 2) Phân Biệt (hiểu rõ) Nhân Duyên Trí (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*).²³⁰ với trí này người hành thiền đã phân biệt được duyên khởi theo chiều thuận và chiều nghịch. Người hành thiền cũng đã hiểu rõ được năm yếu tố nhân của tái sanh và năm yếu tố quả của tái sanh. Như trước đây tôi đã giải thích,²³¹ người hành thiền sẽ biết và thấy được vô minh, ái, thủ, hành và sự hiện hữu của nghiệp lực từ kiếp quá khứ, làm phát sanh thức tái sanh, danh-sắc, lục nhập (sáu xứ), xúc, và thọ của kiếp

²²⁷ VsM.xviii ‘Dīṭṭhi-Visuddhi-Niddesa’ (‘Giải Thích về Kiến Tịnh’) PP.xviii: Kiến Tịnh là đồng nghĩa với Danh Sắc Xác Định Trí.

²²⁸ Xem ‘Sắc Chân Đế’, trang 180.

²²⁹ Xem sự mô tả của Đức Phật về trí này, ghi chú cuối chương 28, trang 46.

²³⁰ VsM.xix “*Kaṅkhā-Vitarana-Niddesa*’ (‘Giải Thích về Đoạn Nghi Thanh tịnh’) PP.xix: Đoạn Nghi Thanh Tịnh là đồng nghĩa với Trí Phân Biệt Nhân Duyên.

²³¹ Xem ‘Duyên Sanh’, trang 213.

hiện tại này như thế nào. Về điều này, thường thường người hành thiền đã phân biệt được các tâm ngoài tiến trình (*vīthi-mutta*), như tâm tục sanh, tâm hữu phần, và tâm tử. Người hành thiền cũng đã biết và thấy được sự diệt của năm nhân trong tương lai đưa đến sự diệt của năm quả, vào lúc Bát Niết Bàn (*Parinibbāna*) như thế nào. Vì lẽ trí này cũng lấy các hành hữu vi làm đối tượng, nên nó vẫn là trí hiệp thế.²³²

Chỉ khi một người đắc được hai trí chuẩn bị này họ mới có thể biết và thấy các đối tượng cho thiền minh sát (*vipassanā*). Và chỉ khi đó họ mới có thể tu tập minh sát một cách đúng đắn. Vì thế, đến đây chúng ta sẽ bàn tóm tắt về những đối tượng cho thiền minh sát.

ĐỐI TƯỢNG CỦA MINH SÁT

NĂM THỦ UẨN

Trong các bản kinh (*suttas*), Đức Phật thường nói về đối tượng của minh sát như là năm thủ uẩn (*pañc-upādāna-kkhandha*):

- 1) Sắc thủ uẩn (*rūp-upādāna-kkhandha*)
- 2) Thọ thủ uẩn (*vedan-upādāna-kkhandha*)
- 3) Tưởng thủ uẩn (*saññ-upādāna-kkhandha*)
- 4) Hành thủ uẩn (*saṅkhār-upādāna-kkhandha*)
- 5) Thức thủ uẩn (*viññāṇ-upādāna-kkhandha*)

Ở đây, sắc uẩn với sắc chân đế là một, và bốn vô sắc uẩn với danh chân đế là như nhau. Như vậy, để biết và thấy

²³² Xem sự mô tả của Đức Phật về trí này, ghi chú cuối chương 29, trang 45.

danh chơn đế và sắc chân đế, chúng ta cần phải biết và thấy năm thủ uẩn: tất cả chúng đều là hữu vi giới (*sankhata-dhātu*).

Thế nào là năm thủ uẩn? Đức Phật giải thích điều này trong kinh ‘Uẩn’ (*‘khandha’*) như sau:²³³[137]

Này các Tỷ-kheo, thế nào là năm thủ uẩn?

[1] Này các Tỷ-kheo, phạm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại (*atīt-ānāgata-paccuppanam*), bên trong hay bên ngoài (*ajjhattam vā bahiddhā vā*), thô hay tế (*olārikam vā sukkhumam vā*), liệt hay cao thượng (*hīnam vā paṇitam vā*), xa hay gần (*yam dūre santike vā*); có thể bị tóm bắt bởi các lậu hoặc và bị chấp thủ, đây gọi là sắc thủ uẩn.

[2] Này các Tỷ-kheo, phạm có thọ gì quá khứ, vị lai, hiện tại (*atīt-ānāgata-paccuppanam*), bên

²³³ S.III.I.v.6 ‘*Khandha-Suttam*’ (‘Kinh Uẩn’). Không bài kinh nào giải thích mười một loại, mà điều này chỉ được giải thích trong, chẳng hạn như Thanh Tịnh Đạo, VsM.xiv.493-503 ‘*Atīt-Ādi-Vibhaga-Kathā*’ (‘Luận về Quá Khứ, ... Sự Phân Loại’) PP.xiv.185-210. Trong kinh này, Đức Phật đưa ra mười một loại cho cả các uẩn và thủ uẩn. Và như một ví dụ, Thiền Sư Pa-Auk Tawya Sayadaw đề cập việc Đức Bồ Tát Gotama có thể phân biệt (quán) được năm uẩn của Đức Phật Nhiên Đăng (Dipaṅkara) và Bồ Tát Sumedha như thế nào. Các uẩn của Đức Phật Nhiên Đăng (Dipaṅkara) bao gồm các tâm siêu thế quá khứ, vì lẽ Ngài đã đắc tất cả bốn Thánh Đạo & Thánh Quả: nên các uẩn của ngài vì lý do đó không còn là năm thủ uẩn. Các uẩn của Đức Bồ Tát không có các tâm siêu thế quá khứ: vì lý do đó các uẩn của ngài là các uẩn bị chấp thủ (thủ uẩn). Tuy nhiên, người ta không thể quán các uẩn siêu thế trừ phi họ đã tự thân đắc nó, và người ta cũng không thể quán các tâm siêu thế cao hơn chứng đắc của mình. Điều này có nghĩa là kẻ phạm phu không thể quán các tâm siêu thế của bậc Nhập Lưu, và bậc Nhập Lưu không thể quán các tâm A-la-hán Thánh Đạo và Thánh Quả của bậc A-la-hán. Để biết thêm chi tiết, xem ‘Bởi thế, này các Tỷ Kheo, Bất Cứ Sắc Nào’, cuối Tập II.

trong hay bên ngoài (*ajjhataṃ vā bahiddhā vā*), thô hay tế (*oḷārikaṃ vā sukkhumaṃ vā*), liệt hay cao thượng (*hīnaṃ vā paṇitaṃ vā*), xa hay gần (*yaṃ dūre santike vā*); có thể bị tóm bắt bởi các lậu hoặc và chấp thủ, đây gọi là thọ thủ uẩn.

[3] Đây các Tỷ-kheo, phạm có tướng gì quá khứ, vị lai, hiện tại (*atīt-ānāgata-paccuppannaṃ*), bên trong hay bên ngoài (*ajjhataṃ vā bahiddhā vā*), thô hay tế (*oḷārikaṃ vā sukkhumaṃ vā*), liệt hay cao thượng (*hīnaṃ vā paṇitaṃ vā*), xa hay gần (*yaṃ dūre santike vā*); có thể bị tóm bắt bởi các lậu hoặc và bị chấp thủ, đây gọi là tướng thủ uẩn.

[4] Đây các Tỷ-kheo, phạm có các hành gì quá khứ, vị lai, hiện tại (*atīt-ānāgata-paccuppannaṃ*), bên trong hay bên ngoài (*ajjhataṃ vā bahiddhā vā*), thô hay tế (*oḷārikaṃ vā sukkhumaṃ vā*), liệt hay cao thượng (*hīnaṃ vā paṇitaṃ vā*), xa hay gần (*yaṃ dūre santike vā*); có thể bị tóm bắt bởi các lậu hoặc và bị chấp thủ, đây gọi là hành thủ uẩn.

[5] Đây các Tỷ-kheo, phạm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại (*atīt-ānāgata-paccuppannaṃ*), bên trong hay bên ngoài (*ajjhataṃ vā bahiddhā vā*), thô hay tế (*oḷārikaṃ vā sukkhumaṃ vā*), liệt hay cao thượng (*hīnaṃ vā paṇitaṃ vā*), xa hay gần (*yaṃ dūre santike vā*); có thể bị tóm bắt bởi các lậu hoặc và bị chấp thủ, đây gọi là thức thủ uẩn. Đây các Tỷ-kheo, đây được gọi là năm thủ uẩn.

Từ những giải thích của Đức Phật, chúng ta có thể hiểu rằng để hành thiền minh sát, chúng ta cần phải biết và thấy tam tướng (*vô thường, khổ và vô ngã*) của năm mươi

lăm loại danh - sắc²³⁴:

- 1) Mười một loại sắc là sắc uẩn
- 2) Mười một loại thọ là thọ uẩn
- 3) Mười một loại tưởng là tưởng uẩn
- 4) Mười một loại hành là hành uẩn
- 5) Mười một loại thức là thức uẩn

Trí hiểu biết về năm uẩn này là Danh Sắc Xác Định Trí (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*) mà chúng ta vừa đề cập.

SẮC CHÂN ĐẾ

Như vậy, sắc thủ uẩn nào chúng ta cần phải biết và thấy? Đó là hai loại sắc:²³⁵

- 1) Sắc tứ đại (*cattāro ca mahā-bhūtā*)
- 2) Sắc do tứ đại sanh hay sắc y đại sinh²³⁶ (*catunnañca mahā-bhūtānaṃ upādāya-rūpaṃ*) [138]

SẮC TỨ ĐẠI

Tứ đại hay bốn đại chủng là: [139]

- | | |
|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| [1] Địa đại... (<i>pathavī-dhātu</i>) | [3] Hỏa đại... (<i>tejo-dhātu</i>) |
| [2] Thủy đại... (<i>āpo-dhātu</i>) | [4] Phong đại... (<i>vāyo-dhātu</i>) |

²³⁴ xem ‘Bồi thế, này các Tỷ Kheo, Bất Cứ Sắc Nào’, cuối Tập II.

²³⁵ Những chi tiết sau được rút từ VsM.xviii.667 ‘*Diṭṭhi-Visuddhi-Niddesa*’ (‘Giải Thích về Kiến Tịnh’) PP.xviii.13. Để có một cái nhìn khái quát, xem bảng ‘4: Hai Mươi Tám Loại Sắc’ trang. 205.

²³⁶ sắc y đại sinh: sở dĩ gọi như vậy là vì nó xuất phát từ tứ đại, dựa trên tứ đại: Kinh thường so sánh nó với các loại cây cối dựa trên đất để mọc.

Tứ đại là sắc cụ thể (*nipp Hanna*):²³⁷ Nó do nghiệp, tâm, thời tiết, hay vật thực sanh.²³⁸

SẮC Y ĐẠI SINH

Sắc xuất phát từ tứ đại (*catunnañca mahā-bhūtānaṃ upādāya-rūpaṃ*) có hai mươi bốn loại sắc,²³⁹ gồm mười bốn loại sắc cụ thể và mười loại sắc không cụ thể:

- 1) Sắc Cụ Thể (*nipp Hanna*): như vừa đề cập, sắc này do nghiệp, tâm, thời tiết, hay vật thực sanh.
- 2) Sắc Không Cụ Thể (*anipp Hanna*): sở dĩ nó được gọi như vậy là vì nó không phải do nghiệp, tâm, thời tiết hay vật thực sanh mà phát sanh như một thuộc tính, một cách thức (*ākāra*) biểu hiện của sắc cụ thể mà thôi.

SẮC Y ĐẠI SINH CỤ THỂ

Đầu tiên trong số mười bốn loại sắc y đại sinh cụ thể này là bốn loại sắc cảnh giới (*gocara rūpa*):

[1] Màu.....(<i>vaṇṇa</i>)	[3] Mùi(<i>gandha</i>)
[2] Tiếng.....(<i>sadda</i>)	[4] Vị.....(<i>rasa</i>)

²³⁷ cụ thể (*nipp Hanna*), chữ *nipp Hanna* là quả khứ phân từ của *nipp Hājati*, có nghĩa là được tạo ra; xuất phát từ; kết quả; xảy ra.

²³⁸ Xem ‘Bốn Nguồn Gốc của Sắc’ trang 190.

²³⁹ Đức Phật, trong một số bài kinh, giải thích về tứ đại có đề cập đến sắc y đại sanh. Tuy nhiên không có bản kinh nào Đức Phật giải thích sắc y đại sanh ấy là những sắc gì. Sắc này chỉ được giải thích trong các bản chú giải và Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*): chẳng hạn, trong VsM.xiv.432-446 ‘*Khandha-Niddesa*’ (‘Giải Thích về Các Uẩn’) PP.xiv.36-71

Màu được nhận thức bằng mắt, tiếng (thanh) bằng tai, mùi bằng mũi, và vị bằng lưỡi. Xúc được nhận thức bằng thân, không được kể ở đây, bởi vì tính có thể sờ chạm được này không phải là sắc y đại sinh. Tính có thể sờ chạm này là ba đại chủng: hoặc là địa đại, hoặc hoả đại, hoặc phong đại.

Ngoài bốn loại sắc cảnh giới này ra, sắc y đại sinh cụ thể cũng còn:

[5] Dưỡng chất (*ojā*): nó là yếu tố duy trì thân thể vật lý. Chúng ta có được dưỡng chất này từ đồ ăn chúng ta ăn vào.

[6] Mạng căn (*Jīvit-indriya*): nó duy trì sắc linh hoạt, và do nghiệp sanh. Khi chúng ta nói chết, điều đó có nghĩa rằng mạng căn hoặc đã bị cắt đứt, hoặc nghiệp tạo ra nó đã chấm dứt.

[7] Sắc ý vật (*hadaya-rūpa*): nó là chất máu trong trái tim nơi đây tâm dựa vào. Trong cõi ngũ uẩn, danh không thể sanh độc lập với sắc (tức là danh phải dựa vào sắc để sanh).

Có hai loại sắc tánh (*bhāva-rūpa*):

[8] Sắc nam tánh (*purisa bhāva-rūpa*)

[9] Sắc nữ tánh (*itthi bhāva-rūpa*)

Sắc nam tánh quyết định những nét đặc trưng cần thiết của một người đàn ông, như cách đi đứng..., và sắc nữ tánh quyết định những nét đặc trưng cần thiết của một người đàn bà.

Năm loại tịnh sắc (*pasāda-rūpa* sắc thần kinh)²⁴⁰:

[10] Nhãn tịnh sắc.....(*cakkhu pasāda*)

[11] Nhĩ tịnh sắc.....(*sota pasāda*)

[12] Tỷ tịnh sắc.....(*ghāna pasāda*)

[13] Thiệt tịnh sắc.....(*jivhā pasāda*)

[14] Thân tịnh sắc.....(*kāya pasāda*)

Tịnh sắc là yếu tố qua đó các đối tượng được nhận

²⁴⁰ Xem định nghĩa của từ điển về từ này. Cũng xem ghi chú 961, cuối Tập II.

thức bằng các căn tương ứng. Chẳng hạn, màu được nhận thức qua nhãn tịnh sắc, và các tiếng được nhận thức qua nhĩ tịnh sắc. Khi Đức Phật nói về con mắt, lỗ tai, ... là Ngài muốn nói tới sắc chân đế đang hiện hữu này,^[140] chứ không phải con mắt theo khái niệm chế định.²⁴¹ Vì con mắt không hiện hữu đúng như thực (*yathā-bhūta*).

SẮC Y ĐẠI SINH KHÔNG CỤ THỂ

Mười loại sắc y đại sinh không cụ thể là:

- [1] Hư không giới.....(*ākāsa-dhātu*)
- [2] Thân biểu tri.....(*kāya-viññatti*)
- [3] Khẩu biểu tri.....(*vacī-viññatti*)
- [4] Khinh.....(*lahutā*)
- [5] Nhu.....(*mudutā*)
- [6] Thích Nghiệp.....(*kammaññatā*)
- [7] Sanh.....(*upaccaya*)
- [8] Tiến.....(*santati*)
- [9] Già.....(*jaratā*)
- [10] Vô thường.....(*anicca*)

Có lẽ sẽ khó giải thích sắc không cụ thể này trước khi giải thích các tổng hợp sắc (*rūpa-kalāpas*) và bốn nguồn gốc của sắc: vì thế, chỉ khi giải thích điều này xong, chúng tôi sẽ

²⁴¹ VsM.xviii.665 ‘*Nāma-Rūpa-Pariggaha-Kathā*’ (‘Luận Về Sự Nắm Bắt <hiểu rõ> Danh Sắc’) PP.xviii.9 giải thích: ‘Thay vì gọi miếng thịt lồi đóm những vòng tròn đen và trắng, có bề dài và rộng, và buộc chặt vào hốc mắt bằng những sợi gân, mà thế gian đặt tên là “con mắt”, ngài xác định nó là “nhãn giới” tịnh nhãn thuộc loại đã mô tả trong số các loại sắc y đại sinh...đổi với nhĩ giới, và các giới còn lại cũng áp dụng theo phương pháp (giải thích) này.’

giải thích loại sắc không cụ thể sau.²⁴²

BIẾT VÀ THẤY SẮC CHÂN ĐẾ

Sắc tứ đại và sắc y đại sinh là những sắc chân đế. Để thực hành minh sát, chúng ta cần phải biết và thấy sắc chân đế. Điều đó có nghĩa rằng chúng ta cần phải hành thiền tứ đại: chúng ta cần thực hành một cách hệ thống để biết và thấy tứ đại ở khắp toàn thân bằng cách tập trung trên mười hai đặc tính.

MƯỜI HAI ĐẶC TÍNH

Mười hai đặc tính của tứ đại là:²⁴³

Địa đại	Thủy đại	Hoả đại	Phong đại
[1] cứng	[7] lưu chảy	[9] nóng	[11] nâng đỡ
[2] mềm	[8] kết dính	[10] lạnh	[12] đẩy
[3] thô			
[4] mịn			
[5] nặng			
[6] nhẹ			

Khi chúng ta đã phân biệt được mười hai đặc tính này ở khắp toàn thân, và tiếp tục thiền đúng cách, cuối cùng chúng ta sẽ đạt đến cận định (*upacāra-samādhī*). Lúc đó, nếu thiền thêm nữa, thân sẽ xuất hiện đối với chúng ta như

²⁴² Cũng xem bảng ‘4: Hai Mười Tám Loại Sắc’ trang 205.

²⁴³ DhS.ii.646-651 ‘*Duka-Niddeso*’ (‘Giải Thích về Các Cặp Đôi’) DhSA.ibid./E.402ff. Cũng xem VsM.xi.306 ‘*Catu-Dhātu Vavatthāna Bhāvanā*’ (‘Thiền Xác Định Tứ Đại’) PP.xi.41-43

một hình thể trắng toát. Nhưng đó vẫn chưa phải là sắc chân đế: nó vẫn là một khái niệm, và chúng ta không thể hành minh sát trên những khái niệm. Vì thế chúng ta cần hành thiền tiếp tục trên hình thể trong mờ ám cho đến khi chúng ta có thể thấy hư không giới (*ākāsa-dhātu* hay sắc hư không). Khi đã phân biệt được hư không giới, hình thể trong mờ ám sẽ tan ra thành những phân tử nhỏ, những nhóm hay cụm sắc mà trong *Pāli* gọi là *rūpa-kalāpas* (tổng hợp sắc).²⁴⁴ Những tổng hợp sắc này sanh và diệt với tốc độ rất lớn. Nhưng chúng vẫn chỉ là những khái niệm chứ chưa phải là sắc chân đế. Vì thế chúng ta cần phân tích từng *kalāpa* riêng biệt để biết và thấy các yếu tố tạo thành *kalāpa* ấy. Chỉ lúc đó chúng ta mới có thể nói là mình đã biết và thấy được sắc chân đế.

Tại sao chúng ta cần phân tích từng *kalāpa* riêng biệt? Tại sao chúng ta cần biết và thấy sắc chân đế? Đó là để vượt qua ngã tướng (*atta-saññā*). Có lẽ quý vị còn nhớ rằng, khi bàn về bài kinh ‘Dây Trói Buộc’ chúng ta đã bàn đến cách kẻ vô văn phạm phu vì một lý do nào đó đã đồng nhất năm thủ uẩn với tự ngã theo hai mươi cách như thế nào.²⁴⁵ Điều này xảy ra là bởi vì sự đánh lừa của tính cô đặc hay khối tướng (*ghana*).

BALOAİKHOỈ TƯỔNG VỀ SẮC

Sở dĩ kẻ vô văn phạm phu đồng nhất sắc thủ uẩn với tự ngã là vì ba loại khối tướng. Điều này chỉ có thể vượt qua bằng sự phân giải tính cô đặc hay khối tướng (*ghana-*

²⁴⁴ *Rūpa* (sắc) + *kalāpa* (nhóm, cụm) = tổng hợp sắc (theo nghĩa nhiều sắc nhóm lại với nhau)

²⁴⁵ Xem ‘Xem Năm Uẩn Là Tự Ngã’, trang 20.

vinibbhoga) ấy ra, đó là phân giải ba loại khối tương:²⁴⁶

1] Khối tương về tính tương tục (*santati-ghana*): bởi vì sắc dường như có một sự liên tục cô đặc, một tổng thể liên tục, nên người ta có thể nghĩ thân thể chân tay của mình có sự hiện hữu đích thực. Và họ có thể nghĩ rằng cùng một cái ngã ấy ‘chuyển di’ từ đời này sang đời khác, chỉ mang những hình thức khác mà thôi. Để vượt qua sự đánh lừa này, chúng ta cần phân giải tính dường như cô đặc ấy của thân. Chúng ta cần phải thấy được rằng thân này bao gồm các tổng hợp sắc (*rūpa-kalāpas*) luôn sanh và diệt. Theo cách đó, chúng ta thấy rằng *kalāpa* hoàn toàn không có tính tương tục: ngay khi vừa sanh lên, nó liền diệt. Không có thời gian để cho một *kalāpa* đi bất kỳ nơi đâu, không từ kiếp này sang kiếp khác, thậm chí không từ sát na này sang sát na khác.

[2] Khối tương về tập hợp (*samūha-ghana*): bởi vì sắc dường như là một tổng thể tập hợp lại, nên người ta có thể nghĩ các *kalāpas* là sắc chân đế, và là tự ngã của họ. Để vượt qua sự đánh lừa này, chúng ta cần phân giải tính dường như cô đặc của từng loại tổng hợp sắc (*kalāpa*), nghĩa là chúng ta cần phân tích từng loại *kalāpa* riêng rẽ. Theo cách đó, chúng ta thấy rằng một *kalāpa* bao gồm những yếu tố: đất, nước, lửa, gió, màu, mùi, vị, dưỡng chất, mạng căn,... Không có một tổng thể tập hợp ở bất cứ nơi đâu.

²⁴⁶ Trong VsM.xi.306 ‘*Catu-Dhātu-Vavatthāna-Bhāvanā-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả Về Thiên Xác Định Tứ Đại’) PP.xi.30, tham khảo lại ảnh dụ của Đức Phật về người đồ tể giết một con bò và xẻ nó ra thành từng miếng: trong D.ii.9 ‘*Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttam*’ (‘Đại Niệm Xứ Kinh’).

[3] Khối tướng về nhiệm vụ (*kicca-ghana*): do sự hiểu biết không đầy đủ về sắc chân đế, người ta có thể nghĩ các yếu tố dựa trên một tự ngã, giống như các hạt giống và cây cối dựa vào đất (mọc lên) vậy.[141] Để vượt qua sự đánh lừa này, chúng ta cần phải thấy được rằng mỗi yếu tố có đặc tính (*lakkhaṇa*), nhiệm vụ (*rasa*), sự thể hiện (*paccupaṭṭhāna*) và nhân gần (*padaṭṭhāna*) riêng của nó, chứ không dựa vào bất kỳ pháp bên ngoài nào như là một tự ngã.

Các bản kinh giải thích rằng trừ phi chúng ta phân giải thành công ba loại khối tướng này, bằng không chúng ta sẽ không thể nào vượt qua ngã tướng (*atta-saññā*), để đạt đến phi ngã tướng (*an-atta-saññā*).

PHÂN TÍCH SẮC CHÂN ĐẾ

Đến đây chúng ta sẽ bàn luận tóm tắt cách làm thế nào để phân giải ba loại khối tướng, bằng việc phân tích sắc chân đế.

Phân tích các loại tổng hợp sắc (*rūpa-kalāpas*) khác nhau ở khắp toàn thân, chúng ta sẽ thấy rằng các *kalāpas* bao gồm hai loại sắc:

1. Sắc tịnh sắc (*pasāda rūpa*)
2. Sắc phi tịnh sắc (*napasāda rūpa*)

TỔNG HỢP TÁM SẮC, CHÍN SẮC và MƯỜI SẮC

Kế tiếp chúng ta cần phân tích các loại tổng hợp sắc tịnh sắc và tổng hợp sắc phi tịnh sắc khác nhau. Chúng ta sẽ thấy rằng có ba loại *kalāpa* (tổng hợp sắc):

1. Tổng hợp tám sắc.....(*aṭṭhaka-kalāpa*)

2. Tổng hợp chín sắc.....(*navaka-kalāpa*)
3. Tổng hợp mười sắc.....(*dasaka-kalāpa*)

Tổng hợp tám sắc bao gồm tám loại sắc:
bốn sắc tứ đại:

- | | |
|----------------------------------------|---------------------------------------|
| [1] Địa đại...(<i>pathavī-dhātu</i>) | [3] Hỏa đại...(<i>tejo-dhātu</i>) |
| [2] Thủy đại...(<i>āpo-dhātu</i>) | [4] Phong đại...(<i>vāyo-dhātu</i>) |

và bốn sắc y đại sinh:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------------|
| [1] Màu.....(<i>vaṇṇa</i>) | [3] Vị.....(<i>rasa</i>) |
| [2] Mùi.....(<i>gandha</i>) | [4] Dưỡng chất.....(<i>ojā</i>) |

Tổng cộng có tám loại sắc, đó là lý do tại sao nó được gọi là tổng hợp tám sắc. Tổng hợp tám sắc này là sắc phi tịnh sắc (*napasāda rūpa*). Tổng hợp chín cũng được gọi như vậy bởi vì nó bao gồm chín loại sắc như tổng hợp tám, cộng với một loại sắc thứ chín: đó là sắc mạng quyền (*jīvit-indriya*). Tổng hợp chín cũng là sắc phi tịnh sắc. Tổng hợp mười sắc cũng được gọi theo cách đó vì nó bao gồm chín loại sắc như tổng hợp chín, cộng với sắc thứ mười. Có ba loại tổng hợp mười sắc, đó là:

- [1] Tổng hợp mười sắc tịnh sắc, gồm.
1. Tổng hợp nhãn mười sắc (*cakkhu-dasaka-kalāpa*)
 2. Tổng hợp nhĩ mười sắc (*sota-dasaka-kalāpa*)
 3. Tổng hợp tỷ mười sắc (*ghāna-dasaka-kalāpa*)
 4. Tổng hợp thiệt mười sắc (*jivhā-dasaka-kalāpa*)
 5. Tổng hợp thân mười sắc (*kāya-dasaka-kalāpa*)

Tất cả những tổng hợp sắc trên đều là tịnh sắc bởi vì yếu tố thứ mười của chúng là sắc tịnh sắc (*pasāda rūpa*).

[2] Tổng hợp tâm mười sắc (*hadāya-dasaka-kalāpa*): chúng là những tổng hợp phi tịnh sắc bởi vì yếu tố thứ mười của chúng là sắc ý vật (*hadāya rūpa*) phi tịnh sắc.

[3] Tổng hợp tám sắc (bhāva-dasaka-kalāpa): chúng là phi tịnh sắc bởi vì yếu tố thứ mười của chúng là sắc tám nam hoặc nữ phi tịnh sắc.

Chúng ta cần phải biết và thấy các tổng hợp tám sắc, chín sắc và mười sắc này trong mắt (nhãn), tai (nhĩ), mũi (tỷ), lưỡi (thiệt), thân, và tâm. Và chúng ta cũng cần phải biết và thấy các tổng hợp tám sắc trong các sắc không linh hoạt: chẳng hạn như trong thức ăn ở bao tử của chúng ta, trong nước tiểu ở bàng quang, trong phân ở ruột già, và trong áo quần chúng ta mặc. Sau đó, chúng ta cần biết và thấy các loại sắc khác nhau của các chúng sanh khác, chẳng hạn như những hành giả khác, người khác, các con vật, chư thiên, Phạm thiên... Và chúng ta cũng cần biết và thấy các loại sắc khác nhau của toà nhà chúng ta đang ở, của cây cối bên ngoài, của đất, đá,...

Tuy nhiên, biết và thấy tất cả sắc bao gồm các loại tổng hợp sắc khác nhau như vậy vẫn chưa đủ. Chúng ta cũng cần phải biết và thấy tập khởi hay nguồn gốc của các tổng hợp sắc (kalāpas) ấy nữa, đó là biết và thấy chúng do cái gì sanh, cái gì tạo ra sắc.

BỐN NGUỒN GỐC CỦA SẮC

Sắc, theo nguồn gốc, có bốn loại.²⁴⁷

²⁴⁷ Những gì cần biết liên quan đến bốn nguồn gốc của sắc có thể tìm thấy trong VsM.xi.359 ‘*Catu-Dhātu Vavaṭṭhāna Bhāvanā*’ (‘Thiền xác Định Tứ Đại’) PP.xi.111, VsM.xviii.664 ‘*Diṭṭhi-Visuddhi-Niddesa*’ (‘Giải Thích về Kiến Tịnh’) PP.xviii.5-6, VsM.xx.701-704 ‘*Rūpa-Nibbatti-Passanā-Kāra-Kathā*’ (‘Luận Về Việc Thấy Nhân của Sắc Sanh’) PP.xx.22-42, và AbS.vi.29-44 ‘*Rūpa-Samuṭṭhāna-Nayo*’ (‘Hệ Thống Nguồn Gốc Sắc’)

[1] Sắc do nghiệp sanh (*kamma-ja-rūpa*)

[2] Sắc do tâm sanh (*citta-ja-rūpa*)

[3] Sắc do thời tiết sanh (*utu-ja-rūpa*)

[4] Sắc do vật thực sanh (*āhāra-ja-rūpa*)

Bây giờ chúng ta sẽ bàn về nguồn gốc của sắc một cách tóm tắt.²⁴⁸

SẮC DO NGHIỆP SANH

Sắc do nghiệp sanh hay gọi tắt là sắc nghiệp (*kamma-ja-rūpa*) bao gồm tám loại *kalāpa*:

1. Tổng hợp nhãn mười sắc (*cakkhu-dasaka-kalāpa*)

2. Tổng hợp nhĩ mười sắc (*sota-dasaka-kalāpa*)

3. Tổng hợp tỷ mười sắc (*ghāna-dasaka-kalāpa*)

4. Tổng hợp thiệt mười sắc (*jivhā-dasaka-kalāpa*)

5. Tổng hợp thân mười sắc (*kāya-dasaka-kalāpa*)

6. Tổng hợp tâm mười sắc (*hadāya-dasaka-kalāpa*)

7. Tổng hợp tánh mười sắc (*bhāva-dasaka-kalāpa*)

8. Tổng hợp mạng căn chín sắc (*jīvita-navaka-kalāpa*)

Tám tổng hợp sắc này đều là sắc linh hoạt và cụ thể.

Vào lúc tái sanh, ba loại tổng hợp (*kalāpa*): tổng hợp tâm mười sắc, tổng hợp thân mười sắc, và tổng hợp tánh mười sắc, sanh cùng với kiết sanh thức (*paṭisandhi-citta*). Như vậy, ngay vào lúc thụ thai chúng ta đã có các tổng hợp thân mười sắc, với thân tịnh sắc là yếu tố thứ mười (thân căn), qua nó chúng ta trải nghiệm những cảm thọ lạc và khổ của thân. Sau đó, suốt quá trình thai nghén, các tổng hợp nhãn mười sắc, nhĩ..., tỷ..., thiệt mười sắc sẽ sanh lên. Như đã

²⁴⁸ Việc phân biệt các loại nguồn gốc khác nhau của sắc này được bao gồm trong sự tu tập Tuệ Xác Định Danh Sắc (*‘Nāma-Rūpa-Pariccheda-Nāna’*). Xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’ trang 176.

giải thích trước đây, các tổng hợp sắc này là do thiện nghiệp được hoàn tất trong một kiếp quá khứ nào đó, như bố thí (*dāna*), trì giới (*Sīla*), hay tu thiền (*bhāvanā*) sanh. Tuy nhiên nó vẫn dựa vào tham ái.

Để biết và thấy sắc cho việc thực hành minh sát, chúng ta cần biết và thấy sắc do nghiệp sanh như thế nào, và chúng ta cũng cần biết và thấy tâm tục sanh và sắc sanh khởi cùng với tâm tục sanh ấy là do nghiệp sanh ra sao. Người hành thiền có thể biết và thấy các pháp này với sự thiện xảo và tinh tấn đầy đủ, cộng với ánh sáng của trí tuệ do cận định hoặc bậc thiền sanh.²⁴⁹

SẮC DO TÂM SANH

Sắc do tâm sanh hay sắc tâm (*citta-ja-rūpa*) không phải do tâm nhãn thức, -nhĩ thức, -thiệt thức, và thân thức sanh, mà chỉ tâm khởi lên nương vào sắc ý vật (*hadaya-vatthu*): đó là, ý thức tâm mà thôi. Sắc do tâm sanh bao gồm tám loại *kalāpa*:

[1] Tổng hợp thuần tám sắc do tâm sanh (*citta-ja-suddh-aṭṭhaka-kalāpa*): tổng hợp này bao gồm tám loại sắc căn bản, sắc thứ tám ở đây là dưỡng chất do tâm sanh (*citta-ja-ojā*). Vì vậy, nó cũng được gọi là tổng hợp tám có dưỡng chất do tâm sanh (*citta-ja-aj-aṭṭhaka-kalāpa*), và là sắc cụ thể. Chẳng hạn, giận dữ và lo lắng là những tâm căn sân, và những tâm căn sân (*dosa-mūla*) sẽ tạo ra các tổng hợp thuần tám sắc do tâm sanh với hoả đại thanh. Đó là lý do vì sao, khi

²⁴⁹ Khi người hành thiền tu tập Tuệ Xác Định Danh Sắc, sắc do nghiệp sanh được phân biệt. Nhưng tuệ hay trí biết được loại nghiệp tạo ra sắc này chỉ được tu tập vào lúc thực hành Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên: xem trang 181.

chúng ta giận dữ và lo lắng, người chúng ta trở nên nóng hừng hực.

[2] Tổng hợp thân biểu tri chín sắc (*kāya-viññatti-navaka-kalāpa*): gồm tám sắc căn bản cộng với sắc thứ chín là thân biểu tri. Thân biểu tri là những động tác của thân nhằm thông tri cho người khác biết ý định của mình: chẳng hạn, vẫy tay (chào), nhướn mày (ngạc nhiên), nhăn mặt (biểu lộ sự đau đớn), đưa tay lên dọa đánh (ngay cả con chó cũng hiểu điều đó). Thân biểu tri gián tiếp là những động tác của thân qua đó người khác có thể suy ra ý định của một người: chẳng hạn, chúng ta đang đi thì người khác có thể hiểu được là chúng ta đang đi theo hướng này hướng nọ. Nếu chúng ta chạy, người khác có thể hiểu được là chúng ta đang vội. Khi chúng ta đi, tâm chúng ta hướng vào chân. Ý định đó tạo ra các tổng hợp sắc có thân biểu tri do tâm sanh là sắc thứ chín trong cẳng chân, và khắp toàn thân, với phong đại thanh. Cũng như gió mang các vật đi theo thể nào, thì phong đại cũng mang tứ chi và thân theo như vậy. Sự chuyển động là một chuỗi dài của những tổng hợp thân biểu tri do tâm sanh khác nhau được tạo ra ở những vị trí khác nhau. Nghĩa là các *kalāpa* sanh lúc nhấc chân lên khác với *kalāpa* sanh lúc hạ chân xuống. Mỗi *kalāpa* sanh và diệt ở cùng một chỗ, và các *kalāpas* mới sanh ở chỗ nào khác sẽ diệt tại chỗ đó.

[3] Tổng hợp mười một sắc khinh, nhu, thích (*lahutādi-ekā-dasaka-kalāpa*): tổng hợp này bao gồm tám sắc căn bản cộng thêm ba loại sắc: sắc khinh (*lahutā*), sắc nhu (*mudutā*), và sắc thích nghiệp (*kammaññatā*). Nó phát sanh khi thân cảm thấy thoải mái và nhẹ nhàng

(khinh), do an lạc, định, sức khoẻ, mạnh mẽ, thoải mái,... Chẳng hạn, lấy các tâm thiền chỉ và thiền minh sát mạnh mẽ, hoặc các tâm Thánh Đạo và Thánh Quả làm ví dụ. Những tâm này rất thanh tịnh, mạnh mẽ và cao thượng, bởi vì không có các tùy phiền não (*upakkilesa*). Có nghĩa rằng, tùy thuộc vào năng lực định hoặc trí tuệ nhạy bén như thế nào mà những tâm này tạo ra rất nhiều thể hệ tổng hợp mười một sắc khinh, nhu, thích do tâm sanh như thế ấy: địa đại, thuỷ đại, và hoả đại trong các tổng hợp sắc đó rất nhu nhuyễn và vi tế. khi các tổng hợp sắc nhu nhuyễn và vi tế ấy chạm vào thân căn (yếu tố hay sắc thứ mười trong tổng hợp thân mười sắc) người hành thiền cảm giác một sự thoải mái, dễ chịu về thân rất lớn, không có sự nặng nề (địa đại): đó là lý do vì sao người hành thiền lúc đó có thể ngồi hàng giờ một cách dễ dàng.

[4] Tổng hợp thân biểu tri và khinh, nhu, thích mười hai sắc (*kāya-viññatti-lahut-aadi-dvādasaka-kalāpa*): tổng hợp này bao gồm tám sắc căn bản cộng thêm bốn loại sắc: sắc thân biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, và sắc thích nghiệp. Nó phát sanh khi, do sự an lạc, tuổi trẻ, sức khoẻ, sức mạnh, sự thoải mái,...những chuyển động của thân lúc đó thanh nhã, nhẹ nhàng, và dễ chịu. Nó cũng có thể phát sanh khi, do sự kích thích, giận dữ, sợ hãi,..lúc đó người ta hành động rất nhanh và rất dễ dàng.

[5] Tổng hợp mười sắc khẩu biểu tri: tổng hợp này bao gồm tám sắc căn bản cộng thêm hai loại sắc nữa là khẩu biểu tri và sắc âm thanh. Đó là, tiếng nói hay các âm thanh khác được làm với cơ quan phát âm nhằm thông tri với những người khác, như la hét,

khóc lóc, ... Âm thanh này chỉ được tạo ra bởi sắc linh hoạt, và các chúng sanh hữu tình. Âm thanh phát sanh do địa đại của các tổng hợp sắc do tâm sanh đập vào địa đại của bộ máy phát âm.²⁵⁰ Nó là sắc không cụ thể.

[6] Tổng hợp mười ba sắc khẩu biểu tri, sắc âm thanh và sắc khinh, ... (*vacī-viññatti-sadda-lahut-ādi-terasa-kalāpa*): tổng hợp này bao gồm tám sắc căn bản cộng thêm năm sắc: khẩu biểu tri, âm thanh, khinh, nhu, thích nghiệp. Ở đây một lần nữa, tổng hợp sắc này sanh khi, do có sự an lạc, sức khoẻ, sức mạnh, thoải mái ... , lời nói sẽ êm ái, dễ chịu. Nó cũng có thể sanh do một chủ đề được xem là đẹp hay uyên thâm, như khi giải thích Pháp thâm diệu.

[7] Tổng hợp chín sắc âm thanh hơi thở vô - ra do tâm sanh (*assāsa-passāsa-citta-ja-sadda-navaka-kalāpa*) : tổng hợp này gồm tám sắc căn bản cộng thêm một sắc thứ chín: âm thanh của hơi thở. Và nó là sắc cụ thể. Âm thanh này được tạo ra bởi các chúng sanh đang thở. Ở đây cũng vậy, âm thanh phát sanh bởi vì địa đại của các tổng hợp sắc do tâm sanh va đập vào địa đại của đường mũi.

[8] Tổng hợp mười hai sắc âm thanh hơi thở vô-ra do tâm sanh, và sắc khinh, nhu, thích nghiệp (*assāsa-passāsa-citta-ja-sadalahut-ādi-dvā-dasaka-kalāpa*): tổng hợp này gồm tám sắc căn bản cộng thêm bốn loại

²⁵⁰ VsM. Xiv.441 ‘*Rūpa-Kkhandha-Kathā*’ (‘Luận Về Sắc Uẩn’) PP.xiv.62 giải thích rằng khẩu biểu tri là cách thức và sự biến đổi của địa đại do bất kỳ tâm nào đó sanh khiến cho lời nói được thốt ra, qua đó có sự va đập vào nhau của sắc bị chấp thủ (VsM.T.452: bộ máy phát âm). Nhiệm vụ của nó là để bày tỏ ý định. Nó được thể hiện như nhân của tiếng nói trong hành động nói.

sắc: âm thanh của hơi thở, sắc khinh, nhu, thích nghiệp. Ở đây cũng vậy, tổng hợp này sanh khi, do có sự an vui, sức khoẻ, sức mạnh, sự thoải mái, ... hơi thở sẽ êm ái và dễ dàng: chẳng hạn, khi một người hành niệm hơi thở, và hơi thở của họ trở nên rất nhu nhuyễn và tế vi.

Để biết và thấy sắc trong hành thiền minh sát, chúng ta cần phải biết và thấy một số sắc phát sanh do tâm như thế nào. Chẳng hạn, nếu chúng ta muốn hành minh sát trong khi đi, chúng ta cần phân biệt ý định đi. Kế tiếp chúng ta cần phân biệt các tổng hợp sắc do tâm sanh phát sanh do ý định đi ấy. Và chúng ta cần phân biệt để thấy chúng sanh và diệt trong cùng một chỗ như thế nào, và rồi các tổng hợp sắc mới sanh lên và diệt ở các vị trí khác ra sao. Chúng ta cần phân tích các yếu tố (sắc) có trong các *kalāpa* tạo ra sự nhấc lên của chân, các *kalāpa* tạo ra sự chuyển động tới trước của chân, các *kalāpa* tạo ra sự kéo dài ra của chân, các *kalāpa* tạo ra sự hạ xuống của chân. Nói chung chúng ta cần phải phân biệt tất cả các yếu tố có trong các *kalāpa* khác nhau ấy để thấy xem yếu tố nào là nổi bật: đất, nước, lửa hay gió. Dĩ nhiên, chúng ta cũng cần phải thấy toàn bộ hoạt động này trong các oai nghi khác, như đứng, nằm, ngồi, cử động chân tay...

Người hành thiền có thể biết và thấy được những điều này với đầy đủ sự thiện xảo, tinh tấn và ánh sáng của trí tuệ phát sanh từ cận định hay bậc thiền.

SẮC DO THỜI TIẾT SANH

Sắc do thời tiết sanh (*utu-ja-rūpa*): khi nói sắc do thời

tiết sanh ở đây phải hiểu là do hỏa đại (*tejo-dhātu*)²⁵¹ sanh và gồm có bốn loại:

[1] Tổng hợp thuần tám sắc do thời tiết sanh (*utu-ja-suddh-aṭṭhaka-kalāpa*): tổng hợp này gồm tám sắc căn bản, sắc thứ tám của nó là dưỡng chất do thời tiết sanh (*utu-ja-ojā*). Nó là một loại sắc cụ thể. Thức ăn trong bát, thức ăn trong đường tiêu hoá (thức ăn trong miệng chúng ta, thức ăn mới được ăn vào chưa tiêu hoá trong bao tử chúng ta, thức ăn tiêu hoá một nửa và thức ăn đã tiêu hoá hoàn toàn trong ruột của chúng ta, và phân), mù và nước tiểu tất cả đều là các tổng hợp tám sắc có dưỡng chất do thời tiết sanh và không linh hoạt.

[2] Tổng hợp (âm) thanh chín sắc do thời tiết sanh (*utu-ja-sadda-navaka-kalāpa*): tổng hợp này gồm tám sắc căn bản cộng với một loại sắc thứ chín, đó là âm thanh do sắc không linh hoạt tạo ra, chẳng hạn, âm thanh gây ra bởi gió trong bao tử hay trong ruột, âm thanh của xương vỡ nứt, âm thanh của nhạc, hay của một vật đang bẽ. Nói chung nó bao gồm tất cả các tổng hợp âm thanh ngoại trừ những tổng hợp âm thanh của khẩu biểu tri hay của hơi thở do tâm sanh, mà chúng ta vừa đề cập. Ở đây cũng vậy, âm thanh phát sanh là do sự va đập vào nhau của địa đại hay yếu tố đất. Nó là sắc cụ thể.

[3] Tổng hợp khinh, nhu, thích mười một sắc (*lahut-ād-ekā-dasaka-kalāpa*): tổng hợp này gồm tám sắc căn bản cộng thêm ba loại sắc: khinh (*lahutā*), nhu (*mudutā*), thích nghiệp (*kammaññatā*). Nó phát sanh khi thân cảm thấy thoải mái và nhẹ nhàng (khinh), do có

²⁵¹ *Tejo* (lửa hay hoả) và *utu* (nhiệt hay thời tiết) đều nói đến cùng một việc

sự an lạc, sức khoẻ, sức mạnh, thoải mái,...

[4] Tổng hợp (âm) thanh, khinh,...mười hai sắc (*sadda-lahut-ādi-dvā-dassaka-kalāpa*): tổng hợp này gồm tám sắc căn bản cộng thêm bốn loại sắc, đó là (âm) thanh, khinh, nhu, và thích nghiệp.

Tất cả các *kalāpas* đều có hỏa đại (*tejo-dhātu*). Và hỏa đại trong các *kalāpas* ấy tạo ra các tổng hợp sắc (*kalāpas*) do thời tiết sanh. Các *kalāpas* do thời tiết sanh này tự thân chúng cũng có hỏa đại, và chúng cũng tạo ra các *kalāpas* do thời tiết sanh có hỏa đại nữa,... Đó là lý do vì sao hỏa đại, theo sức mạnh của nó, tạo ra sắc qua một số thể hệ như thế nào.²⁵²

Như đã đề cập ở trên, các tâm thiền chỉ và thiền minh sát mạnh mẽ, và các tâm Thánh Đạo và Thánh Quả tạo ra rất nhiều thể hệ tổng hợp sắc do tâm thanh tịnh và cao thượng sanh: hỏa đại của các tổng hợp sắc (*kalāpas*) ấy cũng tạo ra nhiều tổng hợp sắc do thời tiết sanh ở bên trong cũng như bên ngoài thân.

Ánh sáng chói lọi, rực rỡ, và toả chiếu phát sanh cùng với các tâm cao thượng ấy là do sự sáng chói của các sắc màu trong các sắc do tâm sanh và thời tiết sanh tạo ra. Đây là lý do khiến cho nimitta (tợ tướng) trong sáng rõ ràng phát sanh cùng với thiền định và ánh sáng của trí tuệ mà chúng ta

²⁵² Có nghĩa là: hoả đại của một tổng hợp sắc (*kalāpas*) do nghiệp sanh tự nó tạo ra các tổng hợp sắc do thời tiết sanh: [Nghiệp sanh] → [1st thời tiết sanh] → [2nd thời tiết sanh] → [3rd thời tiết sanh] → [4th thời tiết sanh] → [5th thời tiết sanh]. Đây gọi là sắc nghiệp tạo ra sắc do thời tiết sanh.

dùng để phân biệt sắc chân đế.²⁵³Nó cũng giải thích tại sao màu da và các căn của người hành thiền phát triển được các tâm cao thượng này lại trong sáng.[142] Chẳng hạn sắc do tâm thiên nhãn (*dibba-cakkhu abhiññāna*) của Tôn giả Anuruddha sanh toả khắp một ngàn thế giới sa bà: chúng được thấp sáng bởi sắc do tâm cao thượng sanh và xuất hiện rõ ràng đối với ngài. Chúng ta cũng có thể thấy các cảnh giới khác,...nếu như chúng ta phát triển được đủ định lực và tâm thanh tịnh.

Thời tiết (hỏa đại) cũng tạo ra và duy trì các sắc không linh hoạt. Một ví dụ điển hình là các loại cây cối. Sắc của chúng là sắc do thời tiết sanh và ban đầu sắc này là do hỏa đại trong hạt giống sanh. Sự tăng trưởng của chúng chỉ là sự tạo ra liên tục của sắc do thời tiết sanh qua nhiều thế hệ. Sự tăng trưởng này xảy ra với sự trợ giúp của hỏa đại từ trong đất, mặt trời (nóng), và nước (lạnh).

Chẳng hạn, hỏa đại trong đá, kim loại, khoáng chất, và gỗ cứng rất mạnh, và tạo ra rất nhiều thế hệ sắc. Đó là lý do vì sao sắc ấy có thể kéo dài trong một thời gian rất lâu. Tuy nhiên hỏa đại trong các loại cây mềm, gỗ mềm, thịt, thức ăn và nước lại rất yếu, không tạo ra được nhiều thế hệ sắc, và cũng là lý do vì sao sắc của chúng chẳng bao lâu sẽ tan rã. Khi sắc tan rã, chính là vì hỏa đại không còn tạo ra sắc mới, thay vào đó lại tự thiêu đốt nó: sắc trở nên mục nát, thối rữa, tan ra, và phân huỷ.

Khi sắc bị thiêu huỷ bằng lửa, như khi gỗ bị đốt cháy, chính là do hỏa đại của sắc bên ngoài (lửa tấp vào gỗ) hỗ trợ cho hỏa đại của sắc bên trong (gỗ), và một số lớn hỏa đại

²⁵³ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 133, trang 536 và 151, trang 541/Tập II.

bùng ra, điều này có nghĩa rằng hỏa đại trở nên tăng thịnh và sắc bị thiêu huỷ.

Để biết và thấy sắc cho việc thực hành minh sát, chúng ta cần biết và thấy một số sắc do thời tiết (hỏa đại) sanh như thế nào. Chúng ta cần biết và thấy cách mỗi loại *kalāpa* có hỏa đại, vốn là nhiệt hay thời tiết tạo ra các tổng hợp tám sắc do thời tiết sanh, và tổng hợp này lại tạo ra những tổng hợp tám sắc do thời tiết sanh khác, cứ như vậy chúng tiếp tục tạo ra các thể hệ tổng hợp tám sắc do thời tiết sanh. Chúng ta cần biết và thấy cách tiến trình này xảy ra trong tất cả các giác quan (căn), và trong các sắc bên ngoài ra sao.

Tất nhiên, với đầy đủ sự thiện xảo, tinh tấn và ánh sáng của trí tuệ phát sanh từ cận định hay bậc thiền, người hành thiền có thể tự mình biết và thấy được những điều này.

SẮC DO VẬT THỰC SANH

Sắc do vật thực sanh (*āhāra-ja-rūpa*) gồm hai loại tổng hợp sắc do vật thực sanh:

[1] Tổng hợp thuần tám sắc do vật thực sanh (*āhāra-ja-suddh-aṭṭhaka-rūpa*): tổng hợp này bao gồm tám loại sắc căn bản, sắc thứ tám của nó là dưỡng chất do vật thực sanh (*āhāra-ja-ojā*). Chính vì vậy, nó cũng còn được gọi là tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh (*āhāra-ja-oj-aṭṭhaka-kalāpa*), nó là một loại sắc cụ thể.

[2] Tổng hợp khinh, nhu, thích mười một sắc (*lahut-ād-ekā-dassaka-kalāpa*): tổng hợp này bao gồm tám sắc căn bản cộng thêm ba loại sắc: khinh (*lahutā*), nhu (*mudutā*) và thích (*kammaññatā*). Nó phát sanh khi thân cảm thấy thoải mái và nhẹ nhàng, do sự an lạc, sức

khỏe, sức mạnh, thoải mái...: chẳng hạn, nếu sự tiêu hoá của chúng ta tốt, các tổng hợp sắc có dưỡng chất do vật thực sanh này truyền đi rất dễ dàng. Điều này cũng có thể xảy ra khi thức ăn thơm ngon và bổ dưỡng.

Hai loại sắc do vật thực sanh này được tạo ra trong hai tiến trình dinh dưỡng: khi cơ thể được nuôi dưỡng bằng dưỡng chất rút ra từ thức ăn và thức uống. Như thế nào?

Cơ thể hấp thụ dưỡng chất từ thức ăn và thức uống trong đường tiêu hoá của chúng ta: thức ăn và thức uống trong miệng chúng ta, thức ăn và thức uống mới đưa vào bao tử chưa tiêu hoá, thức ăn đã tiêu hoá một phần và thức ăn đã tiêu hoá hoàn toàn trong ruột của chúng ta, và phân. Tất cả những thứ đó đều là các tổng hợp tám có dưỡng chất do thời tiết sanh (*utu-ja-aj-atthamaka-kalāpa*), thức ăn trong bát của chúng ta cũng vậy. Và dưỡng chất của các tổng hợp sắc (*kalāpas*) ấy nuôi dưỡng cơ thể chủ yếu với sự giúp đỡ của lửa tiêu hoá (*pācaka-tejo*): hoả đại của các tổng hợp mạng căn chín sắc, mà như đã đề cập là do nghiệp sanh, và được tìm thấy ở khắp toàn thân.

Như vậy có hai giai đoạn nuôi dưỡng. Giai đoạn đầu xảy ra khi lửa tiêu hoá gặp dưỡng chất của thức ăn trong đường tiêu hoá của chúng ta. Do sự gặp gỡ đó, sắc được sanh thêm ở khắp toàn thân: đó là, các tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh (*āhāra-ja-aj-atthamaka-kalāpa*) được sanh ra ở khắp toàn thân.

Giai đoạn nuôi dưỡng thứ hai xảy ra khi lửa tiêu hoá gặp dưỡng chất của các tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh cũng như dưỡng chất của sắc khác trong thân. Do sự gặp gỡ đó, sắc được sanh thêm nữa; đó là, các tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh (*āhāra-ja-aj-atthamaka-*

kalāpa) khác:²⁵⁴

◆ bốn đến năm thế hệ trong trường hợp của sắc do nghiệp sanh

◆ hai đến ba thế hệ trong trường hợp của sắc do tâm sanh

◆ mười đến mười hai thế hệ trong trường hợp của sắc do thời tiết sanh

◆ mười đến mười hai thế hệ trong trường hợp sắc do vật thực khác sanh.

Đó là cách dưỡng chất từ thức ăn và thức uống nuôi dưỡng thân.

Chẳng hạn, ở giai đoạn nuôi dưỡng thứ nhất, một tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh đi đến con mắt. Kế, ở giai đoạn thứ hai, dưỡng chất của một tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh (cùng với lửa tiêu hoá) ấy gặp dưỡng chất của một tổng hợp nhãn (mắt) mười sắc, và bốn hay năm thế hệ tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh được tạo ra: tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh và tổng hợp mạng căn chín sắc làm nhiệm vụ như hỗ trợ duyên (*upatthambhaka-paccaya*), và tổng hợp nhãn mười sắc làm nhiệm vụ như năng sanh duyên (*janaka-paccaya*). Lại nữa, hoả đại trong bốn hay năm thế hệ tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh ấy sẽ tạo ra mười đến mười hai thế hệ tổng hợp tám có dưỡng chất do thời tiết

²⁵⁴ Sắc được tạo ra trong giai đoạn thứ nhất được gọi là sắc khởi nguyên từ vật thực (*āhāra-samuṭṭhāna-rūpa*). Ở giai đoạn thứ hai, đối với sắc nghiệp sanh, thế hệ thứ nhất là sắc do vật thực sanh có nghiệp là duyên (*kamma-paccay-āhāraja-rūpa*), trong khi các thế hệ tiếp theo là sắc do vật thực sanh có vật thực là duyên (*āhāra-paccay-āhāra-ja-rūpa*), nó cũng được gọi là sắc khởi nguyên từ vật thực có vật thực là duyên (*āhāra-paccaya āhāra-samuṭṭhāna-rūpa*). Theo cách tương tự chúng ta có sắc do vật thực sanh có tâm là duyên, sắc do vật thực sanh có thời tiết là duyên.

sanh nữa. Và tiến trình như vậy cũng xảy ra với các tổng hợp thân mười sắc của con mắt, các tổng hợp tám màu sắc của con mắt, cũng như các tổng hợp tám do tâm sanh, các tổng hợp mạng căn chín sắc và các tổng hợp tám do vật thực sanh khác. Đó là cách dưỡng chất từ thức ăn và thức uống nuôi dưỡng, chẳng hạn, con mắt.

Dưỡng chất của thức ăn hấp thụ trong một ngày có thể tái sinh theo cách này cho đến bảy ngày. Tất nhiên, con số các thế hệ (tái sanh) này còn tùy thuộc vào khả năng tiêu hoá của chúng ta, và khả năng này được quyết định bởi nghiệp riêng của chúng ta. Nó cũng tùy thuộc vào chất lượng của thức ăn nữa. Nếu thức ăn kém phẩm chất, nó không thể sanh ra nhiều thế hệ, và chúng ta trở nên suy yếu và gầy còm. Nếu thức ăn giàu dinh dưỡng, nó có thể tạo ra nhiều thế hệ hơn, và thậm chí chúng ta có thể phát phì. Thức ăn chư thiên, loại thức ăn cao cấp nhất của thiên giới, có thể tái sanh theo cách này cho tới một hoặc hai tháng.

Vì lẽ các tổng hợp mạng căn chín sắc được thấy ở khắp toàn thân, nên lửa tiêu hoá cũng được thấy ở khắp toàn thân nhưng mức độ yếu hơn. Đó là lý do vì sao, chẳng hạn, khi dầu (cù là) được bôi vào da, hay một mũi thuốc được chích dưới da, thuốc sẽ lan truyền khắp toàn thân (giai đoạn nuôi dưỡng thứ nhất). Nhưng nếu bôi quá nhiều dầu, sự yếu ớt của lửa tiêu hoá trong da có thể làm cho nó mất lâu hơn để hấp thụ. Như vậy thuốc sẽ có hiệu quả khi nó đi qua giai đoạn nuôi dưỡng thứ hai.

Để biết và thấy sắc cho việc thực hành minh sát (vipassanā), chúng ta cần biết và thấy cả hai giai đoạn nuôi dưỡng: giai đoạn đầu qua đó các tổng hợp tám có dưỡng chất do vật thực sanh được tạo ra và truyền đến các phần khác nhau của thân, và giai đoạn thứ hai qua đó các thế hệ khác của tổng hợp sắc có dưỡng chất là thứ tám được sanh

ra để nuôi dưỡng các phần khác của thân.

Với đầy đủ sự thiện xảo, tinh tấn, và ánh sáng của trí tuệ do cận định hay bậc thiền sanh, hành giả có thể biết và thấy những điều này.

KẾT LUẬN

Đến đây đã kết thúc sự giải thích ngắn gọn của chúng tôi về cách làm thế nào để một người biết và thấy sắc thủ uẩn qua thiền tứ đại.

Để tu tập đề tài thiền này, chúng ta cần phải có định mạnh: hoặc cận định, hoặc bậc thiền (*jhāna*). Nếu chúng ta bắt đầu với chính thiền tứ đại, chúng ta chỉ đạt đến cận định (*upacāra-samādhi*). Cận định là rất gần với bậc thiền (*jhāna*), điều này có nghĩa rằng định và ánh sáng của trí tuệ cũng đã rất mạnh và đầy năng lực. Nhưng nếu trước đó chúng ta đã phát triển được bậc thiền, chẳng hạn, với bậc thiền của niệm hơi thở, ánh sáng trí tuệ của chúng ta sẽ đầy năng lực hơn, và điều đó sẽ dễ dàng hơn cho chúng ta để tu tập và hoàn thành thiền tứ đại. Tuy nhiên, không có được định như vậy, không có ánh sáng của trí tuệ như vậy, việc thể nhập các tổng hợp sắc (*rūpa-kalāpas*), cũng như biết và thấy thực tại tối hậu (pháp chân đế) sẽ là điều bất khả.

Tại sao lại cần thiết phải hành thiền tứ đại, một đề tài thiền khó như vậy? Bởi vì chúng ta không thể hành minh sát trên những khái niệm. Nếu chúng ta chỉ nhìn vào khái niệm, rõ ràng là chúng ta không biết và thấy được sắc thủ uẩn đúng theo thực tại (như thực- *yathā bhūta*)²⁵⁵ Do đó, để có thể hành minh sát, và tuệ tri sắc đúng theo thực tại, chúng ta cần

²⁵⁵ Xem trích dẫn ở mục Ánh Sáng Của Trí Tuệ, trang 170.

vượt qua những khái niệm, nhằm phân giải tính dường như cô đặc của sắc (khối tướng về sắc), và thể nhập vào sắc chân đế.

4: Hai Mươi Tám Loại Sắc

BỐN ĐẠI CHỦNG (*mahā-bhūta*):

Sắc Cụ Thể (*nippahanna-rūpa*)

1. Địa đại (*pathavī-dhātu*)
2. Thuỷ đại (*āpo-dhātu*)
3. Hoả đại (*tejo-dhātu*)
4. Phong đại (*vāyo-dhātu*)



HAI MƯƠI BỐN SẮC Y ĐẠI SINH (*Upādāya-rūpa*)

Sắc Cụ Thể (<i>nippahanna-rūpa</i>)	
Sắc Cảnh Giới (<i>gocara-rūpa</i>): (sắc đối tượng)	Sắc Tịnh Sắc (<i>pasāda-rūpa</i>): (sắc chủ thể)
1) sắc màu (<i>vaṇṇa</i>)	1) Tịnh nhân sắc (<i>cakkhu-pasāda</i>)
2) âm thanh (<i>sadda</i>)	2) Tịnh nhĩ sắc (<i>sota-pasāda</i>)
3) mùi (<i>gandha</i>)	3) Tịnh tỷ sắc (<i>ghāna-pasāda</i>)
4) vị (<i>rasa</i>)	4) Tịnh thiệt sắc (<i>jivhā-pasāda</i>)
5) xúc ¹ (<i>phoṭṭhabba</i>)	5) Tịnh thân sắc (<i>kāya-pasāda</i>)
1) Dưỡng Chất ¹ (<i>ojā</i>)	Sắc Tánh (<i>bhāva-rūpa</i>): ¹
1) Mạng Căn ¹ (<i>jīvit-indriya</i>)	1) Sắc Tánh Nam - (<i>purisa-bhāva-rūpa</i>)
1) Sắc Ý- Vật ¹ (<i>hadaya-rūpa</i>)	2) Sắc tánh nữ (<i>itthi-bhāva-rūpa</i>)
Sắc Không Cụ Thể (<i>anippahanna</i>)	
1) Hư Không Giới ² (<i>ākāsa-dhātu</i>)	6) Sắc Thích Nghiệp ² (<i>kammaññatā</i>)
2) Thân Biểu Tri (<i>kāya-viññatti</i>)	7) Sắc Sanh ² (<i>upacaya</i>)
3) Khẩu Biểu Tri (<i>vacī-viññatti</i>)	8) Sắc Tiền ² (<i>santati</i>)
4) Sắc Khinh ² (<i>lahutā</i>)	9) Sắc Già (<i>jaratā</i>)
5) Sắc Nhu ² (<i>mudutā</i>)	10) Sắc Vô Thường ² (<i>aniccatā</i>)

Ghi Chú Cho Hai Mươi Tám Loại Sắc

1. Xúc: đối tượng của thân thức không có một giới riêng, mà là ba trong bốn đại chủng: địa đại, hoả đại, phong đại. Dưỡng Chất: cũng gọi là

sắc vật thực (*āhāra-rūpa*). Mạng Căn: cũng gọi sắc mạng căn (*jīvita-rūpa*). Ý Vật cũng gọi Sắc Ý Vật (Tâm Căn). Sắc Nam/Nữ Tánh: cũng gọi nam quyền / nữ quyền (*puris-indriya, itth-indriya*).

2. Hư Không: sự giới hạn hay ranh giới giữa các tổng hợp sắc (*rūpa-kalāpas*), tách riêng tổng hợp sắc này với tổng hợp sắc khác. Khinh/Nhu/Thích Nghiệp: chỉ có trong các sắc do tâm/thời tiết/vật thực sanh. Sanh: sự phát sanh các căn vật lý của bào thai: chỉ khi phân biệt duyên khởi mới phân biệt được sắc này (xem ‘Duyên Sanh’ trang 217). Tiến: sự sanh của các sắc sau đó. Vô Thường: sự tan rã, tan biến, hoại diệt (*bhaṅga*) của sắc.

Sắc không cụ thể cũng được bao gồm trong định nghĩa về sắc uẩn, nhưng nó không phải là đối tượng của minh sát.²⁵⁶

DANH CHON ĐỀ

Để hành thiền minh sát (*vipassanā*), chúng ta không chỉ biết và thấy sắc thủ uẩn thô; mà chúng ta cũng cần biết và thấy bốn danh thủ uẩn nữa, đó là thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Bốn thủ uẩn này là danh (*nāma*).

Danh là tâm (*citta*) (cũng gọi thức (*viññāṇa*)), [143] và các tâm sở (*cetasika*). Có sáu loại thức chính: [144]

1. nhãn thức.....(*cakkhu-viññāṇa*)
2. nhĩ thức.....(*sota-viññāṇa*)
3. tỷ thức.....(*ghāṇa-viññāṇa*)
4. thiệt thức.....(*jivhā viññāṇa*)
5. thân thức.....(*kāya-viññāṇa*)
6. ý thức.....(*mano-viññāṇa*)

Nhưng thức không thể khởi lên một mình. Không có

²⁵⁶ VsM.xviii.667 ‘*Diṭṭhi-Visuddhi-Niddesa*’ (‘Giải Thích Về Kiến Tịnh’) PP.xviii.13

cái gì gọi là ‘thuần’ thức cả, vì thức luôn luôn khởi lên cùng với một số tâm sở phối hợp nào đó.²⁵⁷ Tổng cộng có tất cả năm mươi hai tâm sở²⁵⁸. Điều này đã được đề cập ở trước. Chẳng hạn, bảy tâm sở biến hành (*sabba-citta-sādhāraṇa*) là những tâm sở luôn luôn khởi lên với tất cả tâm.²⁵⁹

1. xúc.....(*phassa*)
2. thọ.....(*vedanā*)
3. tưởng.....(*saññā*)
4. tư.....(*cetanā*)
5. nhất tâm.....(*ek-aggatā*)
6. mạng quyền.....(*jīvit-indriya*)
7. tác ý.....(*manasikāra*)

Cũng có sáu tâm sở chỉ khởi lên với một số tâm, đó là sáu biệt cảnh tâm sở (*pakiṇṇaka*):

1. tâm.....(*vitakka*)
2. tứ.....(*vicāra*)
3. thắng giải (quyết định)....(*adhimokkha*)
4. cần (tinh tấn).....(*vīriya*)
5. hỷ.....(*pīti*)
6. dục.....(*chanda*)

Cũng có những tâm sở bất thiện (*akusala*). Chẳng hạn:²⁶⁰

²⁵⁷ Xem trích dẫn ghi chú cuối chương 307, cuối Tập II. Cũng xem ‘Những Điều Không Thể Có Được Đối Với Thức’ Tập II. Và để có thêm chi tiết về các tâm sở phối hợp, xem ghi chú 386, trang 315.

²⁵⁸ VsM.xiv.456-492 “*Khandha-Niddesa*’ (‘Giải Thích Về Các Uẩn’) PP.xiv.125-184

²⁵⁹ Xem các bảng 2a/2b/2c, trang 93/95/97. 3c trang 166, và 3d ‘Danh Pháp Của Tâm Siêu Thế’ Tập II.

²⁶⁰ Về các tâm sở bất thiện, xem bảng 2a/2b/2c trang 93/95/97.

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| ● si.....(<i>moha</i>) | ● mạn.....(<i>māṇa</i>) |
| ● vô tàmm.....(<i>ahiri</i>) | ● sân.....(<i>dosa</i>) |
| ● vô quý...(<i>anottappa</i>) | ● tật.....(<i>issā</i>) |
| ● phóng dật...(<i>uddhacca</i>) | ● lận.....(<i>macchariya</i>) |
| ● tham.....(<i>lobha</i>) | ● hối.....(<i>kukkucca</i>) |
| ● (tà) kiến.....(<i>diṭṭhi</i>) | ● nghi.....(<i>vicikicchā</i>) |

Và những tâm sở thiện hay tịnh hảo (*sobhana*), chẳng hạn:

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------------------|
| ● tín.....(<i>saddhā</i>) | ● Chánh Ngữ.....(<i>Sammā-Vācā</i>) |
| ● niệm.....(<i>sati</i>) | ● Chánh Nghiệp...(<i>Sammā-Kammantā</i>) |
| ● tàmm.....(<i>hiri</i>) | ● Chánh Mạng.....(<i>Sammā-Ājīva</i>) |
| ● quý.....(<i>ottappa</i>) | ● bi.....(<i>karuṇā</i>) |
| ● vô tham...(<i>alobha</i>) | ● hỷ.....(<i>mūḍutā</i>) |
| ● vô sân.....(<i>adosa</i>) | ● tuệ căn.....(<i>paññ-īndriya</i>) |

BIẾT VÀ THẤY DANH CHON ĐỀ

Với ánh sáng của trí tuệ (từ cận định hoặc định của bậc thiền –*jhāna*) chúng ta cần biết và thấy tâm dựa trên chất máu trong trái tim, đây gọi là tâm căn hay ý vật (*hadaya vatthu*). Chúng ta cần biết và thấy dòng tâm duy trì kiếp sống và các tâm sở của nó, tâm này được gọi là tâm hữu phần (*bhavaṅga*).²⁶¹ Chúng ta cần biết và thấy tâm hữu phần bị gián đoạn mỗi khi có sự nhận thức qua một trong năm môn

²⁶¹ Thiền sư Pa-Auk saydaw giải thích rằng chỉ những hành giả có đủ Ba-la-mật mới có thể phân tích được tâm hữu phần ở giai đoạn này. Còn thông thường thì sau khi phân biệt được pháp duyên khởi người hành thiền mới có thể làm được công việc phân tích hữu phần ấy: xem ‘Duyên Sanh’ trang 213.

(*dvāra*): nhãn-, nhĩ-,... như thế nào.²⁶² Chúng ta cũng cần biết và thấy cách nhận thức ấy xảy ra như một tiến trình tâm (*citta-vīthi*): tiến trình nhãn môn, tiến trình nhĩ môn,... tiến trình thân môn, ra sao. Chúng ta cần biết và thấy có sự nhận thức qua ý môn, như một tiến trình ý môn (*mano-dvāra-vīthi*) như thế nào. Và chúng ta cũng cần biết và thấy các tâm và tâm sở là thành tố của các tiến trình ngũ môn khác nhau, cũng như các tâm và tâm sở là thành tố của các tiến trình ý môn: đó là danh chơn đế.

²⁶² Tâm hữu phần: (*bhav-aṅga-citta*, nghĩa đen là tâm tạo thành sự hiện hữu) tâm này không tương ứng với tâm tiềm thức hay vô thức đã được giả thiết trong tâm lý học của Freud. Thực sự, những loại tâm như vậy không hiện hữu, vì hai tâm không thể sanh một lần. Tâm hữu phần là một dòng trôi chảy của những tâm quả, được duy trì bởi nghiệp chín mùi vào thời cận tử. Nó duy trì sự tương tục của danh (tâm) giữa những tiến trình tâm. Nó cũng làm nhiệm vụ như ý môn (*mano-dvāra*). Một khi nghiệp tạo ra kiếp sống này chấm dứt, tâm hữu phần của kiếp này cũng dừng lại. Nơi những người không phải Thánh A-la-hán, một tâm hữu phần mới, với một đối tượng mới, sanh lên như kiết sanh thức hay tâm tục sanh. Vì vậy, có thể nói tâm hữu phần không phải là một ‘dòng ngầm của tiềm thức’ hoạt động ‘bên dưới’ những tiến trình tâm của sáu môn. Như chúng ta có thể thấy trong bảng 5b (‘Tiến Trình Ngũ Môn’ trang. 294), và 5c (‘Tiến trình Ý Môn’ trang 297), trước khi sanh khởi một tiến trình tâm, dòng tâm hữu phần phải dừng lại. Và nó tiếp tục trôi chảy khi tiến trình nhận thức đã hoàn tất. Tâm hữu phần luôn luôn nhận thức cùng một đối tượng, đối tượng này độc lập với những đối tượng đi vào sáu môn: đó là lý do vì sao nó được gọi là tâm ngoài tiến trình (tách biệt với tiến trình nhận thức). VsM.xiv.455 ‘*Viññāṇa-Kkhandha-Kathā*’ (‘Luận về Thức Uẩn’) giải thích như sau: ‘ Khi kiết sanh thức đã dừng, lúc đó, tiếp theo kiết sanh (dù nó là loại gì), thì cùng loại ấy, là quả của cùng một nghiệp bất kể nghiệp đó là gì, khởi lên như tâm hữu phần với cùng đối tượng (như kiết sanh). Và bao lâu không có một loại tâm khác khởi lên phá vỡ sự tương tục, chúng cứ tiếp tục xuất hiện một cách bất tận trong những giai đoạn ngũ không mơ mộng,..., giống như sự trôi chảy của một dòng sông.’ Để biết thêm chi tiết về đối tượng của tâm hữu phần duy trì kiếp sống, xem bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101.

BỐN LOẠI KHỐI TƯỢNG VỀ DANH

Tại sao chúng ta cần phải phân tích các loại tiến trình tâm khác nhau? Một lần nữa, như trong việc phân biệt sắc, chính là để vượt qua ngã tưởng (*atta-saññā*). Quý vị còn nhớ khi bàn về Kinh ‘Dây Trói Buộc’ (*Gaddula-Baddha Sutta*), chúng ta đã bàn đến kẻ vô văn phạm phu bằng cách này hay cách khác đã đồng nhất mình không chỉ với sắc thủ uẩn thô mà còn cả với bốn danh thủ uẩn²⁶³ ra sao không. Điều này xảy ra là vì sự đánh lừa của tính cô đặc (*ghana*-thường dịch là khối tượng). Và nó chỉ có thể vượt qua bằng sự phân giải khối tượng (*ghana-vinibbhoga*). Tuy nhiên, trong trường hợp của danh chúng ta cần phân giải bốn loại khối tượng.²⁶⁴

1) Khối tượng về sự tương tục (*santati-ghana*): bởi vì danh hay tâm dường như là một sự tương tục cô đặc, một tổng thể liên tục, nên người ta có thể nghĩ rằng cũng một ‘tâm’ ấy nhận thức các đối tượng qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm. Và người ta cũng có thể nghĩ rằng cũng cái *ngã* ấy, cũng cái ‘*tâm*’ ấy, cũng cái ‘*thức thanh tịnh*’²⁶⁵ ấy, ... ‘chuyển đi’ từ kiếp này sang kiếp khác, đi vào các thân khác. Để vượt qua ảo tưởng này, chúng ta cần phải phân giải tính dường như cô đặc ấy của tâm. Chúng ta cần phải thấy được rằng sự nhận thức xảy ra qua các tiến trình tâm luôn luôn sanh và diệt. Bằng cách đó, chúng ta thấy rằng tâm không có tính tương tục: vì ngay khi sinh lên nó

²⁶³ Xem lại phần ‘Xem Năm Uẩn Là Tự Ngã’ trang 20.

²⁶⁴ VsMṬ .xxi.739 ‘*Upakkilesa-Vimutta-Udaya-Bbaya-Nāṇa-Kathā-Vaṇṇanā*’ (‘Mô tả Sự Giải Thích về Trí Sanh&Diệt Thoát Khỏi Tuy Phiền Não’).

²⁶⁵ Để có một thí dụ điển hình về ảo tưởng này, xem “Tỳ Kheo Sāti” trang 286.

liền diệt. Không có thời gian cho tâm đi bất kỳ nơi đâu, tâm không đi từ kiếp này sanh kiếp khác, thậm chí không cả từ khoảnh khắc này sanh khoảnh khắc khác.

2) Khối tưởng về tập hợp (*samūha-ghana*): bởi vì danh dường như là một tổng thể tập hợp lại, người ta có thể nghĩ nó là cái **tâm thanh tịnh** nhận thức đối tượng. Và họ còn nghĩ rằng đó là **tự ngã** của họ. Để vượt qua ảo tưởng này, chúng ta cần phân giải tính dường như cô đặc của từng loại tâm riêng biệt, có nghĩa là chúng ta cần phân giải từng loại tâm riêng biệt trong từng loại tiến trình tâm. Theo đó, chúng ta thấy rằng sự nhận thức bao gồm một số các tâm sở, như thọ, tưởng, tư...; tầm, tứ; hay tham, sân, si, tà kiến, mạn, và hoài nghi; hay vô tham, vô sân, vô si, hỷ, niệm, tín, và chánh kiến. Không có một hợp thể ở bất kỳ nơi đâu.

3) Khối tưởng về nhiệm vụ (*icca-ghana*): do sự hiểu biết không đầy đủ về danh chơn đế, người ta có thể nghĩ các giới (*dhātu*) dựa trên một bản ngã, giống như hạt giống và cây cối đều dựa trên đất vậy.²⁶⁶ Để vượt qua ảo tưởng này, chúng ta cần phải thấy được rằng mỗi tâm và các tâm sở có đặc tính, nhiệm vụ, sự thể hiện và nhân gần của riêng nó: nó không dựa trên bất kỳ một ngoại vật nào xem như là bản ngã của nó.

4) Khối tưởng về chủ thể (? *ghana*): sau khi đã chọn thủng được ba loại khối tưởng trước, người ta có thể nghĩ, chẳng hạn, ‘**Ta** đã thấy được sắc chơn đế và danh chơn đế’ hay, ‘**cái ngã năng tri** đã thấy được

²⁶⁶ Xem ghi chú cuối chương 141, trang 539.

danh và sắc chơn đế'.²⁶⁷ Để vượt qua ảo tưởng này, chúng ta cần phân giải ba loại khối tưởng trong các tiến trình tâm minh sát làm nhiệm vụ thể nhập hay chọn thủng ba loại khối tưởng này, với minh sát trí theo sau (tâm minh sát sau biết tâm minh sát trước). Chúng ta cần thấy được rằng danh như đối tượng của minh sát trí cũng là chủ thể của minh sát trí, chính nó chọn thủng ba loại khối tưởng về danh mà vốn cũng là một chủ thể với cùng một đối tượng.[145]

Chú giải giải thích rằng trừ phi chúng ta phân giải thành công bốn loại khối tưởng này, bằng không chúng ta sẽ không thể nào vượt qua được ngã tưởng (*atta-saññā*), và không thể đạt đến vô ngã tưởng (*anatta-saññā*). Tuy nhiên, với đầy đủ sự thiện xảo, nỗ lực tinh tấn, và ánh sáng trí tuệ của cận định hay bậc thiền, chúng ta có thể thành tựu được điều này.

Thế nhưng thành tựu đó vẫn chưa đủ, có phải vậy không? Từ trước đến giờ chúng ta mới chỉ thấy được danh và sắc của hiện tại, bên trong và bên ngoài. Như đã đề cập ở trên, theo lời Đức Phật dạy, biết và thấy năm thủ uẩn là biết và thấy năm thủ uẩn quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, thô và tế, hạ liệt và cao thượng, xa và gần.[146] Như vậy, để hiểu được Thánh Đế Thứ Nhất, hay Khổ Thánh Đế (*'Dukkha-Ariya-Sacca'*), chúng ta cũng cần phải thấy các loại khác của năm thủ uẩn (đó là thấy tám loại còn lại trong mười một loại của năm thủ uẩn vừa kể). Sau khi đã làm được điều này, chúng ta kể như đã đạt được trí đầu trong hai minh sát trí chuẩn bị, đó là Trí Xác Định Danh và Sắc hay

²⁶⁷Người ta cũng có thể nghĩ chỉ danh-sắc chơn đế thay đổi (vô thường), còn "tâm biết" không thay đổi.'

Danh Sắc Phân Tích Trí (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*).²⁶⁸

DUYÊN SANH

Đến đây tôi sẽ nói tóm tắt lại cách chúng ta cần thấy năm thủ uẩn của quá khứ và tương lai [147] để biết và thấy được sự sanh và diệt theo nhân duyên của chúng. Trong việc hành thiền minh sát, chúng ta cũng cần phải biết và thấy nguồn gốc của danh và sắc. Đó là biết và thấy Thánh Đế Thứ Hai, Khổ Tập Thánh Đế (thánh đế về nguồn gốc của khổ), và cũng là nguồn gốc của năm thủ uẩn.

Với ánh sáng của trí tuệ phát sanh từ cận định hay định của bậc thiền, hành giả có thể đi ngược trở lại dòng danh sắc nối tiếp nhau từ sát na hiện tại đến sát na tái sanh của mình trong kiếp này, rồi đến sát na tử của mình trong kiếp quá khứ. [148] Và, cho đến mức có thể phân biệt được, hành giả đi ngược thêm nữa về nhiều kiếp sống quá khứ theo cùng cách thức như trên. Sau đó hành giả cũng có thể nhìn vào tương lai, đến thời điểm Bát-Niết Bàn (*Parinibbāna*- sự diệt tối hậu) của mình. Nhờ nhìn vào các yếu tố riêng biệt của danh-sắc hành giả có thể nhận ra các nhân và các quả. Điều này có nghĩa rằng hành giả có thể biết và thấy các yếu tố riêng biệt của duyên sanh (*paṭicca-samuppāda*), và thấy chúng có liên hệ với nhau như thế nào. Đó là:²⁶⁹

²⁶⁸ Về ‘Danh sắc Phân Tích Trí’, xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’, trang 176.

²⁶⁹ Đức Phật đưa ra định thức duyên sanh này xuyên suốt Giáo Pháp của Ngài. Chẳng hạn, xem sự mô tả của ngài về sự hiểu biết về duyên sanh và duyên diệt của bậc Thánh A-la-hán trong U.i.3 ‘*Tatiya-Bodhi-Suttam*’ (‘Kinh Giác Ngộ Thứ Ba’ < “*Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt*”. Tức là *duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên*

- [1] Do vô minh (*avijjā*), các hành sanh (*saṅkhāra*);
 [2] do hành, thức sanh (*viññāṇa*);
 [3] do thức, danh sắc sanh (*nāma-rūpa*);
 [4] do danh sắc, lục nhập sanh (*saḷ-āyatana*);
 [5] do lục nhập, xúc sanh (*phassa*);
 [6] do xúc, thọ sanh (*vedanā*);
 [7] do thọ, ái sanh (*taṇhā*);
 [8] do ái, thủ sanh (*upādāna*);
 [9] do thủ, hữu sanh (*bhava*);
 [10] do hữu, sanh sanh (*jāti*);
 [11] do sanh,
 [12] già chết (*jarā-maraṇa*), sầu (*soka*), bi (*parideva*),
 khổ (*dukkha*), ưu (*domanassa*), và não (*upādāya*) sanh.

Hiểu được những vận hành của duyên sanh không phải dễ: chỉ khi một người đã tự mình biết và thấy pháp duyên sanh thì nó mới trở nên rõ ràng. Lúc đó họ mới có thể mô tả được năm nhân làm phát sanh một kiếp sống mới, vốn là năm quả, như thế nào. Năm nhân trong một kiếp sống là:

- | | | |
|---------------------------------|--|----------------------------------------|
| 1) vô minh....(<i>avijjā</i>) | | 4) hành (nghiệp).. (<i>saṅkhāra</i>) |
| 2) ái.....(<i>taṇhā</i>) | | 5) hữu(<i>bhava</i>) |
| 3) thủ.....(<i>upādāna</i>) | | (của nghiệp lực) |

Năm nhân này làm phát sanh năm quả trong một kiếp sống khác. Năm quả lúc đó là:

- | | | |
|--------------------------------|--|------------------------------|
| 1) thức.....(<i>viññāṇa</i>) | | 4) xúc.....(<i>phassa</i>) |
|--------------------------------|--|------------------------------|

sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này">. Và trong A.III.II.ii.1 "Tith-Āyatana-Suttam" ('Giáo Lý Bộ Phái'), ngài kết luận: 'Đây gọi là, này các Tỷ kheo, Thánh Đế về Nguồn Gốc của Khổ (Dukka-Samudayaṃ Ariya-Saccam)' Cũng xem ghi chú 272 trang 215.

2) danh & sắc...(*nāma-rūpa*) | 5) thọ[149].....(*vedanā*)
 3) lục nhập...(*saḷ-āyatana*)

Năm quả là một vớ tái sanh, già và chết. Đó là cách một người biết và thấy duyên sanh, hay thấy những vận hành của nghiệp. Đó là cách một người biết và thấy các nhân của nghiệp, và các nhân của nghiệp quả: sự sanh ra, sự già và chết liên tục, sự sanh khởi liên tục của khổ (*dukkha*).²⁷⁰ [150] Khi một người đã thấy được duyên sanh theo cách này, họ không thể còn chấp nhận thường kiến hoặc đoạn kiến.²⁷¹

Tuy nhiên, biết và thấy khổ sanh như thế nào thôi thì không đủ. Để hiểu biết đầy đủ về duyên sanh, người ta cũng cần phải thấy khổ diệt ra sao nữa. Người ta cần biết và thấy sự chứng đắc Bát Niết Bàn (*Parinibbāna*- sự diệt tối hậu) của mình trong tương lai. Đó là.²⁷²

²⁷⁰ Xem bảng ‘Duyên Sanh từ Kiếp Này sang Kiếp Khác’, cuối Tập II.

²⁷¹ VsM.xvii.660 ‘*Paññā-Bhūmi-Niddesa*’ (‘Giải Thích về Đất Cho Tuệ Sanh’) PP.xvii.310-311 giải thích: ‘Ở đây, sự không gián đoạn của dòng tương tục theo cách này, “Do vô minh, hành sanh; do hành, thức sanh”, cũng giống như một hạt giống đạt đến tình trạng của một cái cây qua tình trạng của chồi non,..., được gọi là “Phương Pháp Đồng Nhất” (*ekatta-nayo*-đồng nhất lý). Người thấy điều này một cách đúng đắn sẽ đoạn trừ được đoạn kiến nhờ hiểu sự không gián đoạn của tính tương tục xảy ra qua mỗi liên kết nhân - quả. Và một người thấy sai sẽ chấp giữ thường kiến do nắm bắt tính đồng nhất trong sự không gián đoạn của tương tục tính xảy ra qua mỗi liên kết nhân - quả này. Việc xác định đặc tính riêng của vô minh..., được gọi là “Phương Pháp Biệt Dị” (*nānatta-nayo*: Biệt Dị Lý). Người thấy đúng điều này sẽ đoạn trừ được thường kiến do thấy sự sanh khởi của từng trạng thái mới. Và người thấy sai sẽ chấp vào đoạn kiến do nắm bắt nét biệt dị riêng trong chuỗi sự kiện trong một tương tục duy nhất như thể nó là một tương tục không gián đoạn.’ Cũng xem trích dẫn ghi chú cuối chương 166, trang 550.

²⁷² Thí dụ, trong Tăng Chi Kinh, ‘Kinh Giáo Lý Các Bộ Phái’ (‘*Titth-Āyatana-Suttam*’ - A.III.II.ii.1). Ở đó Đức Phật kết luận: ‘Đây gọi là, này các Tỳ kheo,

[1] Với sự diệt không còn dư tàn của vô minh (*avijjāya tveva asesā-virāga-nirodha*), có sự diệt của các hành (*sakhāra-nirodho*).

[2] Với sự diệt của các hành, có sự diệt của thức.

[3] Với sự diệt của thức, có sự diệt của danh & sắc.

[4] Với sự diệt của danh & sắc, có sự diệt của lục

nhập.

[5] Với sự diệt của lục nhập, có sự diệt của xúc.

[6] Với sự diệt của xúc, có sự diệt của thọ.

[7] Với sự diệt của thọ, có sự diệt của ái.

[8] Với sự diệt của ái, có sự diệt của thủ.

[9] Với sự diệt của thủ, có sự diệt hữu.

[10] Với sự diệt của hữu, có sự diệt của sanh.

[11] Với sự diệt của sanh,

[12] Già & chết, sầu, bi, khổ, ưu, và não diệt

(*nirujjhanti*)

Ở đây, một người biết và thấy việc chứng đắc A-la-hán có quả của nó là sự diệt của năm nhân, vô minh, ái, thủ, hành và nghiệp hữu như thế nào. Cuối kiếp sống ấy, năm uẩn diệt không còn dư tàn hay nói cách khác cuối kiếp sống ấy có sự không khởi lên của năm uẩn, vốn là năm quả — thức, danh-sắc, lục nhập, xúc và thọ.

Liệu điều này có nghĩa là mọi người đều sẽ đắc A-la-hán thánh quả không? Không. Nhưng khi một người chuyên cần thực hành, với một cái tâm đã được tịnh hoá nhờ định mạnh và đầy năng lực, miệt mài trong công việc thực hành phân biệt danh và sắc thâm sâu, thì những điều kiện như vậy

Thánh Đế Về Sự Diệt Của Khổ (Dukkha-Nirodham Ariya-Saccam). Cũng xem ghi chú 269, trang 214.

sẽ giúp họ thấy được sự chứng đắc Bát Niết Bàn, hay sự diệt tối hậu trong tương lai của họ. Tuy nhiên, nếu họ ngưng hành thiền..., những điều kiện sẽ thay đổi, và khi những điều kiện thay đổi thì kết quả tương lai cũng sẽ thay đổi. Đó là lý do vì sao thấy *Parinibbāna* hay sự diệt tối hậu của mình trong tương lai không giống như thấy Niết Bàn vậy. Điều này kết luận sự giải thích tóm lược của chúng tôi về công việc chuẩn bị được xem là cần thiết cho một người thực hành minh sát.

BIẾT VÀ THẤY TAM TƯỚNG

Tu tập minh sát (*vipassanā-bhāvanā*) thực sự là để có được cái biết và thấy sắc chân đế (sắc uẩn), danh chân đế (vô sắc uẩn), và sự sanh và diệt của chúng, thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, hạ liệt và cao thượng, xa và gần, nhưng lúc này người hành thiền cần thấy chúng có ba đặc tính hay tam tướng (*ti-lakkhaṇa*): vô thường, khổ và vô ngã như thế nào đã.²⁷³ Đó là

- 1) Danh-sắc và các nhân của chúng ngay khi sanh lên liền diệt: đó là đặc tính vô thường (*anicca-lakkhaṇa* — *vô thường tướng*).
- 2) Danh-sắc và các nhân của chúng phải chịu sự sanh và diệt không ngừng: đó là đặc tính khổ (*dukkha-lakkhaṇa* — *khổ tướng*).
- 3) Danh-sắc, do phải chịu vô thường và khổ, nên không thể có một cốt lõi hay thực chất vững bền, bất khả hoại: đó là đặc tính vô ngã (*anatta-*

²⁷³ Để biết thêm những phân tích của Đức Phật, xem, ‘Sắc là Thường hay Vô Thường’, Tập II. Cũng xem “Tam Tướng” trang 173.

lakkhaṇa — vô ngã tướng).

MƯỜI SÁU TUỆ MINH SÁT (MINH SÁT TRÍ)

Như vậy, tu tập minh sát là để tiến triển qua các cấp độ tuệ hay trí.^[151] Và như đã giải thích ở trước, minh sát trí là hiệp thể (*lokiya*) hoặc siêu thể (*lokuttara*) tùy theo.

Giải thích việc tu tập các minh sát trí, Kinh Điển *Pāḷi* thường hỏi về mười sáu tuệ minh sát (minh sát trí). Hai minh sát trí đầu chúng ta đã bàn ở trước:²⁷⁴

1. Trí Xác Định Danh Sắc (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*, thường dịch Danh Sắc Phân Tích Trí): với trí này, người hành thiền sẽ biết và thấy được các loại danh và sắc chân đế khác nhau.
2. Trí Phân Biệt (Hiểu Rõ) Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*): với trí này, người hành thiền sẽ biết và thấy được duyên sanh theo chiều thuận (sanh) và chiều nghịch (diệt).

Như đã nói trước đây, hai trí này thực sự chỉ là những trí chuẩn bị, tức những trí nhờ đó một người biết và thấy được các đối tượng của thiền minh sát. Như vậy chúng ta còn lại mười bốn minh sát trí nữa:²⁷⁵

3. Trí Thâm Sát Tam Tướng (*Sammasana-Ñāṇa*):²⁷⁶ với trí này, người hành thiền sẽ thấy được các tổng hợp danh và sắc đều có ba đặc tính mà

²⁷⁴ Xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’, trang 176.

²⁷⁵ Để có thêm những chi tiết về các minh sát trí này, hãy xem chương cuối, ‘Sự Không Vận Hành Của Nghiệp’, cuối Tập II.

²⁷⁶ VsM.xx.694-722 ‘*Magg-Āmagga-Ñāṇa-Dassana-Visuddhi-Niddeso*’ (‘Giải Thích Về Đạo&Phi Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh’) PP.xx.6-92.

chúng ta vừa đề cập, đó là vô thường, khổ và vô ngã. Người hành thiền sẽ hiểu rõ được ba đặc tính của năm thủ uẩn quá khứ, tương lai, và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, hạ liệt và cao thượng, xa và gần. Người hành thiền cũng sẽ hiểu rõ được ba đặc tính của sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, mười hai chi phần của duyên sanh, và mười tám giới.[152] Vì lẽ trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng, nên nó cũng là hiệp thế.

4. Trí Quán Sanh Diệt (*Udaya-Bbay-Ānupassanā-Nāṇa*):²⁷⁷ với trí này, người hành thiền sẽ biết và thấy sự sanh và diệt theo nhân duyên và theo sát na của sắc do nghiệp sanh, sắc do tâm sanh, sắc do thời tiết sanh, và sắc do vật thực sanh ở từng sát na của các tiến trình tâm họ phân biệt, từ tâm tục sanh cho đến tâm tử của mỗi kiếp quá khứ mà họ đã phân biệt. Người hành thiền cũng sẽ biết như vậy đối với kiếp hiện tại, và tất cả các kiếp sống tương lai họ phân biệt cho đến khi Bát-Niết-bàn hay sự diệt tối hậu (*Parinibbāna*) của họ. Thực hành theo cách này, người hành thiền sẽ biết và thấy được các hành sanh và diệt như thế nào, và điều này cũng có nghĩa các hành là vô thường khổ và vô ngã. Và vì lẽ trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng, nên nó cũng là hiệp thế.
5. Trí Quán Sự Hoại Diệt (*Bhaṅg-Ānupassanā-*

²⁷⁷ Vsm.xx.723-731 *ibid.*/PP.xx.93-104

Ñāṇa):²⁷⁸ với trí này, người hành thiền cũng sẽ làm như với trí trước, ngoại trừ việc chỉ tập trung trên sự diệt và tan hoại của các hành mà thôi. Thấy các hành theo cách này, người hành thiền sẽ có được trí hiểu biết mạnh mẽ hơn về cách các hành phải chịu vô thường, khổ và vô ngã như thế nào. Ở đây cũng vậy, vì trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng, nên nó cũng là trí hiệp thế.

6. Trí Hiện Khởi Sự Đáng Sợ Hãi (*Bhayat-Upaṭṭhāna-Ñāṇa* — Hán dịch ‘*Bố Uy Hiện Khởi Trí*’): với trí này, tất cả các hành quá khứ, vị lai và hiện tại sẽ xuất hiện đối với người hành thiền như đáng sợ hãi, bởi vì sự hoại diệt không thể tránh được của chúng. Vì lẽ trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng nên nó cũng là hiệp thế.
7. Trí Quán Sự Nguy Hiểm (*Ādinav-Ānupassanā-Ñāṇa* — Hán dịch: *Quá Hoạn Tuy Quán Trí*): với trí này, người hành thiền sẽ đi đến chỗ xem sự sanh, trụ, và diệt của các hành quá khứ, vị lai và hiện tại là nguy hiểm. Vì lẽ trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng nên nó cũng là hiệp thế.
8. Trí Quán Sự Nhàm Chán (*Nibbid-Ānupassanā-Ñāṇa* — Hán dịch: *Yếm Ly Tuy Quán*): với trí này, người hành thiền sẽ chấm dứt sự thích thú đối với các hành quá khứ, vị lai và hiện tại. Và người ấy chỉ xem sự an tịnh của bất-sanh, trạng thái tịnh lạc, là đáng mong muốn. Lúc đó, tâm

²⁷⁸ Chi tiết về trí này cho đến trí thứ mười một, ‘Trí Xả Đối Với Các Hành’ xem VsM.xxi.741-803 ‘*Paṭipadā-Ñāṇa-Dassana-Visuddhi-Niddeso*’ (‘Giải Thích Về Đạo Hành Trí Kiến Thanh Tịnh’) PP.xx.10-127.

người ấy sẽ khuynh hướng về Niết-Bàn một cách tự nhiên.²⁷⁹ Vì lẽ trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng nên nó cũng là hiệp thể.

9. Trí Mong Muốn Giải Thoát (*Muñcitu-Kamyatā-Nāna* — *Hán dịch: Thoát Dục Trí*): với trí này, người hành thiền sẽ phát triển một ước muốn thoát khỏi các hành. Một lần nữa, vì trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng, nên nó cũng là trí hiệp thể.
10. Trí Quán Sự Tinh Sát (*Paṭisaṅkh-Ānupassanā-Nāna* — *Hán dịch: Tinh Sát Tùy Quán Trí*): với trí này, một lần nữa người hành thiền sẽ quán các hành quá khứ, vị lai, và hiện tại đều mang tính chất vô thường, khổ và vô ngã, nhưng với sức mạnh minh sát lớn hơn đã từng trước đây. Trí này vẫn lấy các hành hữu vi làm đối tượng, nên nó là hiệp thể.
11. Trí Xả Đối Với Các Hành (*Saṅkhā-Upekkhā-Nāna* — *Hán dịch: Hành Xả Trí*): với trí này, tưởng của người hành thiền về các hành đã thay đổi: thay vì thấy chúng như đáng sợ hãi hay đáng ưa thích, họ sẽ trở nên dừng dung đối với chúng, xem chúng với một cái tâm trung lập (không ghét cũng không thích).²⁸⁰ Một lần nữa, vì trí này lấy các hành hữu vi làm đối tượng nên nó cũng là hiệp thể. Và nó được xem là cao nhất trong các trí

²⁷⁹ Các trí: Trí Hiện Khởi Sự Đáng Sợ Hãi, Trí Quán Sự Nguy Hiểm, và Trí Quán Sự Nhàm Chán, này cũng được bàn đến ở “Vị Đa Văn Thánh Đệ Tử Trở Nên Nhàm Chán” Tập II.

²⁸⁰ Trí Mong Muốn Giải Thoát, Trí Quán Sự Tinh Sát, và Trí Xả Đối Với Các Hành đã được bàn luận tại ‘Xả Đối Với Ngũ Uẩn’, Tập II.

hiệp thể.

Năm trí còn lại chỉ sanh trong tương quan với sự sanh khởi của các Đạo & Quả Trí. Như vậy mặc dù ba trong năm trí ấy thuộc hiệp thể, chúng ta vẫn không kể chúng trong những minh sát trí hiệp thể.²⁸¹

12. Trí Thuận Thứ (*Anuloma-Nāṇa*): Trí này có thể sanh hai hay ba lần, và chỉ sanh liền trước các Đạo Quả Trí. Nó là trí dọn đường cho sự chuyển tiếp từ tám minh sát trí đã đến trước (tức từ Trí Quán Sự Sanh Diệt đến Trí Xả Đối Với các Hành) với các hành hữu vi làm đối tượng, đến các Đạo Quả Trí với Vô Vi làm đối tượng. Như vậy, mặc dù nó là hiệp thể chúng ta vẫn không kể nó trong số các minh sát trí hiệp thể.²⁸²
13. Trí Chuyển Tộc (*Gotrabhu-Nāṇa*): đây là trí đầu tiên lấy Vô Vi (Niết-Bàn) làm đối tượng. Tuy vậy, nó vẫn là hiệp thể, vì nó chỉ đánh dấu sự thay đổi từ trạng thái phàm nhân (*puthu-jjana*) sang Thánh nhân (*Ariya*).
14. Thánh Đạo Trí (*Magga-Nāṇa*): đây là trí đầu trong hai trí siêu thể. Nó lấy Vô Vi (Niết-Bàn) làm đối tượng, và là sự sanh khởi đầu tiên của Bát Thánh Đạo siêu thể trong tương tục danh sắc. Nhờ trí này, một số phiền não bị tiêu diệt hoặc yếu đi. Với A-la-hán Thánh Đạo Trí, tất cả phiền não sẽ bị huỷ diệt.

²⁸¹ Chi tiết liên quan đến các trí này, xem bảng/và các ghi chú dưới mục '5e: Tiến Trình Đạo' Tập II.

²⁸² Trí Thuận Thứ (*Anuloma Nāṇa*): trí này tương ứng với hai hay ba tốc hành tâm đi trước Trí Chuyển Tộc: xem bảng đã nói ở trước.

15. Thánh Quả Trí (*Phala-Ñāṇa*): đây là trí thứ hai trong hai trí siêu thế. Trí này có thể sanh lên hai hay ba lần, và là kết quả trực tiếp của Nghiệp Đạo (*Magga-Kamma*).
16. Trí Phản Khán hay Quán Sát (*Paccavekkhaṇa-Ñāṇa*):²⁸³ trí này chỉ khởi lên sau khi các Đạo & Quả Trí đã sanh. Nó khởi lên trong tiến trình tâm kế, và bao gồm năm sự xem xét: xem xét về Đạo, xem xét về Quả, xem xét về Niết-Bàn, và có thêm sự xem xét những phiền não đã được đoạn trừ cũng như những phiền não nào còn lại, cho đến khi một người đã đạt đến A-la-hán Thánh Đạo.

Mười sáu minh sát trí này chúng ta sẽ bàn đến chi tiết hơn trong một chương sau, khi bàn về **‘sự không vận hành’ của nghiệp**.

Như đã nói ở trước, tu tập minh sát (*vipassanā-bhāvanā*) chỉ có độc nhất trong Giáo Pháp của Đức Phật, nó không có ở các giáo pháp khác. Cũng vậy tu tập tịnh chỉ như một khí cụ cho minh sát (*vipassanā-pāḍaka-jjhāna*: bậc thiền làm căn bản cho minh sát) là nét độc đáo đối với Giáo Pháp của một Đức Phật.²⁸⁴

NHỮNG VẬN HÀNH CỦA THIỀN MINH SÁT

²⁸³ Trong các bản kinh, trí này được nhắc đến cùng với sự mô tả của một vị A-la-hán: ‘Giải thoát trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát.”’ Xem trích dẫn và luận bàn dưới mục ‘Những Gì Cần Làm Đã Làm Xong’, Tập II. Chi tiết liên quan đến trí này, xem bảng và ghi chú dưới mục “Trí Quán Sát” Tập II.

²⁸⁴ VbA.XVI.x.3.770 ‘*Tika-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (Mô Tả về Ba Giải Thích) D.D.XVI.x.2085

Ở đây, khi một người bố thí hay hành giới, tâm của họ có thể phối hợp hay không phối hợp với ***Nghiệp Sở Hữu Trí*** (gọi tắt hợp trí hay ly trí). Nhưng, cũng như trong thiền chỉ, tâm thiền đích thực luôn luôn phối hợp với trí (đó là trí hiểu biết về đối tượng thiền), tâm minh sát đích thực cũng vậy, luôn luôn phối hợp với trí (*ñāṇa-sampayutta*: hợp trí)²⁸⁵ hiểu biết về tam tướng hay ba đặc tính của danh hoặc sắc chơn đế.

Trí đó được gọi là minh sát trí (*vipassanā-ñāṇa*), minh sát tuệ (*vipassanā-paññā*), hay Chánh Kiến Minh Sát (*Vipassanā Sammā-ditṭhi*). Tuy nhiên việc tu tập minh sát của một người có thể là hạ liệt (*omaka*) hoặc cao thượng (*ukattṭha*), tùy theo.

Minh Sát Hạ Liệt

Cái gì làm cho thiền minh sát của một người trở thành hạ liệt (*omaka*)? Nếu, trước hoặc sau các tâm minh sát, tâm của một người phối hợp với các pháp bất thiện, thời đó là hạ liệt.

Chẳng hạn, một người có thể tu tập thiền minh sát bởi vì đó là tục lệ hay truyền thống, hoặc bởi vì tôn giáo của họ bảo phải như vậy. Và một người cũng có thể tu tập thiền minh sát bởi vì họ muốn có thanh danh, và được mọi người kính trọng, hoặc có thể thiền minh sát đã trở thành một thứ thời trang! Thậm chí, một người có thể tu tập minh sát bởi vì họ sợ bị khiển trách.[153]

²⁸⁵ Trong khi hành thiền minh sát, có thể có những tâm không nhận biết đối tượng một cách đúng đắn với minh sát trí: trong trường hợp đó tâm kể như không có trí. Có thể nói một cách chính đáng là tâm ấy không phải là tâm minh sát ‘đích thực, xác thực’. Xem “Năm Loại Trí” trang 113.

Lại nữa, một người có thể tu tập minh sát bởi vì họ muốn đạt đến **Bát-Tử**. Nhưng do không có thầy, hoặc có nhưng không phải là một người thầy có khả năng thích hợp. Trong trường hợp đó, việc tu tập của họ có thể sai. Chẳng hạn, họ có thể nghĩ không cần phải tu tập giới, và không cần phải tu tập định (*samādhi*). Hoặc họ cũng có thể hành minh sát trên khái niệm (sự thực chế định): đau lưng hay đau gối²⁸⁶, phóng tâm,... Trong trường hợp đó, họ không có trí hiểu biết về danh chơn đế (*paramattha-nāma*) và sắc chơn đế (*paramattha-rūpa*): Danh Sắc Xác Định (Phân Tích) Trí (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*).²⁸⁷ Hay một người cũng có thể nghĩ hành thiền minh sát là để tìm cái chân ngã bên trong, một cái ngã bất tử: ‘cái ngã năng tri’ hay ‘cái hằng biết’. Một người cũng có thể tu tập minh sát với quan niệm cho rằng người ta phải quán sát chỉ hiện tại, không cần phân biệt hay quán duyên sanh để đạt đến Trí Phân Biệt (Năm Bất) Nhân Duyên — *Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*.²⁸⁸ trong trường hợp đó, họ tu tập minh sát không có trí hiểu biết về Thánh Đế Thứ Hai, đó là Thánh Đế Về Nguồn Gốc Của Khổ (Tập Đế), vốn là những vận hành của nghiệp.²⁸⁹ Có người thậm chí tu tập minh sát nhưng không tin những vận hành của nghiệp.

Một người cũng có thể đạt đến một mức độ định nào đó, và rồi họ chìm (*otarati*) vào tâm hữu phần,²⁹⁰ và nghĩ đó

²⁸⁶ Theo Lời Dạy của Đức Phật, thọ khổ là ở trong tâm, còn ở lưng hay đầu gối của một người là sự không quân bình của các đại, gây ra bởi địa đại, hay một đại nào đó quá thịnh.

²⁸⁷ Danh Sắc Xác Định Trí: xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’ trang 176.

²⁸⁸ Trí Phân Biệt Nhân Duyên: xem thêm ở trang 177.

²⁸⁹ Xem ‘Điểm Mấu Chốt của Phật Pháp’, trang 78.

²⁹⁰ Chìm vào hữu phần: VsM.iv.58 ‘*Bhāvanā-Vidhānam*’ (‘Những Chi Dẫn Về Thiên’) PP.iv.33 giải thích: ‘Ở đây, tâm trở nên định tĩnh trên cận định

trạng thái Bất Từ: ‘Tôi không biết gì hết lúc đó!’²⁹¹[154] Tâm là vô vi!²⁹² Chìm vào hữu phần rất dễ xảy ra khi định của

(*upacāra*) nhờ loại trừ các triền cái, và trên an chỉ định nhờ sự thể hiện của các thiền chi. Sự khác nhau giữa hai loại định là như vậy. Trong cận định các thiền chi không mạnh. Chính bởi vì chúng không mạnh nên khi cận định sanh, tâm lúc thì lấy tướng làm đối tượng và lúc thì nhập lại vào hữu phần (*bhavaṅga*), giống như khi một đứa bé được nâng lên cho đứng trên đôi chân của nó, nó luôn té lại xuống đất vậy.’ Do thiếu trí người ta có thể nghĩ có loại tâm không đối tượng, bởi vì họ không biết về tâm hữu phần, và không thể phân biệt được đối tượng của nó. Với sự thực hành để nhập vào hữu phần trong nhiều giờ như vậy, người ta có thể tin đó là Chứng Quả. (Để biết thêm chi tiết về tâm hữu phần, xem ghi chú 262, trang 209, và bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101)

²⁹¹ ‘*Tôi không biết gì hết*’: với sự sanh khởi của Thánh Đạo và Thánh Quả, Vô Vi hay Niết Bàn được nhận thức bởi một tâm với ít nhất ba mươi ba tâm sở (nếu đó là tâm đạo tứ hoặc ngũ thiền) và tối đa ba mươi sáu tâm sở (nếu đó là tâm đạo sơ thiền: xem bảng ‘3d: Danh Pháp của Tâm Siêu Thế’ Tập II): chẳng hạn, thọ cảm giác trạng thái an lạc của Niết-Bàn, tưởng nhận rõ Niết-Bàn, tư quyết định tâm và các tâm sở nhận thức Niết-Bàn, nhất tâm tập trung chúng (tâm, tâm sở) trên Niết-Bàn, tác ý làm cho chúng chú tâm đến Niết-Bàn, quyết định xác định đối tượng là Niết-Bàn, tinh tấn làm cho tâm và tâm sở nhận thức Niết-Bàn, hỷ làm phần chấn chúng, dục mong muốn chúng trải nghiệm Niết-Bàn, tín tin tuyệt đối vào Niết-bàn, niệm làm cho tâm và tâm sở hay biết trọn vẹn về Niết Bàn, tuệ căn hiểu biết đầy đủ về Niết Bàn, và tuệ tri Tứ Thánh Đế bằng cách ấy. Thêm nữa, liền sau đó, Trí Quan Sát hay Phân Khán khởi lên, làm nhiệm vụ xem xét lại Đạo Trí, Quả Trí, và Niết Bàn (xem bảng ‘5e: Tiến Trình Đạo’, Tập II). Như vậy, sự sanh khởi của Đạo Trí và Quả Trí được phối hợp với cái biết, chứ không phối hợp với cái không biết (tôi không biết gì cả, lúc đó!).

²⁹² Theo Giáo Lý của Đức Phật, danh-sắc và các nhân của chúng là các hành (saṅkhāra): nói chung là năm uẩn. Niết Bàn không cả hai: Niết Bàn là Vô Vi hay Vô Hành (*Vi-Saṅkhāra/A-Saṅkhata*) (xem trích dẫn ghi chú cuối chương 34, trang 47 và 270, trang... Tập II). Và việc chứng ngộ Niết Bàn đòi hỏi phải có sự hình thành của tâm nhận thức nó: ‘*Tâm hướng đến vô vi* (*Visaṅkhāra-gata-citta*) (ref. Dhp.xi.9). Nhưng tâm, là một trong năm uẩn (Thánh Đế Thứ

một người chưa phát triển đầy đủ.

Với thiên minh sát hạ liệt như vậy, người ta vẫn có thể được xem là rất thành công. Tại sao? Bởi vì họ có thể đắc được những thứ mà họ nghĩ lầm là minh sát trí; họ có thể đắc được những gì mà Đức Phật gọi là tà trí (*micchā ñāṇa* và tà giải thoát (*micchā vimutti*)).^[155] Nhưng do những trí đó không phải là minh sát trí thực, nên họ không thể đè nén hay loại trừ các phiền não; và chúng cũng không dẫn đến một Đạo Quả Trí (*Magga-Phala-Ñāṇa*) nào.

Theo đó, sự tu tập minh sát của một người không phối hợp với trí hiểu biết đúng đắn về khổ, trí hiểu biết đúng đắn về nguồn gốc của khổ, trí hiểu biết đúng đắn về sự diệt khổ, và trí hiểu biết đúng đắn về con đường dẫn đến sự diệt khổ. Sau nhiều năm tu tập, sự việc này có thể trở nên rõ ràng, và lúc đó họ có thể mất hết niềm tin trong sự tu tập; họ có thể nghĩ việc tu tập của Đức Phật không thực sự đoạn tận khổ, và họ từ bỏ nó.

Lại nữa, một người thực sự có thể đã đắc Trí Phân Biệt Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*); có thể họ đã thực sự phân biệt được danh và sắc chân đế của quá khứ, tương lai và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, cao thượng và hạ liệt, xa và gần. Nhưng họ trở nên chán nản và lơ là, thái độ tu tập với sự nhẫn nại và lòng kính trọng đề tài thiên của mình càng lúc càng giảm đi. Hoài nghi lúc đó sẽ luôn luôn khởi: ***‘Liệu điều này có thực sự cần thiết không?’*** hay ***‘Chắc ta không thể thành công! Ta không có đủ Ba-la-mật!’*** Họ trở nên dễ chán và phân tâm, họ cũng dễ dàng tìm được lời bào chữa cho việc không thực hành của mình: họ có thể thân cận với những bạn bè xấu, những người

Nhất), nên bản thân nó không thể là vô vi. Xem thêm ‘Những Điều Không Thể Xây Ra Đối Với Tâm’

không có tín, tấn, niệm, định và tuệ. Do đó, nếu có ngồi xuống hành thiền, họ cũng ngồi một cách miễn cưỡng. Cuối cùng, họ bỏ luôn việc hành thiền.

Một người có thể tiến triển qua các minh sát trí, nhưng cũng phát triển một trong mười tùy phiền não của minh sát (*vipasan-upakkilesa*):²⁹³

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------------|
| 1) Ánh sáng...(<i>obhāsa</i>) | 6) Quyết định....(<i>adhimokkha</i>) |
| 2) Trí.....(<i>Nāṇa</i>) | 7) Tinh tấn.....(<i>paggaha</i>) |
| 3) Hỷ.....(<i>pīti</i>) | 8) Thiết Định.....(<i>upaṭṭhāna</i>) |
| 4) Khinh an..(<i>passaddhi</i>) | 9) Xả.....(<i>upekkhā</i>) |
| 5) Lạc.....(<i>sukha</i>) | 10) Dục cầu.....(<i>nikanti</i>) |

Dục cầu (một dạng của tham) là một tùy phiền não đúng như được gọi, vì trong mọi trường hợp nó đều là bất thiện. Nhưng chín tùy phiền não còn lại không phải là tùy phiền não đúng theo tên gọi. Ánh sáng là sắc, và tám tâm sở kia tự thân chúng là thiện. Nhưng sở dĩ ở đây chúng được gọi là những tùy phiền não là vì chúng có thể làm phát sanh những tâm bất thiện. Do sự hiểu biết không đầy đủ của bản thân hay của người thầy về Pháp, người ta có thể nghĩ một trong những tùy phiền não trên là sự chứng đắc Đạo Quả Trí. Từ đó họ có thể khởi lên tà kiến (*diṭṭhi*), ngã mạn (*māna*), hoặc tham ái (*taṇhā*), khiến cho thiền minh sát của họ trở thành hạ liệt.

Lại nữa, một người có thể thành công, và thực sự đắc các minh sát trí. Nhưng ngã mạn có thể khởi lên, và họ có thể đi đây đi đó khoe khoang về những thành tựu của mình, nói về những sở đắc của mình để gây ấn tượng với người

²⁹³ Xem VsM.xx.732-735 ‘*Vipassan-Upakkilesa-Kathā*’ (‘Luận Về Các Tùy Phiền Não Minh Sát’) PP.xx.105-125.

khác.

Trên đây là những ví dụ cho thấy thiền minh sát của một người có thể bị xen lẫn bởi vô vàn tâm bất thiện có gốc ở tham, sân, và si: không phối hợp tà kiến hoặc phối hợp với tà kiến (*micchā diṭṭhi*) như thế nào. Chính những điều đó làm cho thiền minh sát của một người trở thành hạ liệt. Nếu một người không hiểu rõ đề tài thiền của mình, đôi khi thiền của họ cũng là thiền ly trí (không phối hợp với trí tuệ hay vô si), điều này làm cho minh sát của họ trở thành hạ liệt, nhị nhân (*dvi-hetuka*), và tâm quả sẽ là vô nhân (*ahetuka*). Trường hợp một người hiểu rõ đề tài thiền của mình, thì thiền đó là hợp trí, nhưng ngay cả như vậy sự đan xen của của vô vàn tâm bất thiện cũng làm cho thiền minh sát của họ hạ liệt, tam nhân (*ti-hetuka*): điều đó có nghĩa rằng tâm quả sẽ chỉ là nhị nhân (*dvi-hetuka*).

Minh Sát Cao Thượng

Vậy, cái gì làm cho thiền minh sát của một người thành cao thượng (*ukkaṭṭha*)? Nếu, trước hay sau các tâm minh sát, tâm họ phối hợp với các pháp thiện, thì đó là minh sát cao thượng.

Pháp hành cao thượng được phối hợp với niềm tin kiên định (*okappana-saddhā*) trong việc tu tập²⁹⁴. Và người ấy được một người thầy có đầy đủ khả năng thích hợp chỉ dẫn. Người ấy tu tập trong giới, và để có thể tu tập minh sát, người ấy phát triển hoặc cận định mạnh mẽ, hoặc định của bậc thiền. Và người ấy tu tập để chọc thủng vào danh và sắc chân đế (*paramattha-rūpa&nāma*): để đạt đến Trí Xác Định

²⁹⁴ Để hiểu biết thêm về loại tín này, xem ‘Tín’, cuối Tập II.

Danh Sắc (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*).²⁹⁵ Người ấy tu tập để phân biệt duyên sanh: nhằm đạt đến Trí Phân Biệt Nhân Duyên (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*).²⁹⁶

Nếu có chìm vào tâm hữu phần, người ấy biết đó không phải là Bất Tử (Niết Bàn), và vị thầy của người ấy cũng biết cách làm thế nào để ngăn không cho tình trạng đó xảy ra: bằng cách tu tập có hệ thống, với sự nhẫn nại và tôn kính đề mục thiền của mình. Nếu thành công có đến chậm, người ấy kiên trì: ‘Điều đó có thể làm được!’ ‘Ta phải làm điều đó!’ ‘Ta có thể làm được điều đó!’ Khi bị chán nản và trao cử, người ấy tự khích lệ mình, hoặc được bạn bè tốt, những người có tín, tấn, niệm, định và tuệ, khích lệ. Khi ngồi xuống hành thiền, người ấy ngồi với đức tin và sự hoan hỷ, hoặc ít nhất cũng với thái độ xả.

Theo cách đó người ấy có thể phân biệt năm uẩn quá khứ, vị lai và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, cao thượng và hạ liệt, xa và gần. Nếu có phát sanh mùi vị phiền não minh sát, người ấy biết cách làm thế nào để vượt qua chúng, và tiến bộ thêm.

Với sự thực hành như vậy, tùy theo nỗ lực hiện tại và Ba-la-mật quá khứ, sớm muộn gì người ấy cũng có thể đạt đến Đạo Quả đích thực. Đó là phước nghiệp sự cao nhất: một phước nghiệp sự thuộc về siêu thế (*lokuttara*).

Trên đây là những ví dụ cho thấy thiền minh sát của một người có thể xen lẫn với vô vàn tâm thiện phối hợp với vô tham, và vô sân như thế nào. Nếu một người không hiểu rõ đề tài thiền của mình, đôi khi thiền đó không phối hợp với

²⁹⁵ Trí Xác Định Danh Sắc hay Trí Phân Biệt Danh Sắc: xem ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’ trang 176.

²⁹⁶ Trí Phân Biệt Nhân Duyên: xem thêm trang 176-177.

vô si (ly trí), điều này khiến cho thiên minh sát của họ dù cao thượng, nhưng chỉ là nhị nhân: và cũng có nghĩa rằng tâm quả sẽ là nhị nhân (*dvi-hetuka*). Nếu người ấy hiểu rõ đề tài thiên của mình, thiên đó kể như phối hợp với vô si, và làm cho thiên minh sát của họ cao thượng, tam nhân (*ti-hetuka*): điều đó có nghĩa rằng tâm quả sẽ là tam nhân.²⁹⁷

Đến đây đã kết luận sự giải thích của chúng tôi về ba phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*): bố thí (*dāna*), trì giới (*Sīla*), và tu thiền (*bhāvanā*). Chúng bao gồm hết thảy mọi tâm thiện: hoặc nhị nhân, hoặc tam nhân; hoặc hạ liệt hoặc cao thượng.

QUẢ THIÊN

Khi một nghiệp (được làm) với tam nhân chín mùi vào thời cận tử, tâm quả tục sanh (*paṭisandhi-citta*) sẽ là thiện, điều này có nghĩa là người ấy sẽ được tái sanh trong cõi nhân loại hoặc cõi chư thiên, hoặc vào một trong các phạm thiên giới.²⁹⁸ Sự kiện này không thể xảy ra ngược lại.²⁹⁹

- Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây một người đầy đủ thân hành thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này không xảy ra.

Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân hành thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi

²⁹⁷ Chi tiết, xem ‘1f: Hạ Liệt và Cao Thượng; Các Căn và Quả’, trang 122.

²⁹⁸ Xem tâm quả thiện, các bảng 1b, trang 124, 1c trang 126, và 1d trang 363.

²⁹⁹ A.I.xv.2 ‘*Atthāna-Pāḷi*’ (‘Kinh Không Thể Xảy Ra’)

lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này có xảy ra.

- Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây một người đầy đủ khẩu hành thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này không xảy ra.

Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ khẩu hành thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này có xảy ra.

- Sự kiện này không thể xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có trường hợp ở đây một người đầy đủ ý hành thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này không xảy ra.

Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ ý hành thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này có xảy ra.

THIỆN NGHIỆP VÀ VÔ MINH/THAM ÁI

Đến đây, chúng ta đã biết rằng khi có tái sanh, thì cũng có vô minh và tham ái. Vì thế, khi một thiện nghiệp chín mùi vào lúc chết, và chúng ta có được một sự tái sanh an vui, thử hỏi vô minh và tham ái có thể có như thế nào?

Tiến trình tâm cuối cùng trước khi sự chết xảy ra không có vô minh và tham ái, điều đó đúng. Và tâm tục sanh không có vô minh và tham ái, điều đó cũng đúng. Nhưng quý vị thấy, do vô minh và tham ái vẫn chưa bị huỷ diệt, nên chúng chắc chắn sẽ khởi lên khi những điều kiện thích hợp có mặt. Nói chung, vô minh và tham ái vẫn hiện hữu như

những lực ngũ ngâm (*anusaya*) trong chúng ta. Đó là lý do vì sao, dù một người có được tái sinh trong một sanh thú bất hạnh hay trong một sanh thú an vui, tiến trình tâm đầu tiên khởi lên trong một kiếp sống vẫn luôn luôn là bất thiện, phối hợp với vô minh và tham ái: ở đây là hữu ái (*bhava-taṇhā*). Đó là điều hiển nhiên. Nếu nó không là vậy, sự tái sinh ắt sẽ không xảy ra.³⁰⁰

Đây là lý do tại sao Đức Phật luôn luôn khuyên chúng ta nên chấm dứt tái sinh. [156] Sự chấm dứt tái sinh xảy ra khi một tâm khởi lên cùng với căn vô si cao thượng nhất, đó là tâm A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Nāna*) lấy Niết-Bàn làm đối tượng. Nhưng để cho trí ấy khởi lên, chúng ta cần phải hoàn tất rất nhiều thiện nghiệp cao thượng: thiện nghiệp tam nhân cao thượng. Chỉ khi có thiện nghiệp đầy đủ từ kiếp quá khứ và kiếp hiện tại, chúng ta mới có thể đắc A-la-hán Thánh Đạo Trí.³⁰¹ Với A-la-hán Thánh Đạo Trí các căn thiện và bất thiện đều bị huỷ diệt, điều này có nghĩa rằng không còn tạo tác nghiệp nữa. Tư (*cetanā*) của vị A-la-hán là duy tác thuần túy.³⁰² Vào lúc Bát Niết-Bàn (sự diệt tối hậu) của vị ấy, không có tái sinh thêm nữa.³⁰³

CÁC NGHIỆP ĐẠO

Đến đây chúng ta sẽ bàn về những gì Đức Phật gọi là nghiệp đạo (*kamma patha*). Khi Đức Phật giải thích lý do tại sao các chúng sanh có người tái sinh an vui, kẻ phải tái sinh

³⁰⁰ Xem bảng '5a: Chết và Tái Sinh' trang 101

³⁰¹ Xem 'Minh và Hạnh', trang 277.

³⁰² Để biết thêm chi tiết liên quan đến tư của bậc A-la-hán, xem 'Tư Thiện và Tư Bất Thiện' trang 82.

³⁰³ Xem thêm 'Sự Không Vận Hành của Nghiệp' cuối Tập II.

bất hạnh, ngài thường nói về các thiện nghiệp đạo và bất thiện nghiệp đạo.³⁰⁴

- 1) Mười bất thiện nghiệp đạo (*dasa akusala-kamma-patha*):
 - i. ba thân nghiệp bất thiện (*akusala kāya-kamma*)
 - ii. bốn khẩu nghiệp bất thiện (*akusala vacī-kamma*)
 - iii. ba ý nghiệp bất thiện (*akusala mano-kamma*)
- 2) Mười thiện nghiệp đạo (*dasa kusala-kamma-patha*):
 - i. ba thân nghiệp thiện (*kusala kāya kamma*)
 - ii. bốn khẩu nghiệp thiện (*kusala vacī kamma*)
 - iii. ba ý nghiệp thiện (*kusala mano kamma*)

MƯỜI BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO

BA THÂN NGHIỆP BẤT THIỆN

Chúng ta hãy xem lại lời giải thích của Đức Phật về mười bất thiện nghiệp đạo: thế nào là bất thiện nghiệp đạo, và các căn (tham, sân, si) của chúng.³⁰⁵ Trước tiên, Đức Phật giải thích ba loại thân nghiệp bất thiện.³⁰⁶

Và này các Tỷ kheo, ba loại thân nghiệp làm lỗi và

³⁰⁴ A.X.IV.ii.10 ‘*Cunda-Suttam*’ (‘Kinh Cunda’)

³⁰⁵ Tất cả những chi tiết liên quan đến các căn của mười bất thiện nghiệp đạo đã được rút ra từ DhSA.I.iii.1. ‘*Akusala-Kamma-Patha-Kathā*’ (Luận Về Bất Thiện Nghiệp Đạo’) E.126-135. (Cũng xem trích dẫn ghi chú cuối chương 159, trang 547.) Về những chi tiết liên quan đến ba căn, xem trích dẫn trang 90, và liên quan đến hợp/không hợp tà kiến, xem trích dẫn ghi chú cuối chương 77, trang 511.

³⁰⁶ A.X.V.i.7 ‘*Paṭhama-Saṅcetanika-Suttam*’

không thích hợp, thuộc tư (chủ ý) bất thiện, cho quả khổ đó là thế nào?

SÁT SANH

Ở đây, này các Tỳ kheo, có người là người sát sanh:

hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đã thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.

Tại sao người ta lại giết hại kẻ khác? Chính là vì tham (*lobha*) hoặc vì sân (*dosa*). Và chắc quý vị đã biết, khi có tham hoặc sân, thì cũng luôn luôn có si. Như đã giải thích trước đây, si là tin rằng thực sự có chúng sanh khác: một người nữ, một người nam, một con bò, một con cá...

Người đồ tể và người đánh cá sát sanh như một nghề làm ăn: hành động đó là tham, bởi vì họ muốn được hưởng các dục lạc. Một người lính cũng vậy, sát sanh do tham, nhưng họ cũng có thể sát sanh do sợ hãi hoặc sân hận. Một người làm nông cũng có thể sát sanh để bảo vệ mùa màng: hành động sát sanh của họ là tham vì họ cũng muốn được hưởng các dục lạc, và là sân bởi vì họ có lòng tức giận đối với những chúng sanh đã phá hoại mùa màng của họ. Một người cũng có thể sát sanh để làm cho nhà cửa hay vườn tược của mình được đẹp hơn: hành động đó là tham vì họ muốn cho căn nhà hay khu vườn của mình được đẹp, và đó là sân bởi vì họ có lòng giận dữ đối với các loại côn trùng hoặc sâu bọ khác làm cho nhà hay vườn của họ không được đẹp. Theo cách tương tự, một người bác sĩ, như một nghề làm ăn, có thể giết một bệnh nhân bị căn bệnh nan y không phương cứu chữa. Gia đình nạn nhân có thể đồng ý hay yêu cầu (vị bác sĩ) khai tử bệnh nhân vì họ không muốn thấy

người bệnh bị đau đớn như vậy. Điều này cũng tương tự khi người ta nhờ giết một con vật bị bệnh: họ không muốn nhìn thấy cảnh con vật quằn quại đau đớn. Một người bác sĩ cũng có thể thực hiện công việc nạo, phá thai như một nghề làm ăn của mình: đó là tham. Và người mẹ yêu cầu bác sĩ làm công việc phá thai cho mình là vì cô ta không muốn nuôi con. Cô ta muốn được tự do (tham), và ghét đứa con (sân) vì sợ nó cản trở sự tự do của cô ta. Nếu đứa bé bị dị tật, cô ta có thể ghét nó vì nó không bình thường, và bởi vì nó sẽ đòi hỏi nhiều sự chăm sóc hơn. Nếu người mẹ bị hiếp dâm, cô ta cũng thực hiện sự phá thai bởi vì ghét người đàn ông đã hãm hiếp cô, hay bởi vì ghét đứa con (chưa ra đời), mà cô cho là giống người đàn ông đó. Trong mọi trường hợp, đều có si (*moha*)³⁰⁷ phối hợp. Và nếu một người nghĩ rằng sát sanh không có gì sai, hay nghĩ sát sanh bằng cách này hay cách khác là chánh đáng, thời nghiệp đó sẽ phối hợp với tà kiến (*ditthi-sampayutta*): trong trường hợp này là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Ngược lại, nghiệp sát sanh là ly tà hay không hợp với tà kiến (*ditthi-vippayutta*).

Mặc dù, trước khi sát sanh tâm có thể hoặc là tham hoặc là sân, song vào lúc thực sự giết một chúng sinh khác, tâm chỉ có sân và si. Không thể có chuyện giết một chúng sinh khác mà tâm không có sân và si được.

³⁰⁷ Giải thích về những loại khổ khác nhau, VsM.xvi.540 ‘*Jāti-Niddeso*’ (‘Giải Thích về Sanh’) (PP.xvi.39) mô tả, chẳng hạn, sự đau đớn của phá thai: ‘Khi người mẹ phá thai, sự đau đớn khởi lên nơi thai nhi do bị cắt xé ngay tại chỗ cái đầu khởi lên, điều đó bạn bè, thân thuộc nhìn còn không thấy thích hợp nữa: đây là cái khổ bắt nguồn từ sự phá thai. ‘Đối với sự sanh khởi của thức và thọ vào lúc thụ thai và trong thời kỳ thai nghén, xem giải thích trang 196, và ‘Sanh’ cuối Tập II.

Sau khi giải thích bất thiện nghiệp sát sanh, Đức Phật giải thích tiếp bất thiện nghiệp trộm cắp.

TRỘM CẮP

Có người là người lấy cắp những gì không được người khác cho: đó là những tài sản và vật sở hữu của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, do lấy cắp nên người ấy là kẻ trộm cắp những gì không được cho.

Trộm cắp cũng do: hoặc là tham và si, hoặc là sân và si. Một người có thể trộm cắp do tham đối với món vật, hay một người có thể trộm cắp do ghét người chủ sở hữu (của món vật đó). Vào lúc thực sự lấy vật ấy, có thể có sự vui thích ('*hatṭha*', căn tham), hoặc sợ hãi ('*bhīta*', căn sân): họ có thể sợ rằng ai đó sẽ khám phá ra những gì họ đang làm; họ có thể lo sợ bởi vì họ biết họ đang làm một chuyện xấu. Trong cả hai trường hợp, đều có si (*moha*).

Và nếu họ nghĩ chẳng có gì sai khi lấy tài sản của người khác, hoặc nếu họ nghĩ dù thế nào đi nữa lấy tài sản của người khác cũng là chính đáng, thời nghiệp họ làm là hợp với tà kiến (*ditṭhi-sampayutta*): có nghĩa là hợp với quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Ngược lại, nghiệp trộm cắp là ly tà (*ditṭhi-vippayutta*).

Sau khi giải thích bất thiện nghiệp trộm cắp xong, Đức Phật giải thích tiếp về bất thiện nghiệp tà dâm.

TÀ DÂM

Một người được xem là người phạm tà dâm:

- [1] với người nữ có sự giám hộ của mẹ,
 [2] với người nữ có sự giám hộ của cha,
 [3] với người nữ có sự giám hộ của cha mẹ,
 [4] với người nữ có sự giám hộ của anh,
 [5] với người nữ có sự giám hộ của chị,
 [6] với người nữ có sự giám hộ của thân quyến,
 [7] với người nữ có sự giám hộ của gia đình,
 [8] với người nữ có sự giám hộ của một cộng đồng
 tôn giáo,
 [9] với người nữ có sự giám hộ của chồng,
 [10] với người nữ đang được giao cho một hình
 phạt, thậm chí với người nữ đã được đeo cho một
 vòng hoa [hứa hôn], đều được xem là người phạm
 tội tà dâm.³⁰⁸ [157]

³⁰⁸ DhST. *ibid.* giải thích: Những Người Nữ Có Sự Giám Hộ Của Một Cộng Đồng Tôn Giáo (*dhamma-rakkhitā*-Pháp Bảo Hộ): sự giám hộ của những tín đồ cùng chung tôn giáo (*saha-dhmmikehi rakkhitā*) [theo Vin.Pārṭ.303, thì đó là những du sĩ mặc áo trắng (*paṇḍar-aṅga-paribbājaka*),..., người cùng thực hành dưới một vị thầy (*eka satthā*). Nếu định nghĩa rộng thì nó bao gồm tất cả tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào. Trong Giáo Pháp của Đức Phật, nó bao gồm Tỳ kheo ni, Thức Xoa Ma na, và sa-di ni). NHỮNG NGƯỜI NỮ ĐANG ĐƯỢC GIAO CHO MỘT HÌNH PHẠT (*saparidaṇḍā*): đó là những người nữ đang chịu sự hình phạt của vua (*raññā daṇḍo*).

Trong Vin.PārṭII.v.303 ‘*Sañcarita-Sikkhaa-Padam* (Học Giới Làm Mai Mối)’, Đức Phật đưa ra hai mươi loại người không được đến gần (*agamanīya-vatthu*). Trong đó, Ngài giải thích Những Người Nữ Có Chồng kể như đang ở dưới sự giám hộ (*sārakkhā*) <người đã (được cha mẹ) hứa hôn khi còn nằm trong bào thai, hay, như ở đây, ‘được trang điểm với một vòng hoa’>, và sau đó Ngài đưa ra mười loại riêng biệt của những người nữ đã có chồng <dưới sự giám hộ của một người chồng: mười loại này được liệt kê trong ghi chú cuối chương 157, trang 545>: loại thứ mười là vợ trong thoáng chốc (*muhuttika/taṅkhaṇika*), chẳng hạn như gái điếm hoặc kỹ nữ. Như vậy, DhSA. *ibid.*/E. *ibid.* cũng đưa ra mười loại người nữ đã có chồng này, và giải

Tà dâm, ngoại tình,³⁰⁹ là do tham dục và si mê, hoặc do sân và si mê.

Đối tượng của một người có thể là một người nữ hoặc một người nam. Người ta có thể tà dâm do sự thèm khát đối với đối tượng, hay họ có thể làm điều đó do sân hận, muốn làm hại người ấy, hay làm hại gia đình người ấy,... Tuy nhiên, do gì không biết, nhưng vào lúc thực sự hành dâm,

thích rằng tà dâm chỉ được phạm bởi người nữ đang ở dưới sự giám hộ của người chồng, còn người nữ đang chịu một hình phạt, và mười loại vợ (trong trường hợp thứ tám đang ở dưới sự giám hộ khác hơn sự giám hộ của người chồng, thì điều này tương ứng với tội hiếp dâm theo luật định hơn, vì ở đây người đàn ông phạm tội còn người nữ thì không <đoạn văn bị dịch nhầm trong bản tiếng Anh, E.ibid.>). Nếu giới đức của đối tượng mà một người phạm tội càng lớn tội sẽ càng nặng. ItiA.iii.5 ‘*Putta-Suttam*’ (‘Kinh Người Con Trai’, giải thích thêm rằng lòng dục bên phạm (tội) càng lớn thì tội càng nặng. Tội sẽ ít nghiêm trọng (nhưng vẫn là một thân nghiệp đạo bất thiện đầy đủ) khi cả hai bên đều đồng ý, nhưng sẽ nghiêm trọng hơn rất nhiều nếu một trong hai bên dùng đến sự thuyết phục hay vũ lực. Cũng xem ghi chú kế tiếp.

³⁰⁹ Tà dâm/ngoại tình: trong tiếng Anh, ‘adultery’ một cách chính đáng, chỉ nói đến sự thông dâm giữa một người nữ/nam đã có chồng/vợ với một người khác hơn chồng/vợ của mình, dù người đó đã có gia đình hay không. Nhưng theo phân tích của Pāli về những người không được đến gần (*agamanīya-vatthu*) (xem ghi chú 351), bất thiện nghiệp tà dâm bao gồm sự hành dâm với bất cứ người nào không phải là vợ/chồng của mình (Kinh Thánh xem đây là ‘tội gian dâm’), nghĩa là nó cũng được xem như tội hiếp dâm theo luật định (giao cấu với người dưới tuổi kết hôn hay vị thành niên), sự giao cấu (hành động của bên chưa kết hôn trong việc thông dâm, cũng như sự giao cấu giữa những người chưa kết hôn), sự dụ dỗ/xúc phạm người còn trinh tiết, và hiếp dâm. Tuy nhiên, một người làm điểm chuyên nghiệp thì thuộc một trong mười loại vợ, gọi là ‘vợ có kỳ hạn’ hay ‘vợ tạm thời’. Mặc dù vậy nếu một gái điếm đã được thoả thuận với một người đàn ông nào đó rồi, thì bất cứ người nào đi đến cô ta hay tự cô ta đi đến (người khác) vẫn phạm tội tà dâm.

chỉ có tham dục và si mê.

Và nếu một người nghĩ rằng tà dâm chẳng có gì sai, hay nghĩ rằng phạm tà dâm dù thế nào đi nữa cũng đúng, thì nghiệp của họ sẽ hợp với tà kiến: đó là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Ngược lại là nghiệp tà dâm không hợp với tà kiến (*ditṭhi-vippayutta*).

Trên đây là ba thân nghiệp đạo bất thiện: là một người sát sanh, là một người trộm cắp, và là một người tà dâm.

BỐN KHẨU NGHIỆP ĐẠO BẤT THIỆN

Sau đó Đức Phật giải thích bốn khẩu nghiệp đạo bất thiện.

Và, này các Tỳ kheo, bốn loại khẩu nghiệp làm lỗi, không thích hợp, thuộc tư (chủ ý) bất thiện, cho quả khổ là thế nào?

NÓI ĐỐI

Ở đây, này các Tỳ kheo, có người là người nói không đúng sự thực: ở chỗ hội họp, hay ở chỗ tụ hội, hay ở giữa các thân tộc, hay đến giữa đám đông, hay giữa các vương tộc.

Khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết".

• Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết". Dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết".

• Hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy".

Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

Nói lời không đúng sự thực, hay nói dối là do hoặc tham và si, hoặc sân và si.

Một người có thể nói dối vì tham muốn một vật gì. Và cũng là tham nếu nói dối để tự bảo vệ mình hay bảo vệ người khác khỏi sự tai hại. Một người cũng có thể nói dối vì sân, như muốn làm hại người khác. Trong cả hai trường hợp, đều có si. Và nếu họ nghĩ nói dối không có gì sai, hay nếu họ nghĩ nói dối dù thế nào đi nữa cũng đúng, thì nghiệp họ làm là hợp với tà kiến: đó là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Bằng ngược lại, nghiệp nói dối là ly hay không hợp với tà kiến.

Sau khi giải thích bất thiện nghiệp nói dối, Đức Phật giải thích tiếp bất thiện nghiệp nói lời chia rẽ.

NÓI HAI LƯỠI:

Một người là người nói hai lưỡi (nói lời chia rẽ) :

- ***người ấy nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này;***
- ***người ấy nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người ở đây để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy ly gián kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ.***

Nói hai lưỡi hay nói ly gián có thể là do tham và si, hoặc là do sân và si.

Một người có thể nói vu khống người nào đó vì lòng tham đối với một vật gì, như khi người ta nói vu khống lẫn nhau ở toà án. Một người cũng có thể ước mong có được quyền lực, có được những lợi ích của người nào đó, có được công việc của người nào đó, hay khiến cho bạn bè hoặc tín đồ của người nào đó thành của mình. Một người cũng có thể nói vu khống một người nào đó vì sân hận, vì muốn làm hại kẻ đó. Trong cả hai trường hợp, đều có si. Và nếu một người nghĩ nói vu khống người khác không có gì sai, hay nghĩ nói vu khống người khác dù thế nào đi nữa cũng đúng, thời nghiệp họ làm là hợp với tà kiến, nghĩa là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Bằng ngược lại, nghiệp nói hai lưỡi hay ly gián là ly tà (*ditṭhi-vippayutta*).

Sau khi giải thích bất thiện nghiệp nói hai lưỡi hay nói ly gián, Đức Phật tiếp tục giải thích bất thiện nghiệp nói lời thô ác.

NÓI LỜI THÔ ÁC

Người nói lời thô ác:

- ***bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, ngang bướng, khiến người đau khổ, khiến người tức giận,***
- ***những lời không đưa đến định tĩnh. Người ấy nói những lời như vậy.***

Nói lời thô ác có thể do tham và si, hoặc do sân và si.

Cũng như trong trường hợp của người nói hai lưỡi, người ta có thể dùng lời nói thô ác chống lại người khác bởi vì lòng tham đối với một vật gì: chẳng hạn như khi người ta nói một cách thô lỗ với tên ăn trộm, hay với một nhân viên nhà nước không đưa cho họ cái mà họ muốn. Các bậc cha mẹ rất thường hay nói một cách thô lỗ với con cái của họ,

bởi vì con cái họ không cư xử theo ý họ muốn, và con cái cũng ăn nói thô lỗ với cha mẹ bởi vì chúng bị từ chối cái chúng muốn.³¹⁰ Và có lẽ cũng là điều rất chung cho mọi người để nói lời thô ác vì họ đã từng bị người khác nói bằng những lời như vậy: khi niềm kiêu hãnh của một người bị tổn thương, và họ công kích lại. Trong mọi trường hợp, vào lúc thực sự nói lời thô ác, người ta luôn muốn cho người khác cảm thấy đau khổ vì lời nói của mình: như vậy chỉ có sân và si. Và nếu một người nghĩ nói lời thô ác không có gì sai, hay nghĩ nói lời thô ác dù thế nào đi nữa cũng đúng, thời nghiệp họ làm là hợp với tà kiến, nghĩa là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Bằng ngược lại, nghiệp nói lời thô ác là ly tà (*ditṭhi-vippayutta*).

Sau khi giải thích bất thiện nghiệp nói lời thô ác, Đức Phật giải thích bất thiện nghiệp nói lời phù phiếm.

NÓI LỜI PHÙ PHIÊM

Người nói lời phù phiếm là:

- ***Một người nói phi thời,***
- ***Một người nói những lời phi chơn,***
- ***Một người nói những lời không lợi ích,***
- ***Một người nói những lời phi pháp,***
- ***Một người nói những lời phi luật,***
- ***Một người nói những lời không đáng gìn giữ,
phi thời, băng quơ, không có kết liễu, và không
liên hệ với mục đích***

Nói lời phù phiếm có thể là do tham và si, hoặc có thể

³¹⁰ Điều này cũng có thể là do người ta có tánh sân (*dosa-carita*). Xem ‘Sự Đa Dạng Của Căn Tánh’ trang 64.

do sân và si.

Giải thích về nói lời phù phiếm, Đức Phật nói về các loại nói chuyện thấp hèn (*tiracchāna-kathā*) khác nhau: đó là:³¹¹

Nói: *câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thân, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện về nguồn gốc của thế giới: như ai tạo ra thế gian, có phải đó là thượng đế, ... câu chuyện về nguồn gốc của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu...*

Đây là những gì chúng ta lúc nào cũng muốn nói về, có phải vậy không? Có lẽ chúng ta nghĩ nói những chuyện về chính trị, và về chiến tranh thế này thế nọ là việc rất quan trọng. Nhưng Đức Phật nói rằng nếu một người muốn đạt đến Niết-Bàn, họ không nên nói về những chuyện này: ngài tuyên bố nói chuyện như vậy là nói chuyện thấp hèn của hàng dân dã, của những kẻ phạm phu, đê tiện, và không có

³¹¹ Nghĩa đen là cuộc nói chuyện của loài súc vật (PED). Đức Phật đưa ra bảng liệt kê những cuộc nói chuyện này trong ‘Kinh Nói Chuyện Thấp Hèn’ của Tương Ứng Kinh (*Tiracchāna-Kathā-Suttam*’ S.V.XII.i.10)

lợi ích. Quan trọng hơn cả, Đức Phật giải thích việc nói lời phù phiếm là *không đưa đến yếm ly, không đưa đến ly tham, không đưa đến đoạn diệt, không đưa đến an tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến giác ngộ, Niết-bàn.*

Khi chúng ta nói chuyện với nhau về vua chúa, đại thần, tai ương, thực phẩm, gia đình, ... là chúng ta đang nuôi dưỡng tham, sân và si. Chẳng hạn, chúng ta nói liên tu bất tận về chuyện ông tổng thống này tổng thống nọ dở như thế nào, về tai ương này tai ương nọ khủng khiếp ra sao: đó là vì sân và si. Hoặc chúng ta nói về căn nhà của chúng ta đẹp như thế nào, về thức ăn của chúng ta, và về tất cả những người trong gia đình chúng ta ra sao: đó là vì tham và si. Nói chung thích nói về những chuyện như vậy là tham và si. Nó không phục vụ cho mục đích tốt đẹp nào cả. Và vì nó không phục vụ một mục đích thiện nên nó cũng không bao giờ chấm dứt.

Nếu một người nghĩ nói chuyện phiếm với nhau như vậy không có gì sai, hay nghĩ nói chuyện phù phiếm dù thế nào đi nữa cũng đúng, thời nghiệp họ làm là hợp với tà kiến, nghĩa là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Bằng ngược lại, nghiệp nói lời phù phiếm là ly tà (*dīṭṭhi-vippayutta*).

Tôi sẽ giải thích những gì Đức Phật khuyên chúng ta nên nói về, khi giải thích về mười thiện nghiệp đạo.³¹²

Như vậy có bốn khẩu nghiệp đạo bất thiện là: nói dối,

³¹² Xem ‘Bốn Khẩu Nghiệp Thiện’, trang 264.

nói hai lưỡi, nói thô ác, và nói phù phiếm.

BA Ý NGHIỆP BÁT THIÊN

Kế tiếp Đức Phật giải thích ba ý nghiệp đạo bất thiện:
***Và thế nào, này các Tỳ kheo, là ba loại ý nghiệp
lầm lỗi, không thích hợp, thuộc tư (chủ ý) bất thiện,
cho quả khổ?***

Ý THAM

Một người là người có ý tham:

***Đối với những gì là của cải và sở hữu của người khác,
[nghĩ rằng]: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác
trở thành của mình! "***

Ý tham cũng vậy, là do tham và si, hoặc sân và si.

Người ta có thể thèm muốn một vật gì do tham đối với vật đó, hay do ghét người chủ của nó, nghĩa là họ muốn làm hại người này bằng cách lấy tài sản của anh ta. Có thể đó là do sự cạnh tranh, trường hợp này ghen tị có liên quan. Nhưng vào lúc thực sự thèm muốn đối tượng, mong muốn có được tài vật của người khác theo cách bất hợp pháp, thì chỉ có tham và si.³¹³ Và nếu một người nghĩ ý tham không có gì sai, hay nghĩ ý tham dù thế nào đi nữa cũng đúng, thời nghiệp họ làm hợp với tà kiến, nghĩa là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Bằng ngược

³¹³ DhSA.I.iii.1 'Akusala-Kamma-Patha-Kathā' ('Luận Về Bất Thiện Nghiệp Đạo') E.135 giải thích: 'Sát sanh có hai nhân: đó là vì sân và si...tham muốn chỉ có một nhân, đó là vì si; ý sân hay ác ý cũng vậy. Tà kiến có hai nhân, đó là vì tham và si.'

lại, nghiệp bất thiện ý tham là ly tà (*ditṭhi-vippayutta*).

Sau khi giải thích bất thiện nghiệp ý tham, Đức Phật giải thích tiếp bất thiện nghiệp ý sân (ác ý).

NUÔI DƯỠNG Ý SÂN

Một người với một nội tâm ác ý, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại! "

Ý sân cũng vậy, hoặc là do tham và si, hoặc là do sân và si. Chẳng hạn, người đồ tể và người đánh cá sẽ luôn luôn có ý sân đối với các chúng sinh mà họ sắp giết. Người lính sẽ có ý sân đối với kẻ thù, và ngay cả thường dân mà nhà cửa của họ bị trúng bom, hoặc bạn bè và những người trong gia đình của họ bị giết hại, cũng luôn luôn có ý sân. Cũng vậy, một người làm nông có thể đang giữ ngũ giới, có nghĩa rằng họ sẽ không sát sanh. Nhưng khi các chúng sinh (ở đây là các loài sâu bọ, côn trùng) làm tổn hại đến mùa màng của họ, ác ý có thể khởi lên, do tham và si. Thậm chí một người bình thường đang giữ ngũ giới, nhưng khi có chuột bọ trong nhà hay vườn của mình, hoặc khi có gián trong bếp, muỗi trong phòng ngủ, ác ý cũng vẫn khởi lên, do có tâm tham đắm đối với căn nhà đẹp của mình,..., và mặc dù người ta không giết những chúng sanh ấy, họ vẫn có có tâm mong muốn cho những chúng sanh ấy chết đi. Người thầy thuốc không giết bệnh nhân của mình và gia đình cũng không cho

phép một thành viên đang bệnh trong gia đình mình bị giết, song ý sân vẫn có thể khởi lên: mong rằng người này chết đi (cho đỡ đau khổ). Đối với người mẹ có đứa con không mong muốn cũng vậy: có thể cô ta có đủ sự hiểu biết về những vận hành của nghiệp để tránh giết con mình bằng cách phá thai, nhưng cô ta vẫn muốn cho đứa con ấy chết đi.

Mặc dù có thể có hoạc tham, hoặc sân trước khi sát sanh, song vào lúc thực sự muốn cho chúng sanh khác bị tổn hại hay chết đi, thì trong tâm chỉ có sân và si. Và nếu một người nghĩ ý sân không có gì sai, hay nghĩ ý sân dù thế nào đi nữa cũng đúng, thời nghiệp họ làm là hợp với tà kiến, nghĩa là hợp với một quan niệm sai lầm về những vận hành của nghiệp. Bằng ngược lại, nghiệp bất thiện ý sân là ly tà (*ditṭhi-vippayutta*).

Sau khi giải thích nghiệp bất thiện ý sân, Đức Phật giải thích tiếp nghiệp bất thiện tà kiến.

CHÁP GIỮ TÀ KIẾN

*Một người là người tà kiến hay là người có quan điểm lầm lạc [nghĩ rằng]:*³¹⁴

[1] ‘Không có bố thí,

[2] không có cúng dường,

[3] không có lễ tế tự;

[4] không có quả lạc hay quả khổ, hay không có quả báo của nghiệp;

³¹⁴ Để biết thêm chi tiết, xem ‘Phi Hữu Kiến’ trang 348.

[5] không có đời này;

[6] không có đời khác;

[7] không có mẹ,

[8] không có cha³¹⁵;

[9] không có các chúng sanh hoá sanh;

[10] trong đời này không có những sa-môn và bà-la-môn, thực hành phạm hạnh, thực hành một cách chân chánh, những bậc với thắng trí (sau khi đã tự mình hiểu rõ đời này và đời khác) tuyên bố nó.'

Đây là tà kiến tiêu chuẩn mà Đức Phật mô tả. Nó được gọi là mười tà kiến căn bản (*dasa-vatthukā-micchā-ditṭhi*), phủ nhận những vận hành của nghiệp, và tái sanh,... Khi Đức Phật nói về tà kiến căn bản, thường thường mười loại này được ngài nhắc tới. Tuy nhiên, một người có thể, chẳng hạn, chấp giữ quan điểm cho rằng những hành động thiện sẽ đưa đến tái sanh trong các cõi trời, và những hành động ác sẽ đưa đến tái sanh trong địa ngục, và rằng một đấng thượng đế kiểm soát công việc ấy. Do họ nghĩ công việc đó được một vị thượng đế kiểm soát, nên là tà kiến, nhưng vì họ chấp tính hiệu quả của hành động (một giáo lý về nghiệp), nên nó không phải là tà kiến.

Chấp giữ tà kiến là do tham và si, hoặc sân và si.

Một người có thể chấp giữ tà kiến do tham ái: lòng tham đối với các dục lạc (dục ái), tham hiện hữu (hữu ái), hoặc tham đối với sự không hiện hữu (phi hữu ái) . Chấp thủ

³¹⁵ Về sự khác nhau giữa sự phi hữu và hiện hữu của cha mẹ, xem ghi chú 9, trang 4 và 330, trang 272, và ghi chú cuối chương 203, trang 564.

tà kiến (kiến thủ) cũng là do tham. Kiến thủ có thể được phối hợp với (ngã) mạn, vốn cũng thuộc căn tham, và là nhân sanh ra nhiều cuộc tranh luận giữa con người. Một người cũng có thể chấp giữ tà kiến vì một mối lợi vật chất: có thể do họ được hứa hẹn một phần thưởng gì đó. Nhiều người chấp nhận một tà kiến do thương yêu vợ hay chồng của mình: người nữ chấp nhận tà kiến của người nam, và người nam chấp nhận tà kiến của người nữ. Có khi một tà kiến nào đó đã trở nên hợp thời trang và người ta chấp nhận nó để được mọi người nhìn nhận như những người hợp thời, để được là con người ‘hiện đại’ (căn tham). Một người cũng có thể chấp nhận một tà kiến do sợ hãi (căn sân): có thể họ đã bị khủng bố để chấp nhận một tà kiến. Thậm chí có những người chấp nhận một tà kiến để trả thù (căn sân). Chúng ta biết có những trường hợp một người đàn ông phạm tội ngoại tình, người vợ ly dị anh ta và lấy một người đàn ông khác có tà kiến để trả thù.

Mặc dù trước khi chấp nhận một tà kiến người ta có thể có tham hoặc sân, song vào lúc thực sự tư duy về quan kiến ấy, và thấy mọi sự mọi vật theo tà kiến ấy, thì chỉ có tham và si.³¹⁶

Một tà kiến phủ nhận những vận hành của nghiệp được xem là nghiêm trọng nhất trong số những bất thiện nghiệp đạo. Tại sao? Tại vì khi một người chấp giữ tà kiến như vậy họ rất dễ tạo những nghiệp bất thiện khác: thực thế,

³¹⁶ Để biết thêm chi tiết, xem thêm trang tiếp theo.

đó là điều hiển nhiên.[158]

Đến đây kết thúc phần giải thích của Đức Phật về ba ý nghiệp đạo bất thiện: ý tham tài vật của người khác, nuôi dưỡng ác ý hay ý sân, và chấp giữ tà kiến phủ nhận những vận hành của nghiệp.

Cả thầy có mười nghiệp đạo bất thiện: ba thân nghiệp đạo bất thiện, bốn khẩu nghiệp đạo bất thiện, và ba ý nghiệp đạo bất thiện. Những nghiệp đạo bất thiện này đều phát sanh do tham, sân và si.[159]

QUẢ CỦA NGHIỆP BẤT THIỆN

Quả của những nghiệp bất thiện này là gì? Đức Phật đã giải thích điều đó cho các vị Tỳ kheo như sau:

QUẢ CỦA THÂN NGHIỆP BẤT THIỆN

Với ba loại thân nghiệp làm lỗi, không thích hợp, với tư (chủ ý) bất thiện là nhân, này các Tỳ kheo, các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

QUẢ CỦA KHẨU NGHIỆP BẤT THIỆN

Với bốn loại khẩu nghiệp làm lỗi, không thích hợp, với tư (chủ ý) bất thiện là nhân, này các Tỳ kheo, các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

QUẢ CỦA NGHIỆP BẤT THIỆN

Với ba loại ý nghiệp lầm lỗi, không thích hợp, với tư (chủ ý) bất thiện là nhân, này các Tỳ kheo, các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Chính vì mười bất thiện nghiệp đạo này đem lại những quả khổ như vậy nên Đức Phật tuyên bố chúng là bất thiện (*akusala*), vô ích (*anatto*), có tội (*sāvajja*), và là những pháp cho quả khổ (*dukkha-vipāka-dhamma*).³¹⁷ Và vì chúng đưa đến tái sanh trong địa ngục, nên Ngài chỉ trích chúng là hắc đạo (*kaṇha-magga*).[160]

Đức Phật giải thích thêm rằng nếu chúng ta làm cho người khác vướng vào mười bất thiện nghiệp đạo này, thời chúng sẽ thành hai mươi pháp đưa chúng ta đến một sanh thú xấu, thậm chí địa ngục; [161] nếu chúng ta còn tán thành mười bất thiện nghiệp đạo này, thời chúng sẽ trở thành ba mươi pháp đưa chúng ta đến một sanh thú xấu; [162] và nếu chúng ta còn nói lời khen ngợi mười bất thiện nghiệp đạo này nữa, thời chúng sẽ trở thành bốn mươi pháp đưa chúng ta đến một sanh thú xấu (ác thú).[163]

NHỮNG QUẢ KHÔNG ĐÁNG KỂ CỦA BẤT THIỆN NGHIỆP

Mặc dù, ở đây Đức Phật chỉ nói đến sự việc nghiệp

³¹⁷ Chi tiết về quả của mười bất thiện nghiệp đạo, xem thêm ở ghi chú cuối chương 14, trang 43.

bất thiện cho quả của nó sau khi chết, đó là tạo ra tâm tục sanh (kiết sanh thức) trong cõi súc sanh, ngạ quỷ hay địa ngục. Nhưng nghiệp cũng có thể tạo ra quả của nó trong thời bình nhật (*pavatti*) hay nói nôm na trong đời sống hàng ngày của một đời người. Cho dù những quả này vẫn là những quả không khả ý và không mong muốn, Đức Phật mô tả chúng như không đáng kể (*sabbalahusa*, Hán dịch 極輕 cực khinh, tức rất nhẹ) so với những quả trên. Trong trường hợp đó:³¹⁸[164]

- ▶ Sát sanh chỉ đưa đến đoán thọ hay chết yểu.
- ▶ Trộm cắp chỉ đưa đến mất mát tài sản.
- ▶ Tà dâm chỉ đưa đến sự kinh địch, oán thù.
- ▶ Nói dối chỉ đưa đến bị vu cáo và bị nói dối.
- ▶ Nói hai lưỡi chỉ đưa đến chỗ bị sỉ nhục, đổ vỡ tình bạn.
- ▶ Nói lời thô ác chỉ cho người ta một giọng nói không êm ái, khó nghe.
- ▶ Nói lời phù phiếm chỉ đưa đến việc người ta không tin những gì bạn nói, ngay cả khi bạn nói sự thật.
- ▶ Uống rượu và các chất say chỉ đưa đến tình trạng loạn trí.

Ở đây, một lần nữa hãy nhớ rằng, để cho một hành động trở thành một nghiệp đạo đầy đủ, nó cần phải có sự

³¹⁸ Xem thêm lời giải thích của Đức Phật về sát sanh đưa đến đoán thọ trong ‘Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt’, trang 578/Tập II

chủ tâm hay cố ý, tức cần phải có ước muốn làm hành động bất thiện. Chẳng hạn, một người cảm thấy một vết ngứa trên tay, và cào vào tay mình mà không nhìn gì hết. Sau đó có thể anh ta phát hiện ra đó là con muỗi, thời việc sát sanh của anh ta chỉ là vô ý. Hành động ấy không phải là nghiệp bất thiện, bởi vì anh ta không chủ ý làm hại con muỗi. Nhưng một người cũng cảm thấy một vết ngứa trên tay, nhìn xuống, thấy rằng đó là con muỗi, và đập một cái khiến con muỗi chết. Hành động đó là nghiệp bất thiện, bởi vì anh ta có chủ ý muốn giết con muỗi. Điều này cũng tương tự, nếu người ta xịt thuốc muỗi để giết các loại côn trùng trong phòng của mình, dùng thuốc độc để diệt chuột...

MỘT NGHIỆP ĐẠO BẤT THIỆN

Thêm nữa, chúng ta cần hiểu là khi Đức Phật giải thích rằng nghiệp bất thiện tạo ra một tái sanh bất hạnh, ngài đang nói đến một nghiệp đạo bất thiện (*kamma-patha*). Ở đây chữ đạo (*patha*) là tiến trình hay quá trình diễn biến, và tiến trình này chỉ đạt đến khi một số yếu tố (*sambhāra*-chi pháp) nào đó đã đầy đủ. Chẳng hạn, trong hành động sát sanh (*pāṇātipāta*), hành động này trở thành một tiến trình nghiệp đầy đủ chỉ khi hoàn thành năm yếu tố hay năm chi pháp.³¹⁹

³¹⁹ Đức Phật cũng đưa ra những phân tích này trong *Sutta-Vibhāṅga* (Phân Tích-Giới) của Tạng Luật (*Vinaya*), để xác định một vị Tỳ-kheo có phạm hay không phạm giới tương ứng. Những phân tích ở đây được rút ra từ DhSA.I.iii ‘*Akusala-Kamma-Patha-Kathā*’ (‘Luận Về Nghiệp Đạo Bất Thiện’) E.126-

1. Cần có một chúng sanh (pāṇa): chẳng hạn, một con côn trùng, một con cá, hay một con người....
2. Người ấy cần phải nhận thức được rằng đó là một chúng sanh (*pāṇa-saññitā*): ở đây, dù người ấy nhận thức được chúng sanh đó là một con côn trùng, một con cá, hay con người...không thành vấn đề. Điều quan trọng là người ấy nhận thức được nó là một vật có mạng căn (sanh mạng hay sự sống): chẳng hạn, một cái thai trong bụng.
3. Người ấy cần phải có tâm sát sanh (*vadhakacitta*), tức ý định của người ấy là muốn cắt đứt sanh mạng của chúng sanh đó.
4. Người ấy cần thực hiện một hành động sát (*upakkama-tán công*), nghĩa là người ấy cần thực hiện một nỗ lực để giết. Chẳng hạn, họ cần phải đánh, xịt thuốc, thọc dao, hay thả bom...
5. Chúng sanh đó cần phải chết do hành động sát của người ấy (*tena-maraṇanti*), có nghĩa rằng mạng căn hay sanh mạng của chúng sanh đó phải bị cắt đứt bởi hành động sát của người ấy, chứ không phải (chết) vì một lý do nào khác.

Khi năm yếu tố này được hoàn tất, nghiệp kể như đã mang lấy tiến trình đầy đủ của nó, và tư (*cetanā*) được gọi là tư cuối cùng (*sannitṭhāna-cetanā*). Nghiệp cũng mang lấy

135. Điều này cũng có thể tìm thấy trong chú giải ‘Kinh Chánh Tri Kiến của Trung Bộ I (*Sammā-Diṭṭhi-Suttam*’ M.I.1.9)

tiên trình đầy đủ của nó nếu người ấy bảo người khác làm (thay vì tự làm). Nếu nghiệp như vậy chín mùi sau khi chết, chắc chắn nó sẽ tạo ra quả tái sinh trong cõi súc sanh, ngạ quỷ, thậm chí địa ngục. Tuy nhiên, nếu chỉ một số yếu tố được hoàn tất, quả sẽ không chắc chắn.³²⁰

Như vậy, chúng ta có thể nói rằng tất cả những yếu tố cấu thành nghiệp sát sanh chỉ có ba, ngoại trừ rằng chúng sanh ấy không chết. Chẳng hạn, một người thấy một con muỗi trên cánh tay, và đập nó, nhưng nó thoát được. Trường hợp này, mặc dù hành động không trở thành nghiệp sát, nó vẫn trở thành một ý nghiệp đạo bất thiện: ác ý hay ý sân (*byāpāda*). Vì để cho ý sân thành một nghiệp đạo, chỉ hai yếu tố cần được hoàn tất:

1. Một chúng sanh khác (*para-satta*)
2. Ước muốn huỷ diệt nó (*tassa ca vināsa-cintāti*)

Khi hai yếu tố này được hoàn tất, nghiệp đã mang lấy tiên trình đầy đủ của nó. Nếu nó chín mùi sau khi chết, chắc chắn nó sẽ tạo ra quả tái sinh trong cõi súc sanh, ngạ quỷ, thậm chí địa ngục.

Một người cũng có thể thấy con muỗi và nổi sân: ‘Ồ, con muỗi này muốn cắn tao hả! Tao sẽ sột rết mất thôi!’ Và người ấy có thể lấy một cây quạt và đuổi con muỗi đó ra khỏi phòng. Bao lâu người ấy chỉ nổi sân thôi, bao lâu người ấy không có bất kỳ một ước muốn nào nhằm huỷ diệt con muỗi, chừng đó nó không trở thành một nghiệp sát sanh, cũng không trở thành một ý sân. Nhưng nó vẫn là một bất

³²⁰ Xem giải thích từ Chú Giải Trung Bộ (MA), ghi chú 613, trang 583/Tập II.

thiện nghiệp. Nếu sự tức giận ấy khởi lên vào lúc chết, nó có thể giúp cho nghiệp bất thiện khác tạo ra quả tái sanh trong cõi súc sanh, ngạ quỷ, hay thậm chí địa ngục, như thường.

Nếu, trong bất kỳ tiến trình tạo nghiệp (nghiệp đạo) nào, một yếu tố bị thiếu đi, và nghiệp ấy chín mùi, quả sẽ không chắc chắn. Nếu nghiệp chín mùi sau khi chết, nó có thể tạo ra một sự tái sanh bất hạnh, hoặc cũng có thể không. Điều đó còn tùy thuộc vào những tình tiết khác: chẳng hạn, ước muốn giết, và nỗ lực giết của người ấy, có mãnh liệt hay không mãnh liệt? Người ấy tự ý làm (vô trợ), hay người ấy làm điều đó do sự thúc đẩy của người khác (hữu trợ)?³²¹ Chúng sanh bị giết nhỏ hay lớn? Là một người có giới đức hay một người ác?...Chúng ta chỉ có thể giải thích những vận hành của nghiệp theo nguyên tắc cơ bản vậy thôi. Tất nhiên, có một quy luật đơn giản và chắc chắn, đó là nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cắp, tà dâm..., dù lớn hay nhỏ, sẽ không bao giờ tạo ra một quả tốt, mà chỉ là một quả xấu mà thôi.

Ví dụ khác là ý nghiệp tà kiến. Nó trở thành một bất thiện nghiệp đạo đầy đủ chỉ khi hoàn tất hai yếu tố:³²²

1. Kiến xứ (*vatthuno*), ở đây là chỗ y cứ, qua đó người ta chấp nhận hay nhìn một vật, nó có thể là khuynh hướng, là triết lý hướng đạo hay khoa học. Và nó thuộc về bản tánh (*sabhāva*) chứ

³²¹ Xem ‘Vô Trợ và Hữu Trợ’, trang 92.

³²² Một số chi tiết nêu ra ở đây được rút từ phụ chú giải cho bài Kinh Chánh Trí Kiến của Trung Bộ I (*‘Sammā-Diṭṭhi-Suttam’*, M.I.1.9)

không hợp theo thực tại (*a-yathā-bhūta*: phi như thực). Triết lý hay khoa học đó không những phủ nhận sự thực (chân lý), mà còn là một trong ba loại tà kiến phủ nhận những vận hành của nghiệp.³²³

- i) Vô Hành Kiến (*akiriya-ditṭhi*): tà kiến phủ nhận hoạt động của nghiệp bất thiện và nghiệp thiện.
 - ii) Vô nhân kiến (*ahetuka-ditṭhi*): tà kiến phủ nhận nhân của các quả.
 - iii) Phi hữu kiến (người-*atthika-ditṭhi*): tà kiến phủ nhận quả của nhân.
2. Nhìn sự vật theo cách điên đảo (*gahitā-kāra-viparītata*), hợp theo kiến xứ ấy: đó là ý nghiệp suy luận, xét đoán, và đưa ra quyết định hợp theo kiến xứ; hợp theo một trong ba loại tà kiến ấy.³²⁴ Vào lúc suy luận theo cách điên đảo này, người đó nghĩ: ‘Nó là vậy (*evam-etam*), nó không thể nào khác hơn (*na ito aññathā*).’
 Chẳng hạn, một người có thể chấp vào quan điểm duy vật, quan điểm này không chấp nhận có nghiệp bất thiện và nghiệp thiện kể như nhân, và dĩ nhiên cũng không chấp nhận rằng có quả của nghiệp bất thiện và quả của nghiệp thiện. Với

³²³ Xem sự mô tả của Đức Phật về ba loại tà kiến ở phần ‘Ba Quan Kiến Phủ Nhận Vận Hành Của Nghiệp’ trang 345.

³²⁴ Như vậy những gì người này nghĩ là hợp lý/tự nhiên/phải lẽ đều dựa trên quan niệm căn bản (kiến xứ) của họ.

quan niệm như vậy, người này lý luận rằng dù có làm mười bất thiện nghiệp đạo cũng chẳng tội lỗi gì. Ví dụ như, người này có thể lý luận rằng đi câu cá, đi gây chiến, giết các loài côn trùng, và phá thai (giết đứa bé đã thọ thai trong bụng mẹ)...không có gì sai: thậm chí họ còn có thể nghĩ làm những việc như vậy là đúng. Cũng vậy, họ có thể lý luận rằng tà dâm, nói dối, uống rượu hay biachẳng có tội lỗi gì. Chính do căn bản lý luận này làm cho họ xét đoán những tiến trình nghiệp bất thiện (bất thiện nghiệp đạo) theo cách điên đảo.

Khi hai yếu tố này được hoàn tất, nghiệp chấp giữ tà kiến kể như đã mang lấy tiến trình đầy đủ của nó. Nếu nghiệp đó chín mùi sau khi chết, chắc chắn nó sẽ tạo ra quả tái sinh trong cõi súc sanh, ngạ quỷ, thậm chí địa ngục. Nghiệp sẽ nghiêm trọng ít hơn hoặc nhiều hơn tùy theo cách người ta chấp giữ tà kiến mạnh mẽ như thế nào, và tùy theo cách họ thường lý luận và quyết định theo tà kiến ấy ra sao.

Đức Phật giải thích rằng với một quan niệm và lý luận sai lầm dựa trên tà kiến như vậy, chỉ chờ đợi là người ấy sẽ tránh mười thiện nghiệp đạo và thực hiện mười bất thiện nghiệp đạo mà thôi. Vì sao vậy? Vì họ thấy không có gì sai trong những điều bất thiện, và cũng chẳng có gì tốt trong những điều thiện.³²⁵ Chính do sự lý luận và quyết định điên đảo như vậy, mà đã xảy ra nhiều cuộc đánh nhau và cãi

³²⁵ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 158, trang 546.

nhau trên thế gian. Cũng cùng lý do này người ta có thể chấp giữ quan niệm cho rằng việc chế ngự hành vi cư xử của mình bằng cách giữ giới chẳng qua chỉ là nét văn hoá, một điều chỉ thuộc về Ấn Độ cổ xưa,... không hợp với thế giới hiện đại này. Cách suy nghĩ ấy khiến người ta quyết định rằng thọ trì giới luật để thanh tịnh những hành vi của thân, khẩu, ý, cũng như giữ Chánh Kiến (*Sammā-diṭṭhi*) là điều không cần thiết và thậm chí không ai ưa.

MƯỜI THIỆN NGHIỆP ĐẠO

BA THÂN NGHIỆP THIỆN

Chúng tôi sẽ trích lại những giải thích của Đức Phật về mười thiện nghiệp đạo: thế nào là mười thiện nghiệp đạo, và các nhân (vô tham, vô sân và vô si) của chúng là gì?³²⁶ Trước tiên Ngài giải thích ba loại thân hành thiện:³²⁷

Và, này các Tỳ kheo, thế nào là ba loại thành tựu thân nghiệp, thuộc tư thiện (chủ ý tốt), mang lại hạnh phúc, với quả an lạc?

CÓ LÒNG TỪ ÁI VÀ BỊ MẮN

³²⁶ Tất cả những chi tiết liên quan đến các nhân của mười bất thiện nghiệp đạo đã được rút ra từ DhSA.i.1 ‘*Kusala-Kamma-Patha-Kathā*’ (‘Luận Về Thiện Nghiệp Đạo’) E.136-137. Liên quan đến sự tiết chế của một bậc Thánh, cũng xem ‘Bốn Thánh Đạo Trí’, Tập II.

³²⁷ A.X.V.i.7 ‘*Paṭhama-Saṅcetanika-Suttam*’ (‘Kinh “Tư” Thứ Nhất)

Ở đây, này các Tỳ kheo, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh:

Với gậy gộc đã được bỏ xuống, với dao đã được bỏ xuống; hoà nhã và khoan dung đối với tất cả hữu tình chúng sanh, vị ấy sống có lòng từ ái và bi mẫn.

Tại sao người ta tránh sát sanh? Điều này đã được giải thích trước đây. Đó là vì vô-tham (*a-lobha*) và vô sân (*a-dosa*). Và như quý vị còn nhớ, không sát sanh có thể hợp trí (*ñāṇa-sampayutta*) hoặc ly trí (*ñāṇa-vipayutta*), nghĩa là khi tránh sát sanh người ta có thể không biết về những vận hành của nghiệp, hoặc người ta có thể biết rõ những vận hành của nghiệp.³²⁸

Như chúng tôi cũng đã giải thích, một người có thể tránh sát sanh vì tâm từ, hay vì họ nghĩ chúng sanh này đẹp, hấp dẫn hay vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh sát sanh vì họ muốn có thanh danh, hay bởi vì họ sợ bị phát hiện, nghĩa là họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có thể tránh sát sanh vì họ nghĩ đó là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh sát sanh. Cuối cùng, một người có thể tránh sát sanh vì họ đã đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga-Ñāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn có ý sát sanh nữa.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh sát sanh, Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh trộm cắp.

³²⁸ Đây là Nghiệp Sở Hữu Trí, xem lại ‘Năm Loại Trí’ trang 113.

KHÔNG TRỘM CẤP

Từ bỏ lấy của không cho, một người trở thành người tránh lấy những gì không được cho: Đó là những gì thuộc tài vật của người khác, trong làng mạc hay núi rừng, người ấy không lấy những gì không được cho bằng hành vi trộm cắp.

Ở đây cũng vậy, tránh trộm cắp là vì vô tham và vô sân, phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp, hay không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Lại nữa, một người có thể tránh trộm cắp vì tâm từ, hay vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh sát sanh vì họ muốn có thanh danh, hay bởi vì họ sợ bị phát hiện, nghĩa là họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có thể tránh trộm cắp vì họ nghĩ đó là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh trộm cắp. Cuối cùng, một người có thể tránh trộm cắp vì họ đã đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga-Nāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn cố ý lấy những gì không được cho nữa.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh trộm cắp, Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh tà dâm.

KHÔNG TÀ DÂM

Từ bỏ tà dâm, một người trở thành người tránh xa sự tà dâm:

- [1] với người nữ có sự giám hộ của mẹ,**
- [2] với người nữ có sự giám hộ của cha,**
- [3] với người nữ có sự giám hộ của cha mẹ,**
- [4] với người nữ có sự giám hộ của anh,**
- [5] với người nữ có sự giám hộ của chị,**
- [6] với người nữ có sự giám hộ của thân quyến,**
- [7] với người nữ có sự giám hộ của gia đình,**
- [8] với người nữ có sự giám hộ của một cộng đồng tôn giáo,**
- [9] với người nữ có chồng,**
- [10] với người nữ đang được giao cho một hình phạt, thậm chí với người nữ đã được đeo cho một vòng hoa [hứa hôn], người ấy là người không phạm vào tà hạnh như vậy.**

Ở đây cũng vậy, tránh tà dâm là vì vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp, hay không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Lại nữa, một người có thể tránh tà dâm vì tâm từ, hay vì người ấy không muốn làm hại người khác, hay làm hại gia đình của người khác,... Một người cũng có thể tránh tà dâm vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh tà dâm vì muốn có thanh danh, hay bởi vì họ sợ bị phát hiện, nghĩa là họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có

thể tránh vì họ nghĩ đó là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh tà dâm. Cuối cùng, một người có thể tránh tà dâm vì họ đã đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga-Ñāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn có ý phạm tà dâm nữa.

Đó là ba nghiệp đạo thiện về thân: không sát sanh (có lòng từ, và bi mẫn đối với tất cả chúng sanh), không trộm cắp, và không tà dâm.

BỐN KHẨU NGHIỆP THIỆN

Kể tiếp Đức Phật giải thích bốn nghiệp đạo thiện về lời nói:

Và này các Tỳ kheo, thế nào là bốn loại thành tựu khẩu nghiệp, thuộc tư thiện, mang lại hạnh phúc, với quả an vui?

KHÔNG NÓI DỐI

Ở đây, này các Tỳ kheo, đoạn tận lời nói không thực, một người là người từ bỏ nói lời không thực, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc.

Khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi:

"Này người kia, hãy nói những gì người biết".

• *Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết", hay nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết".*

● ***Hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy", hay nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy".
Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.***

Ở đây cũng vậy, tránh nói dối là do vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp hoặc không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Và, một người có thể tránh nói dối vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh nói dối vì muốn có thanh danh, hay bởi vì họ sợ bị phát hiện, nghĩa là họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có thể tránh nói dối vì họ rất tôn trọng sự thật, và vì họ nghĩ nói dối là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh nói dối. Cuối cùng, một người có thể tránh nói dối vì họ đã đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga-Nāna*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn cố ý nói dối nữa.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh nói dối, Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh nói hai lưỡi (nói ly gián).

KHÔNG NÓI HAI LƯỖI

Đoạn tận lời nói hai lưỡi, một người là người từ bỏ nói lời hai lưỡi:

● ***nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói,***

để sanh chia rẽ ở những người này;

• và nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia.

Như vậy người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Ở đây cũng vậy, tránh nói lời hai lưỡi là do vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp hoặc không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Và, một người có thể tránh nói hai lưỡi vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh nói hai lưỡi vì muốn có thanh danh, hay bởi vì họ sợ bị phát hiện, nghĩa là họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có thể tránh nói hai lưỡi vì họ không thích tình trạng chia rẽ, bất hoà, và vì họ nghĩ nói ly gián người khác là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh nói hai lưỡi³²⁹. Cuối cùng, một người có thể tránh nói hai lưỡi vì họ đã đắc Bất Lai Thánh Đạo Trí (*An-Āgāmi-Magga-Ñāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn cố ý nói lời hai lưỡi nữa.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh nói hai lưỡi, Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh nói lời thô ác.

KHÔNG NÓI LỜI THÔ ÁC

³²⁹ Về giới tránh nói lời hai lưỡi, xem hoạt mạng đệ bát giới (giới có sự nuôi mạng là thứ tám), ghi chú cuối chương 108, trang 527/Tập II.

Đoạn trừ lời nói thô ác, một người là người từ bỏ nói lời thô ác: chỉ nói

- **những lời nói không làm lỗi,**
- **những lời êm tai, dễ thương, đi thẳng vào tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.**

Ở đây cũng vậy, tránh nói lời thô ác là do vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp hoặc không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Và, một người có thể tránh nói lời thô ác vì lòng nhân từ: chẳng hạn, vì người kia có thể là một đứa bé, và vì họ không muốn làm tổn thương một đứa bé như vậy. Và, một người có thể tránh nói lời thô ác vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh nói lời thô ác vì muốn có thanh danh, hay bởi vì họ sợ bị phát hiện, nghĩa là họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có thể tránh nói lời thô ác vì họ thích hoà bình và an tịnh, và vì họ nghĩ nói lời thô ác là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh nói lời thô ác. Và, một người có thể tránh nói lời thô ác vì họ đã đắc Bất Lai Thánh Đạo Trí (*An-Āgāmi-Magga-Ñāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn cố ý ăn nói một cách thô lỗ nữa.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh nói lời thô ác, Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh nói lời phù phiếm.

KHÔNG NÓI LỜI PHÙ PHIÊM

Đoạn trừ lời nói phù phiếm, một người từ bỏ nói lời phù phiếm:

- ***là người nói đúng thời,***
- ***là người nói lời chân thật,***
- ***là người nói lời hữu ích,***
- ***là người nói đúng Pháp,***
- ***là người nói đúng Luật,***
- ***là người nói những lời đáng được gìn giữ, hợp thời, với mục đích, có kết liễu, và liên hệ đến mục đích.***

Ở đây cũng vậy, tránh nói lời phù phiếm là do vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp, hoặc không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Một người có thể tránh nói lời phù phiếm là do lòng kính trọng: chẳng hạn, người kia có thể là một vị sư, và họ không muốn tỏ ra lỗ mãng bằng cách nói chuyện phù phiếm với một vị sư như vậy. Và, một người có thể tránh nói lời phù phiếm vì phong tục, truyền thống, hay vì tôn giáo của họ bảo họ nên tránh. Một người cũng có thể tránh nói lời phù phiếm vì muốn có thanh danh, hay họ sợ vì hổ thẹn, vì sự khiển trách hay trừng phạt. Một người cũng có thể tránh nói lời phù phiếm vì họ rất tôn trọng lời nói, và vì họ nghĩ nói lời phù phiếm là một điều ô nhục, hay vì họ đã thọ trì giới tránh nói lời phù phiếm. Và cũng vậy, một người có thể tránh nói lời phù phiếm vì họ đã đắc A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Nāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không

còn muốn nói chuyện phù phiếm nữa.

Khi giải thích những khẩu nghiệp đạo bất thiện ở trên, chúng tôi đã giải thích những đề tài câu chuyện nào được Đức Phật khuyên không nên nói. Đối với những đề tài câu chuyện nên nói, Đức Phật cũng giải thích bằng cách liệt kê mười đề tài:[165]

1. nói về sự thiếu dục hay ít muốn (*app-iccha-kathā*)
2. nói về sự tri túc hay biết đủ (*santutṭhi-kathā*)
3. nói về sự viễn ly (*paviveka-kathā*)
4. nói về sự độc cư (*asamsagga-kathā*)
5. nói về tinh tấn (*vīriy-ārambha-kathā*)
6. nói về giới (*Sīla-kathā*)
7. nói về định (*samādhi-kathā*)
8. nói về tuệ (*paññā-kathā*)
9. nói về giải thoát (*vimutti-kathā*)
10. nói về tri-kiến giải thoát (*vimutti-ñāṇa-dassana-kathā*)

Nói về những đề tài này được xem là thích hợp, bởi vì như Đức Phật giải thích, nó đưa đến:

- nhất hướng nhằm chán (*ekatanibbidāya*)
- ly tham (*virāgāya*)
- đoạn diệt (*nirodhāya*)
- an tịnh (*upasamāya*)
- thắng trí (*abhiññāya*)
- giác ngộ (*sambodhāya*)
- Niết-bàn (*Nibbānāya*)

Như vậy, có bốn khẩu nghiệp đạo thiện: không nói dối (chỉ nói sự thật, hoặc giữ im lặng), không nói lời hai lưỡi (chỉ nói sao để hoà hợp những người chia rẽ và duy trì hoà hợp giữa những người đã hoà hợp), không nói lời thô ác (mà nói một cách lịch thiệp, hoà nhã), và không nói chuyện phù

phiếm (chỉ nói những điều xứng đáng, những lời phục vụ cho một mục đích tốt).

BA ÝNGHIỆP THIÊN

Kế tiếp Đức Phật giải thích ba thiện nghiệp đạo về ý:

Và thế nào, này các Tỳ kheo, là ba loại thành tựu ý nghiệp, thuộc tư (chủ ý) thiện, mang lại hạnh phúc, với quả an vui?

KHÔNG THAM MUỐN

Ở đây, này các Tỳ kheo, có người là người không tham muốn tài vật của người khác, đối với tài vật của người khác người ấy không có tâm thèm muốn [không nghĩ]: ‘Ôi, mong rằng những gì của người khác sẽ là của ta!’

Ở đây cũng vậy, tránh tham muốn là do vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp hoặc không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Và lại nữa, một người có thể tránh tham muốn do tâm hoan hỷ (muditā): thay vì mong muốn tài sản của người khác, họ hoan hỷ đối với vận may của người khác. Một người cũng có thể tránh tham muốn vì họ đã đắc A-la-hán Thánh Đạo Trí (*Arahatta-Magga-Ñāṇa*): trí này làm cho họ mãi mãi không còn thèm muốn tài sản của người khác.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh tham muốn Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh nuôi dưỡng ác ý.

KHÔNG NUÔI DƯỠNG ÁC Ý

Một người là người không ác ý, không có tâm ý hiểm độc [nghĩ]:

‘Cầu mong những chúng sanh này không có thù hận, không ác ý, không bức dọc khó chịu, cầu mong họ luôn giữ mình cho được an vui!’

Ở đây cũng vậy, tránh nuôi dưỡng ác ý là do vô tham và vô sân: phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp hoặc không phối hợp với trí hiểu biết về những vận hành của nghiệp.

Và thêm nữa, một người có thể tránh nuôi dưỡng ác ý là do lòng từ ái (*mettā*) và bi mẫn (*karuṇā*), thay vì muốn cho chúng sanh khác chết đi hoặc bị tổn hại đi, họ mong muốn cho tất cả chúng sanh được sống an vui và hạnh phúc. Và, một người có thể tránh ác ý do đã đắc Bất Lai Thánh Đạo Trí (*An-Āgāmi-Magga-Nāṇa*), trí này làm cho họ mãi mãi không còn nuôi dưỡng ác ý nữa.

Sau khi giải thích thiện nghiệp tránh nuôi dưỡng ác ý, Đức Phật giải thích thiện nghiệp tránh chấp giữ tà kiến, mà nuôi dưỡng chánh kiến (*Sammā-ditṭhi*).

NUÔI DƯỠNG CHÁNH KIẾN

Một người là người có chánh kiến, không phải là một người có kiến chấp điên đảo [người ấy nghĩ]:

[1] ‘Có bố thí,

[2] có cúng dường,

[3] có tế lễ,

[4] có các hành vi thiện ác, có kết quả dị thực,

[5] có đời này,

[6] có đời sau,

[7] có mẹ,

[8] có cha³³⁰,

[9] có các loại hóa sanh,

[10] trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, có thắng trí (sau khi tự trị, tự chứng có đời này và đời sau) đã tuyên bố điều đó cho mọi người cùng biết."

Đây là Chánh Kiến tiêu chuẩn do Đức Phật mô tả. Nó được gọi là mười Chánh Kiến căn bản (*dasa-vatthukā Sammā-ditṭhi*). Chánh kiến này xác nhận những vận hành của nghiệp, và tái sanh... Khi Đức Phật nói về Chánh Kiến căn bản, thì loại chánh kiến này thường được Ngài đề cập³³¹.

Giữ được Chánh Kiến là do vô tham, vô sân, vô si, và nó luôn luôn hợp với trí. Nhưng bao lâu một người vẫn không thấy những vận hành của duyên sanh, Chánh Kiến của họ chỉ dựa trên đức tin, và vì lí do đó không chắc chắn, nghĩa là có lúc họ giữ chánh kiến và có lúc không. Chỉ Nhập Lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga-Ñāna*) mới làm cho

³³⁰ Điều này không có nghĩa rằng cha mẹ không hiện hữu theo thực tại mà nó chỉ muốn nói tới những quả báo phát sanh do thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp đã làm đến các bậc cha mẹ. Xem thêm sự giải thích ở ghi chú cuối chương 9, trang 4 và ghi chú cuối chương 203, trang 564.

³³¹ Chánh Kiến này cũng được gọi là Chánh Kiến về Nghiệp Sở Hữu (Trí) (*kamma-Ssakata-Sammā-Ditṭhi*). Vì vậy, trong 'Kinh Tỳ Kheo' của Tương Ưng Bộ Kinh ('*Bhikkhu-Suttam*', S.V.III.i.3), Đức Phật giải thích: 'Và thế nào là khởi đầu của các thiện pháp (*kusalānaṃ dhammānaṃ*)? Chính là giới khéo thanh tịnh (*sīlañ-ca su-visuddham*), và tri kiến chánh trực (*ditṭhi ca ujukā*) [SA:Chánh Kiến về Nghiệp Sở Hữu (*kamma-Ssakataa-ditṭhi*)]. Và Ngài giải thích rằng chỉ khi hai pháp này đã được thành tựu, lúc đó vị Tỳ kheo mới có thể thực hành bốn niệm xứ. Đức Phật cũng nói như vậy đối với việc thực hành Bát Thánh Đạo (S.V.I), và Thất Giác Chi (S.V.II). Xem thêm 'Năm Loại Trí' trang 113.

Chánh Kiến của một người chắc chắn, bởi vì (với trí này) người ta đã biết và thấy được duyên sanh theo chiều thuận và theo chiều nghịch: lúc đó người ta mãi mãi không còn chấp giữ tà kiến về nghiệp, cũng như bất cứ kiến chấp nào trong hai mươi loại thân kiến (*sakkāya-ditṭhi*) [166] Đồng thời lúc đó họ cũng có Chánh Kiến biết được sự khác nhau giữa Chánh Kiến và tà kiến.[167]

Chánh Kiến xác nhận những vận hành của nghiệp được xem là quan trọng nhất trong số những thiện nghiệp đạo. Tại sao? Bởi vì khi một người có Chánh Kiến, làm những điều bất thiện đối với họ là rất khó. Thực vậy, nếu một người đã đắc Chánh Kiến của một bậc Thánh, rất nhiều pháp bất thiện sẽ trở thành bất khả đối với họ để làm trở lại.[168]

Điều này đã kết luận sự giải thích của Đức Phật về ba ý nghiệp đạo thiện: không tham muốn tài sản của người khác, không nuôi dưỡng ác ý (mà nuôi dưỡng từ bi), và không chấp giữ tà kiến phủ nhận những vận hành của nghiệp, mà giữ Chánh Kiến xác nhận những vận hành của thiện nghiệp và bất thiện nghiệp.

Như vậy, tổng cộng có mười thiện nghiệp đạo: ba thiện nghiệp đạo về thân, bốn thiện nghiệp đạo về lời nói và ba thiện nghiệp đạo về ý. Tất cả những thiện nghiệp đạo này đều phát sanh do vô tham, vô sân và có thể là ly trí (*ñāṇa-vippayutta*) hoặc hợp trí (*ñāṇa-sampayutta*), tùy theo.

QUẢ CỦA THIÊN NGHIỆP

Quả của những thiện nghiệp này là gì? Đức Phật đã giải thích nó cho các vị Tỷ-kheo như sau:

QUẢ CỦA THÂN NGHIỆP THIÊN

Với ba loại thành tựu của thân nghiệp, có tư thiện là nhân, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh vào lúc thân hoại mạng chung, sau khi chết, được tái sanh trong một sanh thú tốt đẹp, được tái sanh thiên giới.

QUẢ CỦA KHẨU NGHIỆP THIÊN

Hay với bốn loại thành tựu của khẩu nghiệp, có tư thiện là nhân, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh vào lúc thân hoại mạng chung, sau khi chết, được tái sanh trong một sanh thú tốt đẹp, được tái sanh thiên giới.

QUẢ CỦA Ý NGHIỆP THIÊN

Hay với ba loại thành tựu của ý nghiệp, có tư thiện là nhân, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh vào lúc thân hoại mạng chung, sau khi chết, được tái sanh trong một sanh thú tốt đẹp, được tái sanh thiên giới.

Mười thiện nghiệp đạo đã được Đức Phật ca ngợi như các pháp thiện (*kusala*), hữu ích (*attha*), vô lỗi (*anavajja*), và như những pháp đem lại kết quả an vui (*sukha-vipāka dhamma*). Và bởi vì chúng dẫn đến tái sanh trong các cõi trời (*sagga*), nên Đức Phật ca ngợi chúng như con đường trong sáng hay bạch đạo (*sukka-magga*).[169]

Đức Phật còn giải thích thêm rằng nếu chúng ta bảo được người khác tham gia vào mười thiện nghiệp đạo, thì mười thiện nghiệp đạo sẽ trở thành hai mươi pháp đưa chúng ta đến một sanh thú tốt đẹp, ngay cả thiên giới;[170] nếu chúng ta còn tán thành mười thiện nghiệp đạo, chúng sẽ

trở thành ba mươi pháp đưa chúng ta đến một sanh thú tốt đẹp [171]; và nếu chúng ta còn khen ngợi mười thiện nghiệp đạo nữa, chúng sẽ trở thành bốn mươi pháp đưa chúng ta đến một sanh thú tốt đẹp.[172]

KẾT LUẬN

Điều này kết luận sự giải thích của chúng tôi về mười bất thiện nghiệp đạo và mười thiện nghiệp đạo. Trong khi mười bất thiện nghiệp đạo đưa đến tái sanh trong bốn ác đạo — súc sanh, ngạ quỷ, thậm chí địa ngục, thì mười thiện nghiệp đạo đưa đến tái sanh trong nhân giới, hoặc thiên giới.

Tuy nhiên, tái sanh trong nhân giới hoặc thiên giới không phải là mục đích của Pháp (*Dhamma*), có đúng không? Một sự tái sanh như vậy ngoài Giáo Pháp của Đức Phật cũng có thể đạt được. Vì vậy, các thiện nghiệp đạo không phải là độc nhất trong Giáo Pháp của Đức Phật. Độc nhất trong Giáo Pháp Đức Phật là lời dạy về Tứ Thánh Đế.³³²

1. Khô (*dukkha*)
2. Tập (*samudaya*)
3. Diệt (*nirodha*)
4. Đạo (*magga*)

Đó là Giáo Pháp cao tột nhất của chư Phật (*Buddhānaṃ sāmukkaṃsika Dhamma-desanā*). Giáo pháp này có thể đưa đến thiện pháp cao nhất trong các thiện pháp: sự chứng đắc các Thánh Đạo và Thánh Quả, mà cùng tột là

³³² Đây là tột đỉnh của những gì được gọi là tuý thuận giáo (*anupubbi-kathā*) của Đức Phật [xem ‘*Tabadāthika*, Người đạo phủ’, trang 369]. Cũng xem ‘Kinh Ambaṭṭhaka’ (*Ambaṭṭhaka-Suttam*’. D.i.3), và ‘Kinh Upāli’. M.II.i.6

quả vị A-la-hán, chấm dứt sanh, già và chết.

Cái gì được xem là cần thiết cho sự chứng đắc Đạo Quả? Thiền chỉ và thiền minh sát thành công là cần thiết.[173] Nhưng để cho thiền chỉ và thiền minh sát của chúng ta thành công, nó phải được hỗ trợ bởi nhiều thiện nghiệp khác. Nói khác hơn, để thành công trong thiền, trước tiên chúng ta cần phải hoàn tất việc thực hành càng nhiều ba phước nghiệp sự càng tốt: không chỉ trong kiếp này mà cả trong các kiếp quá khứ nữa. Và việc thực hành đó đòi hỏi phải có một phẩm chất cao: kiên định và liên tục. Đây là những gì bây giờ chúng ta sẽ thảo luận.

MINH VÀ HẠNH

Loại thực hành cần thiết trong quá khứ để đạt đến Đạo Quả (ngay cả A-la-hán thánh quả), được gọi là minh và hạnh (*vijjā-carana*):[174]

1. Minh (*vijjā*) cũng giống như tuệ (*paññā*), và là minh sát trí (*vipassanā ñāṇa*), gồm hiệp thế và siêu thế.³³³ Minh hiệp thế lấy các hữu vi giới (*Saṅkhata-dhātu*), vốn là năm uẩn hay danh và sắc, thuộc tam giới, làm đối tượng. Trong khi minh siêu thế lấy Vô-vi giới (*Asaṅkhata-dhātu*), tức Niết-bàn, làm đối tượng. Khi bàn về việc thực

³³³ VsM.vii.133' *Buddh-Ānussati*' ('Tuỳ Niệm Phật') PP.vii.30 giải thích rằng theo bài Kinh Ambaṭṭha ('*Ambaṭṭha-Sutta*') của Trường Bộ thì minh có tám, đó là: 1. Minh sát trí về danh - sắc, 2. Ý-hoá minh, 3. Biến hoá minh, 4. Thiên-nhĩ minh, 5. Tha-tâm minh, 6. Túc-mệnh minh, 7. Thiên-nhãn minh, 8. Lậu tận minh. Và theo Kinh Sợ Hãi và Khiếp Đâm của Trung Bộ ('*Bhaya-Bherava-Suttam*' M.II) thì minh là tam minh (*te-vijjā*): 1. Túc mệnh minh, 2. Thiên nhãn minh, 3. Lậu tận minh. Tuy nhiên, khi nói về việc thực hành trong quá khứ, minh siêu thế: lậu tận minh, thường không được bao gồm trong đó.

hành trong quá khứ cần thiết cho sự chứng đắc một Đạo Quả, chúng ta không gò mình siêu thế vào đó, bởi vì nếu có mình siêu thế, thì điều đó có nghĩa rằng người ấy đã đắc Đạo Quả rồi.

2. Hạnh (*carana*) giống như ba phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*): bố thí (*dāna*), trì giới (*Sīla*), và tu thiền (*bhāvanā*): tu thiền ở đây có nghĩa là tu tập thiền chỉ (*samatha bhāvanā*) và tu tập thiền minh sát (*vipassanā bhāvanā*). Tuy nhiên ba phước nghiệp sự này chỉ có thể gọi là hạnh khi chúng là những pháp hành thích hợp, và được thực hành một cách kiên định và liên tục.

Để giải thích minh và hạnh này một cách dễ hiểu, tôi sẽ bắt đầu bằng cách giải thích hạnh trước:

HẠNH

Hạnh có mười lăm pháp:³³⁴

³³⁴ Trong phần giới thiệu bài ‘Kinh Hữu Học’ của Trung Bộ (*‘Sekha Suttam’* .M.II.i.3) Đức Phật bảo Tôn giả Ananda chỉ dẫn các vị Sakyans (Thích Ca) của Kapilavatthu về Hữu Học Đạo (*Sekho pātipado: VỊ Thánh Đệ Tử trên Đạo Lộ Tu tập*) Tôn giả Ānanda giải thích như sau: ‘Ở đây, này Mahānāma vị Thánh Đệ Tử đầy đủ giới hạnh (*sīla-sampanno*), phòng hộ các căn (*indriyesugutta-dvāro*), biết tiết độ trong ăn uống (*bhojane mattaññū*), chú tâm cảnh giác (*jāgariyam anuyutto*), thành tựu bảy diệu pháp (*sattahi sa-dhammehi samanāgato*), đối với bốn Thiền (*catunnam-jhānānam*), thuộc tầng thượng tâm (*ābhi-cetasikānam*), hiện tại lạc trú (*ditṭha-dhamma-sukha-vihārānam*), vị ấy chứng đắc không khó khăn (*nikāma-lābhi*), chứng đắc không mệt nhọc (*akiccha-lābhi*), chứng đắc không phí sức (*a-kasira-lābhi*). Bảy diệu pháp được Tôn giả Ānanda giải thích như vị Thánh Đệ Tử có 1. đức tin (*saddho*), 2. tâm (*hirimā*), 3. Quý (*ottappī*), 4. Đa văn (*bahu-ssuto*), 5. tinh tấn (*āraddha-viriyo*),

1. Giới (*Sīla*): Chúng ta đã bàn về giới ở phần nói về ba phước nghiệp sự (*puñña-kiriya-vatthu*).³³⁵ Ở đây chúng tôi chỉ nhắc lại các yếu tố đó một cách tóm tắt.
 - i. Đối với người tại gia, giữ giới có nghĩa là sự tu tập thường xuyên trong ngũ giới và bát giới, hoặc thập giới. Nó bao gồm cả Chánh Mạng (*Sammā-Ājīva*), tức cách sinh nhai không phạm vào bất cứ giới nào, và cũng không phạm vào một trong năm nghề buôn bán trái phép: buôn bán vũ khí, buôn bán người (làm nô lệ), buôn bán thịt (mua bán thú cho người ta xẻ thịt), buôn bán rượu, và buôn bán thuốc độc.³³⁶
 - ii. Đối với các vị Tỳ kheo, giới có nghĩa là Tỳ kheo giới (*Bhikkhu-Sīla*), tăng thượng giới (*adhi-Sīla*), hay tứ thanh tịnh giới (*caturpārisuddhi-Sīla*):[175]
 - a. Thanh tịnh nhờ giữ giới chế ngự theo giới bốn (*pātimokkha-saṃvara-Sīla*), ở đây là việc giữ hai trăm hai mươi bảy giới luật của Tỳ kheo một cách thường xuyên.
 - b. Thanh tịnh nhờ giữ giới chế ngự các căn (*indriya-saṃvara-Sīla*), đó là thường xuyên chế ngự nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn, bằng cách tác

6. niệm (*satimā*), 7. tuệ (*paññavā*). Và ngài giải thích rằng những pháp này tạo thành hạnh (*carana*) của vị Thánh Đệ Tử. Ở cuối lời giải thích đó, Đức Phật đã tán thành với lời ‘*sādhu*’ (Lành thay).

³³⁵ Xem lại ‘Giới’, trang 139.

³³⁶ Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 103, trang 525/Tập II.

- ý đến đề mục thiền (chỉ hay minh sát) của mình. Theo cách đó các phiền não không thể sanh khởi qua ngũ sáu căn.³³⁷
- c. Thanh tịnh nhờ giữ giới thanh tịnh sinh mạng (*ājīva-pārisuddhi-Sīla*) hay đối với vị Tỳ kheo là việc giữ Chánh Mạng (*Sammā-Ājīva*). Một vị Tỳ kheo phải tránh nuôi mạng không chân chánh (tà mạng), hay nói khác hơn sự nuôi mạng của vị Tỳ-kheo phải không được phạm vào bất kỳ giới nào trong giới bốn ba-la-đề-mộc-xoa (*Pātimokkha*)³³⁸.
 - d. Thanh tịnh nhờ giữ giới liên quan đến tứ vật dụng (*paccaya-sannissita-Sīla*): đó là như lý giác sát đối với bốn món vật dụng — y phục, vật thực, chỗ ở, và thuốc trị bệnh.
2. Chế ngự các căn (*indriya-samvara*): Cũng giống như thanh tịnh thứ hai của vị Tỳ-kheo (thanh tịnh nhờ giữ giới chế ngự các căn): việc chế ngự thường xuyên sáu căn môn (nhãn, nhĩ... ý môn) bằng cách tác ý đến đề mục thiền của mình, dù là thiền chỉ hay thiền minh sát. Theo cách này, phiền não không thể phát sanh qua ngũ các căn môn.
 3. Tiết độ trong ăn uống (*bhojane-mattaññutā*): thường xuyên chỉ ăn đến mức cần thiết để hỗ trợ cho việc thực hành, và duy trì (sự khoẻ mạnh) của

³³⁷ Chi tiết, xem ghi chú cuối chương 118, trang 529/Tập II.

³³⁸ Chi tiết liên quan đến tà mạng của vị Tỳ kheo, xem ghi chú cuối chương 120, trang 531/Tập II.

- cơ thể³³⁹.
4. Chú tâm cảnh giác (*jāgāry-āmyoga*- luôn giữ tâm tỉnh thức): thường xuyên không ngủ ngày, và không bao giờ ngủ nhiều hơn mức cần thiết: giữa hai thời ngủ, thường xuyên hành thiền.
 5. Tín (*saddhā*): niềm tin sâu sắc và mạnh mẽ nơi Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), nơi những vận hành của nghiệp, nơi duyên khởi, tái sanh, và các cảnh giới khác. Như vậy, thói quen thực hành bố thí (*dāna*), cũng được gồm trong Tín theo cách phân loại này.
 6. Niệm (*sati*): Thực hành thường xuyên Tứ Niệm Xứ—thân, thọ, tâm và pháp.
 7. Tàm (*hiri*-慚): có lòng hổ thẹn không làm điều ác qua thân, khẩu và ý.
 8. Quý (*ottappa*-慍): biết ghê sợ không làm điều ác qua thân, khẩu và ý.
 9. Đa văn (*bāhu-sacca*): [176] Thường xuyên học và hỏi về Kinh Điển, để biết được sự khác nhau giữa năm thủ uẩn (*khandha*), mười hai xứ (*āyatana*) và mười tám giới (*dhātu*), vốn là Thánh Đế Thứ Nhất hay Khổ Thánh Đế (*Dukkha Ariya-Sacca*). [177] Học và hỏi về duyên khởi (*paṭicca-samuppāda*) để biết được nguồn gốc của năm uẩn, Thánh Đế Thứ Hai hay Tập Đế (*Dukkha-Samudaya Ariya-Sacca*). Và học hỏi về bốn niệm xứ, để biết cách diệt khổ, Thánh Đế Thứ Tư, Đạo

³³⁹ Trong Tương Ưng Kinh, bài kinh ‘Ví Dụ Chiếc Xe’ (*‘Rath-Opama-Suttain’* S.IV.xii.7), Đức Phật giải thích tiết độ trong ăn uống này như ăn uống hợp theo sự quán tưởng đã trích dẫn ở mục ‘Giới của Vị Tỳ-Kheo’, trang 146.

Đế (*Dukkha-Nirodha-Gāminī Paṭipadā Ariya-Sacca*)—Thánh Đế Về Con Đường Diệt Khổ).

Đa văn cũng bao gồm cả việc biết và thấy năm uẩn, và nguồn gốc sanh khởi của năm uẩn. Đó là hai trí chuẩn bị cho việc thực hành minh sát: Danh Sắc Xác Định Trí (*Nāma-Rūpa-Pariccheda-Ñāṇa*) và Nhân Duyên Phân Biệt Trí (*Paccaya-Pariggaha-Ñāṇa*). Hai trí này chúng ta đã bàn đến ở trên.³⁴⁰

10. Tinh tấn (*vīriya*): đây là việc thực hành thường xuyên bốn loại tinh tấn (*padhāna*):[178]
- i. Tinh tấn chế ngự (*saṃvara-padhāna*): với tinh tấn và nỗ lực hành giả tự chế ngự mình không để làm những nghiệp bất thiện bằng thân, khẩu và ý.
 - ii. Tinh tấn đoạn trừ (*pahāna-padhāna*): bất cứ bất thiện nghiệp nào đã làm bằng thân, khẩu và ý, hành giả tinh tấn và nỗ lực chấm dứt những bất thiện nghiệp ấy.
 - iii. Tinh tấn tu tập (*bhāvanā-padhāna*): với tinh tấn và nỗ lực hành giả cố gắng tu tập và tạo tác những thiện nghiệp mới bằng thân, khẩu và ý. Điều này có nghĩa là, hành giả cố gắng tu tập mình (*vijjā*) và hạnh (*cāraṇa*) càng nhiều càng tốt.
 - iv. Tinh tấn duy trì (*anurakkhaṇa-padhāna*): bất cứ thiện nghiệp nào đã làm bằng thân, khẩu và ý, hành giả cố gắng duy trì nó, tiếp tục thực hiện công việc của mình.

³⁴⁰ Xem lại ‘Hai Minh Sát Trí Chuẩn Bị’ trang 176.

11. Tuệ (*paññā*) [179]: đây là minh sát trí đích thực. Trước đây chúng ta đã bàn về mười một minh sát trí hiệp thể. Hai trí đầu không phải là những minh sát trí đích thực, mà chỉ là hai trí chuẩn bị. Chín minh sát trí kế tiếp mới thực sự là những minh sát trí.³⁴¹ Và minh sát trí thì được kể trong nhóm hạnh, khi nó tạo ra tái sanh. Như thế nào?

Bao lâu một người vẫn chưa trở thành một bậc Thánh A-la-hán, mặc dù không có tham ái khi người ấy hành thiền minh sát, song vẫn có tư (*cetanā*) vốn có thể tạo ra tái sanh; nghĩa là vẫn có sự thiết lập của tâm tác nghiệp. Điều này là do những khuynh hướng ngũ ngầm (tùy miên) gây nên, và không thể khác hơn được.[180]

Lại nữa, minh sát trí thực sự còn có thể bị đan xen với trạng thái hỷ duyệt vi tế (*abhinandana*-ái lạc) đối với trí đó: trạng thái ấy là ái dục (*kāma-taṇhā*). Và nếu người ta không có một thiền chứng (*jhāna*) nào, thì vào sát-na cận tử minh sát trí của họ có thể sẽ là thiện nghiệp mạnh nhất chín mùi. Trong trường hợp đó, nó sẽ tạo ra tái sanh hoặc trong cõi nhân loại hoặc trong cõi chư thiên dục giới.[181]

12. Sơ thiền.....(*paṭhama jhāna*)

13. Nhị thiền.....(*dutiya jhāna*)

14. Tam thiền.....(*tatiya jhāna*)

15. Tứ thiền.....(*cattutha jhāna*)

Đây là việc thực hành thiền định. Bốn bậc thiền được Đức Phật gọi là Chánh Định (*Sammā Samādhī*).[182] Với bốn

³⁴¹ Xem ‘Mười Sáu Minh Sát Trí’ trang 218.

bậc thiền, tâm trở nên mạnh mẽ, đầy năng lực, và có ánh sáng bùng chói, rực rỡ, vốn là ánh sáng của trí tuệ: người hành thiền thể nhập vào sự thực tối hậu với ánh sáng này, và thực hành minh sát trên danh và sắc chơn để thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, bên trong và bên ngoài, thô và tế, cao thượng và hạ liệt, xa và gần.

Mười lăm pháp vừa giải thích là những gì Đức Phật gọi là hạnh (*carana*)[183]. Kế tiếp chúng ta sẽ bàn về minh (*vijjā*).

MINH

Minh (*vijjā*), cũng là minh sát trí (*vipassanā-ñāṇa*), nhưng chỉ minh sát trí nào không tạo ra tái sanh.

Như vậy đã kết luận sự giải thích của chúng tôi về minh và hạnh. Tóm lại, minh và hạnh là loại nghiệp quá khứ đòi hỏi phải có để một người đạt đến Đạo Quả. Quý vị cần ghi nhớ điểm này để sau đây khi chúng tôi đề cập đến người đã phát triển được loại minh như thế trong những kiếp quá khứ, đạt đến tột đỉnh của các minh sát trí hiệp thế, đó là Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Ñāṇa*) quý vị sẽ dễ dàng nắm bắt.

CÁC KẾT QUẢ

Tuy nhiên, để kết luận phần giải thích trên một cách thích đáng, có lẽ cũng cần nói thêm rằng việc thực hành minh và hạnh trong các kiếp quá khứ cần phải được quân bình, nghĩa là chúng ta cần phải thực hành đồng đều cả hai pháp minh và hạnh. Tại sao?

Để giải thích điều này, chúng tôi có thể dùng một ví dụ.[184] Minh giống như đôi mắt của một người, và hạnh

giống như đôi chân³⁴² của họ. Như vậy chúng ta có bốn loại người theo ví dụ này:

1. Người thực hành hạnh, nhưng không thực hành minh. Người này giống như người có chân để đi nhưng lại bị mù.
2. Người thực hành minh, nhưng không thực hành hạnh. Người này giống như một người có mắt để thấy nhưng lại bị què.
3. Người không hành minh cũng không hành hạnh. Người này giống như người vừa bị mù vừa bị què. Đây là loại người chúng ta đã bàn đến ở bài kinh ‘Dây Trói Buộc’: Kẻ vô văn phạm phu (*puthu-jjana*).
4. Người thực hành cả minh lẫn hạnh. Người này giống như người vừa có thể thấy vừa có thể đi được.

MINH KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Nếu việc thực hành của chúng ta chủ yếu chỉ tạo thành hạnh (*carana*), thì điều đó cũng giống như chỉ phát triển được chân tay khoẻ mạnh mà thôi. Một sự thực hành như vậy có thể giúp chúng ta gặp được Giáo Pháp của Đức

³⁴² VbhA.iv.205 ‘*Magga-Sacca-Niddesa-Vaṇṇanā*’ (‘Mô Tả Về Sự Giải Thích Đạo Đệ’) DD.iv.570 giải thích minh và hạnh đã được bao gồm trong Bát Thánh Đạo như thế nào: Minh = Chánh Kiến/Chánh Tư Duy (tương ứng với tuệ minh sát không đưa đến tái sanh); Hạnh = các chánh còn lại (chánh ngữ...chánh định). Tương tự, Minh = *Vipassanā*; Hạnh = *Samatha* (thiền chỉ); Minh = tuệ uẩn (tuệ học); Hạnh = giới & định uẩn (giới & định học). Và bộ luận giải thích rằng có đầy đủ ba uẩn và ba học này, vị Thánh Đệ Tử cũng giống như một người lữ hành với mắt sáng có thể thấy và với đôi chân có thể đi, cuối cùng sẽ chứng ngộ Niết-Bàn, Bất Tử.

Phật, được tái sinh làm người, có thân hình khoẻ mạnh, với các căn đầy đủ, được sống trong một nơi thích hợp, ở đây có Đức Phật, Giáo Pháp và Chư Tăng. Nhưng sự thực hành khiếm khuyết về mình này cũng giống như người có thị lực yếu. Không có sự thực hành minh (*vijja*), chúng ta sẽ không thể biết và thấy Pháp (*Dhamma*) một cách đúng đắn, ngay cả khi pháp ấy được chính Đức Phật dạy.

VUA PASENADI

Một ví dụ điển hình là Đức Vua Pasenadi (Vua Batur-nặc) của nước Kosala, một trong những vị đại hộ pháp của Đức Phật. Ông trở thành vua, thọ hưởng vương quyền và các lạc thú của bậc đế Vương, nhờ đã thực hành hạnh (*carana*) trong quá khứ: bố thí, giữ giới và các phước nghiệp sự khác. Cũng nhờ việc thực hành hạnh trong quá khứ ấy, ông được gặp Đức Phật, và trở thành một vị đại hộ pháp của ngài. Nhưng do sự thực hành minh (*vijjā*) không đầy đủ, ông không thể biết và thấy Pháp một cách đúng đắn, và kết quả là ông không đắc một Đạo Quả trí nào trong kiếp đó. Vì vậy, mặc dù chúng ta có thể bắt gặp những bài kinh trong đó mô tả việc ông đàm luận pháp với Đức Phật, nhưng đó chỉ là Pháp nông cạn, còn ở mức khái niệm chế định.³⁴³

TỶKHEOSĀTI

Ví dụ khác là Tỳ-kheo Sāti, con trai của người đánh cá.³⁴⁴ Nhờ thực hành hạnh (*carana*) trong quá khứ, ông gặp

³⁴³ Chẳng hạn, xem Tương Ưng I, phần ‘Tương Ưng Kosala’ (*Kosala Saṃpayutta*) S.I.III

³⁴⁴ M.I.iv.8 ‘*Mahā-Taṇhā-Saṅkhaya-Suttam*’ (‘Đại Kinh Ái Đoạn Tận’)

được Đức Phật, có đức tin nơi Đức Phật, thậm chí xuất gia làm Tỳ-kheo, và thọ trì ba tăng thượng học (tăng thượng giới, - định, và - tuệ học). Nhưng khi Đức Phật giải thích các tiền kiếp của ngài cho các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Sāti không thể nào hiểu được điều ấy một cách đúng đắn: ông nghĩ có một cái thức (tâm) di trú từ kiếp này sang kiếp khác, một cái thức cảm thọ các quả của thiện nghiệp và ác nghiệp quá khứ. Do việc thực hành minh (*vijjā*) không đầy đủ, ông đã không thể hiểu đúng được pháp. Cho dù được gần gũi các vị Tỳ-kheo thông thái, và được chính Đức Phật dạy dỗ, Tỳ-kheo Sāti cũng không thể hiểu được pháp duyên sanh.[185]

LUẬN SU'SACCAKA

Ví dụ thứ ba là Saccaka,[186] một học giả chuyên đi đây đó tranh biện với mọi người. Nhờ thực hành hạnh (*carana*) trong quá khứ, ông được gặp Đức Phật, có lòng tôn kính Đức Phật. Nhưng do thực hành minh không đầy đủ, ông không chấp nhận hoàn toàn lời dạy của ngài, và cũng không quy y nơi ngài.

Ngoài ra còn có một số những đệ tử của ngoại đạo đến đàm luận Pháp với Đức Phật, thừa nhận lời dạy của ngài là cao thượng, nhưng vẫn không thể từ bỏ kiến chấp của mình,[187] đó cũng là những ví dụ điển hình về trường hợp thực hành minh không đầy đủ.

HẠNH KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Giả sử rằng trong quá khứ chúng ta không thực hành hạnh, đó là chúng ta đã không thực hành bố thí, trì giới, chế ngự các căn; không có niềm tin đủ mạnh nơi Đức Phật, Giáo Pháp, và Chư Tăng; không có niềm tin đủ mạnh nơi những

vận hành của nghiệp, duyên khởi, tái sinh, và các cõi sống khác; không phát triển lòng từ, quý (hỗ thẹn và ghê sợ tội lỗi); không hành bốn loại tinh tấn; và không tu tập thiền định. Thì trường hợp này cũng giống như người chân tay bị khiếm khuyết.

Cho dù chúng ta có thể hiểu được những Lời Dạy của Đức Phật (nếu có cơ hội) thì điều đó cũng sẽ không bao giờ xảy ra, vì hạnh của chúng ta là hạnh của một kẻ vô văn phạm phu. Hạnh của kẻ vô văn phạm phu có nghĩa là chúng ta đã tạo quá nhiều ác nghiệp bằng thân, khẩu và ý: chẳng hạn, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu bia, và tệ hơn cả, chúng ta đã chấp giữ tà kiến. Với những hạnh như vậy chúng ta sẽ có khuynh hướng tái sinh trong những sanh thú bất hạnh. Nếu chúng ta tái sinh trong cảnh giới địa ngục, cảnh giới súc sanh, hay cảnh giới ngạ quỷ, thì như Đức Phật nói, việc thoát khỏi những cảnh giới đó, hầu như là khó có thể đối với chúng ta.³⁴⁵ Trong thời gian đó, nếu một vị Phật xuất hiện, kẻ như chúng ta đã mất đi một cơ hội để gặp Giáo Pháp của Ngài. Chỉ khi làm người hay làm chư thiên chúng ta mới có thể gặp Giáo Pháp của một vị Phật.

Cho dù chúng ta có được tái sinh làm người, việc thực hành hạnh (mười lăm pháp hạnh-*carana dhamma*) không đầy đủ của chúng ta cũng có nghĩa rằng chúng ta sẽ phải tái sinh trong một thời kỳ không thích hợp, thời kỳ không có Giáo Pháp của Đức Phật. Tại sao? Bởi vì Giáo Pháp của một vị Phật rất là hiếm gặp vậy.³⁴⁶ Có thể rất nhiều

³⁴⁵ Liên quan đến điều này, Đức Phật dùng hình ảnh con rùa mù: xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 78, trang 512/Tập II.

³⁴⁶ Đức Phật giải thích sự hiếm hoi của một vị Phật trong Tăng Chi Kinh, ‘Phẩm Một Người’ (*Eka-Puggala-Vaggo*) A.I.xiii- Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào? Của Như Lai,

đại kiếp trôi qua không có một vị Phật nào xuất hiện. Và cho dù Giáo Pháp của một vị Phật có mặt chẳng nữa, chúng ta vẫn có khuynh hướng bị tái sanh trong một nơi không thích hợp, chẳng hạn sanh trong một gia đình cha mẹ làm lạc, ở đây tà kiến chiếm ưu thế, không có sự hiểu biết và tiếp cận Giáo Pháp của Đức Phật. Khi làm người chúng ta cũng sẽ gặp nhiều chướng duyên, và dễ bị bệnh. Trong trường hợp đó, gặp được Giáo Pháp của một vị Phật cũng sẽ là điều rất khó.

Thị lực của chúng ta có thể rất tốt, nghĩa là chúng ta có thể dễ dàng hiểu được Pháp, và ngay cả có thể đắc Đạo Quả. Nhưng do hạnh không đầy đủ, chúng ta sẽ không gặp Giáo Pháp của Đức Phật, bởi vì ‘khiếm khuyết chân tay’.

MAHĀDHANA CON TRAI CỦA VỊ TRƯỞNG KHỔ

Một ví dụ điển hình trong trường hợp này là Mahādhana, con trai của vị trưởng khổ.³⁴⁷ Anh ta sanh ra trong một gia đình rất giàu ở Bārāṇasī, và kết hôn với một thiếu nữ cũng con nhà giàu có. Do không hành giới, anh ta đã hoang phí hết toàn bộ tài sản của mình vào việc rượu chè, mua sắm hương liệu, ca hát và nhảy múa, . . . , để rồi kết thúc trong cảnh nghèo túng. Khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian, Mahādhana và vợ tuổi đã xế chiều. Và chỉ đến lúc tuổi già phải đi xin ăn ở chùa Isipatana họ mới gặp được Giáo Pháp

bạc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời.), hay trong Kinh Sārandada (*‘Sārandada-Suttam’* A.V.III.v.3) và ngài cũng nói trong Pháp Cú, Phẩm Phật Đà như sau: ‘Hiếm thay được làm người; khó thay được trưởng thọ; khó thay nghe Diệu Pháp; và Phật ra đời hiếm thay.’ (DhP.xiv.4 *‘Buddha Vagga’*)

³⁴⁷ DhPA.xi.9 *‘Mahādhana-Setṭhi-Putta-Vatthu’*

của Đức Phật.

Một hôm Đức Phật nhìn thấy hai vợ chồng Mahādhana, ngài nói với Tôn-giả Ānanda rằng nếu Mahādhana khi còn thanh niên biết chăm lo buôn bán, anh ta sẽ trở thành trưởng khố trong kinh thành. Và nếu Mahādhana khi còn thanh niên, xuất gia làm sa-môn, ông sẽ trở thành một bậc Thánh A-la-hán, và vợ ông sẽ là một bậc Thánh Bất-lai. Tương tự, nếu ở tuổi trung niên, Mahādhana biết chăm lo công việc, ông sẽ trở thành đệ nhị trưởng khố của kinh thành, và nếu là một vị sa-môn ông sẽ trở thành một bậc Thánh Bất-lai, còn vợ ông là một bậc Thánh Nhất-lai. Và nếu khi đã về già ông thực hiện được những điều này, ông sẽ trở thành đệ tam trưởng khố của kinh thành, hoặc làm một vị sa-môn ông sẽ trở thành bậc Thánh Nhất-lai, còn vợ ông là bậc Thánh Nhập-lưu. Nhưng vì ông đã không thực hành hạnh (*carana*), nên bây giờ ông hoàn toàn chẳng được gì cả: không có tài sản của một người tại gia cũng không có thánh sản của một vị sa-môn. Và khi chết đi, chắc chắn ông sẽ tái sanh vào địa ngục.

VUA A-XÀ-THẾ (AJĀTASATTU)

Một ví dụ điển hình khác là đức Vua A-xà-thế (tên của ông sẽ được đề cập nhiều lần trong quá trình giải thích của chúng tôi). Ông là con của đức Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra), một bậc Thánh Nhập Lưu, và cũng là một đại hộ pháp của Đức Phật và Tăng Chúng. Để trở thành Vua, A-xà-thế đã giết chết cha của mình. Về sau, trong một đêm nọ, ông đi đến gặp Đức Phật, Đức Phật đã thuyết cho ông nghe bài Kinh Sa-môn Quả (*‘Sāmañña-Phala’*), một giáo lý được

xem là vĩ đại.³⁴⁸ Đức vua có tất cả những điều kiện cần thiết để đắc Nhập Lưu giống cha mình. Nhưng do không thực hành hạnh lúc đầu đời, ông đã phạm tội giết cha. Giết cha là một trong những cực trọng nghiệp vô gián: quả của nó là tái sanh trong địa ngục ngay kiếp kế không thể thoát được.³⁴⁹ Vì thế, Vua A-xà-thế trong kiếp đó đã không thể đắc được một Đạo Quả nào, và vẫn còn là một phàm nhân (*putthu-jjana*).

SANH Ở MỘT NƠI KHÔNG THÍCH HỢP

Trường hợp khác là người không được sanh ở nơi mà Đức Phật gọi là nơi thích hợp (*patirūpa-desa*): đó là, người sanh trong một xứ sở không có Giáo Pháp của Đức Phật (*Buddha-Sāsana*).³⁵⁰ Chẳng hạn, ngày nay trong Tăng (*Sangha*), con số các vị Tỳ kheo đến từ Bắc Mỹ và Bắc Âu ngày càng tăng. Con số những người tại gia cư sĩ có niềm tin nơi Tam Bảo (Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo) ở những quốc gia ấy cũng đang phát triển. Tuy nhiên, để chấp nhận được những Lời Dạy của Đức Phật đối với họ luôn luôn là điều rất khó: điều này có lẽ do việc thực hành mình (*vijjā*) trong những kiếp quá khứ và cả trong hiện tại của họ không đầy đủ. Lại nữa, gặp được Chánh Pháp (*Saddhamma*) cũng luôn là một điều rất khó đối với họ, có thể đó là do việc thực hành hạnh (*carāṇa*) trong quá khứ và hiện nay không đầy đủ: thật khó mà nói chắc được. Khi quý vị phân biệt duyên khởi, quý vị sẽ hiểu được một cách đúng đắn tại sao những

³⁴⁸ D.i.2 “*Sāmañña-Phala Suttam*” (‘Kinh Sa Môn Quả’ Trường Bộ I)

³⁴⁹ Xem ‘Cực Trọng Nghiệp Bất Thiện’ trang 350.

³⁵⁰ Sống ở nơi có Giáo Pháp của Đức Phật là phúc lành thứ tư do Đức Phật liệt kê trong SuN.ii.4 ‘*Maṅgala Suttam*’ (‘Hạnh Phúc Kinh’): ‘*ở trú xứ thích hợp là phúc lành cao thượng*’ (*‘patirūpadesavāso*)’

vận hành của nghiệp lại như vậy.

Điều này kết luận phần giải thích của chúng tôi về thiện nghiệp và bất thiện nghiệp. Kế tiếp chúng ta sẽ bàn về mười hai loại nghiệp.

MƯỜI HAI LOẠI NGHIỆP

Mười hai loại nghiệp được chia làm ba nhóm bốn:³⁵¹

- Nghiệp bốn loại phân theo thời gian của quả.
- Nghiệp bốn loại phân theo thứ tự của quả.
- Nghiệp bốn loại phân theo nhiệm vụ của quả.

Đức Phật thường giải thích nghiệp theo mười hai loại này.³⁵² Bây giờ chúng tôi sẽ giải thích chúng theo tuần tự.

THỜI GIAN CỦA QUẢ

Bốn loại nghiệp đầu được phân theo thời gian của quả, nghĩa là theo cách khi nào thì nghiệp cho quả: ³⁵³[188]

³⁵¹ Mười hai loại nghiệp này được nêu ra trong Thanh Tịnh Đạo, Chương xix. (*Kaṅkhā-Vitarāṇa-Visuddhi-Niddeso*’ VsM.xix.685-687), và cũng được giải thích, chẳng hạn trong AA/AT.III.I.iv.4 *‘Niddān-Suttam’* (*‘Kinh Nhân Duyên’* trích dẫn ở ghi chú cuối chương 237, trang 575), và PaD.A nhóm bốn thứ tư được đưa ra trong AbS.v.53 *‘Kamma-Catukkam’* CMA.v.21: sự xảy ra của quả, ở đây (giải thích) nghiệp tạo ra quả của nó như thế nào. 1) bất thiện nghiệp (chỉ có hiệu quả trong cõi dục giới / sắc giới) 2) thiện nghiệp dục giới; 3) thiện nghiệp sắc giới; 4) thiện nghiệp vô sắc giới.

³⁵² Thời Gian cho Quả: được bàn đến ngay dưới đây; Thứ Tự của Quả: bàn ở trang 341; Nhiệm Vụ của Quả: bàn ở trang 383/Tập II.

³⁵³ VsM.xix.685 (và VsMT) *‘Kaṅkhā-Vitarāṇa-Visuddhi-Niddeso’* (Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh Tịnh) PP.xix.14, và AbS.v.52 *‘Kamma Catukkam’* CMA.v.20. xem ở ghi chú cuối chương 188, trang 559.

1. Hiện Báo Nghiệp (*diṭṭha-dhamma-vedanīya-kamma*): nghiệp có hiệu lực (cho quả) trong cùng kiếp sống của cá nhân ấy (*atta-bhāva*).
2. Sanh Báo Nghiệp (*upapajja-vedanīya-kamma*): nghiệp có hiệu lực ngay trong kiếp kế.
3. Hậu Báo Nghiệp (*apar-āpariya-vedanīya-kamma*): nghiệp có hiệu lực trong một kiếp bất định nào đó sau kiếp kế.
4. Vô Hiệu (Lực) Nghiệp (*ahosi-kamma*): nghiệp không còn hiệu lực hay nghiệp không cho quả. Nghiệp này chính là hiện báo nghiệp hay sanh báo nghiệp nhưng không còn tồn tại, nói khác hơn đó chỉ gọi là nghiệp trên danh nghĩa thôi. Sau sự Bát-niết-bàn (sự diệt tối hậu) của một người, tất cả nghiệp, kể cả những nghiệp cho quả bất định, đều trở thành vô hiệu lực, vì sau khi Bát Niết – bàn, không nghiệp nào còn hiệu lực nữa.

Trước khi giải thích tiếp, xin quý vị vui lòng nhớ cho rằng trong một cái búng tay, rất nhiều ngàn triệu tâm sanh diệt: chúng bao gồm hàng tỷ tiến trình tâm (*citta-vīthi*).³⁵⁴ Hầu hết trong đó là các tiến trình ý môn, như vậy có nhiều tỷ tiến trình ý môn sanh lên và diệt giống như một dòng sông chảy xiết. Trong thế gian (cõi dục) của chúng ta, một tiến trình ý môn thường bao gồm bảy tốc hành tâm (*javana*),³⁵⁵ nếu các tốc hành tâm là bất thiện (*akusala*), nó sẽ bao gồm tối thiểu mười sáu danh pháp (*nāma-dhamma*) và tối đa hai mươi danh pháp; còn nếu tốc hành tâm là thiện, nó sẽ bao

³⁵⁴ Để có một con số ước lượng, xem ghi chú 86, trang 79. Sự tương tục của tâm được tạo thành bởi vô số tâm hữu phần bị gián đoạn liên tục bởi hàng chuỗi tâm gọi là tiến trình tâm (tâm nhận thức tích cực).

³⁵⁵ Xem ghi chú 87, trang 80.

gồm tối thiểu ba mươi hai danh pháp và tối đa ba mươi lăm danh pháp.³⁵⁶ Trong mọi trường hợp, một trong những danh pháp ấy là tư (*cetanā*), và chính tư này tạo thành nghiệp.³⁵⁷ Vì vậy, khi một bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp được hoàn thành, chúng ta có thể nói rằng chuỗi bảy tốc hành tâm với tư tạo thành nghiệp sanh lên hàng tỷ lần.

³⁵⁶ về danh pháp của các tốc hành tâm bất thiện, xem bảng 2a/2b/2c, trang 93/95/97; còn về danh pháp các tốc hành tâm thiện dục giới: xem bảng 3a, 3b, 3c, trang 129/132

³⁵⁷ Tất nhiên không phải tất cả tư đều tạo ra nghiệp: xem ghi chú 89, trang 81.

5b: **Tiến Trình Ngũ Môn** (*pañca-dvāra-vīthi*) tiến trình nhãn/nhĩ/tỷ/thiệt/thân môn: vd. tiến trình nhãn môn.)*

SÁT-NA TÂM <i>Citta-Khanna</i>	(Trước tiến trình)					8 ⇒
	⇒⇒⇒...⇒⇒⇒	1 ⇒	2 ⇒	3 ⇒	4 ⇒	5 ⇒
ĐÔI TUÔNG <i>Āramma</i>	Đôi tương cận từ của kiếp trước					Cảnh Sắc <i>Rūp-Āramma</i>
TÂM <i>Citta</i>	Hữu Phần <i>Bhavaṅga</i>	Hữu Phần Vừa Qua <i>Añña- Bhavaṅga</i>	Hữu Phần Động <i>Bhavaṅga- Calana</i>	Hữu Phần Rung Đứt Động <i>Bhavaṅga- Upaccheda</i>	Hữu Phần Dứt Động <i>Bhavaṅga- Upaccheda</i>	Quyết Định <i>Voṭṭhappana</i>
	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓
	Quá <i>Vipāka</i>					Quá <i>Vipāka</i>
Duy Tác	Duy Tác <i>Kiriyā</i>					Duy Tác <i>Kiriyā</i>

SÁT-NA TÂM <i>Citta-Khanna</i>	(Sau tiến trình tâm)										17 ⇒	
	9 ⇒	10 ⇒	11 ⇒	12 ⇒	13 ⇒	14 ⇒	15 ⇒	16 ⇒	17 ⇒	18 ⇒	19 ⇒	
ĐÔI TUÔNG <i>Āramma</i>	Cảnh Sắc <i>Rūp-Āramma</i>										ĐÔI TUÔNG CẬN TỪ KIẾP TRƯỚC	
TÂM <i>Citta</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Tốc hành <i>Javana</i>	Hữu Phần <i>Bhavaṅga</i>
	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓	↑ ↓
	Nghiếp										Quá <i>Vipāka</i>	

* VsM.i.15 'Indriya-Samivara-Sīlani' (Giới Phòng Hộ Các Căn) PP.i.57; VsM.xiv.455 'Viññāna-Kkhantha-Kathā' ('Luận Về Thức Uẩn') PP.xiv.114-123; DhSA.i.1 'Kāma-Āvacara-Kusala-Pada-Bhāṅgaṇi' ('Phân Loại Phẩm Thiện Dục Giới') E.96; DhSA.I.iii 'Vipāk-Uddhāra-Kathā' ('Luận Về Sự Hiệu Biệt Quả') E.359-360; & AbS.iv.10 'Pañca-Dvāra-Vīthi' ('Tiến Trình Ngũ Môn') CMA.iv.6.

Những Ghi Chú cho Bảng 5b ‘Tiền Trình Ngũ Môn’

- Cảnh sắc được nhận thức bằng một tiền trình ngũ môn kéo dài 17 sát-na tâm.
- Một tâm kéo dài một sát-na tâm (*citta-kkhana*), với ba giai đoạn: sanh (*uppāda*) ↑, trú (*ṭhiti*) |, diệt (*bhanga*) ↓.
- Trước và sau một tiền trình tâm thường có một số tâm hữu phần khởi lên (xem ghi chú 262 trang 209).
- Tất cả các tiền trình ngũ môn (nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, và thân môn) đều diễn tiến theo cùng phương thức, hợp với quy luật tự nhiên của tâm (*citta-niyāma*). Như vậy, tiền trình ngũ môn chỉ ‘bắt lấy’ đối tượng (tiền trình nhãn môn chỉ nhận ra rằng có màu sắc), chứ chưa ‘biết’ đối tượng (sắc ấy là gì). Cái ‘biết’ xảy ra ở tiền trình tâm thứ tư và tiếp theo sau đó (xem bảng ‘Tiền Trình Ý Môn’). Tư của các tâm tốc hành ở đây chỉ là những tư yếu ớt, điều này có nghĩa là nghiệp chỉ có thể tạo ra một quả trong thời bình nhật (*pavatti*) ở tương lai, chứ nó không thể tạo ra một tâm tục sanh (*paṭisandhi-citta*).

Danh Pháp (*nāma-dhamma*) của tiền trình ngũ môn (*pañca-dvāra-vīthi*)

(tiền trình nhãn/nhĩ/tỷ/thiệt/thân môn: ví dụ ở đây là tiền trình nhãn môn)

DANH PHÁP	TÂM						Tốc Hành	Đăng ký
	Ngũ Môn Hưởng	Nhãn Thức	Tiếp Thọ	Quan Sát	Quyết Định			
TÂM (<i>citta</i>)	1	1	1	1	1	1	1	1
Bảy Biến Hành (<i>sabba-citta-sādhāraṇa</i>)	7	7	7	7	7	7	Bất Thiện (<i>akusala</i>) * Căn-Tham (<i>lobha-mūla</i>) 17/18/19/20/21 Căn-Sân (<i>dosa-mūla</i>) 17/18/19/20 Căn-Si (<i>moha-mūla</i>) Thiện (<i>kusala</i>) * Ly Trí (<i>ñāṇa-vippayutta</i>) 31/32/33 Hợp Trí (<i>ñāṇa-sampayutta</i>) 32/33/34	Các tâm sở như của tâm đăng ký, hay như tâm quả thiện dục giới (<i>vipāka-citta</i>). ‡
Sáu Biệt Cảnh (<i>pakiṇṇaka</i>)								
1. tâm (<i>vitakka</i>)	1		1	1	1	1		
2. tứ (<i>vicāra</i>)	1		1	1	1	1		
3. thắng giải (<i>adhimokkha</i>)	1		1	1	1	1		
4. cần (<i>vīriya</i>)						1		
5. hỷ (<i>pīti</i>)					1			
6. dục (<i>chanda</i>) †								
Tổng Cộng	11	8	11	11	12	12	16/18/19/20/21/22/ 32/33/34/35	11/12/ 32/33/34

* Về danh pháp của các tâm căn bất thiện, xem các bảng 2a, 2b, 2c, trang 93/95/97, và các căn thiện, xem các bảng trang 3a, 3b trang 129/132

‡ Các tâm sở của tâm quả thiện dục giới tương ứng với các tâm sở của tốc hành tâm thiện dục giới, không kể các tâm sở vô lượng và tiết chế: xem cột ‘tốc hành’ ở trước dưới mục ‘Thiện’.

† Các tâm ngũ môn, nhãn môn, tiếp thọ, quan sát, và quyết định đều là tâm vô nhân (*ahetuka*), và không bao giờ phối hợp với dục (*chanda*).

Ấc: Tiến Trình Ý Mẫn (Mỏe-Duwa-Hen) (với cảnh sắc là đối tượng)*

Sinh ra tên Chaihatu	[Thước sốn trình sẵn]		=
Có Tiền Asumava	Số lượng đơn số các kiếp trước:		=
Tên Ca	Họ: Pôô Example ↑ ↓	Họ: Vôo Qua (Hô-Vung-Dông) Example ↑ ↓	Họ: Dút Đông Example ↑ ↓

Sinh ra tên Chaihatu	Cảnh Sắc Aphassava										(Số bên trình Bản)
Tên Ca	Ý Mẫn Hương Aenah Aghau ↑ ↓	1st Tốc Hành Jawa ↑ ↓	2nd Tốc Hành Jawa ↑ ↓	3rd Tốc Hành Jawa ↑ ↓	4th Tốc Hành Jawa ↑ ↓	5th Tốc Hành Jawa ↑ ↓	6th Tốc Hành Jawa ↑ ↓	7th Tốc Hành Jawa ↑ ↓	1 ^o Đông Kỳ Tachumava ↑ ↓	2nd Đông Kỳ Tachumava ↑ ↓	Đai Tháo Cộn Tê Quê Pôô
	Dục Tác Chya	Hội Báo Nhập Phô Sumava Aghau Aenav	Hội Báo Nhập Kanna Aghau Banva Aenav						1 ^o Quê Aghau	2nd Quê Aghau	Đai Tháo Cộn Tê Quê Pôô

* Pôô-Duwa-Hen (Mỏe-Duwa-Hen-Cuôn-Phôô-
Shôôphôô) (Phần Luận Trình Tiến Dục GôôTE 91-93)
BỘ CÔNG TRÌNH-DUWA-HEN (TIẾN TRÌNH Ý Mẫn) CHIA VỎ

Những ghi chú cho Bảng 5c ‘Tiến Trình Ý Môn’

- Một tâm kéo dài một sát-na tâm (*citta-kkhaṇa*), với ba giai đoạn: sanh (*uppāda*) ↑, trú (*ṭhiti*) |, diệt (*bhaṅga*) ↓.
- Trước và Sau một tiến trình tâm sẽ có một số tâm hữu phần khởi lên.³⁵⁸
- Trước loại tiến trình ý môn này, có một tiến trình ngũ môn hay tiến trình ý môn khác.³⁵⁹
- Sự nhận thức diễn ra theo một phương thức cố định, hợp với quy luật tự nhiên của tâm (*citta-niyāma*). Chẳng hạn, sự nhận thức thị giác:³⁶⁰
 - 1) Tiến trình nhãn môn ‘bắt lấy’ đối tượng; nhận ra màu sắc. (Xem bảng '5b: Tiến Trình Ngũ Môn', trang 294)
Tiến trình ý môn hiểu được màu đỏ, nhờ biết màu sắc trong quá khứ, đối tượng của tiến trình nhãn môn.
 - 3) Tiến trình ý môn biết được nó là màu gì; biết được tên hay danh của màu.
 - 4) Tiến trình ý môn biết được ‘ý nghĩa’ của đối tượng; thấy toàn thể hình ảnh, một khái niệm được quyết định

³⁵⁸ **Tâm Hữu Phần:** về chi tiết, xem ghi chú 262 trang 209, và bảng '5a: Chết và Tái Sanh', trang 101.

³⁵⁹ Tiến trình ý môn này là tiến trình ý môn theo sau tiến trình ngũ môn (*pañca-dvār-ānu-bandhakā*). Một tiến trình ý môn khởi lên độc lập với tiến trình ngũ môn là tiến trình ý môn khởi lên đơn độc (*visuṃ-siddhā*).

³⁶⁰ Phương thức này được mô tả trong DAṬ.ii.439-443 '*Poṭṭhapāda-Sutta-Vaṇṇanā*' ('Mô Tả Kinh Poṭṭhapāda'): 'trước tiên âm thanh đi qua tai (*paṭhamam saddam sotena*); [âm thanh] quá khứ qua tâm thứ hai (*ītam dutiya-cetasā*); danh qua tâm thứ ba (*nāmam tatiya-cittena*); nghĩa qua tâm thứ tư (*attham catuttha-cetasā*).'

bởi kinh nghiệm quá khứ (tưởng (*saññā*)).

5) Tiến trình ý môn phán đoán và cảm thọ. Đây là sự khởi đầu của việc nhận thức thực thụ. Ở các tiến trình tâm trước, tư của các tốc hành tâm chỉ là tư yếu, điều này có nghĩa là nghiệp chỉ có thể tạo ra một quả trong thời bình nhật (*pavatti*) chứ không thể tạo ra tâm tục sanh (*paṭisandhi-citta*).

Chính từ tiến trình tâm ý môn thứ năm này khái niệm mới được biết, nghĩa là lúc đó người ta mới biết được đây là 'một người đàn ông', 'một người đàn bà', 'một cái bình', 'một cái sà-rông', 'vàng', 'bạc' ... Và cũng chính từ tiến trình tâm đó đi mới có hý luận (*papañca*, bản Anh dịch là *mental proliferation: sự sinh sôi nảy nở của tâm*), và sự hoàn thành của nghiệp: ở đây nghiệp được hoàn thành bởi tư tâm sở (*cetanā*) của mỗi tốc hành tâm, có cùng một đối tượng.

Thiện nghiệp được hoàn thành với như lý tác ý (*yoniso manasikāra*), chẳng hạn, tỏ lòng cung kính đối với vị thầy của mình, đánh lễ một bức Tượng Phật hay một vị Tỳ-kheo; biết rõ đề mục thiền chỉ của mình, và với minh sát trí thấy các hành là vô thường (*anicca*), khổ (*dukkha*), và vô ngã (*an·atta*).

Bất thiện nghiệp được hoàn thành với phi như lý tác ý (*ayoniso manasikāra*), khi một người thấy cái ta của mình, hay thấy vợ, chồng, con cái, tài sản... của mình (thực sự) hiện hữu theo thực tại: như thường (*nicca*), lạc (*sukha*), và hữu ngã (*atta*). Với cùng một đối tượng này và tưởng (*saññā*) làm khởi lên vô số tiến trình tâm (tâm hành

(saṅkhāra)) củng cố cho sự nhận thức, cho đến khi tâm tác ý đến một đối tượng mới.³⁶¹

Danh Pháp (*nāma-dhamma*) của **Tiền Trình Ý Môn** (*mano-dvāra-vīthi*)

DANH PHÁP	TÂM	Ý Môn Hương (<i>Mano-Dvār- Āvajjana</i>)	Túc Hành (<i>Javana</i>)	Đăng Ký (<i>Tad- ārammaṇa</i>)
TÂM (<i>citta</i>)		1	1	1
Bảy Biến Hành (<i>sabba-citta-sādhāraṇa</i>)	7		Bất Thiện (<i>akusala</i>) * Căn Tham (<i>lobha-mūla</i>) 17/18/19/20/21 Căn Sân (<i>dosa-mūla</i>) 17/18/19/20 Căn Si (<i>moha-mūla</i>) 15	Các Tâm sở như của tâm đăng ký, hay của tâm quá thiện dục giới (<i>vipāka- citta</i>).‡
Sáu Biệt Cảnh (<i>pakiṇṇaka</i>)			Thiện (<i>kusala</i>)	
1. tầm (<i>vitakka</i>)	1		Dục Giới (<i>kām-āvacara</i>) * Ly Trí (<i>Ñāṇa-vippayutta</i>) 31/32/33	
2. tứ (<i>vicāra</i>)	1		Hợp Trí (<i>Ñāṇa-sampayutta</i>) 32/33/34	
3. thắng giải (<i>adhimokkha</i>)	1		Sắc Giới (<i>rūp-āvacara</i>) * Thiền Sắc Giới (<i>rūpa-jjhāna</i>) 30/31/32/33/34	
4. cần (<i>vīriya</i>)	1		Vô Sắc Giới (<i>ārūp-āvacara</i>) * Thiền Vô Sắc (<i>arūpa-jjhāna</i>)	
5. hỷ (<i>pīti</i>) ㄨ			} 30	

³⁶¹ Chi tiết về tư của bảy túc hành tâm, xem phần bàn luận tiếp theo về hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp, và hậu báo nghiệp.

6. dục (<i>chanda</i>) †		Siêu Thế (lokuttara)* 33/34/35/36 Đạo (Magga) Quả (Phala)	
Tổng cộng	12	16/18/19/20/21/22 — 31/32/33/34/35/36/37	11/12 — 32/33/34

* Về danh pháp của các tốc hành bất thiện, xem lại bảng 2a/2b/2c trang 93/95/97; về thiện dục giới, các bảng 3a/3b/3c trang 129/132/166; sắc giới/vô sắc giới và siêu thế, bảng 3d trang sau.

‡ Các tâm sở của tâm quả thiện dục giới tương ứng với các tâm sở của tốc hành tâm thiện dục giới, không kể các tâm sở vô lượng và tiết chế: xem cột ‘Tốc Hành’ ở trước, dưới mục ‘Dục Giới’

† Thọ (*vedanā*) (một trong bảy biến hành) phối hợp với tâm hướng ý môn là thọ xả (*upekkhā*): vì vậy nó không thể phối hợp với thọ hỷ (*pīti*). Thêm nữa tâm hướng ý môn là một tâm vô nhân (*ahetuka-citta*), và chúng không bao giờ phối hợp với dục (*chanda*).

HIỆN BÁO NGHIỆP

Loại nghiệp đầu tiên là hiện báo nghiệp (*ditṭha-dhamma-vedanīya-kamma*). Nó chính là tư bất thiện hoặc tư thiện thuộc tốc hành thứ nhất của bảy tốc hành tâm trong

tiên trình tâm thứ năm đồ đi.³⁶²

1 st Javana	2 nd Javana	3 rd Javana	4 th Javana	5 th Javana	6 th Javana	7 th Javana
---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

Trong thời gian của chỉ một nghiệp đặc biệt nào đó, nhiều tử tư (*cetana*) thuộc tốc hành tâm thứ nhất này đã sanh lên và diệt. Những tư ấy khi gặp đúng điều kiện sẽ tạo ra quả của chúng trong cùng tương tục danh sắc (*atta-bhāva-nāmarūpa*), kiếp hiện tại.

Bất cứ nghiệp nào cũng có thể tạo ra quả hiện tại như vậy. Có thể nói những cảm thọ quả lạc, khổ và trung tính (không lạc không khổ) khởi lên trước, trong hoặc sau một nghiệp nào đó là quả của của hiện báo nghiệp này. Chẳng hạn, cảm giác an lạc, hạnh phúc phát sanh liên quan với việc bố thí, hay với việc giữ giới, hay tu thiền, . . . : chúng ta không thể nói chắc được. Chỉ bằng cách phân biệt duyên khởi một người mới có thể nói chắc được điều đó. Tuy nhiên, tâm khởi lên sau một Tâm Đạo (*Magga Citta*) thì chắc chắn (là hiện báo nghiệp). Sở dĩ gọi là hiện báo nghiệp là vì quả của nó sanh khởi trong sát na tâm kế như Tâm Quả (*Phala-Citta*).³⁶³

Vào cuối kiếp hiện tại, tất cả những hiện báo nghiệp nào không chín mùi đều trở thành vô hiệu nghiệp (*ahosi-kamma*).³⁶⁴

³⁶² Xem bảng ‘5c: Tiến Trình Ý Môn’ và những ghi chú, trang 297.

³⁶³ Đạo Trí: xem bảng ‘5e: Tiến Trình Đạo’ cuối Tập II.

³⁶⁴ Hiện báo nghiệp sẽ được bàn luận thêm ở ‘Những Điều Kiện Cho Quả Hiện Hiện Tại’ trang 314.

SANHBÁO NGHIỆP

Loại nghiệp thứ hai là sanh báo nghiệp (*upapajja-vedanīya-kamma*). Nó là tư bất thiện hoặc tư thiện thuộc tốc hành thứ bảy của bảy tốc hành tâm trong tiến trình tâm thứ năm đổ đi.³⁶⁵ Nó được gọi là tốc hành ‘hoàn tất-mục đích’

1 st Javana	2 nd Javana	3 rd Javana	4 th Javana	5 th Javana	6 th Javana	7 th Javana
---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

(*attha-sādhaka*), vì là tốc hành cuối cùng của chuỗi bảy tốc hành tâm giống nhau, nó hoàn tất hành động. Nói khác hơn, tốc hành tâm này hoàn thành mục đích phạm giới hay giữ giới, mục đích bố thí, hay tu thiền... của một người. Sự lặp lại của sáu tốc hành tâm trước (*āsevana*) củng cố cho tốc hành tâm thứ bảy này, vì thế nghiệp (tạo ở tốc hành thứ bảy) có được đầy đủ sức mạnh để là một nghiệp thích đáng, **sanh báo nghiệp**, tức nghiệp cho quả ở kiếp kế.

Trong thời gian của (chỉ) một nghiệp đặc biệt nào đó, nhiều tỷ tư (*cetana*) thuộc tốc hành tâm thứ bảy này đã sanh lên và diệt. Những tư ấy khi gặp đúng điều kiện sẽ tạo ra quả của chúng trong kiếp kế.

Ví dụ như một người đã hoàn tất một trong những trọng nghiệp (*garuka-kamma*) bất thiện. Trọng nghiệp này được gọi là vô gián nghiệp (*ān-antariya-kamma*),³⁶⁶ bởi vì người ấy chắc chắn sẽ phải tái sanh vào địa ngục trong kiếp kế của họ. Khi một người hoàn tất nghiệp như thế, sẽ có

³⁶⁵ Xem bảng ‘5c: Tiến Trình Ý Môn’ và những ghi chú, trang 297.

³⁶⁶ Vô gián nghiệp (*ān-antariya-kamma*): xem ‘Trọng Nghiệp Bất Thiện’, trang 343.

hàng tỷ tư (*cetanā*) của tốc hành tâm thứ bảy phát sanh: những tư ấy chắc chắn sẽ trở thành những sanh báo nghiệp. Nhưng, trong số nhiều tỷ tốc hành tâm thứ bảy đó, chỉ có một là tạo ra năm uẩn trong địa ngục, không hơn. Tuy nhiên, các tư (*cetanā*) còn lại của những tốc hành tâm thứ bảy ấy sẽ làm nhiệm vụ hỗ trợ cho năm uẩn của họ trong địa ngục. Như vậy, chúng trở thành sanh báo nghiệp để làm cho cái khổ của một người trong địa ngục thậm chí lớn hơn. Và chúng còn kéo dài sự sống và khổ đau của một người trong địa ngục. Cuối kiếp sống (địa ngục) đó các sanh báo nghiệp còn lại trở thành vô hiệu nghiệp. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho các tư của tốc hành tâm thứ bảy của những bất thiện nghiệp yếu hơn tạo ra quả tái sanh trong cảnh giới địa ngục, hoặc súc sanh, hoặc ngạ quỷ.

Bây giờ chúng ta sẽ giả sử rằng một người đã hoàn tất một trong những trọng nghiệp thiện, đó là một trong tám thiện chứng.³⁶⁷ Tất cả những tốc hành tâm của một thiện chứng là như nhau, nghĩa là không có tốc hành tâm thứ nhất, năm tốc hành tâm giữa hay tốc hành tâm thứ bảy, tất cả đều có thể làm nhiệm vụ, bằng bất cứ cách nào. Nhưng, cũng như trước chỉ một tư của các tốc hành tâm nghiệp tạo ra năm uẩn trong cõi Phạm Thiên, không hơn. Tuy nhiên, các tư còn lại của những tốc hành tâm ấy sẽ làm nhiệm vụ hỗ trợ cho năm uẩn của một người trong Phạm Thiên giới.

Với sự chứng đắc của Nhập Lưu Thánh Đạo và Nhất Lai Thánh Đạo, tất cả các sanh báo nghiệp sẽ mất khả năng tạo quả tái sanh trong các cõi khổ. Với sự chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo, tất cả các sanh báo nghiệp sẽ mất khả năng tạo

³⁶⁷ Tám thiện chứng là bốn thiện sắc giới, và bốn thiện vô sắc giới. Xem ‘Trọng Nghiệp Thiện’, trang 352.

quả trong cõi dục giới. Dĩ nhiên, với sự chứng đắc A-la-hán Thánh Đạo, sẽ không còn đời sống tiếp theo, vào cuối của kiếp sống đó (tức vào lúc Bát Niết Bàn — *Parinibbāna*), tất cả những sanh báo nghiệp hoàn toàn mất hết mọi khả năng của chúng.

Bao lâu sanh báo nghiệp chưa tạo ra quả, chừng đó tiềm lực của nó vẫn còn có thể tạo ra một quả bất cứ lúc nào trong tương tục danh sắc tiếp theo, nghĩa là nó có thể tạo ra quả của nó bất cứ lúc nào trong kiếp kế của một người.³⁶⁸ Khi nghiệp này gặp những điều kiện thoả đáng, thì không người nào, kể cả Đức Phật hay các bậc Thánh A-la-hán, có thể tránh được việc cảm thọ những quả của sanh báo nghiệp (mà họ) đã tạo từ kiếp trước.³⁶⁹

Vào cuối của kiếp kế, tất cả những sanh báo nghiệp từ kiếp trước chưa chín mùi đều trở thành vô hiệu nghiệp (*ahosi-kamma*).

TÔNG GIẢ ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Một ví dụ điển hình của sanh báo nghiệp là Tôn giả Đề-bà-đạt-đa, anh bà con của Đức Phật. Chúng tôi sẽ đề cập đến tên của vị này nhiều lần trong quá trình giải thích của chúng tôi. Đề-bà-đạt-đa đã hoàn tất hai trọng nghiệp bất

³⁶⁸ Dĩ nhiên, điều này không hàm ý rằng có một ‘kho chứa’ sanh báo nghiệp ‘nằm ngầm’ trong tương tục danh sắc của một người. Xem ghi chú 52 trang 31.

³⁶⁹ Có thể một số nghiệp nào đó của kiếp này không thể cho quả bởi vì, vào lúc chết, một nghiệp làm sớm hơn đã cho quả tái sanh trong một cõi mà ở đây nghiệp đó không thể tạo ra quả của nó được. Chẳng hạn, bố thí, giữ giới và tu thiền của kiếp này có thể không cho quả trong kiếp kế vì một nghiệp làm sớm hơn đã tạo ra quả tái sanh trong một cõi khổ rồi. Xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 206, trang 566, và ‘Sự Thành Tựu và Thất Bại’, (Thuận lợi&Bất lợi) trang 442/Tập II.

thiện.³⁷⁰[189] Lần thứ nhất, ông đã đẩy một tảng đá lớn xuống vách núi, với ý định tảng đá ấy sẽ đè chết Đức Phật. Nhưng tảng đá rơi xuống đất vỡ ra thành từng mảnh. Một mảnh trong số đó văng trúng chân Đức Phật. Mặc dù không bị trầy da, song có một vết bầm do tụ máu bên trong chân của Ngài. Như vậy Tôn giả Đê-bà-đạt-đa với ác ý đã làm Đức Phật chảy máu.³⁷¹[190] Lần thứ hai, Đê-bà-đạt-đa đã thực hiện một sự chia rẽ trong Tăng (phá hoà hợp Tăng): trong hai trọng nghiệp ông làm thì nghiệp này nặng hơn. Một trong những tốc hành tâm thứ bảy của ‘nghiệp chia rẽ Tăng’ này tạo ra năm uẩn của ông trong đại Địa Ngục A-tỳ (*Avīcī*). Không có tốc hành tâm thứ bảy nào khác của nghiệp đó tạo ra tái sinh trong địa ngục nữa. Nhưng, những khổ đau của Đê-bà-đạt-đa trong địa ngục được tăng cường, duy trì, và kéo dài bởi những tốc hành tâm thứ bảy khác của nghiệp đó, cũng như bởi những tốc hành tâm thứ bảy của nghiệp đã thực hiện với ác ý làm thân Phật ra máu của ông nữa. Và, tất nhiên, trong khi ở địa ngục, ông cũng sẽ bị những hậu báo nghiệp (nghiệp cho quả bất định) từ quá khứ vô định làm cho cái khổ của ông trở nên mãnh liệt thêm, lâu dài thêm. Nhưng, như chúng tôi đã giải thích trong bài ‘Kinh Dây Trói Buộc’, khi hệ thống thế gian này bị tiêu hoại (kiếp hoại hay tận thế),

³⁷⁰ Toàn bộ sự nghiệp của Đê-bà-đạt-đa, từ khi xuất gia làm Tỳ kheo cho đến lúc chết và tái sinh sau đó trong đại địa ngục A-tỳ (*Avīcī*), được giải thích trong Vin.Cv.vii ‘*Samgha-Bhedaka-Kkhandhakam*’ (‘Phần Chia Rẽ Tăng’) và trong DhPA.i.12 ‘*Devadatta Vatthu*’ (‘Trường Hợp của Đê-bà-đạt-đa’). Ông cũng được bàn đến ở trang.358, và trang 406/Tập II.

³⁷¹ Trong Ap.XXXIX.x.78-79 ‘*Pubba-Kamma-Pilotika-Buddha-Apadānam*’ (‘Những Mẩu Chuyện Tiền Nghiệp của Đức Phật’), Đức Phật có giải thích rằng sở dĩ ngài phải chịu cuộc tấn công này là vì trong một tiền kiếp, do muốn chiếm đoạt tài sản, ngài đã quăng người em (con riêng của di ghê) xuống khe núi và dùng đá đập chết.

ông sẽ thoát khỏi địa ngục ấy, và tái sinh trong cõi người. Và theo Kinh nói, ông sẽ đắc A-la-hán thánh quả như một vị Độc Giác Phật, với hồng danh Atṭhissara.³⁷²

HẬU BÁO NGHIỆP

Loại nghiệp thứ ba là hậu báo nghiệp (*aparāpariya-vedanīya-kamma*). Nó là tư bất thiện hoặc tư thiện của năm tốc hành tâm giữa: năm tốc hành tâm nằm giữa tốc hành tâm thứ nhất và tốc hành tâm thứ bảy.³⁷³

1 st Javana	2 nd Javana	3 rd Javana	4 th Javana	5 th Javana	6 th Javana	7 th Javana
---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

Ở đây cũng vậy, trong thời gian chỉ một nghiệp đặc biệt nào đó, hàng tử tư (*cetanā*) của năm tốc hành tâm giữa này đã sanh lên và diệt. Nếu, trong một kiếp nào đó sau kiếp kế, một tốc hành tâm như vậy gặp những điều kiện thuận lợi, nó sẽ tạo ra quả của nó. Chẳng hạn, nó có thể tạo ra năm uẩn vào sát na tục sanh trong một kiếp tương lai nào đó.

Như chúng tôi đã giải thích ở trước, trong tất cả những tốc hành tâm thứ bảy của một nghiệp, chỉ một tốc hành tâm duy nhất là có thể tạo ra quả tái sinh. Nhưng đối với năm tốc hành tâm giữa hay đối với hậu báo nghiệp, thì khác. Mỗi tốc hành tâm trong (năm tốc hành tâm giữa) đó đều có thể tạo ra một quả. Đó là lý do vì sao, như trên đã giải thích, do một nghiệp nào đó một người có thể tái sinh đi tái sinh lại trong địa ngục, hay bị tái sinh làm súc sanh, nga

³⁷² DhPA.i.7 ‘*Devadatta-Vatthu*’

³⁷³ Xem bảng ‘5c: Tiến Trình Ý Môn’ và những ghi chú, trang 297.

quỷ nhiều lần, hoặc được tái sinh đi tái sinh lại kiếp người hay làm chư thiên nhiều lần.

Với sự chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo và Nhất Lai Thánh Đạo, khả năng tạo ra quả tái sinh trong một trạng thái khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh...) của tất cả hậu báo nghiệp đều mất hiệu lực. Với sự chứng đắc của Bất Lai Thánh Đạo, khả năng tạo ra quả tái sinh trong cõi dục của tất cả hậu báo nghiệp đều mất hiệu lực. Và đương nhiên, với sự chứng đắc A-la-hán Thánh Đạo, sẽ không còn tái sinh nữa: vào lúc chấm dứt của kiếp sống đó (tức vào lúc Bát-Niết-Bàn của một người), tất cả hậu báo nghiệp hoàn toàn mất hết mọi khả năng của chúng.

Ngược lại, bao lâu hậu báo nghiệp chưa cho quả, nó vẫn có thể có hiệu lực bất cứ lúc nào trong tương tục danh sắc của một người: nghĩa là nó có thể tạo ra quả trong bất kỳ kiếp sống tương lai nào sau kiếp kế.³⁷⁴ Cho dù một người có rong ruổi hết kiếp này sanh kiếp khác dài bao lâu, nghiệp này cũng chỉ trở thành vô hiệu vào lúc Bát-Niết Bàn. Trước khi chứng Bát-Niết-Bàn, không người nào (ngay cả Đức Phật) tránh được việc phải cảm thọ những quả của hậu báo nghiệp (mà họ đã làm) từ những kiếp quá khứ.

VÔ HIỆU NGHIỆP

Loại nghiệp thứ tư là vô hiệu nghiệp (*ahosi-kamma*). Thực ra nó không định rõ một loại nghiệp đặc biệt nào cả. Nó chỉ đơn giản là nghiệp không gặp những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của nó mà thôi, nói đúng hơn nó là

³⁷⁴ Tuy nhiên, điều này không hàm ý rằng có một ‘kho chứa’ của hậu báo nghiệp ‘nằm dưới’ tương tục danh sắc của một người. Xem ghi chú 52 trang 31.

ngiệp đã triệt tiêu, hay nghiệp chỉ theo tên gọi. Đối với những người chưa phải là bậc Thánh A-la-hán, nó chỉ là hiện báo nghiệp của kiếp hiện tại, và sanh báo nghiệp của kiếp trước, mà vào lúc (người này) chết không gặp những điều kiện hay (duyên) cần thiết để tạo ra quả của nó. Vào lúc Bát-Niết-Bàn, nó là cả ba loại nghiệp (hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp). Vào lúc Bát-Niết-Bàn của một vị A-la-hán, vô số những bất thiện nghiệp và thiện nghiệp mà vị ấy đã hoàn tất trong suốt quá khứ vô tận, những nghiệp này lẽ ra sẽ chín mùi trong kiếp kế hay bất cứ lúc nào sau đó, tất cả đều trở thành vô hiệu nghiệp (*ahosi-kamma*) [191]. Đó là lý do tại sao Đức Phật nói:³⁷⁵

*Nghiệp cũ đã tiêu mòn,
Nghiệp mới không sanh khởi.
Nhàm chán kiếp lai sanh
Chẳng tử dục đoạn tận,
Giống như ngọn đèn tắt.*³⁷⁶

³⁷⁵ SuN.ii.1 ‘*Ratana Suttam*’ (‘Kinh Châu Báu’) (cũng xem KhP.v.6)

³⁷⁶ Chú giải bài kinh Châu Báu này giải thích rằng mặc dù nghiệp quá khứ đã sanh và diệt, nghiệp đó vẫn có khả năng vận chuyển một sự tục sanh, bởi vì trong một phạm nhân chất ẩm ướt của ái (*taṇhā-sineha*, ái nhuận) chưa được đoạn trừ. Nhưng trong những người mà chất ẩm ướt của ái đã khô cạn nhờ A-la-hán Thánh Đạo, nghiệp quá khứ đó không còn khả năng tạo ra quả trong tương lai, giống như hạt giống đã bị thiêu rụi bằng lửa. Bất kỳ nghiệp nào họ hiện đang làm được gọi là ‘mới’, và không còn khả năng cho quả trong tương lai, giống như một bông hoa không thể xuất hiện trên một cái cây đã bị bứng gốc, nghĩa là nó không thể cho bất kỳ quả nào nữa (‘Nghiệp mới không sanh khởi’ hay không còn nghiệp hữu mới). Nghiệp như vậy đã bị thiêu rụi, hạt giống tái sanh đã bị thiêu rụi (và SuNA trích dẫn: ‘nghiệp là thừa ruộng; thức (tâm) là hạt giống’. Xem ghi chú cuối chương 313, Tập II). Và bởi vì không còn ước muốn cho sự ‘phát triển’ (đối với sự hiện hữu mới) chúng chết rụi giống như ngọn đèn này, và vượt qua lĩnh vực của khái niệm, chẳng hạn như

Đến đây, trước khi chúng ta tiếp tục bàn về những vận hành của nghiệp, quý vị cần nhớ lại những gì chúng ta đã bàn về tâm trước đây, nghĩa là quý vị cần nhớ lại những vận hành của nghiệp theo chân đế (sự thực cùng tột).

NGHIỆP NHIỀU KHÔNG THỂ TÍNH KẾ

Đức Phật giải thích rằng khi tâm tinh táo, trong một cái búng tay, rất nhiều tử tâm sanh lên và diệt giống như một dòng sông chảy xiết: các tâm sanh lên theo chuỗi gọi là tiến trình tâm (*citta-vīthi*),³⁷⁷ và như vậy có nhiều tử tiến trình tâm (trong một cái búng tay).

Con người sống trong cái chúng ta gọi là cõi dục giới (*kām-āvacara-bhūmi*). Cõi dục giới bao gồm các địa ngục, ngã quỷ và a-tu-la giới, nhân giới và thiên giới. Cõi dục là nơi năm căn xú vật chất hoạt động:

1. Khi một sắc xú (*rūp-āyatana*) gặp một nhãn xú (*cakkh-āyatana*), thời nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*) sanh.
2. Khi một thanh xú (*sadd-āyatana*) gặp một nhĩ xú (*sot-āyatana*), nhĩ thức (*sota-viññāṇa*) sanh.
3. Khi một hương xú (*gandh-āyatana*) gặp một tỷ xú (*ghān-āyatana*), tỷ thức (*ghāna-viññāṇa*) sanh.
4. Khi một vị xú (*ras-āyatana*) gặp một thiệt xú (*jivh-āyatana*), thiệt thức (*jivhā-viññāṇa*) sanh.
5. Khi một xúc xú (*phoṭṭhabb-āyatana*) gặp một thân xú (*kāy-āyatana*), thân thức (*kāya-viññāṇa*)

‘sắc và vô sắc’. Ngọn đèn đề cập ở đây là ngọn đèn đã bị rụi tắt khi Đức Phật đang nói. Cũng xem ví dụ hạt giống đề cập ở ghi chú cuối chương 237, trang 575/Tập II.

³⁷⁷ Đề có một con số ước lượng, xem ghi chú 86, trang 79.

sanh.

Những sự kiện này xảy ra theo tiến trình tâm gọi là tiến trình ngũ môn (*pañca-dvāra-vīthi*).³⁷⁸ Cũng có căn xứ thứ sáu gọi là ý xứ:

6. Khi một sắc xứ, hay thính xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, hay pháp xứ khác (*dhamm-āyatana*), gặp ý xứ (*man-āyatana*), ý thức (*mano-viññāṇa*) phát sanh.

Các tiến trình tâm qua đó những sự kiện này xảy ra gọi là tiến trình ý môn.³⁷⁹ Trong mỗi tiến trình ý môn ấy có bảy tốc hành tâm (*javana*). Nếu tốc hành tâm là bất thiện, nó sẽ bao gồm tối thiểu mười sáu danh pháp (*nāma-dhamma*) và tối đa hai mươi hai danh pháp; còn nếu là thiện (*kusala*), nó sẽ bao gồm tối thiểu ba mươi hai và tối đa ba mươi lăm danh pháp.³⁸⁰ Trong mọi trường hợp, một trong những danh pháp ấy là tư (*cetanā*), và chính tư đó tạo thành nghiệp.³⁸¹

Trong từ ngữ thực tiễn điều này có nghĩa là gì? Nó có nghĩa rằng trong thời gian của chỉ một nghiệp đặc biệt nào đó³⁸², nhiều tỷ tư (*cetanā*) của các tốc hành thứ nhất đã sanh lên và diệt, nhiều tỷ tư của tốc hành thứ bảy đã sanh lên và diệt, và nhiều tỷ tư của năm tốc hành giữa đã sanh lên và diệt. Nói cách khác, trong thời gian của chỉ một nghiệp đặc biệt nào đó, nhiều tỷ tư có thể tạo ra quả của chúng trong kiếp hiện tại này (hiện báo nghiệp) đã sanh lên và diệt; nhiều

³⁷⁸ Xem bảng '5b: 'Tiến Trình Ngũ Môn' trang 294.

³⁷⁹ Xem bảng '5c: Tiến Trình Ý Môn', trang 297.

³⁸⁰ Danh pháp của những tốc hành tâm bất thiện: xem bảng 2a/2b/2c, trang 93/95/97; còn về các tốc hành tâm thiện: xem các bảng 3a/3b, trang 129/132

³⁸¹ Để biết thêm chi tiết, xem 'Những Vận Hành của Tâm' trang 79.

³⁸² Về nguyên lý của sự đồng nhất, xem 'Nguyên Tắc Đồng Nhất' trang 424/Tập II.

tỷ tư có thể tạo ra quả của nó trong kiếp kế (sinh báo nghiệp) đã sanh lên và diệt; và nhiều tỷ tư có thể tạo ra quả của chúng trong một kiếp sống tương lai nào đó, từ kiếp thứ hai đổ đi (hậu báo nghiệp), đã sanh lên và diệt.

Điều này có nghĩa rằng trong suốt một đời người, chúng ta hoàn thành hàng tỷ nghiệp bất thiện và nghiệp thiện, phải nói là hàng tỷ hàng tỷ lần. Thực vậy, chúng ta có thể nhận ra rằng trong một đời người, con số những nghiệp bất thiện và thiện nghiệp mà chúng ta hoàn thành là ngoài con số (không thể tính bằng con số). Đó là lý do vì sao, khi Đức Phật nói về các chúng sanh trong địa ngục, Ngài thường nói về việc bị hành hạ của họ trong nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, và nhiều trăm ngàn năm. [192] Chẳng hạn, một người đồ tể giết bò kể như sanh kế của họ. Có thể hơn ba mươi, bốn mươi hay thậm chí năm mươi năm người ấy giết bò. Ở mỗi nghiệp đặc biệt, hay mỗi lần người ấy giết bò, những nghiệp bất thiện được tạo ra là không thể tính kể. Cũng vậy, người có đức tin hàng ngày cúng dường vật thực đến Tăng Chúng sẽ tạo ra vô số thiện nghiệp. Có thể người ấy đã thực hiện việc cúng dường như vậy trong hai mươi, ba mươi, bốn mươi, hoặc năm mươi năm, hoặc nhiều hơn nữa. Mỗi lần người ấy cúng dường, các thiện nghiệp được tạo ra ở mỗi nghiệp đặc biệt đó sẽ là không tính kể.

Mặc dù con người và chư thiên sống trong cõi dục, họ vẫn có thể hoàn thành nghiệp của cõi sắc và vô sắc giới. Đó là lý do vì sao một người hoặc một vị chư thiên có thể nhập vào một bậc thiên sắc giới hoặc vô sắc. Như đã đề cập ở trước, nghiệp như vậy không thể là nghiệp bất thiện mà chỉ là thiện nghiệp. Những tốc hành tâm của thiên được gọi là đạo đại (*mahaggata*).

Khi chúng ta hoàn thành một nghiệp dục giới, sẽ có nhiều tỷ tâm sanh lên và diệt: chúng bao gồm nhiều ngàn

triệu tiến trình tâm (*citta-vīthi*). Mỗi trong các tiến trình tâm ấy có bảy tốc hành tâm. Nhưng con số những tốc hành tâm đáo đại sanh lên và diệt khi một người nhập thiền khác nhau: không có con số cố định. Con số này tùy thuộc vào việc người ấy ở trong thiền chứng bao lâu.³⁸³ Có thể chỉ vài tỷ tâm sanh lên và diệt, và cũng có thể rất nhiều và rất nhiều tỷ tâm sanh lên và diệt. Tùy theo sự quyết định của một người mà chúng có thể sanh lên và diệt nối tiếp nhau trong một giờ, hai giờ, thậm chí trong cả ngày, hay cả tuần. Tuy nhiên, khi một người mới bắt đầu nhập thiền thì chỉ một tiến trình tâm an chỉ duy nhất với một tốc hành tâm thiền duy nhất sanh lên và diệt, sau đó họ chìm trở lại vào hữu phần.

Trong số các bậc thiền (*jhānas*) sắc giới và vô sắc giới mà một người đắc chứng, chỉ bậc thiền nào họ có thể duy trì cho đến sát-na cận tử mới tạo ra tái sanh trong cõi Phạm Thiên; các thiền chứng còn lại kể như không còn kết quả. Tuy nhiên, nếu một người đã tu tập các bậc thiền ấy cho sự chứng đắc Niết-Bàn tối hậu, chúng sẽ trở thành những gì được gọi là Ba-la-mật.

Chúng ta cũng cần nhớ rằng vòng tái sanh luân hồi không có điểm khởi đầu. Điều này có nghĩa rằng mọi người đều đã hoàn thành vô số các bất thiện nghiệp và thiện nghiệp trong vô số những kiếp sống quá khứ. Song chúng ta cũng cần phải nhớ rằng mặc dù trải qua vô lượng kiếp sống, chúng ta đã tạo vô số nghiệp, nhưng không phải tất cả những nghiệp ấy đều sẽ tạo ra quả của chúng. Như trên đã nói, không phải tất cả tốc hành tâm của một nghiệp đều tạo ra

³⁸³ Con số các tâm hữu phần cũng khác nhau theo cách tương tự.

quả.³⁸⁴

Kinh Điển *Pāli* đưa ra nhiều ví dụ cho thấy nghiệp vận hành như thế nào. Và nếu chúng ta không hiểu đúng những vận hành của nghiệp, những ví dụ ấy đôi khi có vẻ hoang đường hơn là sự thực. Nhưng khi chúng ta hiểu được những vận hành của tâm và bằng cách ấy hiểu được những vận hành của nghiệp, chúng ta sẽ rất dễ dàng hiểu được sức mạnh cùng cực của những ác nghiệp và sức mạnh tối thượng của những thiện nghiệp. Lúc đó chúng ta sẽ khó mà không tin những ví dụ về cách vận hành của nghiệp trong Kinh Điển *Pāli* được. Và, việc tin những gì Đức Phật nói, chẳng hạn khi Ngài nói về các chúng sanh được thọ hưởng cực lạc trên các cõi trời trong nhiều trăm ngàn năm, lúc đó cũng trở nên dễ dàng hơn đối với chúng ta.[193]

Tất nhiên, nếu chúng ta phát triển được năng lực tuệ tri các kiếp sống quá khứ, chúng ta sẽ tự mình thấy được những vận hành của nghiệp, và loại trừ được bất kỳ hoài nghi nào chúng ta có bằng chính sự biết và thấy của chúng ta.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO QUẢ HIỆN TẠI

Đến đây tôi muốn bàn thêm về hiện báo nghiệp hay nghiệp cho quả ngay trong kiếp sống này. Dưới những điều kiện nào thì hiện báo nghiệp tạo ra quả của chúng, và dưới những điều kiện nào thì hiện báo nghiệp mất hiệu lực? Như đã nói ở trên, hiện báo nghiệp được tạo ra bởi tư (*cetanā*) của tốc hành thứ nhất: nó trở nên có hiệu lực khi được thoả

³⁸⁴ Vbh.A.xvi.10.810 ‘*Dutiya-Bala-Niddeso*’ (“Giải Thích về Lực Thứ Hai”) DD.xvi.2251-2254, và MA.II.iv.6 ‘*Āṅgulimāla-Suttaṃ*’ (‘Kinh Ān-gu-li-ma-lá’)

mãn hai điều kiện.³⁸⁵

1. Không gặp đối thủ (*paṭipakkhehi anabhibhūtatāya*): đó là, khi không có nghiệp mạnh hơn áp đảo nó.
2. Gặp những điều kiện thuận lợi (*paccaya-visesena paṭiladdha-visesatāya*): đó là, nghiệp được tạo ra ấy là nghiệp thuộc loại cho quả (trong hiện tại) như vậy.

Tuy nhiên, cho dù nó có thể gặp những điều kiện cần thiết để chín mùi, và mặc dù nó hỗ trợ các hành phối hợp hay các pháp tương ưng trong tương tục tốc hành,³⁸⁶ nó vẫn được xem là yếu nhất trong các tốc hành tâm. Điều này là do, là tốc hành tâm thứ nhất, nó chỉ có một mình. Không giống như sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp, nó không có các tốc hành tâm đi trước để cho nó sức mạnh; nó cũng

³⁸⁵ Chi tiết này và những chi tiết sau được rút ra từ VsMṬ.685 ‘*Kaṅhā-Vitaraṇa-Visuddhi-Niddeso*’ (‘Giải Thích về Đoạn Nghi Thanh Tịnh’)

³⁸⁶ hỗ trợ các hành phối hợp hay các pháp tương ưng trong tương tục tốc hành: nghiệp (*kamma*) là tư (*cetanā*), và tư là một tâm sở (*cetasika*). Một tâm sở không thể sanh độc lập với tâm (*citta*), và một tâm cũng không thể sanh độc lập với các tâm sở. Và các hành cần thiết cho một tâm sanh ít nhất phải có tám: tâm, và bảy tâm sở biến hành (*sabba-citta-sādhāraṇa*): 1) xúc (*phassa*), 2) thọ (*vedanā*), 3) tưởng (*saññā*), 4) tư (*cetanā*), 5) nhất tâm (*ek-aggatā*), 6) mạng quyền (*jīvit-indriya*), và 7) tác ý (*manasikāra*). Trong một sát-na tâm, tâm và các tâm sở của nó hỗ trợ lẫn nhau, như hỗ tương duyên (*aññām-añña paccaya*): chúng cùng sanh, cùng diệt, cùng bắt một đối tượng, và cùng nương một căn (trong những cõi hữu sắc thì hoặc nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn hoặc ý căn; trong cõi vô sắc không có căn). Đó là lý do vì sao chúng được gọi là các hành phối hợp hay các pháp tương ưng (*sampayutta-dhamma*). Theo cách tương tự, nếu một trong các tâm sở cấu thành không có mặt, các tâm sở còn lại cũng không thể sanh, và điều này cũng có nghĩa rằng tâm không thể sanh. Để biết thêm chi tiết, xem các bảng nói về ‘Sự Thành Tựu của Nghiệp’.

không được tăng cường sức mạnh bằng sự lập lại (*āsevana*). Do đó, quả của nó được xem là yếu, và những điều kiện thoả đáng để nó chín mùi chỉ tìm thấy trong kiếp hiện tại. Giống như một bông hoa đơn thuần, nó chỉ chín mùi trong kiếp hiện tại này: ví như bông hoa không tạo ra quả thể nào, loại nghiệp này cũng không tạo ra một sự tái sanh trong tương lai như vậy. Trái lại, sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp có được sức mạnh nhờ sự lập lại. Điều đó có nghĩa rằng chúng có thể tạo ra quả hoặc trong kiếp kế hoặc trong một kiếp tương lai nào đó sau kiếp kế, và chúng còn có sức mạnh để tạo ra tái sanh ngay cả trong cõi địa ngục hoặc các cõi trời.

Hơn nữa, để cho nghiệp tạo ra quả được, nó cần phải gặp những gì chúng ta gọi là sự thành tựu (*sampatti*, thường dịch là thuận lợi) và thất bại (*vipatti*, thường dịch bất lợi).³⁸⁷ Nếu không gặp những điều kiện ấy, nó trở thành vô hiệu lực.

QUẢ HIỆN TẠI CỦA THIÊN NGHIỆP

Lấy thiên nghiệp bố thí (*dāna*) làm ví dụ. Nó có thể trở thành hiện báo nghiệp tạo ra của cải vật chất trong kiếp này[194]. Nhưng có bốn điều cần thiết phải được hoàn thành, đó là bốn loại cụ túc (*sampadā*, đầy đủ).³⁸⁸

1. Đối tượng cụ túc (*vatthu-sampadā*): đối tượng của sự cúng dường (người thọ nhận) phải là một bậc Thánh A-la-hán hay Thánh Bất Lai có thể

³⁸⁷ Những điều kiện này có tám: sanh thú thuận lợi, sanh y thuận lợi, thời kỳ thuận lợi, phương tiện thuận lợi; sanh thú bất lợi, sanh y bất lợi, thời kỳ bất lợi và phương tiện bất lợi. xem giải thích ở ‘Sự Thành Tựu và Thất Bại’, trang 442/Tập II.

³⁸⁸ DhPA.x.17 “*Sukha-Sāmaṇera-Vatthu*” (‘Chuyện Sa-Di Sukha’). Cũng xem ví dụ tại ghi chú cuối chương 195, trang 562/Tập II.

- nhập thiền diệt (*nirodha-samāpatti*): sự diệt tạm thời của danh và sắc do tâm sanh.³⁸⁹
2. Vật dụng cụ túc (*paccaya-sampadā*): Vật dụng đem cúng dường phải có được hợp theo Pháp, tức là hợp với Chánh Ngữ (*Sammā-Vācā*), Chánh Nghiệp (*Sammā-Kammanta*) và Chánh Mạng (*Sammā-Ājiva*).
 3. Tư cụ túc (*cetanā sampadā*): tư hay hay chủ ý của thí chủ phải không bị ô nhiễm. Thí chủ phải có một nội tâm hoan hỷ thực sự trước khi cúng dường, trong khi cúng dường và sau khi cúng dường, không bị ô nhiễm bởi tham hay sân,...không mong chờ đáp trả điều gì từ người thọ nhận.
 4. Đức trọng cụ túc (*guṇ-ātereka-sampadā*): người thọ nhận phải là một bậc Thánh A-la-hán³⁹⁰ hay Thánh Bất Lai vừ xuất khỏi thiền diệt (diệt thọ tưởng định).

Nếu bốn loại cụ túc này có mặt, tư (*cetanā*) của tốc hành tâm thứ nhất phối hợp với sự cúng dường có thể làm nhiệm vụ như hiện báo nghiệp. Tuy nhiên một mình bốn yếu tố này thôi chưa đủ: người cúng dường hay thí chủ cũng cần phải hoàn tất đầy đủ thiện nghiệp trong các kiếp sống quá khứ nữa, đó là, việc thực hành hạnh (*carana*).³⁹¹ Đặc biệt,

³⁸⁹ thiền diệt (diệt thọ tưởng định): thiền này có thể kéo dài đến bảy ngày, tùy thuộc vào sự quyết định của một người. Để biết rõ chi tiết, xem S.IV.vii.6 ‘*Dutiya Kāma bhū-Suttam*’, S.IV.II.ii.1 ‘*Rahogata-Suttam*’, và VsM.xxiii.879 ‘*Nirodha-Samāpatti-Kathā*’ (‘Luận Về Thiền Diệt’) PP.xxiii.43.

³⁹⁰ Bậc thánh A-la-hán ở đây kể luôn chư Phật, vì lẽ các vị Phật cũng là các bậc A-la-hán.

³⁹¹ Xem ‘Hạnh’ trang 278.

trong những kiếp quá khứ, thí chủ đã từng làm những cúng dường cao thượng, điều này chúng ta đã bàn ở trước.³⁹²

Cái gì làm cho một sự bố thí hay cúng dường trở thành cao thượng (*ukattṭha*)? Đức Phật giải thích rằng một bố thí hay cúng dường muốn trở thành cao thượng cần phải hoàn thành năm pháp:³⁹³

1. Thí chủ phải là người giới đức, ít nhất phải giữ được ngũ giới.
2. Vật thí phải có được hợp theo Pháp: tức là hợp với Chánh Ngữ (*Sammā-Vācā*), Chánh Nghiệp (*Sammā-Kammanta*) và Chánh Mạng (*Sammā-Ājiva*).
3. Thí chủ phải có một nội tâm không cấu uế và hoan hỷ trước, trong và sau khi cúng dường, không bị ô nhiễm bởi tham hoặc sân..., không mong đợi được đáp trả từ người thọ nhận.
4. Thí chủ phải có đức tin đầy đủ nơi quy luật của nghiệp và quả của nghiệp.³⁹⁴
5. Người thọ nhận cũng phải là người giới đức, một người có giữ giới. Nếu giới của người thọ nhận có thiền (*jhāna*), minh sát trí hoặc Đạo Quả trí kèm theo, thời nó còn làm cho cúng dường của người ấy thậm chí cao thượng hơn nữa.

CÁNH ĐỒNG VÀNG

Kinh Điển *Pāli* đưa ra ví dụ về một cúng dường cho

³⁹² Xem ‘2) Bố Thí Cao Thượng’ trang 136.

³⁹³ M.III.iv.12 ‘*Dakkhiṇā-Vibhaṅga-Suttam*’ (‘Kinh Cúng Dường Phân Tích’)

³⁹⁴ Điều này làm cho thiện nghiệp cúng dường trở thành tam nhân (có đủ ba nhân: vô tham, vô sân và vô si)

quả hiện tại, trong cùng một kiếp sống: đó là cúng dường của Puṇṇa, cha của Uttarā-Nandamāta ở Rājagaha. Sự kiện xảy ra trong thời Đức Phật của chúng ta.³⁹⁵

Puṇṇa và vợ là những người rất nghèo nhưng có đức tin sâu xa nơi Tôn giả Xá-lợi-phất (Sāriputta). Một ngày lễ hội nọ, mặc dù chủ của Puṇṇa đã cho ông nghỉ một ngày, nhưng Puṇṇa vẫn đi ra ngoài cày ruộng, bởi vì ông quá nghèo để nghỉ lễ.

Ngày đó, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa xuất khỏi thiền diệt (*nirodha-samāpatti*). Và ngài quán sát thế gian với thiên nhãn của mình để xem ai là người sẽ được lợi ích nhất từ việc cúng dường vật thực cho ngài. Ngài thấy rằng Puṇṇa đã hoàn thành thiện nghiệp như vậy từ một tiền kiếp trước, rằng nếu ông ta cúng dường vật thực đến ngài, nghiệp quá khứ đó sẽ làm nhiệm vụ như thân y duyên³⁹⁶ (*upanissaya-paccaya*) cho sự cúng dường để tạo ra quả báo trong kiếp này: Puṇṇa sẽ trở thành một người giàu có, và sau đó sẽ thực hiện một cuộc đại thí đến Đức Phật và Chúng Tăng. Sau khi nghe bài pháp khích lệ (tùy hỷ pháp) của Đức Phật ông và vợ sẽ trở thành Thánh Nhập Lưu.

Vì thế, vào lúc thích hợp, Tôn giả Xá-lợi-phất mang bát và y hai lớp (y Tăng-già-lê), đi đến chỗ Puṇṇa đang cày ruộng. Và rồi ngài đứng ở một khoảng cách không xa lắm để cho Puṇṇa có thể nhìn thấy ngài. Khi Puṇṇa nhìn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất (Sāriputta), ông rất lấy làm vui mừng, ngưng cày, ông đi tới gần Tôn giả, và quỳ xuống đánh lễ năm điểm sát đất với tâm cung kính và hoan hỷ. Lúc đó Tôn giả Xá-

³⁹⁵ A.A.I.xiv.7 ‘Uttarā-Nanda-Mātā-Vatthu’ (‘Câu Chuyện về Uttarā, Mẹ của Nada’)

³⁹⁶ Thân y duyên: trợ giúp bằng các nương nhờ. Thí dụ, người thiện tín thường bố thí, trì giới thành thói quen...

lợi-phất hỏi ông xem có thể lấy nước mát ở đâu. Puṇṇa nghĩ chắc là Tôn giả muốn rửa mặt, vì thế ông làm một cây tắm xĩa răng từ một loại dây leo gằn dó và dâng nó cho ngài. Trong lúc Tôn giả Xá-lợi-phất đang chà răng, Puṇṇa lấy bát và túi lọc nước của ngài, đổ đầy vào bát với nước trong mát và được lọc một cách thích hợp, và ông cúng dường đến Tôn giả.

Sau khi rửa mặt xong, Tôn giả Xá-lợi-phất tiếp tục lên đường đi khát thực. Lúc ấy, ý nghĩ này khởi lên với Puṇṇa: ***‘Tôn giả chưa bao giờ đến đây theo cách này, có lẽ hôm nay ngài đến đây vì lợi ích của ta chăng. Ước gì vợ mình có mặt ở đây với vật thực, được cúng dường vật thực ấy cho ngài thì sẽ là điều tốt đẹp biết bao!’***

Lúc bấy giờ vợ của Puṇṇa cũng đang trên đường mang thức ăn cho chồng, và gặp Tôn giả Xá-lợi-phất. Bà nghĩ: *‘Đôi khi ta có thức ăn để cúng dường, nhưng lại không có người thọ nhận; đôi khi có người thọ nhận, nhưng do mình nghèo quá không có thức ăn để dâng cúng. Hôm nay ta may mắn làm sao, vừa có Tôn giả Xá-lợi-phất là người thọ nhận lại vừa có thức ăn này để cúng dường!’*³⁹⁷ Vì thế, với tâm tràn đầy vui sướng, bà cúng dường thức ăn đến Tôn giả Xá-lợi-phất. Rồi bà lại quay trở về nhà, làm thức ăn mới, và mang nó ra ruộng cho chồng. Puṇṇa vô cùng hoan hỷ khi nghe việc bà cúng dường vật thực đến Tôn giả Xá-lợi-phất. Ông ăn cơm rồi nằm nghỉ.

Khi thức dậy, ông thấy cánh đồng mình cày ban nãy đã biến thành vàng. Ông đem sự việc trình lên đức vua, vua liền cho những chiếc xe bò đi gom vàng về. Nhưng ngay khi lính của vua vừa chạm vào vàng, nói rằng đây là vàng

³⁹⁷ Trong quá khứ, đối tượng cụ túc không có, hoặc vật dụng cụ túc không có: ngày hôm nay cả bốn pháp cụ túc đều có mặt.

của đức vua, vàng ấy biến thành đất. Vì thế vàng được gom lại nhân danh Puṇṇa, và đức vua đã trao tặng ông tước hiệu Bahu-Dhana-Setṭhi (Bá Hộ Đa Sản). Puṇṇa cho xây một căn nhà và vào ngày tân gia, ông tổ chức một cuộc lễ đại thí đến Đức Phật và Chúng Tăng. Và với pháp thoại tùy hỷ của Đức Phật,³⁹⁸ Puṇṇa, vợ và Uttarā, con gái ông ta trở thành Thánh Nhập Lưu.

Ở đây,

1. Puṇṇa và vợ là những người giới đức.
2. Vật cúng dường của họ có được hợp theo Pháp.
3. Họ có tâm trong sạch, không uế nhiễm và thực sự hoan hỷ trước, trong và sau khi cúng dường.
4. Họ có đức tin mãnh liệt nơi nghiệp và quả của nghiệp,

Và

5. Người thọ nhận, Tôn giả Xá-lợi-phất (Sāriputta), là một bậc Thánh A-la-hán vừa xuất khỏi diệt thọ tưởng định. Giới của ngài rất hoàn hảo, vì ngài đã đắc A-la-hán Thánh Đạo và Thánh Quả Trí.

Tuy nhiên, yếu tố quyết định vẫn là: Puṇṇa và vợ của ông ta trong một kiếp quá khứ đã hoàn tất một thiện nghiệp cao thượng, và nghiệp đó giờ đây chín mùi hỗ trợ cho nghiệp cúng dường đến Tôn giả Xá-lợi-phất hiện tại của họ: nghiệp quá khứ đó là thân y duyên (*upanissaya-paccaya*).

³⁹⁸ Bài pháp khích lệ: pháp thoại được thuyết sau một cuộc lễ bố thí, như trường hợp ở đây, pháp thoại này trong Pāli gọi là anumodana (tùy hỷ pháp): modana có nghĩa là hoan hỷ; anu (Hán dịch tùy) là lập đi lập lại. Như vậy anumodana là một bài pháp thoại có ý định khích lệ, làm cho phần chân tâm của những người cúng dường với sự hoan hỷ liên tục (lập đi lập lại hay tùy hỷ), nhờ đó mà tăng trưởng thiện nghiệp và phước báu trong việc làm phước của họ, nhất là làm cho phước sự ấy đáng ghi nhớ hơn.

Do sự có mặt của các điều kiện thoả đáng, tư (*cetanā*) của tốc hành tâm thứ nhất trong tiến trình tâm ý môn của Puṇṇa khi đang cúng dường đến Tôn giả Xá-lợi-phất đã tạo ra một quả lớn ngay trong kiếp đó. Đây là hiện báo nghiệp (*diṭṭhi-dhamma-vedanīya-kamma*).[195]

Có thể quý vị sẽ cảm thấy khó tin câu chuyện này; quả hiện tại của nghiệp mà Puṇṇa làm có vẻ như quá hoang đường hơn là thực. Tuy nhiên kết quả ấy là sự thực chứ không có gì hoang đường. Nếu chúng ta so sánh nó với quả có thể sẽ chín mùi như sanh báo nghiệp: tức như nghiệp được cảm thọ quả vào lúc tái sanh (*quả của tư thuộc tốc hành tâm thứ bảy*), thì hiện báo nghiệp thực sự chỉ là một quả không đáng kể. Tại sao? Bởi vì nếu nghiệp cúng dường của Puṇṇa chín mùi vào thời cận tử (*marāṇa-kāle*), nó sẽ tạo ra tái sanh trong cõi chư thiên, với những thiên lạc thù thắng và thọ mạng lâu dài của một vị chư thiên.³⁹⁹ một cánh đồng vàng dù đem lại sự giàu sang cho con người nhưng chỉ với tuổi thọ ngắn ngủi (*của kiếp người*), thì không thể có sự so sánh. Cúng dường của Puṇṇa cũng có thể chín mùi như hậu báo nghiệp (*aparāpariya-vedanīya-kamma*), tức như nghiệp cảm thọ quả trong một kiếp sống nào đó trong tương lai (từ kiếp thứ hai đổ đi), vốn là quả của tư (*cetanā*) trong năm tốc hành tâm giữa. Trong trường hợp đó, nó sẽ tạo ra những kết quả thù thắng trong rất nhiều kiếp sống tương lai. Như vậy, cánh đồng vàng mà Puṇṇa có được khi làm người cũng không thể đem so sánh ở đây.

Tất cả những kết quả to lớn này có thể phát sanh là nhờ ông đã hoàn thành hàng tỷ thiện nghiệp trước, trong và sau phước sự cúng dường của ông đến Tôn giả Xá-lợi-phất.

³⁹⁹ Để biết sự giải thích của Đức Phật về thọ mạng của chư thiên, xem ghi chú cuối chương 193, trang 561.

Quý vị hãy ghi nhớ những vận hành của tâm này. Trong cõi dục (*kāma-āvacara-bhūmi*) của chúng ta, chỉ một cái búng tay đã có rất nhiều ngàn tỷ tâm sanh và diệt: những tâm này bao gồm nhiều tỷ tiến trình tâm. Mỗi tiến trình trong những tiến trình tâm này đều có bảy tốc hành tâm (*javana*). Và mỗi tốc hành tâm ấy đều được phối hợp với tư (*cetanā*): chính tư tạo ra nghiệp. Nếu quý vị nhớ điều này, quý vị có thể hiểu được Puṇṇa đã hoàn thành được rất nhiều thiện nghiệp như thế nào, và câu chuyện cánh đồng vàng sẽ trở nên dễ hiểu hơn.[196]

QUẢ HIỆN TẠI CỦA BÁT THIỆN NGHIỆP

TÔNG GIẢ ẰNG-GU-LI-MA-LÁ

Hiện báo nghiệp cũng có thể là bất thiện. Chẳng hạn trường hợp của Ằng-gu-li-ma-lá (*Angulimāla*)⁴⁰⁰. Ông từng là tướng cướp trong vương quốc Kosala của Vua Ba-tư-nặc (*Pasenadi*), và đã giết rất nhiều người. Thế nhưng, một hôm Đức Phật, với thiên nhãn của ngài, thấy rằng Ằng-gu-li-ma-lá ngày hôm đó hoặc sẽ giết mẹ của mình, hoặc, nếu Đức Phật đi đến gặp ông, ông sẽ xuất gia làm Tỳ-kheo. Và thấy rằng *Angulimāla* có đủ ba-la-mật để trở thành một bậc Thánh A-la-hán trong kiếp đó, Đức Phật đã thân hành đi tới gặp ông. *Angulimāla* xuất gia, và thọ trì tăng thượng tam học, đó là tăng thượng giới học (giữ giới *Pātimokkha* của vị Tỳ-kheo), tăng thượng tâm học (hành thiền định) và tăng thượng tuệ học (hành thiền minh sát).

Lúc bấy giờ, Vua *Pasenadi* đang cố gắng để bắt tướng

⁴⁰⁰ M.II.iv.6 ‘*Angulimāla Suttam*’ (‘Kinh Ằng-gu-li-ma-lá’)

cướp Aṅgulimāla. Nhưng khi thấy Āṅ-gu-li-ma-lá đã trở thành một vị Tỳ-kheo thanh tịnh với Đức Phật kể như bậc Đạo sư, Vua Pasenadi yên tâm và hứa sẽ cung cấp cho ông bốn món vật dụng: y phục, thực phẩm, thuốc trị bệnh, và chỗ ở. Như vậy, việc xuất gia của Tôn-giả Aṅgulimāla với Đức Phật là kết quả của hiện báo nghiệp.

Sau đó, dưới sự chỉ dẫn của Đức Phật, Tôn-giả Aṅgulimāla đắc Đạo Quả A-la-hán. Ngày hôm sau, khi đi vào kinh thành Sāvattthī để khất thực, dân chúng trong kinh thành đã tấn công ngài. Họ không thể quên những gì mà ngài đã làm khi còn là tướng cướp Aṅgulimāla, nên, người thì ném đá, người ném gậy, và người ném những mảnh sành, khiến cho bình bát của ngài bị bể, và y áo bị rách nát. Khi Đức Phật nhìn thấy điều đó, Ngài nói với Aṅgulimāla:

Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn! Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn!

Ông đang cảm thọ quả hiện tại của những nghiệp mà lẽ ra ông sẽ phải bị hành hạ trong nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm trong địa ngục vì nghiệp đó!

Ở đây, Đức Phật đang giải thích cho ông biết rằng việc tấn công đó chẳng qua là quả hiện tại của ác nghiệp Aṅgulimāla đã làm trong kiếp này. Nếu nghiệp đó cho quả của nó như sanh báo nghiệp, hoặc hậu báo nghiệp, ông sẽ bị tái sanh vào địa ngục, và phải chịu khổ trong nhiều ngàn năm. Nhưng vì ông đã đắc A-la-hán Thánh Quả, ác nghiệp quá khứ đã trở thành vô hiệu lực, sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp không còn nữa: nó chỉ có thể có hiệu lực trong kiếp này (hiện báo nghiệp) như bị mọi người tấn công vậy thôi.

NGƯỜI ĐỒ TẾ

Ví dụ khác của hiện báo nghiệp bất thiện là trường hợp của người đồ tể ở kinh thành Sāvatti.⁴⁰¹ Ông chuyên giết bò, chọn những miếng ngon nhất cho mình và gia đình, và đem bán phần còn lại. Giết bò là kế sinh nhai của ông suốt năm mươi lăm năm. Ông không bao giờ ăn cơm trừ khi có thịt bò kèm theo.

Ngày nọ, sau khi đã chấm dứt công việc hàng ngày của mình, trời còn sáng, ông đưa cho vợ miếng thịt bò để nấu bữa ăn tối, còn ông đi ra hồ tắm. Trong lúc ấy, một người bạn của ông đến, và mặc dù vợ người đồ tể đã can ngăn, người bạn này vẫn lấy miếng thịt bò dành cho bữa ăn tối của ông đi.

Khi người đồ tể tắm xong quay lại, phát hiện ra rằng bữa tối của ông không có gì cả, ông cầm lấy con dao, và đi ra nhà sau chỗ một con bò đang bị cột. Người đồ tể đưa tay vào miệng bò, kéo cái lưỡi của nó ra, dùng dao cắt đứt tận cuống, và đi trở lại nhà trong. Ông nướng cái lưỡi bò trên vỉ than, bỏ nó trên cơm nóng, và ngồi xuống ăn. Trước tiên ông ăn một miếng cơm đầy, và một miếng thịt (lưỡi) bò. Ngay lúc ấy, lưỡi của ông bị cắt đoạn lìa tận cuống, rơi khỏi miệng và xuống đĩa cơm ông đang ăn. Rồi, với máu tuôn ra từ miệng, ông chạy ra sân, bò quanh trên đất, và kêu rống lên như một con bò. Nghiệp cắt lưỡi bò của ông đã làm nhiệm vụ như hiện báo nghiệp, và tạo ra một quả khổ khủng khiếp ngay trong hiện tại.

Sau khi bò quanh sân vài vòng và rống lên như bò, ông chết. Do đã giết bò trong năm mươi năm, sanh báo nghiệp khiến ông phải tái sanh vào A-tỳ Địa Ngục (Avīci). Và số phận dành cho ông là phải cảm thọ những khổ đau

⁴⁰¹ DhPA.xviii.1-4 ‘*Mala-Vagga*’ (‘Phẩm Cầu Uế’)

khủng khiếp trong đại địa ngục ấy trong một thời gian rất dài bởi vì vô số những sanh báo nghiệp bất thiện khác, cũng như vô số những hậu báo nghiệp khác giờ đây gặp được những điều kiện thoả đáng để chín mùi: vòng tái sinh luân hồi thì không có khởi đầu (vô thi), vì thế mỗi người chúng ta đều đã hoàn thành rất nhiều ác nghiệp. Khi những điều kiện có mặt, ác nghiệp từ những kiếp quá khứ đó sẽ chín mùi, và cái khổ của một người được kéo dài thêm lên.

Đôi khi, một chúng sanh trong địa ngục hết nghiệp (nghiệp tạo ra tái sinh trong địa ngục) và họ chết tại nơi ấy. Nhưng họ vẫn không thoát khỏi địa ngục vì một hậu báo nghiệp khác của cùng nghiệp đó sẽ tạo ra quả trong địa ngục trở lại, và điều này cứ tiếp diễn mãi như vậy⁴⁰². Thậm chí khi họ thoát khỏi địa ngục và được tái sinh làm ngạ quỷ, nghiệp ấy cũng vẫn làm nhiệm vụ như hậu báo nghiệp, khiến cho họ, trong thân ngạ quỷ, cũng bị hành hạ theo cách nào đó tương tự như thế.[197]

Đến đây kết thúc phần bàn luận của chúng tôi về nghiệp phân theo thời gian cho quả: hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp, và vô hiệu (lực) nghiệp. Tuy nhiên để có một bức tranh toàn diện, chúng ta cũng cần hiểu rằng bốn loại nghiệp ấy vận hành qua ba giai đoạn: quá khứ, hiện tại và tương lai.

NHỮNG VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP QUÁ KHỨ - HIỆN TẠI - VỊ LAI

Trong một tương tục danh sắc, luôn luôn có nghiệp quá khứ, nghiệp hiện tại, và trừ phi một người đạt đến A-la-

⁴⁰² Đây là một ví dụ cho thấy nghiệp tạo ra kết sanh thức cũng có thể là từ một kiếp quá khứ khác như thế nào. Xem lời giải thích của Đức Phật ở ghi chú 410 trang 341 .

hán Thánh Quả, bằng không nghiệp tương lai cũng luôn luôn có. Như vậy, tùy theo quả, chúng ta có sáu vận hành của nghiệp qua khứ, bốn vận hành của nghiệp hiện tại, và hai vận hành của nghiệp tương lai.

SÁU VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP QUÁ KHỨ

Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*), một bộ luận do Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, mô tả sáu vận hành của nghiệp quá khứ (*atīta-kamma*)⁴⁰³ như sau:

- [1] Đã có nghiệp, đã có quả của nghiệp.
- [2] Đã có nghiệp, đã không có quả của nghiệp.
- [3] Đã có nghiệp, có quả của nghiệp.
- [4] Đã có nghiệp, không có quả của nghiệp.
- [5] Đã có nghiệp, sẽ có quả của nghiệp.
- [6] Đã có nghiệp, sẽ không có quả của nghiệp.

Chúng ta sẽ cố gắng để thấy mối liên quan giữa cách mô tả này với các loại nghiệp khác nhau mà ở trên chúng ta đã bàn, đó là hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp, và vô hiệu nghiệp.

NGHIỆP QUÁ KHỨ, QUẢ QUÁ KHỨ

Vận hành thứ nhất của nghiệp: nghiệp quá khứ có quả quá khứ. Như thế nào? Trong những kiếp sống quá khứ, một người đã hoàn tất vô số sanh báo nghiệp thiện và sanh báo nghiệp bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) của các tác hành tâm thứ nhất của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy đã gặp được

⁴⁰³ PsM.I.vii.234 ‘*Kamma Kathā*’ (‘Luận Về Nghiệp’) PD.I.vii.1

điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng trong cùng kiếp sống đó.

Chẳng hạn, những cảm thọ lạc, khổ và trung tính đã phát sanh liên quan với một nghiệp nào đó trong một kiếp quá khứ có thể là quả của một hiện báo nghiệp: ví dụ, những cảm thọ phát sanh liên quan với một hành nghiệp bố thí (*dāna*) trong cùng kiếp quá khứ đó, hoặc liên quan với hành nghiệp giữ giới (*Sīla*) hoặc tu thiền (*bhāvanā*). Ví dụ khác là sự khởi lên của một trong ba Tâm Đạo thấp (*Magga Citta-Tu-đà hoàn Đạo, Tu-đà-hàm Đạo, A-na-hàm Đạo*) trong một kiếp quá khứ: quả của những tâm đạo ấy xuất hiện trong sát-na tâm kế như những Tâm Quả (*Phala Citta*).

Cũng vậy, trong vô lượng kiếp quá khứ, một người đã hoàn tất không thể tính kể những sanh báo nghiệp thiện và sanh báo nghiệp bất thiện: chúng là tư của những tộc hành tâm thứ bảy của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy đã gặp đúng điều kiện để tạo ra quả của chúng trong kiếp tiếp theo, tức kiếp kế liền sau kiếp đó. Lại nữa, nếu trong một kiếp quá khứ, một tư (*cetanā*) như vậy tạo ra kiết sanh thức và danh sắc của kiếp kế, thời những tư còn lại của những tộc hành tâm thứ bảy của nghiệp đó hoặc trở thành vô hiệu lực, hoặc sẽ hỗ trợ các uẩn ấy trong suốt kiếp kế, như kéo dài thọ mạng và khổ đau của một người trong cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ..., hay kéo dài hạnh phúc của họ trong cõi nhân loại hoặc chư thiên.

Thêm nữa, trong vô lượng kiếp quá khứ, một người đã hoàn tất không thể tính kể những hậu báo nghiệp thiện và hậu báo nghiệp bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) của năm tộc hành tâm giữa của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy đã gặp được những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng trong một kiếp quá khứ nào đó sau kiếp kế trong quá khứ.

Trong những trường hợp trên, nghiệp thuộc quá khứ,

và đã hoàn thành quả của nó; quả của nó cũng thuộc quá khứ, và đã hoàn thành xong nhiệm vụ. Như vậy nghiệp đã có mặt và chấm dứt (diệt) trong quá khứ; quả của nó cũng đã có mặt và chấm dứt trong quá khứ. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Patisambhidā-Magga*) nói: **Đã có nghiệp, đã có quả của nghiệp.**

NGHIỆP QUÁ KHỨ, KHÔNG CÓ QUẢ QUÁ KHỨ

Vận hành thứ hai của nghiệp: nghiệp quá khứ không có quả quá khứ. Đó là, vào cuối của mỗi kiếp sống, tất cả hiện báo nghiệp và sanh báo nghiệp nào không gặp những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng đều trở thành vô hiệu lực.

Chẳng hạn, với việc tái sanh trong cõi chư thiên hoặc cõi nhân loại trong một kiếp quá khứ, tất cả những sanh báo nghiệp từ kiếp trước lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ đã không gặp những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả như vậy, và trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối kiếp sống đó. Tuy nhiên, với sự chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, hay Nhất Lai Thánh Đạo trong kiếp quá khứ, tất cả những sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp đã được hoàn tất trước đạo chứng ấy và những nghiệp sau đó lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ đều lập tức trở thành vô hiệu nghiệp. Cũng vậy, với việc tái sanh trong cõi sắc giới và vô sắc giới trong một kiếp quá khứ, tất cả những sanh báo nghiệp từ kiếp trước lẽ ra đã có thể tạo ra quả của chúng trong cõi dục giới, đều trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối kiếp sống đó. Và với việc chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo trong quá khứ, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp mà sau đó lẽ ra đã có thể tạo ra quả của chúng trong cõi dục giới, đều lập tức trở thành vô hiệu nghiệp.

Trong những trường hợp này, nghiệp thuộc quá khứ, và đã hoàn thành nhiệm vụ của nó; quả của nó thì vô hiệu lực, và kể như đã không hoàn thành nhiệm vụ của nó. Như vậy, nghiệp đã có mặt và chấm dứt (diệt) trong quá khứ; quả của nó thì không hề có mặt. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: ***Đã có nghiệp, đã không có quả của nghiệp.***

NGHIỆP QUÁ KHỨ, QUẢ HIỆN TẠI

Vận hành thứ ba của nghiệp: nghiệp quá khứ có một quả hiện tại: ngay trong kiếp sống này. Đó là, trong kiếp trước, một người đã hoàn tất vô số kể những sanh báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) của tốc hành tâm thứ bảy của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy bây giờ gặp được điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng ngay trong kiếp này.

Cũng vậy, trong quá khứ, một người đã hoàn tất vô số kể những hậu báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) của năm tốc hành tâm giữa của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy bây giờ gặp được điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng ngay trong kiếp này.

Trong những trường hợp như vậy, nghiệp thuộc quá khứ, và đã hoàn thành xong nhiệm vụ; quả của nó trở ở hiện tại và hoàn thành nhiệm vụ của nó. Như vậy, nghiệp đã có mặt và chấm dứt (diệt) trong quá khứ; quả của nó có mặt và chấm dứt trong hiện tại. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: ***Đã có nghiệp, có quả của nghiệp.***

NGHIỆP QUÁ KHỨ, KHÔNG CÓ QUẢ HIỆN TẠI

Vận hành thứ tư của nghiệp: nghiệp quá khứ không có quả hiện tại. Đó là, vào cuối của kiếp sống này, tất cả sanh báo nghiệp từ kiếp trước không gặp được những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng trong kiếp này trở thành vô hiệu nghiệp.⁴⁰⁴

Chẳng hạn, với việc tái sanh trong cõi nhân loại hoặc một cõi chư thiên nào đó trong kiếp này, tất cả sanh báo nghiệp từ kiếp trước vốn có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ nhưng đã không gặp những điều kiện thoả đáng

⁴⁰⁴ Thiên sư Pa Auk Sayadaw đưa ra hai ví dụ rõ ràng. Ví dụ thứ nhất là Tôn giả Đề-bà-đạt-đa: ông bị tái sanh vào địa ngục vì đã phạm tội chia rẽ Tăng (phá hoà hợp tăng), một nghiệp được xem là nặng nhất trong năm trọng nghiệp bất thiện. Và vì lẽ những trọng nghiệp ấy là sanh báo nghiệp, nên trọng nghiệp bất thiện với ác ý làm cho Đức Phật chảy máu của ông, cũng như thiện nghiệp về thiên, và các sanh báo nghiệp thiện và bất thiện khác, mất hết khả năng cho quả tái sanh của chúng. Tuy nhiên nếu chúng gặp những điều kiện thoả đáng, chúng sẽ làm nhiệm vụ như tri nghiệp, chướng nghiệp và đoạn nghiệp trong kiếp kế ở địa ngục của ông. Nếu chúng không gặp những điều kiện thoả đáng, chúng sẽ trở thành vô hiệu lực vào cuối kiếp sống kế. Nhưng tiềm lực hậu báo (quả bất định) của những nghiệp ấy (và của bất cứ thiện nghiệp và bất thiện nghiệp nào thuộc quá khứ bất tận) vẫn có thể làm nhiệm vụ như sanh nghiệp, tri nghiệp, chướng nghiệp và đoạn nghiệp cho đến khi ông đắc Bát-Niết-Bàn như một vị Phật Độc Giác, ở cuối của một trăm ngàn đại kiếp: xem thêm ‘Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa’, trang 305. Ví dụ thứ hai là Phạm Thiên Sá-hãm-pá-ti (Brahma Sahampati): ông là một người chuyên dùng sơ thiên, và một khi sơ thiên này đã cho ông tái sanh trong Phạm Thiên giới: tất cả những bậc thiên còn lại mà ông đắc, kể cả sơ thiên (trong các đề mục khác), trở thành vô hiệu lực. Tuy nhiên khả năng như một pháp hỗ trợ Ba-la-mật của chúng không bị vô hiệu. Cũng vậy, các thiện nghiệp thiên khác của quá khứ, cũng như các thiện nghiệp dục giới, như bố thí, tri giới, và thiên chi (trước khi đắc thiên), và việc thực hành minh sát, đã hoàn thành trong kiếp đó và các kiếp trước, có thể làm nhiệm vụ như Ba-la-mật, tăng cường cho các thiện nghiệp khác, và làm chướng ngại hoặc ngăn chặn các bất thiện nghiệp: xem thêm ‘*Brahmā Sahampati*’, trang 357, và ‘Bất Lai’ cuối Tập II)

đề tạo ra quả ấy, và trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối của kiếp này. Tuy nhiên, với sự chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo hay Nhất Lai Thánh Đạo, tất cả sanh báo nghiệp vốn có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ ngay kiếp này lập tức trở thành vô hiệu nghiệp. Cũng vậy, với sự tái sanh trong cõi sắc giới hoặc vô sắc giới trong kiếp này, tất cả sanh báo nghiệp từ kiếp trước vốn có thể tạo ra quả của chúng trong dục giới ngay kiếp này trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối kiếp sống này. Và với sự chứng đắc của Bất-Lai Thánh Đạo trong kiếp trước, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp vốn có thể tạo ra quả của chúng trong dục giới ngay kiếp này lập tức trở thành vô hiệu nghiệp.

Trong những trường hợp nêu trên, nghiệp thuộc về quá khứ, và đã hoàn thành xong nhiệm vụ; quả của nó đã vô hiệu lực, và kể như không hoàn thành nhiệm vụ của nó. Như vậy nghiệp đã có mặt và chấm dứt hay diệt trong quá khứ; quả của nghiệp đã không có mặt. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: **(Đã) có nghiệp, nhưng không có quả của nghiệp.**

NGHIỆP QUÁ KHỨ, QUẢ TƯƠNG LAI

Vận hành thứ năm của nghiệp: nghiệp quá khứ không có quả tương lai. Đó là, trong các kiếp quá khứ, một người đã hoàn thành những hậu báo nghiệp thiện và hậu báo nghiệp bất thiện. Những nghiệp đó nếu gặp những điều kiện thoả đáng sẽ tạo ra quả của nó trong kiếp kế, hay một kiếp nào sau đó. Như vậy nghiệp ở quá khứ, và đã hoàn thành xong nhiệm vụ; quả của nó thì ở trong tương lai, song vẫn phải được cảm thọ, vẫn phải hoàn thành nhiệm vụ của nó. Nghiệp đã có mặt và chấm dứt trong một kiếp quá khứ nào đó; quả của nó sẽ có mặt và chấm dứt trong tương lai. Như

trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: **(Đã) có nghiệp, sẽ có quả của nghiệp.**

NGHIỆP QUÁ KHỨ, KHÔNG CÓ QUẢ TƯƠNG LAI

Vận hành thứ sáu của nghiệp: nghiệp quá khứ không có quả tương lai. Đó là, với sự chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, hay Nhất Lai Thánh Đạo trong một kiếp quá khứ hay kiếp này, tất cả những hậu báo nghiệp mà trong tương lai lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ trở thành vô hiệu nghiệp. Với sự chứng đắc của Bất Lai Thánh Đạo trong một kiếp quá khứ hay kiếp này, tất cả những hậu báo nghiệp mà trong tương lai lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong cõi dục trở thành vô hiệu nghiệp. Và với sự chứng đắc của A-la-hán Thánh Đạo trong kiếp này, sẽ không còn đời sống tương lai nữa, có nghĩa là vào lúc Bát-Niết-Bàn ở cuối của kiếp sống này, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp sẽ tuyệt đối không còn hiệu lực.

Trong những trường hợp này, nghiệp thuộc về quá khứ, và đã hoàn thành xong nhiệm vụ; quả của nó đã trở thành vô hiệu lực, và kể như không hoàn thành nhiệm vụ của nó. Như vậy, nghiệp có mặt và chấm dứt trong một kiếp quá khứ nào đó; quả của nó sẽ không bao giờ có mặt. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: **(Đã) có nghiệp, sẽ không có quả của nghiệp.'**

BỐN VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP HIỆN TẠI

Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) cũng mô tả bốn vận hành của nghiệp hiện tại (*paccuppanna-kamma*)

⁴⁰⁵ như sau:

- [1] Có nghiệp, có quả của nghiệp
- [2] Có nghiệp, không có quả của nghiệp.
- [3] Có nghiệp, sẽ có quả của nghiệp.
- [4] Có nghiệp, sẽ không có quả của nghiệp.

Chúng ta sẽ cố gắng để thấy xem những vận hành này liên quan với sanh báo nghiệp, hiện báo nghiệp, và hậu báo nghiệp như thế nào.

NGHIỆP HIỆN TẠI, QUẢ HIỆN TẠI

Vận hành thứ nhất của nghiệp hiện tại: nghiệp hiện tại có một quả hiện tại (ngay trong kiếp này). Đó là, trong kiếp này, một người đã hoàn thành vô số những hiện báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) trong những tác hành tâm thứ nhất của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy sẽ gặp được những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng trong kiếp này.

Chẳng hạn, những cảm thọ lạc, khô, và trung tính khởi lên trước, trong và sau một nghiệp nào đó trong kiếp này có thể là quả của hiện báo nghiệp: ví dụ như những cảm thọ phát sanh liên hệ với một hành động bố thí (*dāna*), hay liên quan tới việc giữ giới, hành thiền, trong kiếp này. Ví dụ khác là sự sanh khởi của một Tâm Đạo (*Magga-Citta*) trong kiếp này: quả của tâm đạo ấy sẽ phát sanh ngay sát-na tâm kế như Tâm Quả (*Phala-Citta*) trong kiếp này.

Trong những trường hợp như vậy, nghiệp thuộc hiện tại, và làm xong nhiệm vụ của nó; quả cũng thuộc hiện tại, và hoàn thành nhiệm vụ của nó. Cả hai cùng có mặt và chấm

⁴⁰⁵ PsM.I.vii.234 ‘*Kamma Kathā*’ (‘Luận Về Nghiệp’) PD.I.vii.1

dứt trong kiếp hiện tại. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: **Có nghiệp, có quả của nghiệp.**

NGHIỆP HIỆN TẠI, KHÔNG CÓ QUẢ HIỆN TẠI

Vận hành thứ hai của nghiệp hiện tại: nghiệp hiện tại không có quả hiện tại. Vào cuối kiếp sống này, tất cả những hiện báo nghiệp nào không gặp được điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng trong kiếp này đều trở thành vô hiệu nghiệp.⁴⁰⁶

Ở đây, nghiệp thuộc hiện tại, và đã làm xong nhiệm vụ, quả của nó đã vô hiệu lực, và kể như không hoàn thành nhiệm vụ của nó. Nghiệp đã có mặt và chấm dứt trong kiếp này; quả của nó không bao giờ có mặt. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: **Có nghiệp, không có quả của nghiệp.**

NGHIỆP HIỆN TẠI, QUẢ TƯƠNG LAI

Vận hành thứ ba của nghiệp hiện tại: nghiệp hiện tại có một quả trong tương lai. Trong kiếp sống này, một người đã hoàn thành vô số những sanh báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) trong các tộc hành tâm thứ bảy của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy khi gặp những điều kiện thoả đáng sẽ tạo ra quả của chúng trong kiếp sau, kể kiếp hiện tại.

Cũng vậy, trong kiếp sống này, một người đã hoàn thành vô số hậu báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) trong năm tộc hành tâm giữa của mỗi nghiệp.

⁴⁰⁶ Xem lại hai ví dụ rõ ràng ở ghi chú 404, trang 331.

Những nghiệp ấy khi gặp những điều kiện thoả đáng sẽ tạo ra quả của chúng trong một kiếp tương lai nào đó sau kiếp kế (tức từ kiếp thứ hai đổ đi).

Trong những trường hợp kể trên, nghiệp thuộc hiện tại, và làm xong nhiệm vụ của nó; quả nằm trong tương lai, chưa được trải nghiệm, chưa hoàn thành nhiệm vụ của nó. Nghiệp có mặt và chầm dứt trong kiếp này; quả của nó sẽ có mặt và chầm dứt trong tương lai. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Patisambhidā-Magga*) nói: ***Có nghiệp, sẽ có quả của nghiệp.***

NGHIỆP HIỆN TẠI, KHÔNG CÓ QUẢ TƯƠNG LAI

Vận hành thứ tư của nghiệp hiện tại: *nghiệp hiện tại, không có quả tương lai*. Cuối của kiếp sống kế, tất cả sanh báo nghiệp từ kiếp này không gặp được những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng trong kiếp kế đều trở thành vô hiệu nghiệp.

Chẳng hạn, với sự tái sanh trong cõi người hoặc trong cõi trời vào kiếp kế, tất cả các sanh báo nghiệp từ kiếp này lẽ ra đã có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ ở kiếp kế, sẽ trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối của kiếp sống kế. Tuy nhiên, với sự chứng đắc của Nhập Lưu Thánh Đạo hay Nhất Lai Thánh Đạo trong kiếp này, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ ở kiếp kế đã lập tức trở thành vô hiệu nghiệp. Cũng vậy, Với sự tái sanh trong cõi sắc hoặc vô sắc ở kiếp kế, tất cả sanh báo nghiệp từ kiếp này lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong cõi dục giới ở kiếp sau sẽ trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối của kiếp sống đó. Với sự chứng đắc của Bất Lai Thánh Đạo trong kiếp này, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong cõi dục

vào kiếp sau lập tức sẽ trở thành vô hiệu nghiệp. Cuối cùng, với sự chứng đắc của A-la-hán Thánh Đạo trong kiếp này, sẽ không còn đời sống tương lai: vào lúc Bát-Niết-Bàn của một người ở cuối kiếp sống này, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp sẽ tuyệt đối trở thành vô hiệu lực.

Trong những trường hợp vừa nêu, nghiệp thuộc hiện tại, và làm xong nhiệm vụ của nó; quả sẽ trở thành vô hiệu lực, và kể như sẽ không hoàn thành nhiệm vụ của nó. Nghiệp có mặt và chầm dứt trong kiếp này; quả của nó sẽ không bao giờ có mặt. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: ***Có nghiệp, sẽ không có quả của nghiệp.***

HAI VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP TƯƠNG LAI

Vô Ngại Giải Đạo cũng mô tả hai vận hành của nghiệp tương lai (*anāgata-kamma*):⁴⁰⁷

[1] Sẽ có nghiệp, sẽ không có quả của nghiệp.

[2] Sẽ có nghiệp, sẽ có quả của nghiệp.

Chúng ta hãy cố gắng để thấy những vận hành này liên hệ với hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp, và hậu báo nghiệp như thế nào. Vả lại, chúng ta sẽ bàn về nghiệp này chỉ trong trường hợp một người nào đó vẫn còn sống, và họ có thể là một phàm nhân, một Thánh Nhân, hay một bậc Thánh A-la-hán nhưng vẫn chưa nhập Vô Dư Niết Bàn (*Parinibbāna*) mà thôi.

NGHIỆP TƯƠNG LAI, QUẢ TƯƠNG LAI

⁴⁰⁷ PsM.I.vii.234 ‘*Kamma Kathā*’ (‘Luận Về Nghiệp’) PD.I.vii.1

Vận hành thứ nhất của nghiệp tương lai: ***nghiệp tương lai có một quả tương lai***. Đó là, trừ phi một người đạt đến A-la-hán Thánh Quả, bằng không người ấy sẽ, trong tất cả những kiếp sống tương lai của mình, hoàn thành vô số hiện báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) trong những tốc hành tâm thứ nhất của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy khi gặp những điều kiện thoả đáng sẽ tạo ra quả của chúng trong cùng kiếp sống.

Chẳng hạn, những cảm thọ lạc, khổ hoặc trung tính sanh khởi liên hệ với một nghiệp nào đó trong một kiếp sống tương lai có thể là quả của một hiện báo nghiệp: ví dụ, những cảm thọ sanh liên hệ với một hành động bố thí trong tương lai, hay với việc giữ giới, hay tu thiền trong một kiếp sống tương lai. Ví dụ khác là sự sanh khởi của Tâm Đạo (*Magga-Citta*) trong một kiếp sống tương lai: quả của nó sẽ sanh khởi trong sát na tâm kế như Tâm Quả (*Phala-Citta*).

Cũng vậy, trừ phi một người đạt đến A-la-hán Thánh Quả, bằng không người ấy sẽ, trong tất cả những kiếp sống tương lai của họ, hoàn thành vô số những sanh báo nghiệp thiện và bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) trong các tốc hành tâm thứ bảy của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy nếu gặp những điều kiện thoả đáng sẽ tạo ra quả của chúng trong kiếp kế, ngay sau kiếp này.

Hơn nữa, trừ phi một người đạt đến A-la-hán Thánh Quả, bằng không người ấy sẽ, trong những kiếp sống tương lai của mình, hoàn thành vô số những hậu báo nghiệp thiện hoặc bất thiện: chúng là tư (*cetanā*) trong năm tốc hành tâm giữa của mỗi nghiệp. Những nghiệp ấy nếu gặp điều kiện thoả đáng sẽ tạo ra quả của chúng trong một kiếp sống tương lai nào đó sau kiếp tương lai kế.

Trong những trường hợp nêu trên, nghiệp sẽ là ở trong tương lai, và sẽ hoàn thành nhiệm vụ của nó; quả sẽ là

ở trong tương lai, chưa được trải nghiệm, và vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ của nó. Như vậy, nghiệp sẽ có mặt và chấm dứt trong tương lai; quả của nó sẽ có mặt và chấm dứt trong tương lai. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: ***Sẽ có nghiệp, sẽ có quả của nghiệp.***

NGHIỆP TƯƠNG LAI, KHÔNG CÓ QUẢ TƯƠNG LAI

Vận hành thứ hai của nghiệp tương lai: ***nghiệp tương lai không có quả tương lai.*** Đó là, vào cuối của mỗi kiếp sống tương lai, tất cả những hiện báo nghiệp trong kiếp đó không gặp những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng sẽ trở thành vô hiệu nghiệp. tương tự như vậy, vào cuối của mỗi kiếp sống tương lai, tất cả những sanh báo nghiệp từ kiếp trước không gặp được những điều kiện thoả đáng để tạo ra quả của chúng sẽ trở thành vô hiệu nghiệp.

Chẳng hạn, với sự tái sanh trong nhân giới hoặc thiên giới ở một kiếp tương lai nào đó, tất cả sanh báo nghiệp từ kiếp trước lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ sẽ trở thành vô hiệu nghiệp vào cuối của kiếp sống tương lai ấy. Tuy nhiên, với sự chứng đắc của Nhập Lưu Thánh Đạo, hay Nhất Lai Thánh Đạo trong một kiếp sống tương lai nào đó, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng trong một cõi khổ ở kiếp tương lai đó lập tức sẽ trở thành vô hiệu nghiệp. Cũng vậy, với sự chứng đắc của Bất Lai Thánh Đạo trong một kiếp sống tương lai, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp lẽ ra có thể tạo ra quả của chúng ở cõi dục trong tương lai, sẽ trở thành vô hiệu nghiệp. Cuối cùng, với sự chứng đắc của A-la-hán Thánh Đạo trong tương lai, sẽ không còn tương lai nữa, nghĩa là vào cuối của kiếp tương lai đó, khi người ấy Bát-Niết-bàn, tất cả sanh báo nghiệp và hậu báo nghiệp sẽ

tuyệt đối vô hiệu lực.

Trong những trường hợp vừa nêu, nghiệp sẽ là ở trong tương lai, và sẽ hoàn thành nhiệm vụ của nó; quả sẽ vô hiệu lực, và kể như không hoàn thành nhiệm vụ của nó., Như vậy, nghiệp sẽ có mặt và chấm dứt trong tương lai; quả của nó sẽ không bao giờ có mặt. Như trong Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidā-Magga*) nói: ***Sẽ có nghiệp, sẽ không có quả của nghiệp.***

Điều này đã kết luận phần luận bàn của chúng tôi về những vận hành của nghiệp quá khứ, hiện tại và tương lai. Ngoài những ví dụ được nêu ra ở đây, chắc chắn quý vị cũng có thể nghĩ ra thêm được những ví dụ nữa về vận hành của nghiệp.

KẾT LUẬN

Khi chúng ta bàn luận thêm về nghiệp, xin quý vị vui lòng ghi nhớ nguyên tắc này trong tâm: rằng thiện nghiệp và bất thiện nghiệp đã được hoàn thành trong quá khứ, đã được hoàn thành trong hiện tại và (bao lâu chúng ta chưa phải là bậc Thánh A-la-hán) cũng sẽ được hoàn thành trong tương lai. Một thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp nào đó đã tạo ra quả thiện hay bất thiện của nó trong quá khứ; một thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp nào đó đã, đang và sẽ tạo ra quả thiện hay bất thiện của nó trong hiện tại; và một thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp nào đó sẽ tạo ra quả thiện hay bất thiện của nó trong tương lai. Cuối cùng, trong quá khứ một thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp nào đó đã vô hiệu lực, trong hiện tại một thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp nào đó trở thành vô hiệu lực, và trong tương lai, một thiện nghiệp hay

bất thiện nghiệp nào đó sẽ vô hiệu lực.⁴⁰⁸ Điều này cũng vậy đối với nghiệp hữu tội (*s-āvajjāṃ kammaṃ*) và nghiệp vô tội (*anāvajjāṃ kammaṃ*); hắc nghiệp (*kaṇham kammaṃ*) và bạch nghiệp (*sukkam kammaṃ*); nghiệp với lạc quả (*sukhudrayāṃ kammaṃ*) và nghiệp với khổ quả (*dukkhudrayāṃ kammaṃ*); nghiệp cho quả lạc (*sukha-vipākāṃ kammaṃ*), và nghiệp cho quả khổ (*dukkha-vipākāṃ kammaṃ*). Và cũng nên nhớ rằng, những vận hành của nghiệp này là cho tất cả mọi người. Chỉ các bậc Thánh A-la-hán là được miễn khỏi việc thành tựu nghiệp. Tuy nhiên chừng nào chưa Bát-Niết-Bàn, ngay cả các bậc Thánh A-la-hán cũng không được miễn trừ khỏi việc cảm thọ lạc và khổ do nghiệp quá khứ. Thậm chí vị A-la-hán ấy là Đức Phật, điều này vẫn sẽ xảy ra.⁴⁰⁹

Đến đây kết thúc phần giải thích của chúng tôi về nghiệp bốn loại đầu tiên: hiện báo nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp, và vô hiệu nghiệp.

THỨ TỰ CỦA QUẢ

Nghiệp bốn loại thứ hai chúng ta sẽ bàn luận được phân theo thứ tự nghiệp nào sẽ cho quả trước⁴¹⁰.

⁴⁰⁸ PsM.I.vii.235 ‘*Kamma Kathā*’ (‘Luận Về Nghiệp’) PD.I.vii.2-3

⁴⁰⁹ Chi tiết, xem ‘Hai Loại Parinibbāna’, Tập II

⁴¹⁰ VsM.xix.686 (và VsMT) ‘*Kaṅkhā-Vitaraṇa-Visuddhi-Niddeso*’ (‘Giải Thích Về Đoạn Nghi Thanh tịnh’) PP.xix.15, và AbS.v.51 ‘*Kamma-Catukkaiṃ*’ (‘Bốn Loại Nghiệp’) CMA.v.19. Sự giải thích sau được trích từ VsMT. Điều này được trích dẫn trong ‘Kinh Đại Nghiệp Phân Tích’ (‘*Mahā-Kamma Vibhaṅga-Suttam*’) Trung Bộ III. Trong bài Kinh này Đức Phật giải thích việc tri kiến không đầy đủ của các vị đạo sư khác dẫn đến những lời tuyên bố lầm lẫn về những vận hành của nghiệp như thế nào, bởi vì họ không nhận ra rằng nghiệp tạo ra thức tái sanh (kiết sanh thức) không nhất thiết là nghiệp mà họ đã

- 1] Trọng nghiệp (*garuka-kamma*)
- 2] Thường nghiệp (*āciṇṇa-kamma*)
- 3] Cận tử nghiệp (*āsanna-kamma*)
- 4] Tác thành nghiệp hay Tích Luỹ Nghiệp (*katattā-kamma*)

Sở dĩ gọi là trọng nghiệp là vì nó chín mùi trước tiên trong số bốn nghiệp ấy. Khi không có trọng nghiệp thì một thường nghiệp hay cận tử nghiệp sẽ chín mùi, tùy thuộc vào nghiệp nào mạnh hơn vào lúc chết. Khi hai nghiệp này không có, một tác thành nghiệp từ kiếp đó hay một kiếp trước nào đó sẽ chín mùi.

TRỌNG NGHIỆP

Khi trọng nghiệp là bất thiện, nó là một nghiệp rất vụng và đáng khiển trách; khi trọng nghiệp là thiện, nó là một nghiệp rất thiện xảo và cao thượng. Khi chỉ có một trọng nghiệp, nó sẽ luôn luôn là sanh báo nghiệp có sức mạnh to lớn. Trọng nghiệp này chắc chắn sẽ tạo ra một quả có sức mạnh tương xứng trong hình thức của một sự tái sanh rất bất hạnh hoặc rất hạnh phúc trong kiếp kế. Quả của trọng nghiệp là không thể tránh được. Và khi có một vài trọng nghiệp thì trọng nghiệp (thiện hay bất thiện) mạnh nhất sẽ làm việc như sanh báo nghiệp, còn các trọng nghiệp khác sẽ trở thành hậu báo nghiệp.

TRỌNG NGHIỆP BẤT THIÊN

Trọng nghiệp bất thiện có sáu:

quan sát vì nó có thể là một nghiệp trước đây. Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 206, trang 566.

1. Đoạt mạng sống của mẹ (*mātaram jīvitā voropeti*)
2. Đoạt mạng sống của cha (*pitaram jīvitā voropeti*)
3. Đoạt mạng sống của một bậc Thánh A-la-hán (*Arahantam jīvitā voropeti*).
4. Với ác ý làm chảy máu một Đức Như Lai (*duṭṭhena cittena Tathāgatassa lohitaṃ uppādeti*)
5. Phá hoại Tăng (*Saṅgham bhindati*)
6. Chấp giữ khăng khăng một tà kiến (*niyata-micchā ditṭhi*): đó là, vào lúc chết vẫn chấp giữ tà kiến phủ nhận những vận hành của nghiệp.

Nếu trong kiếp sống, một người đã hoàn thành chỉ một trong sáu nghiệp này, nghiệp đó sẽ luôn luôn là sanh báo nghiệp (nghiệp cho quả trong kiếp kế). Và quả của nó chắc chắn sẽ là tái sanh trong địa ngục.⁴¹¹ Nó không thể bị bất cứ một nghiệp nào khác xen vào.⁴¹² Đó là lý do vì sao những nghiệp này cũng được gọi là **vô gián nghiệp** (*ān-*

⁴¹¹ AA.I.XVI.iii ‘*Tatiya-Vaggo*’ (‘Chương Ba’) giải thích rằng những người đã hoàn thành bốn trọng nghiệp đầu (giết cha, giết mẹ, giết một bậc A-la-hán, với ác ý làm một vị phật chảy máu) sẽ thoát khỏi địa ngục khi nghiệp của họ chấm dứt, (mà nghiệp này chấm dứt) không trễ hơn cuối của địa kiếp (kappa-kiếp địa cầu). Những người tạo tội chia rẽ Tăng (phá hoại hợp Tăng), chỉ thoát khỏi địa ngục vào cuối của địa kiếp (Xem A.X.I.iv.9 ‘*Paṭhama-Ānanda-Suttam*’ (‘Kinh Ānanda Thứ Nhất’). Ba nghiệp sau không thể hoàn thành sớm hơn hay trễ hơn trong địa kiếp, bởi vì vào lúc đó không có Giáo Pháp của Đức Phật (*Buddha-Sāsana*). Hậu quả của nghiệp chấp giữ khăng khăng một tà kiến được giải thích ở ‘Cực Trọng Nghiệp Bất Thiện’, trang 350.

⁴¹² Chẳng hạn, xem những lời dạy của Đức Phật liên quan đến Vua A-xà-thê (người đã giết cha của mình), đã trích dẫn trang 351.

antariya kamma).⁴¹³ Năm loại đầu có hiệu lực như những trọng nghiệp ngay khi một người hoàn tất nghiệp với tư (*cetanā*) bất thiện. Nhưng loại thứ sáu (chấp giữ khăng khăng một tà kiến) có hiệu lực như trọng nghiệp chỉ khi một người chấp giữ tà kiến ấy cho đến lúc chết (*maraṇa-kāla*), có nghĩa là cho tới tiến trình tâm cuối cùng trước khi tử tâm sanh.⁴¹⁴

Tuy nhiên, không phải tất cả tà kiến đều đưa đến tái sanh trong địa ngục. Chẳng hạn, một người có thể chấp giữ quan niệm cho rằng bản ngã là thường hằng, và chấp rằng tùy theo cách ăn ở mà một người sẽ tái sanh trong cõi tốt hay xấu. Quan niệm cho rằng bản ngã thường hằng là một thường kiến (một loại tà kiến). Nhưng quan niệm cho rằng nghiệp bất thiện dẫn đến một sanh thú bất hạnh, và nghiệp thiện đưa đến một sanh thú an vui, là một **tác nghiệp luận** (*kiriya-vādī*: một luận thuyết tin có nghiệp): nó không phủ nhận những vận hành của nghiệp. Đây là lý do vì sao, nếu

⁴¹³ Để giải thích những gì một vị Thánh Đệ Tử không thể làm, từ này xuất hiện trong MA.III.ii.5 ‘*Bahu-Dhātuka-Suttam*’ (‘Kinh Đa Giới’), AA.I.xv.1 ‘*Atthāna-Pāḷi*’ (‘Kinh Không Thể Xây Ra’), và DhSA.iii.1035 ‘*Tika-Nikkhepa-Kaṇḍam*’ E.462: ‘Trong bộ ba tà kiến, ‘ngay lập tức’ [ở đây dịch là ‘vô gián’] có nghĩa là cho quả không bị [thời gian] can thiệp. Đây là một từ tương đương để chỉ những hành động (nghiệp) như giết cha, giết mẹ, ... Thực vậy, khi một hành động (nghiệp) như vậy được làm, thì hành động (nghiệp) khác không thể tìm được cơ hội để cho quả của nó, do bị đẩy ra. Vì ngay cả hành động của một người suốt đời dâng cúng tứ vật dụng đến Tăng (*Sangha*) có Đức Phật làm toạ chủ, với những bảo điện bằng vàng cỡ bằng Núi Tu-Di và tường vách nạm châu báu nhiều như tam thiên đại thiên thế giới, chất đầy trong ngôi chùa do chính họ xây dựng, cũng không thể ngăn được quả (sanh báo, ngay kiếp kế) của những nghiệp này.’

⁴¹⁴ Đối tượng của tâm tử là đối tượng của tâm hữu phần kiếp đó. Xem bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101.

một người hoàn thành thiện nghiệp với quan niệm như vậy, họ có thể được tái sinh nhân giới, hoặc thiên giới, hoặc Phạm thiên giới.[198]

Chỉ một loại tà kiến có thể đưa đến tái sinh địa ngục là khăng khăng chấp giữ tà kiến phủ nhận nghiệp và quả của nghiệp bằng cách này hay cách khác: hoặc là đoạn kiến hoặc là thường kiến.

BA QUAN KIẾN PHỦ NHẬN NHỮNG VẬN HÀNH CỦA NGHIỆP

Có ba loại quan niệm phủ nhận những vận hành của nghiệp và quả của nghiệp:⁴¹⁵

1. Phi tác nghiệp kiến (*akiriya-ditṭhi* còn dịch Vô Hành Kiến): quan kiến phủ nhận những vận hành của thiện nghiệp và bất thiện nghiệp.
2. Vô nhân kiến (*ahetuka-ditṭhi*): quan kiến phủ nhận nhân của quả.
3. Phi hữu kiến (*n-atthika-ditṭhi*): quan kiến phủ nhận quả của nhân.

PHI TÁC NGHIỆP KIẾN

Phi tác nghiệp kiến là quan kiến phủ nhận những vận hành của những hành động thiện và bất thiện, điều này cũng có nghĩa là phủ nhận những thiện nghiệp (*kusala kamma*) và bất thiện nghiệp (*akusala kamma*). Trong thời Đức Phật, kiến chấp này được Pūraṇa Kassapa dạy. [199] Đức Phật đã giải thích thân kiến làm phát sinh ra tà kiến này như thế

⁴¹⁵ Những quan niệm này phát sinh từ cùng một tà kiến cơ bản: đó là quan niệm phủ nhận nghiệp và quả của nghiệp. Từ **thân kiến** chúng phát sinh như thế nào đã được giải thích ở trang 24.

nào:⁴¹⁶

Này các Tỳ-kheo, khi có [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, và do chấp thủ [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, do bám chặt vào [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, quan kiến này [phi tác nghiệp kiến] khởi lên:

"Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. 'Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác.

'Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác.

'Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo. Bỏ thí, điều phục, cấm giới, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức"

Tà kiến này phủ nhận hiệu quả của những hành động thiện và bất thiện, cũng là phủ nhận hiệu quả của nghiệp

⁴¹⁶ S.III.III.1.6 'Karoto-Suttam' ('Kinh Người Hành Động')

(*kamma*): Đức Phật gọi nó là *akiriya-diṭṭhi* hay phi tác nghiệp kiến. Kế tiếp chúng ta sẽ bàn đến vô nhân kiến.

VÔ NHÂN KIẾN

Vô nhân kiến (*ahetuka-diṭṭhi*) chủ trương rằng mọi việc đều do số phận, hay do hoàn cảnh, do tự nhiên, quyết định, như vậy nó phủ nhận mọi sự kiện đều có nhân hay có duyên.⁴¹⁷ Thời Đức Phật, thuyết này do Makkhali Gosāla dạy.[199]

Ở đây cũng vậy, Đức Phật giải thích thân kiến làm nảy sanh tà kiến (vô nhân kiến) này như thế nào:⁴¹⁸

Này các Tỳ-kheo, khi có [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, và do chấp thủ [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, do bám chặt vào [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, quan kiến này [vô nhân kiến] phát sanh:

Không có nhân, không có duyên cho sự ô nhiễm của các loài hữu tình; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô.

Không có nhân, không có duyên, cho sự thanh tịnh của các loài hữu tình; không có nhân, không có duyên các loài hữu tình được thanh tịnh.[200]

Không có lực, không có tinh tấn, không có sức mạnh của con người, không có sự cố gắng của

⁴¹⁷ Ba yếu tố quyết định này tương đương với những tà kiến về: 1. thuyết định mệnh, 2. thuyết tiền định, 3. thuyết tiền định tự nhiên. Xem chi tiết trong chú giải ‘Kinh Sa-Môn Quả’ (*‘Sāmañña-Phala-Suttam’*) D.i.2

⁴¹⁸ S.III.III.1.7 ‘*Hetu-Suttam*’ (‘Kinh Nhân’)

con người. Tất cả chúng sanh, tất cả các loài có hơi thở, tất cả sinh vật, tất cả hữu tình đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị uốn nắn, chi phối bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, bởi tự nhiên. Họ hưởng thọ khổ, lạc, theo sáu loại"

Sáu loại lạc và khổ Makkhali Gosāla dạy ở đây là một hệ thống sáu loại thanh tịnh mà ông ta nói rằng cũng không có nhân có duyên gì cả.

Tà kiến này phủ nhận các sự kiện do nhân và duyên (sanh), điều này cũng được xem là phủ nhận có các nhân như nghiệp, chẳng hạn.⁴¹⁹ Đức Phật gọi nó là Vô Nhân Kiến (*ahetuka-ditṭhi*). Kế tiếp chúng ta sẽ bàn đến phi hữu kiến.

PHI HỮU KIẾN

Phi hữu kiến (*n-atthika-ditṭhi*) chủ trương rằng chỉ sắc là có sự hiện hữu thực sự, và phủ nhận mọi hành động (nghiệp) chẳng có quả nào cả. Vì lý do đó nó cũng phủ nhận rằng có tái sanh, rằng có những cõi sống khác, và phủ nhận rằng không có những bậc đạo sư như Đức Phật là bậc biết và thấy những pháp này. Thời Đức Phật, quan kiến này được Ajita Kesakambali giảng dạy.[201]

Ở đây cũng vậy, Đức Phật giải thích thân kiến đã làm phát sinh tà kiến này như thế nào:⁴²⁰

Này các Tỳ-kheo, khi có [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, và do chấp thủ [sắc...thọ...tưởng...hành], thức, do bám chặt vào

⁴¹⁹ Trong Paṭṭhāna (Duyên Hệ), Đức Phật liệt kê và giảng giải ti mi hai mươi bốn loại duyên, trong đó nghiệp duyên ở thứ mười ba.

⁴²⁰ S.III.III.i.5 ‘*N-Atthi-Dinna-Suttam*’ (‘Kinh Không Có Bồ Thí’)

[sắc...thọ...tuồng...hành], thức, quan kiến này [phi hữu kiến] phát sanh:

"Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn chánh hạnh, chánh hướng, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại.

Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về hợp lại với địa giới; thủy đại trở về hợp lại với thủy giới; hỏa đại trở về hợp lại với hỏa giới; phong đại trở về hợp lại với phong giới; các căn nhập vào hư không. Với quan tài là thứ năm người ta gánh người chết mang đi. Thân này được biết là thân cho đến nghĩa địa (là cùng)^[202], các mảnh xương được làm cho trắng và những vật cứng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí.^[203]

Khi một người chủ trương hữu luận (giáo lý về sự hiện hữu - đó là tin có bố thí, cúng dường, tin có quả của hành động tốt và xấu,...) lời nói của họ trống không, giả dối. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết."

Tà kiến này Đức Phật gọi là *phi hữu kiến* (*n-atthika-ditṭhi*). Thực chất đó là một loại đoạn kiến (*uccheda-ditṭhi*), và cũng đồng như duy vật kiến.⁴²¹ Nó còn được gọi là Hư vô Luận (*n-atthi vāda*), và là đối nghịch của hữu-luận (*atthi-*

⁴²¹ Về duy vật kiến, Đức Phật đã mô tả trong Kinh Phạm Võng của Trường Bộ ('*Brahma-Jāla-Suttam*', D.i.1) và được trích dẫn ở 'Đoạn Kiến' trang 24.

vāda), Chánh Kiến (*Sammā-ditṭhi*) căn bản. [204]

CỤC TRỌNG NGHIỆP BẤT THIÊN

Chấp giữ những tà kiến như vậy vào lúc chết được xem là cực trọng trong số sáu trọng nghiệp bất thiện, và nó đưa đến khổ đau trong địa ngục rất nhiều địa kiếp. Bao lâu tiềm lực của nghiệp đó vẫn còn vận hành, người ta sẽ không thể thoát khỏi địa ngục ấy ngay cả vào lúc thế gian huỷ hoại (kiếp hoại của quả đất).⁴²² Lúc bấy giờ, (như đã đề cập trong ‘Kinh Dây Trói Buộc’) tất cả những chúng sanh trong địa ngục sẽ được tái sanh trong cõi nhân loại hoặc cõi chư thiên, và ở đó họ tu tập thiền định để được tái sanh trong cõi Phạm Thiên. Nhưng, các chúng sanh trong địa ngục do chấp giữ những tà kiến này thì lại tái sanh vào một trong các cõi khổ nằm ở những khe hở giữa các hệ thống thế gian khác không bị huỷ diệt⁴²³. [205]

Tuy nhiên, nếu trước khi chết họ từ bỏ tà kiến đó, nó sẽ không trở thành một cực trọng nghiệp bất thiện nữa. [206] Một ví dụ của trường hợp này là Dīghanakha (Trường Trảo), cháu của Tôn-giả Xá-lợi-phất. Ông là một du sĩ ngoại đạo (*paribbājaka*), chấp giữ đoạn kiến, nhưng sau khi nói chuyện với Đức Phật, ông đã từ bỏ nó. Đây là một trong những lý do tại sao ông lại có thể trở thành bậc Thánh Nhập

⁴²² Sự tiêu hoại của thế gian đã được nói đến ở “Này các Tỳ kheo, một thời sẽ đến”, xem lại bài Kinh Dây Trói Buộc ở trên.

⁴²³ AA.I.XVI.iii ‘*Tatiya-Vaggo*’ (‘Chương Ba’) giải thích rằng khi toàn bộ thế gian này thiêu rụi, những chúng sanh đó sẽ được tái sanh trong những khe hở giữa những hệ thống thế gian (thái dương hệ) chịu đựng cái khổ tùy theo từng mức độ. Và khi một hệ thống thế gian mới được hình thành, họ sẽ tái sanh trong địa ngục trở lại

Lưu sau khi nghe bài Kinh Trường Trảo (*‘Dīghanakha Sutta’*)⁴²⁴

Tuy nhiên, việc đắc Nhập Lưu là bất khả nếu một người đã tạo tác (hoàn thành) một trong năm trọng nghiệp đầu (giết mẹ, giết cha, giết một bậc Thánh A-la-hán, với ác ý làm cho Đức Phật chảy máu, phá hoại Tăng). Những nghiệp này tạo ra một chướng ngại không thể vượt qua đối với việc đắc các loại thiền và bất kỳ chứng đắc siêu thế nào.

Một ví dụ về trường hợp này là đức Vua A-xà-thế, câu chuyện của ông chúng ta đã đề cập ở trước.⁴²⁵ Cha ông là đức Vua Tần-bà-sa-la, một bậc Thánh Nhập-lưu, và đại hộ pháp của Đức Phật và chư Tăng. Để chiếm đoạt vương quyền, vua A-xà-thế đã giết chết cha của mình. Một quả báo hiện tại là hằng đêm ông không thể nào ngủ được. Rồi một đêm kia, ông đến gặp Đức Phật, và Đức Phật đã thuyết cho ông nghe một bài pháp lớn, đó là ‘Kinh Sa-Môn Quả’ (*‘Sāmañña-Phala Sutta’*).⁴²⁶ Mặc dù đức Vua có đủ những điều kiện thoả đáng (Ba-la-mật) để đắc Nhập Lưu giống như cha của mình, nhưng do ông đã giết cha, nên (việc chứng đắc) đã bị cản trở, và ông vẫn là một kẻ phàm phu (puthujjana). Đức Phật đã giải thích sự việc này cho các vị Tỳ kheo như sau:

Này các Tỳ-kheo, đã búng gấc, là vị vua ấy⁴²⁷, này các Tỳ-kheo, đã phá huỷ, là vị vua ấy. Nếu vua ấy không

⁴²⁴ M.II.iii.4 *‘Dīgha-Nakha-Suttam’*

⁴²⁵ Xem ‘Vua A-xà-thế’, trang 290.

⁴²⁶ D.i.2 *‘Sāmañña-Phala-Suttam’* (‘Kinh Sa-môn Quả’)

⁴²⁷ Phụ chú giải giải thích rằng ‘búng gấc’ có nghĩa là Vua A-xà-thế đã búng mất các thiện căn (*kusala-mūlāna*) ông đã đạt được trong quá khứ, những thiện căn ấy lẽ ra đã đem lại những kết quả của chúng trong kiếp hiện tại này: xem ‘Hạ liệt/Cao thượng; Các Căn/ Quả’ trang 121.

hại mạng vua cha (một con người chánh trực, một vị vua rất chân chánh), thì tại ngay chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được Pháp nhĩn, không trần cấu, không ô uế.

Do thiện nghiệp lắng nghe những lời dạy của Đức Phật một cách trân trọng, vua vẫn có được lợi ích rất lớn, đó là có được đức tin tối thượng nơi Đức Phật, Giáo Pháp và Chúng Tăng mà một phàm nhân có thể đạt được. Đức tin ấy mãnh liệt đến nỗi về sau vua có thể ngủ ngon giấc, chứ không còn mất ngủ như trước. Và Đức Phật thấy được rằng thời gian án đĩnh trong địa ngục của vua đã giảm từ nhiều trăm ngàn năm xuống chỉ còn sáu mươi ngàn năm.⁴²⁸

TRỌNG NGHIỆP THIỆN

Như đã đề cập trước đây, trọng nghiệp không chỉ có bất thiện mà cũng còn có những trọng nghiệp thiện nữa. Trọng nghiệp thiện bao gồm tám thiện chứng được duy trì cho đến lúc chết. Tám thiện chứng ở đây là tám loại đĩnh (*samādhī*):⁴²⁹

- từ đĩnh chứng thứ nhất tới đĩnh chứng thứ tư thuộc tứ thiên sắc giới (*rūp-āvacara-jhāna*)
- từ đĩnh chứng thứ năm đến đĩnh chứng thứ tám thuộc tứ thiên vô sắc giới (*arūpa-āvacara-jhāna*)

Chúng được gọi là những đại hành nghiệp (*mahaggata-kamma*). Tuy nhiên để trở thành trọng nghiệp thiện, chúng cần phải được duy trì cho đến lúc chết, nghĩa là

⁴²⁸ Để biết thêm chi tiết về điều này, xem chú giải và phụ chú giải bài ‘Kinh Sa-môn Quả’.

⁴²⁹ VsM.xix.686 ‘*Kaṅkhā-Vitarāṇa-Visuddhi-Niddeso*’ (Mô Tả về Đoạn Nghi Thanh Tịnh’) PP.xix.15. Về các bậc thiên (*jhānas*), xem ‘Thiền Định’, trang 161.

tiên trình tâm cận tử phải nhận thức đối tượng thiên.⁴³⁰

Quả của những trọng nghiệp thiên này là tái sanh trong Phạm Thiên giới: hoặc như một vị Phạm Thiên trong cõi sắc giới (*rūpa-loka*) hoặc như một chúng sanh vô sắc (không có thân, chỉ có tâm) trong cõi vô sắc giới (*arūpa-loka*). Tất nhiên quả đó chỉ có thể xảy ra như quả của sanh báo nghiệp (tức cho quả liền ngay kiếp kế), chứ không bao giờ như quả của hậu báo nghiệp.

Một người sẽ tái sanh cõi Phạm Thiên nào tùy thuộc vào bậc thiên mà họ nhấn mạnh.⁴³¹ Ở đây, có lẽ chúng tôi cũng cần giải thích thêm cho quý vị hiểu ý nghĩa của điều này.

Một người có thể đắc cả tám thiên chứng, nhưng thường thì họ chỉ thích một bậc thiên nào đó trong tám thiên chứng ấy. Đặc biệt, người này sẽ thường thực hành bậc thiên đó. Và với ước muốn được tái sanh trong cõi phạm thiên đặc biệt ấy, người này có thể tu tập thuần thực bậc thiên của mình để được tái sanh về đó. Sự thuần thực của định là những gì Đức Phật gọi là ‘như ý túc’ hay ‘thần túc’ (*iddhi-pāda*).

BỐNNHƯÝTÚC

Đức Phật giải thích như ý túc là một phương tiện để (đạt đến) sức mạnh của định ở đây trong các hành thuộc tinh tấn có một hành được xem là nổi bật.⁴³² Và ngài đưa ra bốn

⁴³⁰ Cũng xem bảng ‘5a: Chết và Tái Sanh’ trang 101 và ‘5d: ‘Tiên Trình Chứng Thiên’, trang 359.

⁴³¹ Đức Phật có giải thích các cõi phạm thiên tái sanh, theo bậc thiên họ đã tu tập, chẳng hạn như trong ‘*Paṭhama-Nānā-Karaṇa-Suttam*’

⁴³² Bốn loại tinh tấn. Xem trích dẫn ở ghi chú cuối chương 26, trang 46.

phương tiện để đạt đến sức mạnh như vậy:[207]

1. Phương tiện để đạt đến sức mạnh của định có tinh tấn hành nhờ dục hay ước muốn (*chanda-samādhī-ppadhāna-saṅkhāra-samannāgata iddhi-pāda* [HT. Minh Châu dịch: như ý túc, câu hữu với dục định tinh cần hành]).
2. Phương tiện để đạt đến sức mạnh của định có tinh tấn hành nhờ tinh tấn (*vīnaya-samādhī-ppadhāna-saṅkhāra-samannāgata iddhi-pāda* [HT. Minh Châu dịch: như ý túc, câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành]).
3. Phương tiện để đạt đến sức mạnh của định có tinh tấn hành nhờ tâm (*citta-samādhī-ppadhāna-saṅkhāra-samannāgata iddhi-pāda* [HT. Minh Châu dịch: như ý túc, câu hữu với tâm định tinh cần hành]).
4. Phương tiện để đạt đến sức mạnh của định có tinh tấn hành nhờ tầm hay tư duy (*vīmaṃsa-samādhī-ppadhāna-saṅkhāra-samannāgata iddhi-pāda* [HT. Minh Châu dịch: như ý túc, câu hữu với tư duy định tinh cần hành]).

Một người đắc tám bậc thiền, và không phải là đệ tử của Phật, vẫn có thể tu tập các như ý túc này nhưng không cùng mức độ như đệ tử của một vị Phật. Tại sao? Bởi vì chỉ đệ tử của một vị Phật mới đi sâu vào danh và sắc chân đế, và chỉ đệ tử của một vị Phật mới thực hành minh sát (*vipassanā bhāvanā*) với danh sắc chân đế ấy làm đối tượng. Sự thực hành (minh sát) ấy không có ngoài giáo pháp của Đức

Phật.⁴³³ Trừ phi pháp hành thiên chi của một người được hỗ trợ bởi các minh sát trí mạnh mẽ và đầy năng lực như vậy, bằng không như ý tức mà họ tu tập có thể sẽ bị yếu đi, và năng lực thân thông của họ cũng sẽ yếu theo. Vì lý do đó, họ sẽ không thể tinh chuyên trong một bậc thiên và có được sự tái sinh theo ước muốn của họ trong một cảnh giới nào đó.

Những người ngoài Giáo Pháp của Đức Phật đắc tám thiên chứng thường nghĩ rằng họ chỉ có thể được tái sinh vào cảnh giới thiên cao nhất của họ: và nếu thiên của họ tạo ra thức tái sinh, họ sẽ tái sinh tùy theo (thức) đó.

ĀLĀRA KĀLĀMA VÀ UDDAKA RĀMAPUTTA

Chẳng hạn, khi Đức Phật của chúng ta vẫn còn là một vị Bồ-tát, ngài đã học bảy bậc thiên với một vị thầy tên là Ālāra Kālāma. Sau đó ngài học thiên thứ tám (*phi tưởng phi phi tưởng xứ*) với vị thầy khác tên là Uddaka Rāmaputta. [208]. Nhận ra rằng những chứng đắc này không đưa đến sự đoạn tận khổ, đức Bồ-tát của chúng ta bỏ đi vào rừng và hành khổ hạnh. Sau khi hành khổ hạnh trong sáu năm không kết quả, ngài cũng từ bỏ nó, ăn uống trở lại, và rồi ngồi dưới gốc cây Bồ Đề bên bờ sông Ni-liên-thiên (Nerañjarā), và đạt đến giác ngộ.

Vì lòng biết ơn, và cũng vì thấy họ có đủ trí tuệ để đắc Đạo Quả, Đức Phật quyết định đi dạy cho hai vị thầy ngày trước Pháp mà ngài đã chứng ngộ, nhưng ngài khám phá ra rằng cả hai đều đã qua đời. Ālāra Kālāma đã tái sinh

⁴³³ Để có một ví dụ về việc thực hành này, xem pháp hành của đạo sĩ Nanda dưới thời Đức Phật Padumuttara, Tập II.

về cõi thiên vô sắc thứ bảy, vô sở hữu xứ thiên (*ākīṇcaññ-āyatana*), và Uddaka Rāmaputta đã tái sinh về cõi thiên vô sắc thứ tám, phi tướng phi phi tướng xứ (*neva-saññā-nā-saññ-āyatana*).

Như vậy, mặc dù Đức Phật biết họ có thể hiểu được Pháp, ngài cũng không thể dạy Pháp đó cho họ. Vì sao? Vì trong cõi vô sắc không có sắc, và các chúng sanh ở đó chỉ có bốn danh uẩn: thọ, tưởng, hành và thức. Họ không có sắc uẩn, điều này cũng hàm ý rằng họ không có mắt và tai: Āḷāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta không thể thấy Đức Phật và không thể nghe Pháp.⁴³⁴

ĐẠO SĨ KĀLADEVILA

Điều này cũng đã xảy ra với đạo sĩ Kāḷadevila:⁴³⁵ ông chính là người đã xem tướng Thái Tử Sĩ-đạt-đa lúc mới sanh, và tiên đoán rằng Ngài sẽ thành Phật.

Kāḷadevila tinh thông cả tám bậc thiên, và các thần thông hiệp thế (đắc bát thiên ngũ thông). Chẳng hạn, ông thường trải qua cả ngày trên cõi trời Đạo Lợi (*Tāvātimsa*), vì

⁴³⁴ Trong Vbh.XVIII.ii.3 ‘*Arūpa-Dhātu*’ (Vô Sắc Giới), Đức Phật giải thích rằng trong cõi vô sắc không có sự thấy và nghe: ‘**Ở đây, Thế nào là hai xứ trong vô sắc giới? Ý xứ, pháp xứ [tất cả các đối tượng chỉ do ý nhận thức]**’. Chính vì vậy chú giải cho bài Kinh ‘*Ariya-Pariyesanā-Suttam*’ (‘Kinh Thánh Cầu’) M.I.iii.6 giải thích rằng Āḷāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta đã không có tai để nghe Pháp do Đức Phật dạy và cũng không có chân để đi đến gặp Đức Phật.

⁴³⁵ BvA.xxvii ‘*Gotama-Buddha-Vamsa-Vañṇanā*’ (‘Mô Tả về Dòng Đồi Đức Phật Gotama’)

ở đó thoải mái hơn cõi nhân loại. Và chính ở đó ông được nghe (chư thiên nói về) một vị Phật đã được sinh ra.

Khi ông nói cho đức Vua Tịnh Phạn và Hoàng-hậu Ma-da (cha mẹ của đức bồ-tát) biết rằng con trai của họ sẽ thành Phật, ông đã bật khóc. Ông khóc bởi vì ông đã quá già, và biết mình sẽ chết trước khi đức bồ-tát thành Phật. Tuy nhiên, nếu như ông biết về những phương tiện tu tập tâm chắc hẳn ông không cần phải khóc như vậy. Chắc chắn ông có thể được tái sinh về cõi sắc giới, nơi đây các chúng sanh có đủ mắt và tai.⁴³⁶Từ cõi sắc giới ông có thể thấy Đức Phật và nghe giáo Pháp của Đức Phật. Song, giống như Uddaka Rāmaputta, ông đã tái sinh lên cõi trời vô sắc cao nhất, đó là phi tướng phi phi tướng xứ thiên, vì ông đã không biết về sự tu tập tâm.

PHẠM THIÊN SAHAMPATI

Đối với Phạm Thiên Sahampati lại khác: là đệ tử của Đức Phật, ngài biết tứ như ý túc.[209] Dưới thời Đức Phật Kassapa, là Tỳ-kheo Sahaka, ngài đã đã đắc Bất Lai Thánh Quả với tám thiền chứng, sau đó chuyên hành sơ thiền sắc giới.⁴³⁷Vì vậy vào lúc thân hoại mạng chung ngài được tái sinh vào cõi Đại Phạm Thiên trong Sắc Giới (*Mahā-Brahmā-bhūmi*), cõi cao nhất của sơ thiên. Điều đó có nghĩa

⁴³⁶ Xem trích dẫn, ghi chú 438 trang 358.

⁴³⁷ Ngài đã giải thích điều này cho Đức Phật trong ‘Kinh Phạm Thiên Sahampati’ của Tương Ưng V (‘*Sahampati-Brahma-Suttaṃ*’). Chi tiết được rút từ chú giải bài kinh ‘*Brahmā-Yācana-Suttaṃ*’ S.I.VI.i.1

là ngài có mắt để thấy Đức Phật và có tai để nghe Pháp của Đức Phật.⁴³⁸

TÔN GIẢ ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Tuy nhiên, nếu một người không duy trì bậc thiền của mình cho đến lúc chết, thời (thiền) đó không phải là trọng nghiệp thiện. Tôn giả Đề-bà-đạt-đa là một ví dụ trong trường hợp này. Ông là anh bà con của Đức Phật, đã học và đắc được tám thiền chứng và ngũ thông từ nơi ngài.⁴³⁹ Nhưng khi ông khởi lên ước muốn lãnh đạo Tăng Chúng thay thế Đức Phật, ông mất hết các thiền chứng. Vì thế, vào lúc chết, không thiền nào trở thành trọng nghiệp thiện của ông. Thay vào đó, trọng nghiệp bất thiện chia rẽ Tăng có hiệu lực, và ông bị tái sanh vào Đại Địa Ngục A-tỳ.

Đến đây kết thúc phần giải thích của chúng tôi về trọng nghiệp bất thiện và trọng nghiệp thiện: chúng có hiệu lực trước tất cả các nghiệp khác.

⁴³⁸ Trong Vbh.XVIII.ii.2 ‘*Rūpa-Dhātu*’ (‘Sắc Giới’) BA.XVIII.ii.994, Đức Phật giải thích rằng trong cõi Phạm Thiên Sắc Giới có sự thấy và nghe: ‘*Ở đây, thế nào là sáu xứ trong sắc giới? Nhân xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, ý xứ, pháp xứ.*’

⁴³⁹ Tôn giả Đề-bà-đạt-đa cũng đã hoàn thành trọng nghiệp bất thiện ‘vội ác ý làm Đức Phật chảy máu’, xem lại phần ‘Tôn giả Đề-bà-đạt-đa’, trang 305.

Bảng 5d: Tiến Trình Chứng Thiền (*Jhāna-Samāpatti-Vīthi*)

Bát Thức Trình Chứng Thiền (<i>Bhava-Samāpatti-Vīthi</i>)		(Thiền Tiến Trình)				
Sức-Ma Đức Cần-Mẫn	→	→	→	→	→	(Sức Thiền Tiến) Sammā, Dhammā, Sikkhā
Bồ Trí Jānāna	Bát Chánh Giác: Từ của Kấp Trước					Bồ Trí Sambodhi
Đạo Cần	Hữu Phần Sambhava ↑↓	ĐP Trung Động Sambhava-Cobala ↑↓	ĐP Cận Động Sambhava-Cobala ↑↓	HF Cận Động Sambhava-Cobala ↑↓	HF Cận Động Sambhava-Cobala ↑↓	* Tiến trình chứng thiền có thể xảy ra bất kỳ với nào trong tám giờ lễ Ngũ giờ, các giờ ra vào, giờ nghỉ. Tất cả những chi tiết này đều có thể thấy được ở đầu của Việt-Lưu-Đồ Thiền-Ách (S. Kasiyā-V.1 của Việt-Sa-Thiền Đạo) (P. 10, 11-13).
Đạo Quả Sát-Giã-Vô-Sắc-Giải Dhammā-Samāpatti-Jānāna						
Sức-Ma Đức Cần-Mẫn	→	→	→	→	→	(Sức Thiền Tiến) Sammā, Dhammā, Sikkhā
Bồ Trí Jānāna	Đạo Trung Thiền Dhammā-Samāpatti					Bồ Trí Sambodhi
Đạo Cần	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Hữu Phần Sambhava ↑↓
Đạo Quả Sát-Giã-Vô-Sắc-Giải Dhammā-Samāpatti-Jānāna						
Sức-Ma Đức Cần-Mẫn	→	→	→	→	→	(Sức Thiền Tiến) Sammā, Dhammā, Sikkhā
Bồ Trí Jānāna	Đạo Cận Thiền Dhammā-Samāpatti					Bồ Trí Sambodhi
Đạo Cần	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Hữu Phần Sambhava ↑↓
Đạo Quả Sát-Giã-Vô-Sắc-Giải Dhammā-Samāpatti-Jānāna						
Sức-Ma Đức Cần-Mẫn	→	→	→	→	→	(Sức Thiền Tiến) Sammā, Dhammā, Sikkhā
Bồ Trí Jānāna	Đạo Cận Thiền Dhammā-Samāpatti					Bồ Trí Sambodhi
Đạo Cần	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Đạo Sambhava ↑↓	Hữu Phần Sambhava ↑↓
Đạo Quả Sát-Giã-Vô-Sắc-Giải Dhammā-Samāpatti-Jānāna						

Những ghi chú cho bảng 5d ‘Tiến trình Chứng Thiền’

- Đối tượng của thiền chứng sắc giới luôn luôn là một khái niệm (*paññatti*), chẳng hạn, tợ tướng (*paṭibhāganimitta*) của niệm hơi thở (*ānāpāna-ssati*), hay tợ tướng của một trong các *kaṣiṇa*.⁴⁴⁰ Với một số đối tượng, nếu hành trên đó chỉ có thể đắc đến sơ thiền, với các đối tượng khác, hành cùng một đối tượng, người ta vẫn có thể đắc đến tứ thiền.

Bốn thiền vô sắc đều là đệ tứ thiền (hoặc đệ ngũ thiền, nếu tính theo thiền năm bậc), và dựa vào việc chứng đệ tứ thiền đi trước, lấy một đối tượng là *kaṣiṇa*. Mỗi thiền chứng vô sắc tiếp theo sẽ lấy một đối tượng khác, dựa vào thiền trước đó.⁴⁴¹

- Thiền vô sắc thứ nhất là khoảng không vô biên còn lại sau khi loại bỏ đối tượng *kaṣiṇa* vô biên, vốn là khái niệm hư không (*ākāsa-paññatti*). Đức Phật gọi thiền này là không vô biên xứ (*ākāśanañc-āyatana*).
- Thiền vô sắc thứ hai là thức của thiền vô sắc thứ nhất, có hư không vô biên kể như đối tượng, và là một đại hành tâm (*mahaggata-citta*): nó là một tâm đại hành (*mahaggata-citta*), một pháp chân đế (*paramattha dhamma*). Đức Phật gọi thiền này là thức vô biên xứ (*viññāṇañc-āyatana*).
- Thiền vô sắc thứ ba là sự vắng mặt của thức có hư không vô biên là đối tượng (và tự thân nó là đối tượng của thức vô biên xứ): nó là khái niệm về sự

⁴⁴⁰ Xem ‘Phụ Lục 1: Bốn Mươi Đề Mục Thiền, cuối Tập I và II.

⁴⁴¹ VsM.x.289-290 ‘*Āruppa-Niddeso*’ (‘Giải Thích về Vô Sắc’) PP.x.58-59&AbS.v.71 ‘*Ālambaṇa-Saṅgaho*’ (‘Tóm Tắt’) CMA.iii.18

phi hữu (*n-atthi-bhava-paññatti*). Đức Phật gọi thiền này là vô sở hữu xứ (*ākiñcaññ-āyatana*).

- Thiền vô sắc thứ tư: tâm của thiền vô sắc thứ ba, vốn lấy sự phi hữu làm đối tượng, và là một pháp chân đế. Đức Phật gọi thiền này là phi tướng phi phi tướng xứ (*neva-saññā-người-āsaññ-āyatana*).
- Một tâm kéo dài một sát-na tâm (*citta-kkhaṇa*), với ba giai đoạn: sanh (*uppāda*) ↑, trụ (*ṭhiti*) |, diệt (*bhaṅga*) ↓.
- Trước và sau một tiến trình tâm thường có một số tâm hữu phần khởi lên.⁴⁴²
- Sự nhận thức diễn ra theo một trật tự cố định, hợp với quy luật tự nhiên của tâm (*citta-niyāma*). Như vậy, trật tự của tiến trình chứng thiền sắc giới là:
 - Một ý môn hướng tâm: tâm này nhận thức đối tượng thiền (*jhāna*).
 - Ba tốc hành tâm chuẩn bị nhận thức cùng một đối tượng:

[1] Chuẩn bị tâm [ii] cận hành tâm [3] thuận thứ

tâm

Các yếu tố tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm của chúng mạnh hơn các tâm dục giới bình thường. Như vậy, gọi là chuẩn bị tâm vì chúng dọn (chuẩn bị) đường cho sự an chỉ; cận hành tâm vì nó nằm trong cận thiền (*jhāna*); và thuận thứ tâm vì chúng thuận theo tâm đi trước, và sự Chuyển Tộc tiếp theo sau. (nơi một người mà các căn nhạy bén, chuẩn bị tâm không khởi lên mà chỉ có ba tốc hành chuẩn bị.)

- Trí Chuyển Tộc: nó là tốc hành tâm thứ tư,

⁴⁴² Chi tiết về tâm hữu phần, xem ghi chú 262, trang 209 và bảng 5a: Chết và Tái Sanh' trang 101.

đánh dấu sự chuyển tiếp từ tâm thuộc tiêu tộc (*paritta-gotta*) của dục giới tâm sang đại hành tộc (*mah-aggata-gotta*), của sắc giới thiên tâm hay vô sắc giới thiên tâm.

- Vô số các tốc hành tâm an chỉ (đó là các hành [*sāṅkhāra*] đang nhận thức cùng một đối tượng; sự nhận thức trước sẽ củng cố cho sự nhận thức kế tiếp.⁴⁴³ con số của các tốc hành an chỉ tùy thuộc vào sự chứng thiên kéo dài trong bao lâu, và sự chứng thiên này lại tùy thuộc vào việc thực hành và thiện xảo của người hành thiên: nó có thể chỉ kéo dài vài sát-na, có khi nó kéo dài một giờ, hoặc nó cũng có thể kéo dài vài ngày, tùy theo. Đối với người hành thiên đã tu tập năm pháp thuận thực về thiên sẽ quyết định trước được thiên chứng của mình kéo dài trong bao lâu. Nhưng với người mới chứng thiên lần đầu, chỉ một sát-na tâm thiên khởi lên mà thôi.
- Trong một tiến trình ngũ môn, và tiến trình ý môn thuộc dục giới, các tốc hành tâm hoàn toàn giống nhau, nhưng trong một tiến trình chứng thiên (thuộc sắc giới hay vô sắc giới) các tốc hành tâm lại khác nhau. Bốn tốc hành tâm đầu là những tốc hành tâm hoàn toàn thuộc dục giới, trong khi chỉ có tốc hành thứ năm là tâm thiên thực sự mà thôi. Tất nhiên, nó không chỉ là một mà nhiều ngàn triệu, và chúng hoàn toàn giống

⁴⁴³ Về các danh pháp của tiến trình an chỉ, xem ‘Danh Pháp của Tiến Trình Ý Môn’, trang 300. Và về tâm chứng thiên, xem bảng ‘3c: Danh Pháp của Đại Hành Tâm’, trang 166.

nhau. Nếu một người nhập thiền trong một thời gian lâu (vài giờ cho đến một tuần), con số tốc hành tâm thứ năm là không thể tính kể.

- Người hành thiền nhập vào thiền chứng hợp với cách tâm đã như thị truyền lệnh (*yathābhinihāravasena*), tức người hành thiền quyết định bậc thiền nào sẽ đạt đến.
- Thiền nghiệp của một thiền chứng trở thành một trọng nghiệp thiền khi nó được duy trì cho đến tiến trình tâm cận tử.
- Khi một người nhập vào Thiền Quả⁴⁴⁴ siêu thế, trật tự cũng diễn ra theo cùng cách thức như vậy.

1d: **Tâm Quả** (*Vipāka-Citta*) **Sắc Giới** (*Rūp-Āvacara*) và **Vô Sắc Giới** (*Arūp-Āvacara*)

MÔN	BẬC THIỀN (<i>JHĀNA</i>)	NHIỆM VỤ	ĐỐI TƯỢNG
tâm-	Sơ thiền sắc giới	tái sanh hữu phần tử	(khái niệm)
	Nhị thiền sắc giới		(khái niệm)
	Tam thiền sắc giới		(khái niệm)
	Tứ thiền sắc giới		(khái niệm)
	Ngũ thiền sắc giới		nghiệp (khái niệm)
	Thiền vô sắc thứ nhất		tướng (khái niệm)
	Thiền vô sắc thứ hai		(pháp chân đế)
	Thiền vô sắc thứ ba		(khái niệm)
	Thiền vô sắc thứ tư		(pháp chân đế)

⁴⁴⁴ Xem bảng ‘5e: Tiến Trình Tâm Đạo’, cuối Tập II.

GHI CHÚ: Mặc dù các loại tâm quả này là kết quả của thiện nghiệp, song trong *Pāḷi* chúng vẫn không bao giờ được gọi là những quả thiện (*kusala-vipāka*), vì lẽ từ này chỉ để nói đến những quả thiện vô nhân: xem bảng, trang 127.

NHIỆM VỤ: chín loại tâm này có thể làm nhiệm vụ như tâm hữu phần của một đời người: tâm đầu tiên là tâm tục sanh (*paṭisandhi-citta*) và tâm cuối cùng là tâm tử (*cuti-citta*). Những loại tâm này cũng được gọi là những tâm ngoài tiến trình (*vīthi-mutta-citta*).

ĐỐI TƯỢNG: xem những ghi chú ở bảng 5d ‘Tiến Trình Chứng Thiện’. Về Nghiệp, Nghiệp Tướng hay Thú Tướng, và các tâm ngoài tiến trình, xem những ghi chú ở bảng 5a ‘Chết và Tái Sanh’ trang 101.

THƯỜNG NGHIỆP

Kế tiếp trong thứ tự của quả là thường nghiệp (*āciṇṇa-kamma*), đó là những nghiệp thiện hoặc nghiệp bất thiện được làm thành thói quen, hay được làm thường xuyên, và liên tục. Thường nghiệp chín mùi trước những nghiệp không thường (*abahuka-kamma*).⁴⁴⁵ Và nếu có nhiều thường nghiệp thì nghiệp thiện hay bất thiện nào quen làm nhất sẽ chín mùi trước.

THƯỜNG NGHIỆP BẤT THIỆN

Nói về những ví dụ của thường nghiệp chúng ta có

⁴⁴⁵ Cũng gọi là ‘Dĩ Tác Nghiệp hay Tích Luỹ Nghiệp’ (*katattā kamma*).

thể nhắc tới Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên (*Mahāmoggallāna*) ở đây. Tôn giả được xem là thần thông đệ nhất trong số những đệ tử Phật. Một lần, ngài sống chung với Tôn-giả Lakkhaṇa trên Núi Kên Kên (*Gijjha-Kūṭa Pabbata*).⁴⁴⁶ Và một hôm,[210] khi họ đang trên đường xuống núi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười. Tôn giả Lakkhaṇa hỏi lý do vì sao, và ngài nói với vị ấy là hãy hỏi điều này trước mặt Đức Thế Tôn. Vì thế, trước mặt Đức Phật, Tôn giả Lakkhaṇa đã hỏi ngài lại câu hỏi này. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giải thích rằng khi ấy ngài thấy một bộ xương đang di chuyển ngang qua hư không. Những con kên-kên, quạ, và điều hâu đuổi theo tấn công bộ xương ấy, xé nó ra thành từng mảnh, và nó phát ra những tiếng kêu gào thống thiết. Ngài mỉm cười vì ngài nghĩ rằng một chúng sanh như vậy hiện hữu thật là một điều đáng kinh ngạc! Lúc đó Đức Phật xoay qua các vị Tỳ kheo và giải thích:

Này các Tỳ kheo, quả thực với thiên nhân đã được các đệ tử khéo tu tập; với [thăng] trí đã được các đệ tử an trú tu tập, nhờ đó vị đệ tử có thể nói về những sự việc như vậy, nhờ đó vị đệ tử có thể biết được, thấy được và chứng thực được những sự việc như vậy.

Trong quá khứ cảnh tượng của chúng sanh đó ta đã thấy,⁴⁴⁷ mặc dù ta không nói về nó. Nếu ta

⁴⁴⁶ Vin.Pār1.4 ‘*Cattutthā-Pārājikam*’ (‘Tội Bất Cộng Trụ Thứ Tư’), và S.II.VIII.i.1 ‘*Atthi-Suttam*’ (‘Kinh Bộ Xương’). Chú giải giải thích rằng Tôn-giả Lakkhaṇa là một trong số một ngàn vị đạo sĩ bện tóc thờ lửa (của ba anh em Kassapa trước đây) đã đắc A-la-hán Thánh Quả với bài giảng về ‘Kinh “Lửa”’ của Đức Phật.

⁴⁴⁷ Chú giải giải thích rằng Đức Phật đã thấy cảnh tượng này trong đêm thành đạo: khi ngài phát triển được thiên nhãn (*dibba cakkhu*), điều này cũng được đề cập ở ghi chú cuối chương 158, trang 546.

nói về cảnh ấy, những người khác (không thấy) sẽ không tin ta. Nếu họ không tin ta, thời đó sẽ là sự tổn hại và khổ đau lâu dài cho họ.

Này các Tỳ kheo, chúng sanh đó từng là một người đồ tể ngay trong Kinh thành Rājagaha này. Ông ta đã chịu khổ đau vì quả của nghiệp đó trong nhiều năm, trong nhiều trăm năm, trong nhiều ngàn năm, trong nhiều trăm ngàn năm ở địa ngục, do sức mạnh của nghiệp ấy, sự hiện hữu của một cá nhân như vậy đã có và đang được trải nghiệm.

Ở đây, cách sinh nhai của người đồ tể là giết bò. Đó là thói quen và cũng là thường nghiệp của ông ta. Do nghiệp đó, ông đã chịu khổ trong địa ngục một thời gian dài. Nhưng khi ông chết từ địa ngục, tiến trình tâm cận tử của ông lại bắt lấy một đồng xương bò làm đối tượng. Vì thế, do cùng nghiệp ấy (*kamma-sabhāgatāya*), hay do cùng đối tượng ấy (*ārammaṇa-sabhāgatāya*), ông đã bị tái sanh làm ngạ quỷ dưới dạng một bộ xương. Trong kiếp kế, ông vẫn chịu sự hành hạ như vậy vì thường nghiệp của ông ta như một người đồ tể.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng tường trình việc đã thấy nhiều chúng sanh như thế trước đây, và Đức Phật xác nhận chính bản thân ngài cũng đã thấy như vậy. Trong mỗi trường hợp, những chúng sanh ấy chịu khổ đều do một thường nghiệp bất thiện mà họ đã làm trong quá khứ:

- ❖ Một người đồ tể chịu khổ trong địa ngục nhiều ngàn năm.⁴⁴⁸Sau đó ông tái sanh làm ngạ quỷ dưới hình thức một miếng thịt kêu la trong đau đớn khi bị những con kên kên, quạ và điều hâu

⁴⁴⁸ S.II.VIII.i.2 ‘*Pesi-Suttam*’ (‘Miếng Thịt’)

- cẩn xé.
- ❖ Một người phụ nữ phạm tội tà dâm chịu khổ trong địa ngục nhiều trăm ngàn năm.⁴⁴⁹ Người phụ nữ ấy đã tái sinh làm nga quý dưới hình thức một người đàn bà bị lột da kêu la đau đớn khi bị những con kên kên, quạ, và điều hâu cắn xé.
 - ❖ Một ác Tỳ kheo, trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, thọ nhận tứ vật dụng từ thí chủ có lòng tin⁴⁵⁰, nhưng không biết chế ngự thân là lời nói, và đã hành tà mạng, hưởng lạc cho đến thoả thích: ông đã bị khổ trong địa ngục nhiều trăm ngàn năm. Sau đó ông tái sinh làm nga quý dưới hình thức một vị Tỳ kheo kêu la đau đớn vì y áo, bình bát, dây lưng, và thân của vị ấy đang cháy đỏ.

THƯỜNG NGHIỆP THIÊN

Một ví dụ điển hình là trường hợp của gia chủ Dhammika.[211] Ông thường cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng như một thói quen suốt cả cuộc đời mình. Vào lúc chết, gati nimitta (thú tướng) của thường nghiệp thiện đó xuất hiện như những vị chư thiên của sáu cõi trời trên sáu cỗ xe ngồi sáng đi đến để rước ông.⁴⁵¹ Sau khi đã phát nguyện, ông chọn đi về cõi trời Đâu-Suất (*Tusita*).⁴⁵²

⁴⁴⁹ S.II.VIII.ii.3 ‘*Ni-Cchav-Itthi-Suttam*’ (‘Người Phụ Nữ Bị Lột Da’)

⁴⁵⁰ S.II.VIII.ii.7 ‘*Pāpa-Bhikkhu-Suttam*’ (‘Kinh Ác Tỳ Kheo’)

⁴⁵¹ Thú tướng: xem bảng ‘5a: ‘Chết và Tái Sanh’) trang 101.

⁴⁵² Chú giải nói rằng sở dĩ ông chọn cõi trời Đâu-Suất, bởi vì đó là cõi dành cho các vị Bồ-tát kiếp chót, trước khi các vị đi xuống cõi nhân loại để trở thành một Bạc Chánh Đăng Giác.

CẬN TỬ NGHIỆP

Kế tiếp trong thứ tự ưu tiên cho quả là cận tử nghiệp (*āsanna-kamma*): một nghiệp bất thường nào đó được nhớ tới một cách rất sống động vào lúc chết. Tất nhiên một nghiệp bất thường tự nó không đủ mạnh để vượt qua một thường nghiệp. Nhưng nếu vào lúc chết, một người hồi nhớ nghiệp ấy một cách sinh động, hành động hồi nhớ sinh động ấy có thể cho nó đủ sức mạnh để chiến thắng thường nghiệp. Lúc đó nghiệp bất thường này sẽ tạo ra quả của nó, và người ta phải tái sinh theo nghiệp đó.

CẬN TỬ NGHIỆP BẤT THIÊN

HOÀNG HẬU MALLIKĀ

Một ví dụ điển hình của tiến trình này là Hoàng Hậu Mallikā, chánh cung hoàng hậu của Vua Kosala. Bà là một Phật tử thuần thành, và hàng ngày bà thường đặt bát cho năm trăm vị Tỷ kheo ngay tại hoàng cung: đó là một thường nghiệp thiện của bà. Thế nhưng vào lúc chết, bà không thể kiểm soát được tâm của mình, và đã nhớ đến một bất thiện nghiệp bất thường mà bà đã làm một cách rất sinh động. Vì lý do đó, bà bị tái sinh vào địa ngục. Tuy nhiên, nghiệp bất thường ấy không phải là nghiệp cực xấu, có nghĩa là nó rất yếu, và sau bảy ngày nó bị đánh bại bởi thường nghiệp của bà: bà thoát khỏi địa ngục và tái sinh lên thiên giới.

Như vậy chúng ta có thể hiểu rằng day đi day lại những nghiệp bất thiện của mình vào lúc chết rất là nguy hiểm. Đó là lý do vì sao, đối với những người có đức tin nơi Đức Phật, người ta thường có thói quen nhắc nhở người sắp chết nhớ lại những thiện nghiệp của mình, hay thúc giục

người này khởi lên những niệmlành vào những khoảnh khắc cuối cùng của đời mình. Thậm chí đối với một người nhân cách không tốt (người đã tạo tác những thường nghiệp bất thiện) ngay trước khi chết cũng nên khuyên họ cố gắng nhớ lại một thiện nghiệp nào đó, hay cố gắng giúp họ tạo một thiện nghiệp gì đó, để họ có thể được tái sinh theo nghiệp này (thay vì nhớ tới nghiệp xấu).

CẬN TỬ NGHIỆP THIÊN

ĐAO PHỦ TAMBADĀTHIKA

Ví dụ điển hình trong trường hợp này là Tambadāthika, người đao phủ (chuyên hành hình tội nhân) của đức vua.⁴⁵³ Trong năm mươi lăm năm, ông đã làm công việc chặt đầu các tội nhân, nhưng đến khi về già ông không còn có thể chặt đầu phạm nhân với một nhát dao được nữa, vì thế nhà vua cho ông về hưu. Vào cái ngày ông về hưu ấy, ông đã đặt bát cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất một ít cháo sữa với bơ tươi. Sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất hướng dẫn tuần tự pháp (*anupubbi-kathā*) cho ông theo bốn giai đoạn:

- Hướng dẫn về bố thí (*dāna-kathā*).
- Hướng dẫn về giữ giới (*Sīla-kathā*).
- Hướng dẫn về các cõi trời (*sagga kathā*): đó là quả của bố thí và giữ giới.
- Hướng dẫn về sự nguy hiểm, sự đòi bại, và ô nhiễm của các dục lạc (*kamānaṃ ādīnavāṃ okāraṃ saṃkilesaṃ*), và sự lợi ích của việc xuất ly (*nekkhamme-ānisaṃsaṃ pakāsesi*).

⁴⁵³ DhPA.viii.1 ‘*Tambadāthika-Cora-Ghātaka-Vatthu*’ (‘Chuyện Tambadāthik, Người Đao Phủ’).

Rồi, khi Tôn giả Xá-lợi-phất thấy rằng tâm của Tambadāṭhika đã lắng yên, sẵn sàng, và đầy đủ đức tin, ngài bèn hướng dẫn ông Giáo Pháp cao siêu nhất của chư Phật (*Buddhānaṃ sāmukamsikā Dhamma-desanā*):

1. Khổ.....(*dukkha*)
2. Tập.....(*samudaya*)
3. Diệt.....(*nirodha*)
4. Đạo.....(*magga*)

Tambadāṭhika lắng nghe pháp với như lý tác ý (*yoniso manasikāra*). Và do đã thực hành đủ minh và hạnh trong quá khứ,⁴⁵⁴ ngay tại chỗ đó ông đắc Hành Xả Trí (*Saṅkhā-Upekkhā-Nāṇa*),⁴⁵⁵ rất gần với Nhập lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga*). Sau đó ông cùng đi với Tôn giả Xá-lợi-phất một đoạn đường, và quay trở về nhà. Nhưng trên đường về nhà, một dạ-xoa dưới lốt con bò đã húc ông chết.⁴⁵⁶ Vào lúc chết, ông nhớ lại hai thiện nghiệp vừa làm với sự sống động lớn, đó là cúng dường cháo sữa đến Tôn giả Xá-lợi-phất và nghe Pháp. Việc hồi nhớ này trở thành cận tử nghiệp của ông, và ông được tái sanh lên cung trời Đâu-suất.

TÂM LÚC CHẾT

⁴⁵⁴ Xem ‘Minh và Hạnh’, trang 277.

⁴⁵⁵ rất gần với Nhập lưu Thánh Đạo Trí (*Sot-Āpatti-Magga*): Đức Phật giai thích rằng ông đã đạt đến Trí Thuận Thứ (*Anuloma-Nāṇa*). Trí này bắt cùng đối tượng như Hành Xả Trí (về Trí Thuận Thứ, xem bảng ‘5c: Tiến Trình Đạo’, cuối Tập II).

⁴⁵⁶ Sở dĩ dạ xoa này giết ông là vì nghiệp bất thiện quá khứ ông đã tạo. Xem ‘Gái Điếm Báo Thù’, trang 617/Tập II.

Ở đây, xin quý vị đừng hiểu lầm ví dụ này. Làm ơn đừng nghĩ rằng một người có thể tạo tác thật nhiều bất thiện nghiệp suốt kiếp sống, và rồi chỉ cần nhớ lại một thiện nghiệp nào đó vào lúc chết là có được một sự tái sinh an vui. Tambadāṭhika đăc Hành Xả Trí (*Saṅkhār-Upekkhā-Nāna*) nhờ nghe Pháp: điều này đòi hỏi phải có ba-la-mật (*pāramī*) mạnh mẽ mới được. Có thể nói một trường hợp như vậy là hoàn toàn ngoại lệ, vì Đức Phật đã nói rõ rằng chỉ một con số rất nhỏ của hàng phàm phu (*puthujana*) là được tái sinh lại làm người sau khi chết.⁴⁵⁷

Quý vị nên nhớ rằng vào lúc chết, kiểm soát được tâm mình là một điều rất khó. Chẳng hạn, nếu một người bị chết trong một thảm họa như động đất, hay sóng thần, hoặc nếu một người bị chết trong một cuộc chiến tranh hay trong một tai nạn, hoặc nếu họ bị người nào đó tấn công, lúc đó sợ hãi chắc chắn sẽ phát sanh. Khi có sự sợ hãi như vậy, họ sẽ rất khó mà kiểm soát được tâm mình: sợ hãi thuộc căn sâu, và nếu một người chết với tâm sâu, họ sẽ bị tái sinh hoặc trong cảnh giới ngạ quỷ, hoặc trong cảnh giới địa ngục hay súc sanh. Cũng vậy, nếu một người chết do một chứng bệnh khủng khiếp nào đó với nhiều đau đớn, thật khó cho họ để kiểm soát tâm. Và nếu họ bị các bác sĩ cho những liều thuốc nặng, họ sẽ kiểm soát tâm mình như thế nào? Ngay cả nếu một người chết dưới những hoàn cảnh hết sức bình an đi nữa cũng khó có thể kiểm soát được tâm của mình, bởi vì tâm thay đổi rất nhanh. Và nếu một người chưa bao giờ thực hành sự chế ngự các căn, hoặc nếu họ không hành thiền đúng, hoặc nếu họ luôn luôn để tâm nghĩ tưởng đến các dục lạc, thì họ sẽ kiểm soát tâm mình như thế nào?

⁴⁵⁷ Xem trích dẫn, ghi chú cuối chương 15, trang 42.

Có thể lấy trường hợp một người thường hay suy nghĩ đến vẻ đẹp của con cái mình, vẻ đẹp của chồng hay vợ mình, vẻ đẹp của vườn hoa hay căn nhà của mình, vẻ đẹp của bông hoa, và những thứ khác đại loại như vậy, làm ví dụ: sự suy nghĩ đó là điên đảo tưởng (*saññā-vipallāsa*),⁴⁵⁸ dựa trên phi như lý tác ý (*ayoniso manasikāra*). Nếu một người có thói quen tìm kiếm những đối tượng như vậy với phi như lý tác ý thì vào giờ phút cuối cùng của cuộc đời, bất ngờ họ sẽ rất khó mà suy xét đến chúng với như lý tác ý được. Một người có thể chưa từng bao giờ quán niệm về sự chết, vào lúc sắp chết họ sẽ lo lắng về việc chết và cảm thấy sâu khổ: sâu khổ này bắt nguồn từ căn sân và si. Cũng có thể một người chưa bao giờ thực hành pháp tri túc và kham nhẫn, họ thường xuyên cảm thấy bất mãn và nôn nóng, khó chịu. Vào lúc cuối cùng của cuộc đời họ cũng sẽ cảm thấy bất mãn, khó chịu như vậy: bất mãn, khó chịu đó cũng bắt nguồn từ căn sân và si. Cũng có người khi chết còn nuôi dưỡng lòng hận thù với một ai đó, hay một người có thể chết với tâm hối hận đã làm một điều xấu nào đó: sự hối hận ấy cũng có gốc từ căn sân và si. Một người có thể cảm thấy bị đảo lộn về những gì xảy ra sau khi chết: trạng thái đó có gốc ở si. Nếu một người chết với tâm (tham và si, sân và si hay một mình si)⁴⁵⁹ như vậy, họ không thể nào tránh khỏi bị tái sanh vào khổ cảnh⁴⁶⁰.

⁴⁵⁸ Xem ‘Bốn Điên Đảo’, Tập II.

⁴⁵⁹ Điều này chỉ nói đến tâm si hợp với hoài nghi (*vicikicchā*) chứ không nói đến tâm si phóng dật (*uddhacca*). Về hai loại tâm căn si, xem bảng ‘2c: Danh Pháp của Tâm Căn Si’, trang 97.

⁴⁶⁰ Trong S.IV.I.xviii.8 ‘*Āditta-Pariyāya-Suttam*’, Đức Phật giải thích rằng thà lấy cây sắt nóng, chày đồ huỷ hoại nhân căn còn hơn là nắm giữ tướng chung, tướng riêng (nét đẹp của một cảnh sắc), vì nếu một người chết trong khi đang thọ hưởng một tướng như vậy, họ có thể sẽ bị tái sanh trong cảnh giới địa ngục

Đó là lý do vì sao Đức Phật và các vị đệ tử của ngài thường dạy về những vận hành của nghiệp và khuyến khích mọi người thực hành ba phước nghiệp sự (bố thí, trì giới, tham thiền): để giúp họ tránh bị tái sanh trong bốn ác đạo.⁴⁶¹ Nhưng nếu phước nghiệp sự của một người hạ liệt, hoặc bị hành sai do dựa trên tà kiến, thì nó sẽ không giúp ích được gì nhiều.

TÍCH LUỸ NGHIỆP

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến loại nghiệp chín mùi sau cùng: tích luỹ nghiệp (*katattā-kamma*, Hán dịch Dĩ Tác Nghiệp). Nó chỉ đơn giản là nghiệp đã được tạo tác hay đã được hoàn thành và có thể là bất cứ nghiệp nào trong hai mươi nghiệp đạo mà chúng ta đã bàn ở trước. Ở đây chúng tôi chỉ tóm tắt lại⁴⁶²:

hoặc súc sanh. Đối với năm căn còn lại (nhĩ, tỷ...ý căn) Đức Phật cũng nói như vậy.

⁴⁶¹ Về bài kinh tham chiếu, xem ghi chú cuối chương 124, trang 533.

⁴⁶² Chi tiết về mười bất thiện/thiện nghiệp đạo, xem “Các Nghiệp Đạo”, trang 234.

Mười bất thiện nghiệp đạo (dasa akusala-kamma-patha)

BA THÂN NGHIỆP ĐẠO BẤT THIỆN	BỐN KHẨU NGHIỆP ĐẠO BẤT THIỆN	BA Ý NGHIỆP ĐẠO BẤT THIỆN
<ol style="list-style-type: none"> 1. Sát sanh 2. trộm cắp 3. tà dâm 	<ol style="list-style-type: none"> 1. nói dối 2. nói hai lưỡi 3. nói lời thô ác 4. nói chuyện phù phiếm 	<ol style="list-style-type: none"> 1. ý tham 2. ý sân 3. chấp giữ tà kiến (phủ nhận những vận hành của nghiệp, tái sanh, các cõi sống khác.

Mười thiện nghiệp đạo (dasa kusala kamma-patha)

BA THÂN NGHIỆP ĐẠO THIỆN	BỐN KHẨU NGHIỆP ĐẠO THIỆN	BA Ý NGHIỆP ĐẠO THIỆN
<ol style="list-style-type: none"> 1. không sát sanh (có lòng từ đối với các chúng sanh) 2. không trộm cắp 3. không tà dâm 	<ol style="list-style-type: none"> 1. không nói dối (chỉ nói sự thực) 2. không nói hai lưỡi 3. không nói lời thô ác (nói một cách hoà nhã và lễ độ) 4. không nói chuyện phù phiếm (chỉ nói những điều đáng nghe, những điều có giá trị) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. không tham 2. không sân 3. giữ Chánh Kiến (xác nhận những vận hành của nghiệp, tái sanh, các cõi sống khác,...)

Một bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp như vậy có thể đã được làm trong kiếp này, hay trong kiếp trước, hay trong một kiếp quá khứ vô định nào đó. Nó tạo ra tái sanh, khi ba loại nghiệp đầu hoặc không có hoặc không sanh khởi (do không đủ điều kiện để sanh). Nghiệp bất thiện đã hoàn thành (tích lũy nghiệp bất thiện) tạo ra tái sanh trong cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ hay trong địa ngục, và tích lũy nghiệp thiện hay nghiệp thiện đã hoàn thành tạo ra tái sanh trong cõi nhân loại hay cõi chư thiên.

Như vậy đã kết luận phần giải thích của chúng tôi về thứ tự ưu tiên cho quả của nghiệp: trọng nghiệp thứ nhất, kế đến thường nghiệp, kế đến cận tử nghiệp, và cuối cùng là tích lũy nghiệp.

Hết Tập Một.

PHỤ LỤC 1: BỐN MƯƠI ĐỀ MỤC THIỀN

Bốn mươi đề mục thiền này được Đức Phật dạy,⁴⁶³ đề tu tập thiền định, với một số tham khảo kinh điển.⁴⁶⁴

Kasina + Bất Tĩnh + Tuỳ Niệm + Phạm Trú + Vô Sắc + Tương + xác Định = TC														
10	+	10	+	10	+	4	+	4	+	1	+	1	=	40

Mười Kasinas

D.ii.2 ‘Mahā-Nidāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Duyên’)

M.II.iii.7 ‘Mahā-Sakuludāyi-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Sakuludāyi’)

Mười Bất Tĩnh

D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

Mười Tuỳ Niệm

Tuỳ Niệm Phật, Pháp, Tăng

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

S.I.XI.i.3 ‘Dhajagga Suttaṃ’ (‘Kinh Đầu Lá Cờ’)

Tuỳ Niệm Giới

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttaṃ’ (‘Kinh Các Lễ Uposatha’)

⁴⁶³ VsM.iii.47 ‘Kamma-Thāna-Ggahaṇa-Niddeso’ (‘Giải Thích về Việc Nhận Một Đề Mục Thiền’) PP.iii.104-105.

⁴⁶⁴ những tham khảo kinh điển được nêu ra chỉ như những ví dụ: vì còn nhiều bài kinh nữa đề cập đến những đề mục thiền này.

Tuỳ Niệm Bồ Thí

A.VI.i.10 ‘Mahānāma-Suttaṃ’ (‘Kinh Ma-ha-nam’)

Tuỳ Niệm Thiên

A.III.II.ii.10 ‘Uposatha-Suttaṃ’ (‘Kinh Các Lễ Uposatha’)

A.VI.i.10 ‘Mahānāma-Suttaṃ’ (‘Kinh Ma-ha-nam’)

Tuỳ Niệm Sự Chết

A.VI.ii.9 ‘Paṭhama-Maraṇa-Ssati-Suttaṃ’ (Kinh Tuỳ Niệm Chết Thứ Nhất)

A.VI.ii.10 ‘Dutiya-Maraṇa-Ssati-Suttaṃ’ (Kinh Tuỳ Niệm Chết Thứ Hai)

Thân Hành Niệm⁴⁶⁵

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

Niệm Hơi Thở

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

Niệm Sự Bình Yên⁴⁶⁶

M.II.ii.4 ‘Mahā-Mālukyāputta-Suttaṃ’ (‘Đại Kinh Mālukyāputta’)

A.X.I.i.6 ‘Samādhi-Suttaṃ’ (‘Kinh Định’)

⁴⁶⁵ Trong phần liệt kê của Thanh Tịnh Đạo, ***thân hành niệm*** đặc biệt đề cập đến thiền trên ba mươi hai thân phần (quán ba mươi hai thể trực). Tuy nhiên, từ ***thân hành niệm*** được Đức Phật dùng theo nhiều cách. Chẳng hạn trong M.III.ii.9 ‘***Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ***’ (‘Thân Hành Niệm’), Đức Phật giải thích nó chính xác như mười bốn đề tài quán thân (bao gồm cả thiền trên ba mươi hai thân phần) mà ngài đã giải thích trong D.ii.9 ‘Mahā-Sati-Paṭṭhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niệm Xứ’), cũng như bốn thiền sắc giới: ở mỗi đoạn giải thích, ngài nói: ‘Đây cũng là cách vị Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.’

⁴⁶⁶ Đây là pháp tuỳ niệm những ân đức của Niết-Bàn.

Bốn Phạm Trú

Từ

M.I.iii.1 ‘Kakac-Ūpama-Suttaṃ’ (‘Kinh Ví Dụ Cái Cưa’)

A.IV.II.ii.7 ‘Ahi-Rāja-Suttaṃ’ (‘Kinh Xà Vương’)

Từ, Bi, Hỷ, Xả

D.i.13 ‘Te-Vijja-Suttaṃ’ (‘Kinh Tam Minh’)

M.II.iv.3 ‘Maghadeva-Suttaṃ’ (‘Kinh Maghadeva’)

A.III.II.ii.5 ‘Kesamutti-Suttaṃ’ (‘Kinh Kesamutti’)⁴⁶⁷

Bốn Thiền Vô Sắc

Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

D.ii.2 ‘Mahā-Nidāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Duyên’)

M.I.iii.6 ‘Ariya-Pariyesanā-Suttaṃ’ (‘Kinh Thánh Cầu’)⁴⁶⁸

M.III.i.6 ‘Āneñjasappāya-Suttaṃ’ (‘Kinh Bất Động Lợi ích’)

A.IX.I.iv.5 ‘Jhāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Jhāna <Thiền>’)

Một Tướng

Vật Thực (Bất Tịnh)

S.V.II.viii.3 ‘Āhāre-Paṭikūla-Suttaṃ’ (‘Kinh Vật Thực Bất Tịnh’)

A.X.II.i.6 ‘Paṭhama-Saññā-Suttaṃ’ (‘Kinh Tưởng Thứ Nhất’)

A.X.II.i.7 ‘Dutiya-Saññā-Suttaṃ’ (‘Kinh Tưởng Thứ Hai’)

Một Xác Định

Tứ Đại

D.ii.3 ‘Mahā-Parinibbāna-Suttaṃ’ (‘Kinh Đại Niết-Bàn’)

M.III.ii.9 ‘Kāya-Gatā-Sati-Suttaṃ’ (‘Thân Hành Niệm’)

⁴⁶⁷ Cũng được biết đến như ‘Kinh Kālāma’.

⁴⁶⁸ Cũng gọi ‘Pāsa-Rāsi-Suttaṃ’ (‘Kinh Đa Bẫy’)

PHỤ LỤC 2: DÒNG DỐI CHU'PHẬT

Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trước, đạo sĩ Sumedha đã quyết định trở thành một vị Phật. Ngài thực hiện quyết định này trước mặt Đức Phật Dīpaṅkara (Đức Phật Nhiên Đăng). Đức Phật Dīpaṅkara thọ ký rằng cuối cùng ngài sẽ thành Phật hiệu là Gotama. Từ đó cho đến khi đắc thành Phật Quả, đức Bồ Tát đã phát triển các Ba-la-mật của mình. Việc phát triển các ba-la-mật này gồm luôn cả sự tu tập dưới hai mươi bốn vị Phật khác nhau: đôi khi (ngài) như một đạo sĩ, đôi khi như một Tỳ kheo, hay một bà-la-môn, một vị Vua, một gia chủ, một con thú ưu thắng, một chư thiên, hay một dạ-xoa (yakkha).

Hai mươi bốn vị Phật được giải thích trong Bộ Phật Tông (Buddha-Vamsa-Pāḷi). Bộ này giải thích tỉ mỉ sự thọ sanh, tuổi thọ, địa vị, tên cha mẹ, tên vợ con, thọ mạng của họ, cách xuất gia, thời gian thực hiện nỗ lực để thành Phật, việc dạy 'Kinh Chuyển Pháp Luân' ('Dhamma-Cakka-Ppavattana-Suttam'),⁴⁶⁹ và tên của các vị Đại Đệ Tử và cư sĩ ưu tú của các ngài. Mỗi bản mô tả cũng giải thích nơi các vị nhập Vô Dư Niết Bàn, và xá lợi của các vị được phân phối như thế nào.

Trong Bộ Phật Tông cũng có lời thọ ký của Đức Phật về vị Phật kế tiếp, đó là Đức Phật Di-Lạc (Metteya).⁴⁷⁰

⁴⁶⁹ Bản Kinh này của Đức Phật Gotama được thấy trong S.V.XII.ii.1.

⁴⁷⁰ Đức Phật Gotama cũng đề cập sự xuất hiện của Đức Phật Metteya (Di-Lạc) trong D.iii.3 'Cakka-Vatti-Siha-Nāda-Suttam' ('Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống')

[24] Đức Phật Dīpaṅkara	[11] Đức Phật Atthadasī
[23] Đức Phật Koṇḍañña	[10] Đức Phật Dhammadassī
[22] Đức Phật Maṅgala	[9] Đức Phật Siddhattha
[21] Đức Phật Sumana	[8] Đức Phật Tissa
[20] Đức Phật Revata	[7] Đức Phật Phussa
[19] Đức Phật Sobhita	[6] Đức Phật Vipassī
[18] Đức Phật Anomadassī	[5] Đức Phật Sikhī
[17] Đức Phật Paduma	[4] Đức Phật Vessabhū
[16] Đức Phật Nārada	[3] Đức Phật Kalusandha
[15] Đức Phật Padumuttara	[2] Đức Phật Koṇāgamana
[14] Đức Phật Sumedha	[1] Đức Phật Kassapa
[13] Đức Phật Sujāta	Đức Phật Gotama
[12] Đức Phật Piyadassī	Đức Phật Metteya

Sáu vị Phật trước Đức Phật Gotama cũng đã được chính Đức Phật của chúng ta giải thích trong ‘Mah-āpadāna-Suttam’ (‘Kinh Đại Phật Tông’). Chẳng hạn⁴⁷¹, ngài giải thích:

<i>Danh Hiệu</i>	<i>Sự Xuất Hiện</i>	<i>Địa Vị</i>	<i>Tuổi Thọ Con Người</i>
[6] Vipassī	91 đại kiếp trước	Vua Chúa	80.000 năm
[7] Sikhī	31 đại kiếp trước	Vua Chúa	70.000 năm
[4] Vessabhū	31 đại kiếp trước	Vua Chúa	60.000 năm
[3] Kakusandha	Kiếp hiện tại	Bà-la-môn	40.000 năm
[2] Koṇāgamana		Bà-la-môn	30.000 năm
[1] Kassapa		Bà-la-môn	20.000 năm
Đức Phật Gotama		Vua Chúa	100 năm

⁴⁷¹ (D.ii.1) Đức Phật biết điều này bằng chính trí của ngài, và cũng nhờ các bậc Thánh Bất Lai trong các cõi tịnh cư thiên mô mà họ đã đắc Đạo Quả trong giáo pháp của Đức Phật quá khứ cho ngài như thế nào.

Chữ Viết Tắt Các Nguồn Tham Khảo

A.	Āṅguttara-Nikāya (Tăng Chi Kinh)
AA.	Āṅguttara-Nikāya-Aṭṭhakathā ⁴⁷² (Chú Giải Tăng Chi Kinh)
AbS.	Abhidhammattha-Saṅgaho (Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa)
Ap.	Apadāna-Pāḷi (Thanh Văn Sử)
ApA.	Apadāna-Aṭṭhakathā (Chú Giải Thanh Văn Sử)
AṬ.	Āṅguttara-Nikāya Tikā (Phụ Chú Giải Tăng Chi Kinh)
CMA.	A Comprehensive Manual of Abhidhamma ⁴⁷³
D.	Dīgha-Nikāya (Trường Bộ Kinh)
DA.	Dīgha-Nikāya-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trường Bộ Kinh)
DD.	Dispeller of Delusion ⁴⁷⁴
DhP.	Dhamma-Pada (Pháp Cú)
DhPA.	Dhamma-Pada-Aṭṭhakathā (Chú Giải Pháp Cú)
DhS.	Dhamma-Saṅgaṇī (Bộ Pháp Tụ)
DhSA.	Dhamma-Saṅgaṇī-Aṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Pháp

⁴⁷² Những tựa sách Pali cho các bản chú giải là: AA= Manoratha-Pūraṇi; DA = Su-Maṅgala-Vilāsinī; DhSA = Aṭṭha-Sālinī; MA = Papañca-Sūdanī; SA = Sārattha-Ppakaasinī; VbhA = Sa-Mmoha-Vinodanī.

⁴⁷³ CMA: Bản dịch Anh ngữ của tác phẩm Abhidhammattha-Saṅgaha (Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa) do Bhik. Bodhi, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, hiệu đính và chú thích.

⁴⁷⁴ DD: Bản dịch Anh ngữ của Bộ Vibhaṅga-Āṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Phân Tích), do Bhik Ñāṇamoli, Pāḷi Text Society, Oxford, England.

	Tụ)
DhST.	Dhamma-Saṅgaṇī-Mūla-Tikā (Phụ Chú Giải Góc Bộ Pháp Tụ)
E.	The Expositor ⁴⁷⁵
Iti.	Iti-Vuttaka-Pāḷi (Như Thị Thuyết)
J.	Jātaka-Pāḷi (Chuyện Tiền Thân)
JA.	Jātaka-Aṭṭhakathā (Chú Giải Chuyện Tiền Thân)
KhP.	Khuddaka-Pāṭha-Pāḷi (Tiểu Bộ Kinh)
KhPA.	Khuddaka-Pāṭha-Aṭṭhakathā (Chú Giải Tiểu Bộ Kinh)
M.	Majjhima-Nikāya (Trung Bộ Kinh)
MA.	Majjhima-Nikāya-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trung Bộ Kinh)
MiP.	Milinda-Pañha-Pāḷi (Kinh Milinda Vấn Đạo)
MR	The Minor Readings ⁴⁷⁶
MṬ.	Majjhima-Nikāya-Ṭika (Phụ Chú Giải Trung Bộ Kinh).
P.	Paṭṭhāna-Pāḷi (Duyên Hệ)
PaD.	Param-Attha-Dīpanī ⁴⁷⁷ (Chân Đế Tường Giải)
PD.	Path of Discrimination ⁴⁷⁸
PED.	The Pāḷi Text Society's Pāḷi-English Dictionary ⁴⁷⁹

⁴⁷⁵ Exp: Bản dịch Anh ngữ của Dhamma-Saṅgaṇī-Aṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Pháp Tụ), do Professor Pe Maung Tin M.A., Pāḷi Text Society, Oxford, England, soạn dịch.

⁴⁷⁶ Bản dịch Anh ngữ của Khuddaka-Pāṭha-Aṭṭhakathā (Chú Giải Tiểu Bộ Kinh), do Bhik. Pāḷi Text Society, Oxford, England, dịch.

⁴⁷⁷ PaD: ‘Tường Giải’ bởi Đại Trưởng Lão Ledi Sayadaw (1846-1923).

⁴⁷⁸ PD: Bản Dịch Anh Ngữ của Bộ Pāṭisambhidā-Magga (Vô Ngại Giải Đạo), do Bhik. Pāḷi Text Society, Oxford, England, dịch.

PP.	Path of Purification ⁴⁸⁰
PsM	Pāṭisambhidā-Magga (Vô Ngại Giải Đạo)
S.	Saṃyutta-Nikāya (Trương Ứng Kinh)
SA.	Saṃyutta-Nikāya-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trương Ứng Kinh).
SuN.	Sutta-Nipāta (Kinh Tập)
TG.	Thera-Gāthā-Pāḷi (Trưởng Lão Tăng Kệ)
TGA	Thera-Gāthā-Aṭṭhakathā (Chú Giải Trưởng Lão Tăng Kệ)
TiG	Therī-Gāthā-Pāḷi (Trưởng Lão Ni Kệ)
U.	Udāna (Cảm Hứng Ngữ)
Vbh.	Vibhaṅga (Bộ Phân Tích)
VbhA.	Vibhaṅga -Aṭṭhakathā (Chú Giải Bộ Phân Tích)
VbhṬ	Vibhaṅga-Ṭika ⁴⁸¹ (Phụ Chú Giải Bộ Phân Tích)
Vin.Cv.	Vinaya Cūḷa-Vagga (Luật Tạng: Tiểu Phẩm)
Vin.Mv.	Vinaya Mahā-Vagga (Luật Tạng: Đại Phẩm)
Vin.Pāc.	Vinaya Pācittiya-Pāḷi (Luật Tạng: Ứng Đối Trị)
Vin.Pāṛ.	Vinaya Pārājika-Pāḷi (Luật Tạng: Bất Cộng Trụ)
VsM.	Visuddhi-Magga (Thanh Tịnh Đạo)
VsMṬ.	Visuddhi-Magga-Ṭikā (Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo)

⁴⁷⁹ PED: do T.W. Rhys Davids, F.B.A., D.Sc., Ph.D., LL.D.D.Litt., và William Stede Ph.D., Pāḷi Text Society, Oxford, England.

⁴⁸⁰ PP: Bản dịch Anh ngữ của bộ Visuddhi Magga (Thanh Tịnh Đạo) do Bhik. Pāḷi Text Society, Oxford, England, dịch, bản tiếng Việt do Sư Cô Thích Nữ Trí Hải dịch.

⁴⁸¹ Tựa Pāḷi cho các bộ phụ chú giải là: VbhTi = Mūla-Tikā; VsMṬ = Param-Attha-Mañjūsā.

Pa Auk Tawya Sayadaw
Tỳ-kheo Pháp Thông dịch



Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Công Oánh

Biên Tập:

Sửa bản in: Tâm Nguyên Hạnh & Cường Phú Đăng

Bìa: Sumanā (Kim Lan)

Đối tác liên kết: Trương Vĩ Hùng-43R/16 Hồ Văn Huê
P.9 Quận Phú Nhuận TP Hồ Chí Minh.

Tel: 0903900768

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT: 04.37822845-04.37822842—Fax: (04) 37822841

In.... cuốn,.....